N° 158 Janvier 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT TRƯỜNG ĐẠI-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

Tôi mới đọc lại trong tập « Ấn-độ tập-trở » (*Feuilles de l'Inde*), quyển thứ nhất, đề là «Linh-hồn của Ấn-độ», trong có bài thông-cáo hùng-hồn của thi-hào RABINDRANATH TAGORE tặng cho Đông-phương và Tây-phương, đề là « Một trường Đại-học Đông-phương »

Non sông cách-trở, mà tình-ý một lòng, thật là một sự đáng cảm-động thay.

Trong bài đó nhà thi-học Ấn-độ không chú-ý định cái chương-trình trường Đại-học ông muốn lập, lại muốn giải rõ cái tinh-thần, cái tôn-chỉ của cuộc kiến-thiết đó thế nào.

Ông nói: « Ấn-độ đã qua thời-kỳ khôi-phục. Nay muốn đem phần mình cống-hiến cho thế-giới tương-lai. »

Ông lập ra ở Ấn-độ cái cơ-sở một trường Đại-học, chính là để giúp cho Đông-phương nhận-chân cái linh-hồn của mình, cùng đem phần cống-hiến của mình cho công khai-hóa trong nhân-loại. Ông gọi trường Đại-học ấy vừa là trường Đại-học Đông-phương, lại vừa là trường Đại-học quốc-tế. Mới nghe ra thì hơi như có ý mâu-thuẫn, mà thực là vừa kiêm cả hai tính-cách đó: có tính-cách quốc-tế, là vì mở rộng cho cả học-sinh các nước, dung-nạp cả các ánh sáng phương ngoài, và muốn truyền-bá tôn-chỉ của mình ra khắp mọi nơi; lại có tính-cách Đông-phương nữa, là muốn giữ lấy đặc-sắc cho tư-tưởng nước mình.

Ông cho sự học các thứ tiếng quốc-ngữ là quan-hệ vô-cùng. Đây tôi không bình-luận, chỉ trích-lục mấy lời ông nói rất đáng chú-ý như sau này:

« Một dân-tộc mà phải lấy một thứ tiếng ngoại-quốc làm cái khí-cụ văn-hóa cho mình thời kết-quả đến nghèo-nàn khốn-nạn là dường nào. Tiếng nói không phải như cái áo khoác ngoài hay cái ô cầm tay, vô-ý hay lầm thật mà mượn của người ta được: tiếng nói là da thịt của mình vậy.

« Ta chẳng xem những nhà mĩ-thuật tân-thời của Nhật-bản họ bắt-chước mĩ-thuật Âu-Tây đó dư? Bắt-chước cũng có khi có kết-quả hay, nhưng đẹp đến đâu cũng chỉ đẹp bằng cái hoa giả, không bao giờ thành quả được. »

Vấn-đề ngữ-ngôn chẳng qua chỉ là một trạng-thái của một vấn-đề lớn-lao hơn, là vấn-đề quốc-gia giáo-dục.

TAGORE nói: « Nhiều người quyết rằng văn-hóa Âu-tây là cái nguồn sáng độc-nhất vô-nhị cho thần-trí ta. Nói thế có khác gì nói rằng vầng dông của ta là thuộc một ngôi sao nào nó làm mặt trời cho một cái hành-tinh ở phương xa nào

(1) Dịch bài pháp-văn đăng trong báo *France-Indochine*, của ông NER, giáo-sư trường Trung-học *Albert Sarraut*. — Xem nguyên-văn ở phần Phụ-trương.

vậy. Cái mặt trời lạ ấy nó có thể cho ta một tia sáng được, nó không thể cho ta cả ánh sáng ban ngày; nó có thể làm hướng-đạo cho ta trong một cuộc thám-hiểm, nhưng không thể mở rộng mắt cho ta trông thấy cõi chân-lý. Cái hàn-quang của vị sao xa đó, ta không thể dùng để làm cho nhựa cây lưu-thông trong cành lá, làm cho cuộc sinh-hoạt của ta có sắc hồng-hào, và khiến cho ta nẩy-nở phát-đạt ra được. Bởi thế nên cách giáo dục tây ở Ấn-độ đã thành một vấn-đề học-khóa, chứ không phải là một vấn-đề văn-hóa nữa, — ví như một bao diêm thường, chỉ dùng để thắp sáng trong một chốc lát mà thôi, chứ không phải là cái ánh sáng rạng đông, dung-hòa cả cái cảnh đẹp, sự lợi-ích, cùng mọi mối mầu-nhiệm của cuộc đời, thành một cảnh phong-quang tuyệt-đối vậy.»

Phàm sự tiến-bộ chân-chính, phàm sự khôi-phục chấn hưng, phải tựa vào kỷ-vãng mới được. Tiền-quân tiến lên hăng-hái, phải có hậu-quân cung-cấp lương-thực.

Tagore nói: «Những thời-kỳ trí-thức mở-mang là những thời-kỳ người ta chợt phát-minh được cái mầm tư-tưởng ở trong kho trữ-bị đời trước. Kẻ nào bất-hạnh mà mất cái kho kỷ-vãng, thì của hiện-tại cũng đến mất nốt. Không có hạt mà gieo thì phải đi ăn xin mà sống. Nay đã đến lúc ta phải mở cái kho của ông cha ta để cung dùng cho sự sinh-hoạt của ta.»

Văn-hóa Tây-phương ví như một ngôi sao xa, lại ví như một hộp diêm thường, nghĩa là không đủ làm cái nguồn khí nóng sinh-hoạt cho Đông-phương được. Đông-phương có muốn tấn-tới, có muốn chiếm lấy địa-vị về tương-lai thì không nên tựa vào một cái tư-tưởng của nước ngoài, phải nên tựa vào cổ-điển của đời trước vậy. Lời tỉ-dụ vừa văn-vẻ, vừa thiết-thực thật, nhưng tựu-trung có phải hình như ngụ một cái chủ-nghĩa quốc-gia hẹp-hòi không? Ý Tagore có phải là muốn đặt một cái tường cao để chắn cho văn-hóa Tây-phương với văn-hóa Đông-phương không thể gặp nhau được không?

Tuy-nhiên, ông lại nói rằng: «Không phải rằng phàm văn-hóa nào không phải là văn-hóa nước nhà là tôi không tin-phục đâu. Tôi vẫn tin rằng muốn cho thần-trí ta được hoạt-bát thì phải đem nó ra mà chọi với những sức mạnh của ngoài.»

Một bên thì muốn phục-hồi về mình, một bên thì muốn thâu-thái của người, một bên thì muốn trở về kỷ-vãng, một bên thì muốn tiến lên tương lai, lời văn bóng-bẩy mà tư-tưởng đối nhau như thế, nghĩa là gì? Có lẽ muốn định một cái chương-trình chăng? Mấy giờ học văn-hóa Đông phương, mấy giờ học văn-hóa Tây-phương, châm-chước điều-hòa cho khéo, thế là có thể lấy số-mục mà chứng rằng hai cái văn-hóa trái nhau cũng có thể dung-hợp với nhau được chăng? Pha-lộn như thế rồi kết-quả tạo-thành ra những giống tạp-chủng, bán Đông bán Tây, mà không giữ được cái bản-lĩnh bên nào cả, chỉ đến cằn-cọc đi, không nẩy-nở ra được, thế cũng chẳng hề gì chăng? Dù thực-sự có đến thế, mà số-mục đã hiển-nhiên, thì cũng chẳng hề gì chăng?

Nhưng Tagore không phải là một người ngồi trong buồng giấy mà giải-quyết những vấn-đề đó, ở giữa cái không-khí khô-khan đâu. Ông là người muốn đem cả tâm-hồn mà vượt ra ngoài hiện-tượng, thấu cho tới chân-tướng.

Ông muốn mượn của Tây-phương không phải là mượn một khoa-học này hay một khoa-học khác đâu, muốn

mượn là mượn ngay cái tinh-thần, cái tôn-chỉ của khoa-học Tây-phương vậy.

Ông nói rằng: « Khoa-học đời nay là cái quà của Âu-châu cho nhân-loại sau này. Ta là người Ấn-độ, ta phải cầu cho được cái quà ấy, ta phải chìa tay mà nhận lấy và cám ơn người cho ta, để khỏi phải khó-nhọc đi tìm kiếm mà không được. Nếu chậm-chạp thì không được hưởng cái công thu-hoạch của đời này... Ta không nên cưỡng với văn-hóa Tây-phương, ta phải nên thực-lực mà thu-nhận lấy, dung hóa lấy, để làm đồ ăn bổ-dưỡng, chứ không phải làm cái ách mang nặng. Ta phải nên tự-chủ được cái văn-hóa ấy, chứ không nhờ thế-lực nó mà ta sống, như lũ mọt nhấm sách cũ, hay phường biền cắt văn người vậy. »

Vậy thời dung-hòa hai văn-hóa không phải là châm-chước mà thừa-trừ đâu, chính là lần-lượt thu-nạp lấy những yếu-tố của hai văn-hóa đó. Nếu Đông-phương biết mượn những phương-pháp của Tây-phương, để bổ-dưỡng cho tư-tưởng mình, giải-quyết những vấn-đề riêng của mình, tấn-tới trên con đường cũ của mình, tiếp tục cho cuộc kỷ-vãng của mình và thích-hợp với cái hoàn-cảnh của mình, thì ảnh-hưởng của văn-hóa Tây-phương là hay cho Đông-phương lắm. Nhưng nếu chỉ đem những cái kết-quả sẵn, những điều học-thức sẵn mà nhồi vào óc, làm cho nặng-nề thêm, chứ không tăng được trí-não, thì ảnh-hưởng ấy hại. Vào trường-hợp trên thì tạo-thành được nhân cách mới, vào trường-hợp dưới thì tiệt-diệt mất cả nhân-cách.

TAGORE lại nói rằng: « Ấn-độ đã có hồi có một cái tinh-thần riêng. Có sinh-hoạt, có tư-tưởng, có cảm giác, lại biết diễn-xuất cái tinh-thần ấy ra ngoài. Vừa biết thu-nạp, vừa biết sản-xuất. Cái tinh-thần ấy tất có bổ-ích cho sự giáo-dục của ta, điều đó thì cách giáo-dục ngày nay không hề chú-ý đến. Sách vở vẫn nhiều, chồng-chất từng nhà đầy, càng nguy-nga tráng-lệ bao nhiêu lại càng đè-ép thần-trí ta bấy nhiêu. Óc ta cũng coi như một cái ngăn tủ sách, làm bằng gỗ chắc, để đựng những sách đóng bằng bìa da, đầy những học-thức đi một mọi nơi. Bởi thế nên thần-trí không còn có đặc-sắc gì nữa, cũng trơn-chu bóng-nhoáng như một cái bàn mua của hàng đồ gỗ ngoại-quốc vậy. Bấy nhiêu thứ đã hại tiền của ta lại hại cả cái óc tự-do của ta nữa. Trong khi đó thời óc ta vẫn rỗng, họ bèn nhồi bằng cái mà trong công-văn họ gọi là *giáo dục* đó. Thực thời ta chỉ mua kính để đeo cho mắt ta không trông được mà thôi.

« Cách giáo-dục của Tây-phương đem sang ở xứ này là cách giáo-dục vô-ngã... Giáo-dục như thế thì không thể sao sáp-nhập vào cuộc phối-hợp hai cái tinh-thần Đông-phương với Tây-phương cho am-hiểu lẫn nhau được. Chỉ là một cách giáo-hóa bề ngoài, đúng để tạo ra một hạng người gồng thuê gánh mướn cho người da trắng mà thôi. Các trường đại-học ta gần đây tuy tăng thêm ra nhiều môn, mà cách giáo-dục ấy vẫn thấy không có lý-tưởng gì. Thêm ra nhiều môn bao nhiêu thời cũng chẳng khác gì như con bò chở bột lên chợ, nó đã nặng ỳ-à-ỳ-ạch, lại còn chở thêm cho nó mấy bao nữa; chỉ tổ thêm khổ cho nó.

« Hiện suốt cõi Ấn-độ, từ cận-đại đến giờ, chưa hề có lập ra một trường đại-học nào mà một người học-sinh ngoại-quốc hay bản-quốc có thể đến mà nghiên-cứu các kiệt-tác về văn-chương tư-tưởng Ấn-độ. Phải vượt bể mà đi sang Pháp hay sang Đức mới có những trường như thế. »

Cũng vì cái chế-độ hẹp-hòi đó, nên không còn gì là văn-hóa chân-chính nữa, người ta chỉ biết học để thi đỗ mà thôi.

« Thần-trí phải cần có chân-lý làm đồ ăn bổ - dưỡng, mới được tự-do phát-siển ra, nay nếu không có chân-lý nữa, thì chỉ chăm - chăm về một cái đích thành-công kết - quả, bao nhiêu học-sinh như mắc cái bệnh cuồng, chỉ biết học để thi đỗ mà thôi. Thành-công của họ là thi được nhiều điểm, thế là biết được nhiều thứ. . . Thi đỗ rồi thì thu hình ẩn mình vào làm viên-chức một sở công hay sở tư, làm chức lục-sự hay chức cảnh-sát, thế là con người sống cũng như chết non vậy.

« Xã-hội học-thức ta không phải là xã-hội học-thức, chỉ là xã-hội những kẻ có bằng-cấp mà thôi. »

Nay cái mục-đích thi đỗ đi kiếm việc đó cũng không đủ nữa, vì nhiều khi tìm công-việc không được.

Tagore nói : « Số công-việc làm sánh với số người xin càng ngày càng hẹp dần lại, thành ra thiên-hạ càng chán-nản. Rồi đến những kẻ cầm quyền đã gây ra cái tình-trạng đó cũng trách những kẻ bị khổ vì đó. Ấy nhân-tình éo-le như thế. Đã làm hại người ta lại còn oán người ta.

« Kẻ cầm quyền bây giờ mới giảng đạo-nghĩa, khuyên nên yêu mến sự học vô-tư-kỷ, nhưng muộn quá rồi, cái máy giáo-dục kia nó vẫn cứ chạy hoài, nó không tạo ra văn-hóa, nó chỉ tạo ra các thầy khóa có bằng-cấp mà thôi. »

Cái thảm-trạng nhất là thầy khóa đây lại « lấy cái xích buộc mình làm một cái vật trang-sức, vì nó loảng-xoảng thành từng tràng tiếng tây cũng nghe được. »

Muốn bổ-cứu cho cái tệ đó thì các trường đại-học phải vừa là nơi giảng-học, vừa là nơi nghiên-cứu.

Tagore nói : « Ta không nên cầu các trường đại-học ban-bố cho ta những mớ chân-lý đã đánh dấu đánh hiệu rồi, nhưng cầu lấy cái chân-lý hoạt-động, hòa-hợp với những kẻ thực có lòng ham-mê tìm tòi chân-lý. »

Cao-đẳng giáo-dục là phải như thế, không phải cái danh-hiệu là cao-đẳng mà thôi, lại phải có cái tính-cách chân-chính như sau này : là phải ham-mê tìm-tòi chân-lý. Cao-đẳng giáo-dục đó không phải là bậc giáo-dục cao nhất mà thôi, phải là chủ-não tinh-thần cho cả các bậc giáo-dục khác, và cho cả quốc-gia nữa. Ở Âu-châu như thế : cái tinh-thần Đại-học là ban-bố ra khắp cả trong xã-hội.

Vậy thời điều cốt-yếu là điều sau này : « Phàm làm thầy dạy học, hễ tự mình không học thêm mãi thì không thể dạy cho đích-đáng được. »

Tagore nói : « Cái đèn phải nuôi lấy ngọn lửa của mình thì mới đốt cháy được cái đèn khác. Ông thầy chỉ nhắc lại bài học cho học-trò, thời chỉ làm cho bế-bộn trí, chứ không kích-thích được trí học trò... Cái cảm-hứng đã tắt rồi, những điều tiểu-tiết càng tích-lũy, thời chân-lý mất tính-cách vô-cùng đi. »

Trường Đại-học đã là nơi trung-tâm nghiên-cứu, lại là nơi chủ-động đạo-đức và kinh-tế nữa.

Bài này ta chỉ lược-thuật tư-tưởng của Tagore như vậy. Ta thuật chính lời của Tagore, vì văn-chương bóng-bẩy vô-cùng, nhưng cũng vì cái ý của ta không muốn diễn lại ra cách khác cho khỏi bị ngờ là mượn lời Tagore để nói chuyện xứ này.

Nay Ấn-độ với Đông-dương, tình-thế giống nhau thế nào ? Chủ-nghĩa của Tagore có thể thực-hành được phần nào ở xứ này ? Ta chỉ khởi lên câu hỏi đó mà không trả lời vậy.

Hạc-Đình *dịch*

DU-LỊCH XỨ LÀO

Đường xa chớ ngại Ngô Lào . . .

Ngày xưa đi sang Tàu với sang Lào là gian-nan hiểm-trở vô-cùng. Nhưng sang Tàu còn là sự thường, cống-sứ vãng-lai, không mấy năm không có người Nam-Việt đi đến Yên-kinh. Sứ-thần lại thường là những bậc từ-thần, có tài văn-học, nên đến đâu ngâm-vịnh đấy, lầu Hoàng-hạc, hồ Động-đình, miếu Nhạc-Phi, đền Gia-cát, phàm những nơi danh-thắng, sử-sách đã ghi-truyền, các cụ được mục-kích, lấy làm khoái-lạc lắm. Cuộc du-lịch có vẻ văn-chương, lại dường như có mầu tôn-giáo nữa, vì đi là đi thăm chốn tổ văn-minh của nước mình, đã sẵn một lòng tín-ngưỡng cảm-phục vậy. Cho nên đường đi hàng tháng, không khỏi khó-nhọc, mà được đi vẫn lấy làm một sự hân-hạnh ở đời.

Chứ đi sang Lào thì không mấy ai đi. Đường đi đã cách-trở, mán-mọi còn thú gì. Tục có câu: « Sang Lào ăn mắm nhái », đủ biết cái phong-vị dã-man kham-khổ là dường nào! Trừ lính đi viễn-chinh, tù phải phát-vãng, mới mon-men đến giáp-ranh nước Lào, thời rừng sâu nước độc, mười người đi một người về, những nghe nói đã rùng mình, còn ai hứng đi du-lịch?

Dải Trường-sơn chạy suốt cõi Đông-dương từ Nam chí Bắc, thật là chia bán-đảo này thành hai thế-giới khác nhau, khác nào như một cái Vạn-lý-trường-thành của thiên-tạo, làm bằng rừng rậm núi cao, sức người không thể vượt được. Bên này ngoảnh mặt ra bể Đông-hải, khí-hậu thấp-nhiệt, người dân đông-đúc, đồng-điền phì-nhiêu, sơn-lâm lam-chướng, chủng-tộc thuần một giống An-Nam, văn-hóa truyền-thụ tự nước Tàu, nghiễm-nhiên thuộc về thế-giới China. Bên kia nhìn xa về cõi Tây-vực, khí-hậu táo-nhiệt, người dân lơ-thơ, đất bồi không có, rừng thưa mênh-mông, người dân thuần một giống Xiêm Lào, văn-hóa hấp-thụ tự Thiên-trúc, nghiễm-nhiên thuộc về thế-giới Ấn-độ. Một bên Chi-na, một bên Ấn-độ, đất Đông-dương này mà đặt tên là Ấn-độ-Chi-na thì phải lắm.

Hai thế-giới ấy không hề có hòa-đồng với nhau bao giờ, mà xét ngược về lịch-sử lại thường thấy xung-đột lẫn nhau. Về đời thượng-cổ trung-cổ, thế-giới Ấn-độ là chiếm gần khắp cõi bán-đảo này, thế-giới Chi-na chỉ khu-khu có một đất Bắc-kỳ với bắc-bộ Trung-kỳ cho đến Đèo Ngang làm giới-hạn; tự Hoành-sơn dĩ-nam là đất Chiêm-thành, dưới nữa là Thủy-lục Chân-lạp, rồi về phía tây và đi ngược triền sông Cửu-long là đất Phù-nam Nam-chiếu, sau này thành Vạn-tượng Xiêm-la. Bấy nhiêu nước đều chịu văn-hóa của Ấn-độ, theo về đạo Phật cùng đạo Bà-la-môn, đã từng có hồi văn-minh rực-rỡ, kiến-trúc được những thành-quách lâu-đài trang-nghiêm vĩ-đại, di-tích ngày nay còn khiến cho khách năm châu phải thán-phục. Giống Giao-chỉ ngoài nghìn năm đúc trong cái khuôn lễ-nhạc của Trung-hoa, càng ngày càng sinh-sôi nẩy-nở, khu-khu trong triền sông Hồng-hà lấy làm chật-hẹp, thế-tất phải bành-trướng về phía Nam, bèn vượt Đèo-Ngang mà tràn xuống Chiêm-thành. Thế-giới Chi-na quyết-chiến với thế-giới Ấn-độ trong mấy thế-kỷ, rồi đến năm 1471 thì Chiêm-thành bị diệt, thế là Chi-na thắng mà Ấn-độ lui vậy.

Đã thẳng thẳng mãi, đã lui lui hoài. Cuối thế-kỷ thứ 15, người An-Nam đã phá thành Đồ-bàn (Qui-nhơn bây giờ), là kinh-đô nước Chiêm-thành, chiếm hết tỉnh Bình-định ngày nay, rồi cứ lần lần tiến về phía Nam, đi đến đâu người Hời người Mên chạy đến đó, năm 1611 đến Phú-yên, năm 1653 đến Phan-rang, năm 1697 đến Phan-thiết, năm 1698 đến Sài-gòn, năm 1714 đến Hà-tiên, rồi tự đó cứ xâm-lấn dần sang đất Cao-miên cho mãi đến khi nước Pháp sang chiếm-lĩnh. Nhờ có nước Pháp bảo-hộ, người Mên mới không phải đồng-hóa theo An-Nam và khỏi chịu một số-phận như người Hời vậy.

Cuộc Nam-tiến đó là một cái hiện-tượng lớn-lao nhất trong quốc-sử Việt-Nam ta, và là cái chứng-cớ hiển-nhiên của cái sức bành-trướng của dân-tộc ta.

Chiêm-thành bị diệt, Cao-miên bị lấn, còn may sao Ai-lao không bị sáp-nhập nốt vào trong dư-đồ Đại-Việt? Tự đời Lê, quân ta đã chiếm-cứ đất Trấn-ninh, các đường quan-ải sang Lào đã có lính ta đóng thú. Nhưng dải Trường-sơn hiểm-trở quá, vượt được rất gian-nan, bằng mấy mươi Đèo-Ngang Đèo-Cả, mà ngoài ra thì những rừng thưa đất cát, không có vẻ phi-nhiêu đông-đúc gì, nên người mình cũng không hứng mạo-hiểm vô-ích, mà người Lào cũng nhờ đó được yên thân.

Cuộc Nam-tiến của ta mà không thành ra Tây-tiến, là vì dải Trường-sơn đó vậy.

Nếu không có cái trường-thành đó chắn đường, thì Vạn-tượng quyết cũng đến như Chiêm-thành Chân-lạp, và có lẽ bây giờ hai bờ sông Cửu-long toàn là người Việt-Nam cả, và người Lào đã bị tiêu-diệt đi từ bao giờ, như người Hời ở Trung-kỳ, người Mên ở Nam-kỳ khi xưa vậy.

Nhưng lịch-sử vẫn có cái tính-cách dở-dang, và cổ-lai không có dân-tộc nào là làm trọn được thiên-chức. Thiên-chức của giống Việt-Nam ta là phải thực-dân cả cõi Đông-dương này, đem hiệu cờ Chi-na mà chiến đấu với thế-giới Ấn-độ, khiến cho đất Ấn-độ Chi-na này thành một đất Chi-na đông. Thiên-chức ấy, ta mới làm được nửa phần, vì còn cả đất Lục-chân-lạp (Cao-miên ngày nay), miền trung-lưu sông Cửu-long (Ai-lao ngày nay), và suốt triền sông Mê nam nước Xiêm), vẫn còn ở ngoài phạm-vi của ta vậy. Ngày nay cơ-hội đã khác, thiên-chức ấy cũng khó lòng mà thi-hành được nữa. Nước Xiêm kia đã nghiễm-nhiên thành một nước cường-quốc độc-lập, mình đối với họ một vực một trời, còn nói những chuyện hống-hách làm chi cho người ta cười. Còn Cao-miên Ai-lao thời đã tự-nguyện đem vận mệnh kỳ thác vào tay Đại-Pháp, nhờ Đại-Pháp bảo-hộ cho, người Việt-Nam mình có sang làm ăn ở các nơi ấy bây giờ, cũng là khách ăn trọ ở nhờ đó mà thôi, còn nói đến thiên-chức làm gì cho nó thẹn.

Song cái sức bành-trướng của một dân-tộc cũng là một sức tự-nhiên không dễ mà ngăn-cấm lại được. Tuy tình-thế ngày nay không được tiện-lợi như xưa, mà ở Cao-miên, ở Ai-lao cho đến Xiêm-la nữa, vẫn có người mình di-dân sang đấy, ở thành làng xóm, có vẻ đông-đúc, mà cũng chiếm được một địa-vị xứng-đáng ở đất nước ngoài.

Gần đây đường giao-thông với Ai-lao đã mở-mang, người Nam ta sang làm ăn bên ấy mỗi ngày một đông, các thành-phố mới lập như Thakhek, Vientiane, Savannakhet, người mình có lẽ nhiều hơn người bản-dân.

Đã lâu nay tôi vẫn có ý muốn đi Lào một chuyến, để trước là biết qua phong-thổ đất Lào, sau là thăm đồng-bào ta ngụ-cư bên đó.

Gần đây có dịp, tôi cùng quan Tổng-đốc Hoàng Trọng-Phu đi du-lịch xứ Lào.

∴

Đi Lào hiện có hai đường chính : đường Vinh—*Thakhek* và đường Đông-hà—*Savannakhet*. Chúng tôi định đi một đường, về một đường, cho biết cả hai. Vậy bữa đi đi đường Quảng-trị, bữa về về đường Nghệ-an.

Ngày chủ-nhật 25 janvier, 7 giờ sáng bắt đầu đi ô-tô ở Hà-nội, theo đường Thiên-lý, đi một mạch cho đến Quảng-bình (Đồng-hới), vừa 7 giờ tối tới nơi, đường dài là 486 cây số. Đường này đã quen thuộc lắm, không lấy gì làm lạ nữa. Qua Nghệ Tĩnh, tới Đèo Ngang vào khoảng 5 giờ chiều, gió bể mát, cảnh núi xinh, uyển-nhiên có cái phong-vị bài thơ của Bà Huyện.

Tối ngủ tại khách-sạn Đồng-hới, 7 giờ sáng mai đi về Huế sớm. — Lý-ưng không phải xuống đến Huế, chỉ đi đến gần Quảng-trị thì rẽ ra Đông-hà, là đầu đường thuộc-địa thứ 9, đi ngang sang *Savannakhet*. Nhưng đã đến Quảng-trị, cách Huế có sáu chục cây số, mà không xuống thăm kinh-đô, thiệt cũng vô-tình quá. Huế đối với khách du-lịch vẫn nặng mối cảm-tình, đã biết rồi không lòng nào quên được nữa.

Tự Đồng-hới đến Huế có 166 cây, đi tự 7 giờ đến 11 giờ trưa tới nơi là ung-dung lắm. Sáng sớm ở Đồng-hới ra, sương mù như mây phủ cả, không trông rõ đường mà đi nữa. Nghe nói bữa nào trời nắng to cũng có sương mù như thế, mãi đến chín, mười giờ mới tan hết. Trời tháng chạp, ở bắc dương mưa phùn gió bấc mà đây nắng trang-trang, nực như mùa hè, thiệt là không ngờ.

Ở Huế nửa ngày thứ hai 26, cả ngày thứ ba 27 và thứ tư 28, ba ngày cảnh-sắc mỗi ngày một khác, một ngày mát-mẻ, một ngày mưa phùn, một ngày nắng nực, rõ ra ba bức tranh Trường-an, đều có cái vẻ khả-ái cả. Chơi thuyền sông Hương, dạo xe núi Ngự, nghe hát hò đò, xem diễn tuồng cổ, các bạn kinh-đô thật đã khéo chiều mà bày cho một cái chương-trình rất đầy đủ. Cảnh-tượng xứ Huế, vẫn chửa khác gì xưa, hồi-tưởng mươi mười lăm năm trước sánh với bây giờ, phố-phường ngày nay có lẽ phong-quang sầm-uất hơn, nhưng phong-vị cũ vẫn còn ; ước gì cứ giữ được mãi cái phong-vị đó, vì Huế mà đến như Hà-nội Sài-gòn thì Huế không còn thú gì nữa, bấy giờ sẽ để thương để nhớ cho bạn phương xa biết dường nào !...

Sáng thứ năm 6 giờ dời Huế lên Quảng-trị để đi *Savannakhet*, trong tai còn văng-vẳng những câu hát não-nùng như tự dưới sông Hương đồng-vọng truyền lên ; câu thì có cái vẻ dã-ca chất-thực :

Trời mưa trời gió,
Vác đó đi đơm,
Trở về ăn cơm,
Trở ra mất đó !
Kể từ ngày ai biết đó, đó ơi !
Đó không phân đi nói lại một đôi lời
cho đây hay !...

Câu thì có cái giọng khuê-oán lâm-li :

Đầm-đề chiếu ngọc,
Chạnh đau-đớn gan vàng,
Em trách đó Tạo-hóa đưa ngang
không tới bờ !...

Ngày hôm nay càng cách xứ Huế là càng xa cái thế-giới Chi-na mà bước vào thế-giới Ấn-độ vậy.

Tự Đông-hà đi vào, theo đường sông Cam-lộ chừng ba chục cây số, rồi rẽ vào đường sông Hưng-giang, qua huyện Hướng-hóa, rừng rậm um-tùm, đồi cao

man-mác, hai bên đường có đồn-điền cà-phê của người Tây. Chỗ này có tiếng là lam-chướng, thủ dữ nước độc, thổ-dân toàn là một giống Xá (hay là Khá, hoặc Khá-Lơ), nửa thuộc An-Nam quản-hạt, nửa thuộc Ai-lao cai-trị, lấy đường phân-mao rẽ nước làm giới, ăn nước bên nào nộp thuế bên ấy. Càng lên càng cao, cho đến Đèo Ai-lao là cao hơn nhất, cách Đông-hà 63 cây số. Qua đèo rồi chừng hai mươi cây thì đến Lao-bảo, trước là cái đồn đóng ở giáp-giới Ai-lao, nay là nơi đầy những người có tội. Đường thuộc-địa số 9 đi ở bên ngoài, không qua Lao-bảo, còn cách đấy hơn 2 cây nữa.

Tự đây trở đi là vào địa-phận Ai-lao, phong-cảnh lại càng rừng-rú lắm. Về địa-phận An-Nam, còn có người đi lại, từ đây thời hàng chục cây số, trên đường vắng-vẻ, hầu như không có một người nào. Đường chạy ngang với con sông *Sé-Pone*, cho đến *Ban-Tha-Kong* là nơi hợp-lưu với sông *Sé-Bang-hien*, hiện đương bắc cái cầu sắt 165 thước chưa xong. Trước *Ban-Tha-kong* mấy cây, có một cái làng to tên là *Tchépone*, cách đường cái 800 thước, được ngót ba nghìn người, vừa An-Nam vừa Lào, có quan đại-lý Tây, thuộc tỉnh *Savannakhet*. Gần đây có mấy cái mỏ thiếc đương khai, nên người đi lại cũng có.

Từ đây là hết địa-phận giống Kha-Lơ ở, đến địa-phận Phu-Thai, là một giống Lào. Phong-cảnh cũng khác hẳn. Không có rừng rậm núi cao nữa, chỉ toàn rừng thưa đất cát mà thôi, xe chạy bụi bay lên như mây.

Cái cảnh « rừng thưa » (*forêt clairière*) này, thật không gì buồn bằng. Cũng là rừng mà mỗi cây cách nhau đến mười thước, lá úa, cành khô, thân ngẳng, mùa hanh này, chỉ đốt cái diêm là cháy lên vèo-vèo. Cứ thế trong hai trăm cây số, trên nắng, dưới cát, bụi bay tứ phía, nghĩ đến cái cảnh rừng rậm u-uất, núi-non khí-khu ở bên địa-phận An-Nam kia lại tiếc thay. Nhưng rừng rậm thì nước độc, rừng thưa không chướng-khí, người đến làm ăn ở đây không đau ốm nhiều như bên kia.

Con đường thuộc-địa thứ 9 này hiện đương sửa-sang làm rộng ra, cu-li An-Nam sang làm đông lắm, xem ra cũng chịu được thủy-thổ và cũng được đủ ăn. Phần nhiều là người Quảng-bình, Quảng-trị, người Nghệ Tĩnh và người Bắc-kỳ cũng có, làm ăn lẫn cả với người Lào, nhưng làm cai, thầu-khoán thì hầu hết là người An-Nam cả.

Ban-Tha-Kong là vào cây số 128, mãi đến cây số 165 mới tới một cái làng kha khá, gọi là *Muong Phine*, rồi lại đi đến sáu mươi cây nữa, qua mấy con sông, có cầu cả, nhưng mùa cạn sông cũng không có nước, mới đến một làng nữa gọi là *Phalane* Đi đường trường như thế này, hàng giờ không trông thấy một cái nhà ở, mỗi khi đến chỗ nào có làng xóm lấy làm vui lắm. *Phalane* (cây số 224), có chừng 300 người ở, *Dong Hène* (cây số 259), chừng 400 người ở, nửa Lào, nửa An-Nam, thế đã là to lắm.

Cách ba bốn chục cây đến *Savannakhet* thời rừng thưa đã đổi làm rừng rậm, trông cảnh-sắc cũng biết rằng đã gần đến bờ sông lớn vậy.

Đến *Savannakhet* thời đã tối mịt, đi từ Huế tới đây ngót 400 cây số, chỉ nghỉ có vài giờ đồng-hồ buổi trưa ở *Tchépone* để ăn cơm. Chính con đường thuộc-địa số 9 thời có 328 cây, đường này sửa xong thì rộng-rãi và tốt lắm, mùa nắng mùa mưa đi được cả, chứ đường Vinh-*Thakhek* thì chỉ đi được mùa tạnh mà thôi.

Savannakhet là một tỉnh-lỵ lớn, ở trên bờ sông Cửu-long, dân-số được 3000 người, phần nhiều là người An-Nam cả. Buôn-bán đường thủy đường bộ cũng to. Đường bộ thì các rừng các bạn (*bạn*, tiếng lào là làng xóm) chung quanh đem những nông-sản lâm-sản đến đấy bán; đường thủy thì tầu ghe ở miền dưới lên, miền trên xuống tất đỗ ở đó rồi mới đi. Sông Cửu-long không phải suốt tự đầu đến cuối có thể chở tầu bè được; chia ra từng triền (*biefs*), triền nào bình-thản mới đi được, còn triền nào có ghềnh có thác nhiều thì không thể qua lại được. Tự *Savannakhet* cho đến *Vientiane* là triền bằng-phẳng hơn cả, cho nên có phiên tầu của công-ti *Messageries fluviales* chạy đều-đặn mỗi tuần-lễ hai lần, chở hàng hóa cùng hành-khách cả hai bên bờ Xiêm và Lào.

Tối hôm đến *Savannakhet*, vừa có chuyến tầu ở miền dưới lên, sáng mai thì nhổ neo chạy *Vientiane* sớm. Nhưng nếu khuya xuống tầu ngay thì thành ra không được biết *Savannakhet*. Vậy định ở lại đấy nửa buổi ngày mai, rồi trưa đi ô-tô lên *Thakhek* đón tầu ở đấy, sáng hôm sau đáp lên *Vientiane* thì tiện lắm.

Lại được quan công-sứ *Savannakhet* là người đã quen biết cũ ở Hà-nội, ngài giữ ở dinh, rồi dẫn đi xem phố-phường.

Tỉnh-lỵ nhỏ, độ 3 nghìn người ở, nhưng đường-xá rộng-rãi, có vẻ phong-quang, chỉ phải cái bụi là tệ. Ở Lào này về mùa hanh, bụi là «chúa-tể» cả. Cây-cối, nhà-cửa, đều phủ một lượt cát bụi, lá cây hai bên vệ đường như vàng úa cả. Đi ngoài phố mà gặp cái xe ô-tô nào chạy qua thì khổ quá. Cũng may mà ở đây các thành-phố không nhiều xe chạy bằng ở bên ta, nếu không thì thành hẳn một cái thế-giới « phong-trần », không thể làm sao ở được.

Cách người Lào ở khác hẳn người ta. Họ toàn ở nhà sàn cả, giàu nghèo cũng như nhau. Nhà làm bằng gỗ, lợp lá, hoặc lợp ngói, tầng dưới bỏ không, có cái thang lên, tối cất đi. Gian mới bước lên để trống như cái hiên, tức là phòng khách đó, còn vào trong che kín là chỗ ở. Đằng sau là bếp-nước. Toàn ở trên sàn cả. Dưới thì nuôi các súc-vật.

Ở làng xóm cũng như ở trong phố, nhà nọ nhà kia trông thấy nhau được, cũng có khi trồng chuối trồng dừa, nhưng là để cho xanh mát mà thôi, chứ không phải để làm rào chắn.

Ở *Savannakhet* có một vài phố nhà lào như thế, coi ra cái cảnh nhà quê, không có gì là vẻ thành-thị. Còn những phố phường buôn-bán thì toàn người Nam và người Khách cả.

Tôi có vào cửa hàng một người đàn bà Xiêm lai Khách, nói tiếng An-Nam được, xem cách họ bán hàng với người Lào lạ lắm. Có một bọn năm sáu người chứng ở nhà quê xa ra, da đen như đồng đen, ống chân vẽ chằng-chịt, — cái tục vẽ mình ở Lào thịnh-hành lắm, — vào hàng hỏi mua quần cộc và áo nịt. Họ ngồi cả xuống chiếu, như khách vào chơi. Chủ đưa hàng ra, mỗi người xem một lượt, bàn-soạn với nhau. Trước mặt đã bày sẵn một lượt bát, như bát mở họ vậy. Định mặc-cả bao nhiêu thì lấy tiền trong túi ra bỏ vào bát. Người chủ không bằng lòng lắc đầu, nói rẻ quá không thể bán được. Trong bọn có người nào muốn trả hơn thì bỏ vào trong bát mình thêm lên năm xu một hào gì nữa. Nếu được giá, nhà hàng thuận bán, thì người nào mua cũng phải theo giá ấy cả. Khác nào như một cuộc bán đấu-giá vậy, nhưng bình tĩnh yên-ổn lắm, không có tiếng mặc-cả ồn-ào, kẻ nói đi người nói lại như các cửa hàng ta. Thật là ung-dung lắm,

mà người nào cũng có mặt vui-vẻ tươi cười.

Nghe nói những người nhà quê đó, thứ nhất là người Khá nuôi voi, có khi trong nhà có mấy nghìn bạc, vì bán một con voi cũng đủ được cái vốn to rồi. Nhưng họ có bạc họ chôn, chứ cũng không biết tiêu-dùng gì.

Ở *Savannakhet*, xem qua phố-phường rồi, lại xem một cái chùa lào nữa. Nhưng chùa ở đây tầm-thường lắm, phải lên *Vientiane* mới có chùa đẹp. Chùa nào cũng có một nơi chính-điện thờ Phật, xây bằng gạch, hình chữ nhật, chạy dọc, hai mái thật giốc như cái dấu mũ vậy. Còn ở ngoài là các tinh-xá của sư, cũng lối nhà sàn như trong dân-gian. Chùa nào cũng có một cái nhà sàn lớn bỏ không, như cái quán, gọi là *sala*, để cho khách thập-phương đến trọ. Sư toàn khoác áo cà-sa sắc vàng, để trần một cánh tay, chùa nào cũng đông lắm. Nhưng muốn xem cái cảnh chùa-chiền sư-mô thì phải lên *Louang-Prabang*, hay là *Vientiane*, là những nơi cổ-đô xứ Lào, danh-thắng nhiều, chứ ở đây không có gì lạ.

Định ăn cơm trưa sớm, rồi một giờ lên đường đi *Thakhek*. Nếm một món ăn phổ-thông của Lào,— không phải là mắm nhái đâu!— là một thứ canh bún, như bún bung của ta, gọi là *khaopun*: bún chan một thứ canh có nước nghệ, nước dừa, có thịt có cá, có các thứ rau, ăn cũng lạ miệng. Thứ này người Lào thích ăn lắm, ngoài đường phố thường có người bán. Nhưng làm theo đúng như lối họ thì phải dùng một thứ mắm cũng nặng mùi như mắm tôm của ta, không quen thì khó ăn. Nên hôm ấy giảm bớt thứ gia-vị đó, mà nấu theo lối tây một chút, làm nông-nầy dễ ăn lắm. Cũng là lào mà là lào đã « duy-tân » rồi, không phải là lào ròng vậy!

Sản-vật của Lào, ai cũng biết rằng duy chỉ có thứ gấm dùng để làm siêm, làm yếm cho đàn bà, là đẹp hơn cả. Gấm ngũ-sắc, dệt đủ các hình miếng huỳnh miếng chàm, lại có xen đường chỉ bạc chỉ vàng, công-phu lắm, và coi cũng vui mắt. Nhưng gần đây, họ dùng tơ truối nhiều lắm, không mấy mảnh là được thuần tơ thật, nên coi thì bóng-bẩy mà chẳng bao lâu rách nát ngay. Nghĩ dệt công-phu như thế mà dùng tơ giả, thật uổng công quá. Họ thường dệt thành từng mảnh, đủ làm cái xiêm hay cái yếm mà thôi, nên ta dùng cũng không được việc gì.

Từ *Savannakhet* lên *Thakhek* có 124 cây, trước còn theo con đường thuộc-địa số 10 là đường ở Quảng-trị sang, vừa đi hôm qua, đường đồ đá tốt, nhưng được vài chục cây thời đi vào con đường thuộc-địa số 13, chưa đồ đá, mà lại nhiều chỗ cát dầy, bệt bánh xe lại, phải hết sức dầy mới chạy được. Suốt con đường này toàn là một cảnh rừng thưa cả, lại trời nắng cát lầy, đi một trăm cây số này bằng hai ba trăm chỗ khác. Chia ba hai phần đường cho đến bờ sông *Se-Bang-Fai* phân địa-giới tỉnh *Savannakhet* với tỉnh *Cammon*, thời đường vừa xấu lại vừa vắng-vẻ cùng-tịch, trong tám chục cây số chỉ đi qua có ba bốn làng nhỏ. Đến *Ban-Dang* là làng cuối cùng tỉnh *Savannakhet* qua đò ngang sông *Se-Bang-Fai*, rộng 200 thước, bên kia sông là địa-phận tỉnh *Cammon*, tỉnh-lỵ là *Thakhek*. Mốc đánh số ở bên đường tự đây là tính ở *Thakhek* đi, chứ không tiếp với con đường bên kia sông vừa qua nữa, thành ra không biết lấy làm lạ tưởng là lầm đường. Ở *Ban-Dang* bên kia sông thấy đề k. 88, sang *Ban-Dan-Thai* bên này sông lại thấy đề k. 48, sau mới hiểu là khúc đường trước là tính từ *Savannakhet* đến đấy là 88 cây, còn khúc đường sau lại là tính từ *Thakhek* đến đấy là 48 cây. Có lẽ là đường hàng tỉnh, nên tỉnh nọ sang tỉnh kia đổi số

chăng. Nhưng làm thế cũng đủ rồi trí cho khách đi đường.

Qua sông, vào địa-phận tỉnh *Cammon* thì làng xóm đã thấy nhiều hơn trước, đường đi cũng dễ hơn. Đến *Thakhek* là tỉnh-lỵ vừa tối mịt. Thế là cả thảy 120 cây, mà đi mất 6 giờ, mỗi giờ 20 cây, đi hơn xe điện trong thành-phố ta một chút.

Đến vừa tối, sáng mai lại phải xuống tầu thủy sớm, nên không đi xem phố-phường được. Nhưng nghe nói tỉnh lỵ lớn hơn *Savannakhet* nhiều, dân-số được một vạn người, phần nhiều cũng là người An-Nam ta cả. Các mỏ lớn ở Lào, hầu hết ở địa-phận tỉnh *Cammon* này cả; lại *Thakhek* là cuối đường Vinh sang đây, xe lửa Vinh— *Thakhek* đương khởi-công làm, rồi cũng đến đây là cùng, nên tỉnh-lỵ đây có vẻ sầm uất, rồi còn có cơ phát-đạt nữa.

Nhà khách-sạn *Thakhek*, — tiếng tây gọi là *bungalow*, — được mươi mười hai buồng, cũng sạch-sẽ. Vào ăn cơm tối rồi trọ đấy, sáng sớm mai xuống tầu thủy. Đến khách-sạn được một lát thì tầu thủy đi tự *Savannakhet* lên từ sáng sớm cũng bấy giờ vừa tới bến. Thế là đi đường bộ mau hơn đi đường thủy được nửa ngày. Thủy đi chậm, là vì sông khuất-khúc cũng có, lại vì tầu phải đỗ luôn để lấy củi và để khách đáp, nên mất thì giờ nhiều.

Chiếc tầu này hiệu *Francis Garnier* là một chiếc « sà - lúp » của công-ti *Messageries fluviales*. Chính là tầu *de Trentinian* bị đắm năm 1928 ở bên bờ Xiêm, ngay *Thakhek*, vì có chở dầu « săng » bị nổ, sau họ lại vớt lên, chữa rồi đổi tên mà lại cho chạy.

Bước chân xuống tầu, trong lòng cảm-động. Bao nhiêu mạng người đã bị hại vì chiếc tầu này, hiện còn chôn ở nghĩa địa *Thakhek* nọ! Cả một gia-đình đối với tôi có tình-nghĩa thân-thích, hai vợ chồng, hai đứa con, đều bị chết một cách bi-thảm trong chiếc tầu này, giữa khúc sông này đây. . . Bên sông có xây một cái tháp Lào để kỷ-niệm cái bi-kịch đó.

Từ *Thakhek* lên *Vientiane* đi tầu thủy phải ba ngày. 5 giờ sáng ngày thứ bảy 31 janvier, tầu *Francis Garnier* nhổ neo chạy.

Cứ xem khách đi tầu thì đủ biết người An-Nam ở Lào nhiều. Trong tầu đến quá nửa là đồng bào mình. Nghe đâu chuyến nào cũng vậy.

Khách hạng nhất có mấy nhà kỹ-sư mỏ, đi thăm mỏ ở các nơi. Vì cả nền kinh-tế xứ Lào là ở các mỏ, phần nhiều là mỏ thiếc, có những công-ti lớn đứng lên khai. Nhưng gần đây thiếc không bán được, lại trường doanh-nghiệp đương vào hồi khủng-hoảng, các công-việc đình-đốn cả, mỏ tất-nhiên cũng không chạy, nhiều sở phải chừng tay và tạm-thời bế-xưởng. Tuy vậy mà vẫn còn có người đi thăm mỏ, vẫn còn có công-ti phát cổ-phần, chẳng qua là để trảng quan-chiêm và cho trên chợ hối-đoái các giá-phiếu về mỏ không đến nỗi sụt quá mà thôi. Có người đã cho đó là một cách huyễn-diệu thiên-hạ vậy.

Trên tầu lại còn có một nhà du-lịch người Anh, điền-chủ đất *Lancashire*, còn thiếu-niên lắm, mới ở trường Đại-học *Oxford* ra, định đi chơi quanh thế-giới, nghe nói xứ Lào là một cõi thần-tiên ở trên lục-địa này (*un paradis terrestre*), dân thuần tục hậu, phác-dã mà phong-thú, còn giữ được cái phong-vị cổ - thời, chưa nhiễm phải thói giả-dối đời nay, nên bắt đầu đi xứ Lào trước ; coi đó cũng biết là một nhân-vật lãng-mạn vậy. Lại còn có một ông bạn đồng-nghiệp ở Sài-gòn nữa, là ông Lacaux, trợ-bút báo *Impartial*.

Hai ngày rưỡi ở trên chiếc « sà-lúp » nhỏ, đầy những hành-khách đủ các giống cùng hành-lý đủ các thứ, tầu cứ « mãn-sế » luôn, cách vài giờ lại đỗ để lấy củi và đón khách, hai bên bờ sông thì bằng-phẳng mà trơ-trọi, chẳng

có cây-cối gì, trời nắng trang-trang như tháng sáu tháng bảy ở Bắc-kỳ, du-lịch trên sông Cửu-long như vậy thật chẳng có thú gì. Trước vẫn tưởng sông này có vẻ hùng tráng biết dường nào, nay trông thấy cái cảnh tầm-thường như vậy, suốt tự *Thakhek* đến *Vientiane*, không khỏi lấy làm thất-vọng.

Nhưng bạn đi tầu toàn là người nhã-nhặn, mà quan tầu cũng là người quen biết, hết lòng chiều-chuộng khách. Trong hai ngày rưỡi, không có công-việc gì, chuyện trò thật đủ thứ : nào là kinh-tế, nào là chính-trị, nào là văn-chương, đến cả triết-học nữa. Nhà thiếu-niên du lịch Anh sinh làm văn lắm, đương tìm một chuyện để làm tiểu-thuyết, nói tiếng Pháp cũng thông-thông, nên câu chuyện vui lắm. Còn ông bạn đồng-nghiệp Nam kỳ thì tay bút chì, tay mảnh giấy, tha-hồ mà phỏng-vấn chúng tôi. Nhưng ông phỏng-vấn, mà ông cũng bị phỏng-vấn lại nữa. Nghe ông nói chuyện thì ra người thông-thạo các việc đồn-điền ở Nam-kỳ lắm. Ông nói cho biết cách tổ-chức công-việc làm ở các đồn-điền ấy thế nào, cách đãi nhân công Bắc-kỳ vào làm trong ấy thế nào, cách trị bệnh sốt-rét ngã nước thế nào, v. v . Nghe chuyện mà biết được nhiều điều hay.

Ông là một tay viết báo thạo, lại là một tay săn bắn tài nữa. Khúc sông Cửu-long này có nhiều cá sấu lắm, ở những bãi cát bên bờ sông nó thường lên nằm phơi nắng, há hốc miệng ra, người nào lội tắm gần đấy thì nó cắn vào chân mà lôi người xuống, cho nên người bản-xứ lấy làm ghê lắm. Một buổi tầu đi gần bờ, cách hai trăm thước, vừa thấy một con nằm trên bờ. Ông liền lấy súng trường, bắn một phát trúng vào đầu chết ngay, bắn một phát nữa vào bụng, thì không cựa được nữa. Cả tầu đều lấy làm phục, vì ai cũng cho giống cá sấu này là khó bắn lắm, để nó chưa chết ngay, mới bị thương thôi, là lăn liền xuống nước, không tìm thấy nữa. Lại cái sắc nó giống mùi đất mùi cỏ, trông xa khó nhận được.

Lui tầu lại, ghé vào gần bờ, cho thủy-thủ lấy thừng trục xác lên. Phải bốn người mới khiêng nổi. Đo ra được ba thước dài. Hình như con thằn-lằn, mà mồm thời dài, đầy những răng như lưỡi cưa, trông ghê quá. Thủy-thủ trong thuyền lấy làm khoái lắm, vì nghe nói người Lào thích thịt cá sấu. Bèn đem tề-tác ra : cái da lột biếu quan chủ tầu (da này dùng để làm bao cho đàn bà cầm tay cũng quí bằng da rắn có vằn), cái sọ luộc để dành cho tay thiện-sạ đem về làm kỷ-niệm, còn thịt thì cho thuyền-viên đánh chén. Có người nói đùa bảo phải dán một món *beefteak* để tặng ông thiếu-niên điền-chủ Anh, nhưng ông không chịu ăn. Nghe nói xưa kia người An-Nam ta cũng quí thịt cá sấu lắm, ở Lục-tỉnh thường phải đem tiến về Triều, không biết sự đó thực-hư thế nào.

Cuộc bắn cá sấu đó cũng là một câu chuyện vui trong tầu, làm cho cả thuyền-viên ồn-ào tấp-nập. Ông bạn Anh-cát-lợi tuy không chịu nếm *beefteak* cá sấu, nhưng trong quyển sách ông viết sau này, ông có thể nói chuyện cá sấu được. Nên tôi khuyên ông có làm tiểu-thuyết thì đề tên là : « Cá sấu sông Cửu-long » (*Le Caïman du Mékong*), truyện một nhà thiếu-niên du-lịch nước Anh với một cô « phù-sao » (con gái) xứ Lào.., chắc là thiên-hạ phải thích xem.

Ngày thứ hai 2 Février, 11 giờ trưa đến cây số 28 dưới *Vientiane*. Đây có con đường bộ đi lên *Vientiane* không đầy một giờ đồng-hồ, nếu cứ đi tầu thủy thì mãi đến 6 giờ chiều mới tới nơi, vì đường sông quanh-co dài lắm. Vậy quan Khâm-sứ Lào đã cho xe hơi đón sẵn ở đấy, tầu đáp lên xe, về đến *Vientiane* vừa 12 giờ, kịp bữa cơm trưa. Thế là được nửa ngày hơn tầu thủy.

Trong khi ở *Vientiane* thì quan Khâm sứ Bosc cùng phu-nhân mời ở dinh, khoản-đãi một cách ân-cần nhã-nhặn lắm.

Thành *Vientiane* là thủ-phủ xứ Ai-lao, chính tiếng lào gọi là *Vieng-Chan*, dân-số được 12.000 người. Ngày xưa là kinh-đô nước Ai-lao, nhưng năm 1827 bị người Xiêm tràn sang tàn-phá hết cả. Đến năm 1899, nước Pháp đến chiếm-lĩnh xứ Lào, mới đặt *Vientiane* làm thủ-phủ xứ Ai-lao thuộc Pháp.

Ngày xưa hồi thịnh-thời, vua Lào đóng đô ở đây, đã có vẻ trang nghiêm rực-rỡ lắm. Năm 1644, có một nhà du-lịch Hòa-lan tên là VAN WUYSTHOFF đã đi ngược sông Cửu-long lên đến đây, được vua Lào sai đem thuyền rồng ra đón, tiếp rước một cách long-trọng lắm. Sau ông có làm quyển nhật-ký, thuật lại tường cách vua quan tiếp rước cùng cái cảnh-tượng *Vientiane* trong triều ngoài đã đời bấy giờ, xem đó thì biết rằng người Lào về thế-kỷ thứ 16, 17, kể cũng đã văn-minh lắm vậy. Xem ngày nay những cổ-tích các đền chùa, những tượng Phật bằng đồng cỗ lớn hơn người thật, chạm đục rất khéo, cũng đủ làm chứng-cớ.

Thành *Vientiane* từ khi bị người Xiêm tàn-phá, cung-điện của nhà vua, đền chùa trong dân-gian bị đốt sạch, châu-báu thu lấy hết, người dân bắt về Xiêm, từ đó thì chỉ còn lèo-tèo mấy cái xóm lơ-thơ, mấy ngôi chùa đổ nát, tượng đồng lăn-lóc cả trong đám cỏ bãi cát, cảnh-tượng điêu-tàn quá đỗi.

Nhờ có nước Pháp đến cai-trị trong 30 năm trời nay đã thay-đổi đi hẳn: đường phố sạch-sẽ, nhà tây xan-xát, nhà nào cũng vườn rộng cây cao như lối biệt-thự cả, chung quanh thì có những xóm đông-đúc, người Lào và người Nam ở. Trước mặt là con sông Cửu-long, chỗ ấy rộng đến 1.500 thước, mùa nước lên mênh-mông như bể, mùa cạn như bây giờ thì có bãi cát rộng 800 thước, bề dài 3 cây-lô-mét, chia khúc sông làm đôi.

Chúng tôi định ở *Vientiane* cho đến kỳ tàu xuống, nghĩa là đến thứ sáu, vừa được ba ngày rưỡi. Trong mấy ngày đó được quan Khâm-sứ Bosc, quan chánh tòa Thượng-thẩm TRIDON và cô KARPELÈS là thư-ký viện Phật-học ở Cao-miên lên đây để sắp khánh-thành viện Phật-học ở *Vientiane* tuần lễ sau này, dẫn chúng tôi đi xem các nơi chùa-chiền lăng-bạn, cắt nghĩa cho nghe được nhiều điều hay lắm.

Nhưng trong mấy ngày ở *Vientiane*, vui-vẻ nhất là trông thấy cái cách tiếp rước của đồng-bào ta ở bên ấy, thật là có cảm-tình đằm-thắm. Đi xa mới biết thương-yêu nhau, thật thế. Người Nam ta sang làm ăn bên Lào, xa cửa xa nhà mà biết đồng-tâm hiệp-lực với nhau, giữ được cái đoàn-thể Việt-Nam cho kiên-cố, lại giữ được cái cốt-cách tinh-thần của nòi-giống, xa nhà mà cái lòng cố-kết lại khăng-khít hơn là ở nhà, trông thấy thế lấy làm vui lòng lắm.

Người Nam ta ở *Vientiane* có tới năm sáu nghìn người, Nam-kỳ có, Trung-kỳ có, Bắc-kỳ có, nam phụ lão ấu, sĩ nông công cổ, đủ các hạng, thật là hoàn-toàn một cái xã-hội Việt-Nam di-cư sang đất Lào. Ai nấy làm ăn vui-vẻ, phố-xá đâu có người An-Nam là có vẻ sầm-uất cả, khác hẳn cái cảnh-tượng những xóm người Lào ở tịch-mịch yên-ổn. Có sang đây mới biết cái sức bành-trướng của giống Việt-Nam mình kể cũng mạnh thật.

Vậy đồng-bào được tin chúng tôi đến, liền tổ-chức các cuộc tiếp rước rất long-trọng. Nào hội Thể-thao, nào hội Ái-hữu chia nhau mà mời mà đón. Hội «banh tròn», hội «banh vợt», mở một cuộc diễn-tập ở giữa sân quần mới, họp cả học-sinh nam-nữ các trường, kể có mấy trăm đứng hai bên đường, con gái dâng hoa, con trai phất

cờ, bao nhiêu người An-Nam trong thành-phố ra họp cả đấy, đông nghin-nghịt, tứ-phía toàn người Nam cả, hầu như không có một người Lào nào, bấy giờ tưởng-tượng như mình không phải ở xứ Lào nữa mà chính là một nơi tỉnh-lỵ lớn nào ở Bắc-kỳ hay Nam-kỳ vậy.

Đồng-bào ta sang làm ăn bên Lào bấy lâu nay mới có một vị đại-thần, một nhà làm báo sang thăm lần này là lần đầu, lấy làm hoan-nghênh cổ-võ lắm. Về phần chúng tôi cũng rất là cảm-động cái cách đồng-bào tiếp rước ân-cần như vậy.

Vấn-đề di-dân An-Nam sang Lào, là một vấn-đề rất quan-trọng, chúng tôi đi du-lịch chuyến này cũng là để ý nghiên cứu. Vấn-đề này sẽ bàn trong một bài sau.

Vientiane ngày nay đã thành như một thành-phố tân-thời, không còn cái phong-vị Lào như xưa nữa. Muốn biết cái phong-vị ấy thì phải lên *Louang-Prabang* là kinh-đô nước Vạn-tượng, còn có vua quan, và còn giữ được nhiều đền chùa cổ cùng phong-tục xưa. Vì xứ Lào không phải là một nước thống-nhất như nước Nam ta xưa đâu. Chia ra Thượng-Lào, Trung-Lào, Hạ-Lào. Thượng-Lào là đất Vạn-tượng xưa, kinh-đô là *Louang-Prabang*, hiện còn có vua. Xứ này không bị người Xiêm tàn-phá, nên còn phảng-phất giữ được cái văn-minh cũ. Trung-Lào là gồm mấy tỉnh *Vientiane*, *Cammon*, *Savannakhet*, cách Xiêm có con sông Cửu-long, thường bị người Xiêm sang xâm-lấn, dân-cư đã lắm phen điêu-tàn, cho nên cái thể-thống cũ cũng không còn gì nữa, vua không có, chỉ mới đây Chính-phủ Pháp đặt một chức quan to gọi là Thanh-tra chính-trị để giúp việc quan Khâm-sứ và cai-quản các «châu mường» là các quan đầu hạt. Hạ-Lào thì có tỉnh *Bassac* là lớn nhất, giáp-giới với Cao-miên, cũng không có vua, chỉ có một chức Tổng-đốc (*gouverneur*) để đốc-suất «châu mường» mà thôi.

Gần đây Chính-phủ Pháp kỳ-ước với nước Xiêm thì lấy đường trung-tâm sông Cửu-long làm cương-giới hai nước, hữu-ngạn sông là nước Xiêm, tả-ngạn sông là Ai-lao. Tuy phân-biệt như vậy, nhưng người Xiêm người Lào cũng là một giống Thái cả, ngôn-ngữ không khác gì nhau mấy, hai bên bờ sông là ở lẫn-lộn cả, duy cách cai-trị khác mà thôi.

Về phần Xiêm ở bên bờ kia thì có đặt một chức Tổng-đốc ở *Lakhone*, đối-diện với *Thakhek*, và một chức Tổng-đốc ở *Nong-khay* để giao-thiệp với các quan-viên Pháp. Hai chức Tổng-đốc ấy lại thuộc một chức Kinh-lược Bắc-bộ nước Xiêm đóng ở *Makhay* cách *Nong-khay* bảy tám chục cây số, chức này là một chức quan to ngang bằng với chức Khâm-sứ Ai-lao.

Vientiane xưa có đến trăm cái chùa, ngày nay chỉ còn vài chục cái cũng đủ dung được một số thầy tu khá đông. Thầy tu đây là sư, lớn nhỏ đủ các hạng, toàn mặc áo cà-sa vàng, chỉ có một việc phụng-sự Phật, coi nhân hạ lắm; sáng sớm các chùa đánh chuông đánh trống râm-ran cả lên để lễ Phật buổi sáng, rồi các sư bác sư chú, tiểu lớn tiểu con, xách rổ ra phố để lĩnh của «cung-dưỡng» của các thiện-nam tín-nữ. Vì cái tục ở Xiêm, ở Lào, ở Cao-miên là dân-gian phải nuôi các nhà sư, có bố-thí cho nhà chùa thì mới có phúc.

Chùa có tiếng nhất ở *Vientiane* là *Vat-Pra-Keo*, xưa kia có thờ một vị Phật bằng bích-ngọc quí lắm, coi như một vật quốc-bảo của xứ Lào, năm 1827 bị người Xiêm cướp mất, nghe đâu họ đem về *Bangkok* dựng riêng hẳn một ngôi chùa ở trong cung vua để thờ. Chùa *Pra-Keo* bây giờ chỉ còn trơ-trọi có mấy mảnh tường đổ với mấy pho tượng mốc mà thôi. Nhưng xem kỹ những mảnh tường chạm, những pho tượng đồng lực-lưỡng, đã mấy mươi

năm chịu nắng mưa mà vẫn trơ-trơ ở giữa đám cây cao cỏ rậm, thì cũng khá tưởng-tượng chùa này khi xưa trang-nghiêm tráng-lệ là dường nào. Ngày nay vẫn giữ làm cổ-tích, ở giữa thành-phố, cạnh ngay tòa sứ, khách du-lịch đến đấy, đứng trong đám gạch đổ tường xiêu, cây trùm rễ quốn đó, không khỏi chạnh lòng kim-tích mà ngán cho cái cuộc thịnh-suy ở đời.

Chùa đẹp nhất bây giờ là chùa *Sisaket*, mới trùng-tu lại gần đây, đó là chỗ ở của vị sư trưởng làm đầu cả các chùa trong hạt *Vientiane* này. Ở *Sisaket* có một cái chùa lớn ở giữa, chung-quanh là tăng-xá cho các sư ở. Bao nhiêu tượng Phật bằng đồng, bằng đá, bằng gỗ, lớn nhỏ các hạng, sưu-tập ở các nơi chùa cổ am xưa đã đổ nát, đều đem họp cả lại đây. Tượng đủ các kiểu các hình, nào Phật ngồi tòa sen, nào Phật thề với đất, Phật nguyện chúng-sinh, Phật giẹp sông dục, toàn là những kiểu phổ-thông bên Lào bên Xiêm, các tượng Phật bên ta không có đủ được như thế. Ở một chùa *Sisaket* này tượng Phật tính cả thầy được ba bốn nghìn pho, vừa lớn vừa nhỏ, có pho lớn hơn người thật mà toàn bằng đồng đen cả, còn những tượng nhỏ thì đục vào tường thành ô mà để. Chùa này thật là một nhà bảo-tàng các tượng Phật. Còn chính nhà bảo-tàng thì hiện đương chữa lại. Nay chưa có chỗ để, những tượng tìm được ở các nơi gửi về, còn để tạm ở một cái hiên trong dinh Khâm-sứ cũ. Có một pho tượng Phật nhập Nát-bàn, hình nằm, toàn bằng đồng đen, lớn hơn người thật, đúc chạm tinh-tế lắm, thật là một vật mĩ-thuật hiếm có.

Trường Bác-cổ hiện nay đương chữa lại cái gác để kinh ở bên chùa *Sisaket*, theo đúng như kiểu cũ, coi cũng có vẻ mĩ-thuật lắm.

Lại cách *Vientiane* 4 cây số có một cái tháp lớn, gọi là *That Luông*, là nơi lăng-tẩm các vua chúa ngày xưa, giữa có cái tháp nhọn cao chót-vót, chung-quanh có vô-số những tháp nhỏ xây lên trên một cái nền vuông, có lẽ lăng là ở dưới đó, từ phía thì một dẫy hành-lang, đứng ngoài trông như một cái thành, coi cũng nguy-nga hùng-tráng lắm. Lăng này bị đổ nát, trường Bác-cổ mấy lần chữa sửa, cố giữ lấy cái qui-mô cũ, kể cũng là một nền kiệt-tác trong nghề kiến-trúc cổ của người Lào, và là cái chứng-cớ rằng xứ Lào ngày xưa đã có hồi văn-minh lắm.

Bữa chúng tôi ở *Vientiane* thì đương sửa-soạn sắp khánh-thành một viện Phật-học cũng giống như viện Phật-học ở Cao-miên, mà định làm rất long-trọng, mời đức vua ở *Luang-Prabang* cùng tăng-chúng ở các nơi về dự lễ. Tiếc ngày khánh-thành giữa vào ngày Tết nguyên-đán của ta, cho nên chúng tôi không thể ở lại để xem được.

Xem ra ý Chính-phủ Pháp có ý muốn giúp cho người Lào khôi-phục lại các cổ-điển trong nước, như mĩ-thuật, tôn-giáo, chế-độ, văn-chương, để cải-tạo lấy quốc-hồn mà gây thành một dân-tộc xứng-đáng, đủ sức chống lại với các dân-tộc láng-diềng. Chính-sách ấy rất là quảng-đại, hợp với lý-tưởng nhân-đạo của nước Pháp. Nhưng chẳng hay người Lào có đủ tư-cách hưởng được cái chính-sách rộng-rãi đó không ?

Cứ theo ý-kiến riêng tôi, — cũng có lẽ tôi hiểu lầm, nhưng đọc sách bấy lâu và quan-sát mấy ngày, thì thấy có lẽ như thế, — theo ý-kiến tôi thì người Lào bị một bên người An-Nam một bên người Xiêm lấy cái thế-lực tự-nhiên đè-ép, tất có ngày đồng-hóa theo An-Nam hay theo Xiêm, chứ không thể tự-lập được. Cứ lẽ đương-nhiên thì nước Pháp đứng giữa nên để cho Lào theo An-Nam hơn là theo Xiêm vậy.

(Còn nữa)

PHẠM QUỲNH.

CHUYỆN CỐNG CHỈNH

Bình-phẩm nhân tài rốt đời nhà Lê ai cũng thán-phục Cống Chỉnh. Tuy vậy Cống Chỉnh chỉ có tài đấy mà thôi, đến như tâm-tích thời ta không đủ phục. Hoặc bảo rằng khi Hoàng Ngũ-Phúc vào Nam phỏng không có Cống Chỉnh vị-tất đã đánh được thành Thuận-hóa; khi Nguyễn Huệ ra Bắc phỏng không có Cống Chỉnh vị-tất đã dám tiến binh vào thành Thăng-long; khi chúa Trịnh lộng-quyền, phỏng không có Cống Chỉnh thì tôn-xã nhà Lê vị-tất đã khỏi phá-hoại về tay Trịnh Phùng. Đó là chỉ khen cái tài của Cống Chỉnh mà chưa xét đến tâm-tích của Cống Chỉnh như thế nào. Người ta tự-lập ở trên đời, cốt phải có định-lực định-thức mới được là người chân-chính anh-tài. Nếu không có định-lực thì chẳng khác gì cây gỗ tròn, mạnh bên nào thì lăn về bên ấy. Nếu không có định-thức thì chẳng khác gì con đom-đóm, hễ thấy sáng chỗ nào thì bay vào chỗ ấy, cứu ra không có chủ-nghĩa chi. Cống Chỉnh trước vẫn là gia-thần Hoàng Ngũ-Phúc, sau Ngũ-Phúc mất, cháu là Hoàng Tố-Lý thay Phúc giữ binh-quyền, Lý chết, Chỉnh bỏ Lý về với Tây-sơn. Sau theo Nguyễn Huệ ra ngoài Bắc, vào yết-kiến vua Lê, vua Lê tin dùng, Chỉnh lại bỏ Nguyễn Huệ. Nhân đó mượn tiếng tôn nhà Lê ức chúa Trịnh mà vẫn âm-hành những điều tiếm-nghịch, dựng ra phủ riêng, lại lập con cả làm thế tử, mạn phép nhà Lê lại nghiễm nhiên thêm một chúa Trịnh nữa. Thời bấy giờ có câu: « *Ai đưa con sáo qua sông, mà cho con sáo xổ lồng bay cao?* » Đó là chê Cống Chỉnh là người phản-trắc, vì một sự phản-trắc đến nỗi tan xương nát thịt mà cả nước không ai thương! Kiều có câu: « *Có tài mà cậy chi tài, chữ tài liền với chữ tai một vần* » Ngạn có câu: « *Làm tôi cứ ở cho trung, chớ ở hai lòng sau hóa dở dang.* » Hồn Cống Chỉnh có thiêng ngẫm đến hai câu đó cũng phải tự-qui tự-hối ở dưới suối vàng vậy.

* * *

Nguyễn Hữu-Chỉnh xuất-hiện đương khoảng thế-kỷ thứ mười-tám, người Chân-phúc tỉnh Đông, đỗ Cống-sinh, đủ tài văn-võ. Trước làm quân môn-hạ Việp quận-công Hoàng Ngũ-Phúc. Khi Trịnh-Sâm sai Phúc vào đánh Chúa Nguyễn ở Thuận-hóa, Chỉnh bấy giờ sắp nghiên bút đi theo, từ-trát văn-thư ở một tay Chỉnh. Sau Ngũ-Phúc bị bệnh ở đất Chân-ô (thuộc tỉnh Quảng-nghĩa) sớ xin về Bắc để dưỡng-bệnh, đi đến Vĩnh-ninh thì mất ở giữa đường. Trịnh Sâm cử cháu Ngũ-Phúc là Hoàng Tố Lý quyền-nhiếp phủ-sự, thay giữ các bộ-binh. Lý thường yêu Chỉnh có tài lạ. Ngũ-Phúc mất có người tố-giác tôi Cống Chỉnh lấy trộm của công, việc ấy liên-cập đến Hoàng Tố-Lý. Chỉnh phải hạ ngục tra-khảo mấy lần, Chỉnh nhất vị không thú-nhận lẽ gì cả, vì thế Chỉnh được tha mà Lý cũng khỏi tội. Tự đấy Lý đãi Cống Chỉnh lại càng kính-trọng hơn trước. Sau Lý ra trấn Nghệ-an, cho Cống Chỉnh làm chức hữu-tham-quân, khiến luyện-tập những quân thủy-thủ để phòng-bị các mặt bể. Chỉnh giỏi nghề đánh trận ở dưới nước, dẫu sóng dữ-dội đến thế nào coi cũng như thường vậy, bấy giờ người ta gọi Cống Chỉnh là con chim riều ở mặt bể vậy. Không bao lâu Lý đổi về tổng-trấn Sơn nam, cử cho Chỉnh làm chức quản-chương tiền-quân trung-đội để đi tuần bể, kế lại sai về Nghệ-an coi các cơ-ngũ.

Đương lúc ấy Trịnh Sâm bị bệnh phong, thường ở trong nhà kín không dám ra ngoài, ban ngày cũng phải đốt đuốc. Một hôm bệnh kịch, gọi Hoàng Tố-Lý là Huy-quận-công bảo rằng : « Ngươi là một vị thần-thần của nhà vua, ta mất, vì ta ngươi phải hết lòng giúp chính, dựng con út là Trịnh Tùng nối ngôi thế-tử, khiến ta được yên nghỉ ở dưới cửu-tuyền, chính là cái hạnh-phúc cho ta vậy. » Tố-Lý vâng lời di-chúc, rước dựng qui-tử là Trịnh Tùng. Tuyên-phi họ Đặng ý muốn dựng con mình là Trịnh Cán, mật sai nội-giám là Nguyễn Đình-Ân giấu thanh gươm vào trong tay áo, vào phủ để giết Trịnh Tùng, chưa kịp giết thì cái mưu ấy đã lộ ra ngoài. Trịnh Tùng may mà thoát được, bấy giờ trong thành huyên-náo, đều nói rằng cái mưu là tự Hoàng Tố-Lý cùng với Đặng Tuyên-phi có ý phế-lập. Bấy giờ cựu-thần của Trịnh Tùng là lũ Nguyễn-Gia mật-dụ chư-quân định mưu thế nào giết được Tố-Lý để yên lòng thần-dân. Mưu đã định, ngày hôm ấy đánh trống vỗ tay kéo vào trong phủ. Tố-Lý vội-vàng chống gươm nhảy lên cật voi ra trước phủ thời đã thấy quân kéo đầy cả chung quanh, Lý liền giương cung bắn thì dây cung đứt, giương súng nạp đạn thì lửa tắt, bị chư-quân giáo đâm, ở trên cật voi ngã lăn xuống đất, bị chư-quân giết chết phân thây bỏ ra ngoài thành. Chư-quân bèn rước Trịnh Tùng lên phủ-đường, quan-quân la-bái, đều hô vạn-tuế, phong làm Đoan-nam-vương.

Chỉnh ở Nghệ-an nghe tiếng kinh-đô có biến ; nhân được tin của Hoàng Viết-Tuyển về nói sự-thế đầu đuôi như vậy, Chỉnh đương ngồi dỏn cả tóc gáy, không rét mà run. Tự nghĩ rằng : thanh-thế của mình cũng nhờ ở tay Hoàng Tố-Lý, nay Tố-Lý chết thời thế mình cô-lập, ngoài ra vũ-dực cũng không có ai để trông cậy được. Bèn mưu với Nguyễn Giao là tổng-trấn Nghệ-an, cùng với Thuận-hóa tiếp-giới nói rằng : « Phó-tướng là Hoàng Đình-Thể, quan thủ đồn Đông-hải là Khôi-thọ-hầu, hai người ấy vốn cùng với tôi có nghĩa đồng-châu, tình-ý vãng-lai rất là thân-mật. Ta nên mật-thư nói với Hoàng Đình-Thể lập kế giết đại-tướng để giữ lấy thành, thời Khôi-thọ-hầu thế tất phải mang binh đến ứng-viện ; ông thời cứ giữ lấy bản-trấn, sai quân tiệt con đường Hoàng-mai, không cho quân Bắc-hà kéo đến, rồi đem trọng-binh đóng ở huyện Quỳnh-lưu, để làm kế cố-thủ sau này. Đến như tuần-phòng các cửa bể thời giao-phó mặc tôi, không phải quan-ngại chi cả. Nếu nghe lời tôi, thời không những là thoát nạn mà sau này cũng có thể lập được cái công-nghiệp to-tát ở trên đời. » — Nguyễn Giao nói : « Mưu ấy rất hay, nhưng tài tôi không thể đương được, nên nghĩ kế khác. » Chỉnh nói : « Nghĩ kế khác thì chỉ có bỏ trấn mà đi thì yên hơn cả. » Giao nói : « Bốn phương loạn-lạc, thoát đi đường nào, người chứ có phải chim đâu mà bay cho thoát được ! » Chỉnh nói : « Bể lớn sông dài, trời cao đất rộng, há không có chỗ nào để dung thân hay sao ? » Giao hồi lâu ngẫm-nghĩ chưa quyết, bảo rằng : « Việc này xin thong-thả, để tôi nghĩ kỹ nên chăng thế nào. » Chỉnh cau mày nói rằng : « Ngày nay sự-biến đã đến nơi, định thế nào thời phải giải-quyết ngay, nếu dùng-dằng thì việc đến sau gây, làm thế nào kịp ! » Liền đứng dậy cáo Nguyễn Giao ra về, sớm mai thanh-ngôn rằng quan trấn-thủ sai mình ra tuần ngoài bể, mật đem cả vợ con ra thuyền vượt bể vào trong Nam.

Đoạn rồi Chỉnh ở trong Nam bỗng có người nhà ở Nghệ-an đưa mật-chiếu của triều-đình đòi Cống Chỉnh ra Bắc. Chỉnh hỏi người nhà hiện-tình ngoài

Bắc như thế nào. Người nhà nói : « Nay Trịnh Tùng đã có sắc vua Lê phong cho làm Đoan-nam-vương, con cháu ông Huy-quận-công thời bị tru-lục. Vả nay tường lười binh kiêu, Triều-đình không thể ngăn-cấm được, gia-dĩ chính-lệnh phiền-hà, dân-tình khổ-sở, nói bao nhiêu lại đau ruột bấy nhiêu. » Cống Chỉnh biết tin, vào yết Nguyễn Nhạc, đem sự-thế ngoài Bắc, nói cho Nguyễn Nhạc nghe, và nói với Nguyễn Nhạc rằng : « Cái cơ-hội ngày nay có thể đồ đại-sự. » Nguyễn Nhạc vừa ý gật đầu, liền dùng Chỉnh làm gia-tướng. Rồi mà Chỉnh lại khuyên Nguyễn Nhạc trước nên đem quân lấy thành Thuận-hóa, rồi kéo ra Bắc-hà đánh chúa Trịnh. Nhạc nghe vừa dứt lời, liền sai Nguyễn Huệ tiết-chế thủy-bộ mọi quân, cử Vũ Văn-Nhâm làm tướng tả-quân, Nguyễn Chỉnh làm hữu-quân, chia đạo kéo vào đánh thành Thuận-hóa.

Lúc ấy Phạm Ngô-Cầu trấn-thủ ở Thuận-hóa chỉ chuyên việc đánh thuế những người buôn-bán, chiếm hết lợi-quyền, nhiều người ta-oán. Nguyễn Huệ thừa-cơ ấy, kéo binh qua cửa Hải-vân, tiến vào thành Thuận-hóa. Phạm Ngô-Cầu còn đương bày lễ cúng-tế, bắt những quân-sĩ phải phục-dịch ngày đêm, không được nghỉ-ngơi, nên họ cũng có lòng oán-thán. Quân Nguyễn Huệ đi đến chỗ nào, đều ra hàng-phục, không có một người nào dám chống cự, duy có phó-tướng là Hoàng Đình-Thể đem bộ-binh ra chống, cha con Đình-Thể hai người đều bị chết trận. Nguyễn Huệ dẫn quân vào đóng ở trong thành, rồi sai ti-tướng lấy đồn Đông-hải. Quan đốc-đồng là Linh-Lốn bỏ đồn chạy. Nguyễn Huệ đã lấy được thành Thuận-hóa, sai quân-tướng sửa các đồn-lũy. Tống Chỉnh nói với Nguyễn Huệ rằng : « Nay tướng-quân một trận mà thành-công, uy-thanh nhức cả thiên-hạ. Hiện ở Bắc-hà tướng lười binh kiêu, triều-đình không có cương-kỷ, ta nên thừa-thế kéo binh ra Bắc để lấy thành Thăng-long, chính là cái cơ-hội trời giúp anh-hùng vậy. Vả cái đạo dùng binh một là *thời*, hai là *thế*, ba là *cơ*, như nay tướng-quân thời-thế cơ-hội có cái cơ làm được, mà chẳng làm thì chả hoài lắm dư? » Nguyễn Huệ cau mặt nói rằng : « Ta nghe Hà-bắc nhân-tài còn nhiều, đừng nên khinh-suất. Dẫu thời-thế làm được, nhưng ta phải nghĩ cho kỹ, làm thế nào cho được vạn-toàn thủ-thắng thời mới phải là bậc anh-hùng. » Chỉnh thưa rằng : « Bắc-hà nhân-tài duy có Chỉnh mà thôi, Chỉnh này đã đi thời không có người nào là địch-thủ, xin tướng-quân đừng nghi. » Nguyễn Huệ mỉm cười mà rằng : « Người khác ta lại không nghi mà ta chỉ nghi Chỉnh đó mà thôi! » Chỉnh nghe nói dật mình, như là sét đánh bên tai. Từ tạ rằng : « Tướng-quân nghi gì tôi? Bắc-hà đã hai trăm năm nay có vua mà lại có chúa, thực là một cái đại-biến xưa nay chưa từng có bao giờ. Họ Trịnh ngoài mặt giúp nhà Lê, kỳ-thực là hiếp-chế, người nước oán họ Trịnh đã lâu. Vả tôi nghe kiểu đất họ Trịnh có câu rằng : « *Phi vương, phi bá, quyền khuynh thiên-hạ, tộ truyền nhị bách, tiêu-tường khởi họa* 非王非伯權傾天下祚傳二百蕭墻起禍. » Cứ câu ấy mà suy, kể từ Trịnh Kiểm đến Trịnh Sâm đã đủ số hai trăm năm. Tướng-quân thừa được cái vận-hội này, mượn tiếng phù Lê diệt Trịnh, để kéo quân ra Bắc, thời thiên-hạ ai cũng tín-phục, còn nghi-ngại gì? Chính là thiên-tải nhất-thời vậy! » — Nguyễn Huệ nói : « Quả như lời ngươi, thật là hảo-sự, hợp với ý ta. Nhưng chỉ vì ta vâng mệnh đi lấy Thuận-hóa, ta chưa có vâng mệnh ra đánh Bắc-hà, sợ phạm tội kiêu-chế thời sao? » Chỉnh nói : « *Xuân-thu* có câu rằng : « Tội kiêu-chế là nhỏ, công đánh giặc là lớn, dẫu

kiểu chế không hại chi.» Vả đời xưa quan tướng ở ngoài, quyền ở quan tướng, dẫu mạnh vua không tuân cũng được, nghĩa là chấp-kinh cũng phải tòng-quyền, tướng - quân chửa từng hiểu hay sao ? » Huệ nghe lọt tai, lấy làm khoái-chí, lập-tức sai Chỉnh chọn các đạo thủy binh kéo ra ngoài cửa bể Đại-an, mà mình thời thống-lĩnh các đại-binh đi thuyền theo sau,ước với Chỉnh đến sông Vị-hoàng, đốt lửa để làm hiệu, khiến cho nhận cửa bể ở đó để khỏi sai đường. Khi Nguyễn Huệ kéo quân ra bể, nhờ được gió nam thổi mạnh, nghìn chiếc thuyền giương buồm chạy nhanh như ngựa, không đến tuần-nhật mà đã tiến đến sông Vị-hoàng, cờ quạt gươm giáo đầy cả khúc sông, đứng trên bờ trông xuống rất là nghi-vệ.

Hôm trước chúa Trịnh nghe tin Cống Chỉnh dẫn Nguyễn Huệ ra Bắc, đặc cử cho Trịnh Tự-Cường làm thống-lĩnh, đem quân hai mươi bảy cơ vào Nghệ-an để hãn-ngự,nhưng không ngờ Tự-Cường có tên là Tự-Cường mà vẫn có tính tự-nhược, nghe tiếng Nguyễn Huệ sợ như cọp rừng, đóng quân một chỗ, rồi đem lương xưởng mật chôn ở đàng sau vườn, hễ thấy quân Nguyễn Huệ đến thì định kế tẩu-thoát. Nhưng không biết Nguyễn Huệ đi thuyền ra bể, chứ không ra lối Nghệ-an. Bấy giờ Trịnh Tùng chiếu đòi Tự-Cường đem quân về đóng Sơn-nam. Lại sai Đinh Tích-Nhưỡng đem quân ra đóng ở bến Nông (tức là xã Canh-nông, nay thuộc tỉnh Thái-bình). Quân Nguyễn Huệ kéo thuyền qua khúc sông ấy, hai quân giáp nhau, tên và đạn bắn như hoa mưa. Bấy giờ trời đã tối, Nguyễn Huệ chọn mấy cái thuyền không, kéo buồm đi trước. Trong thuyền đặt gỗ giả làm hình người, người thì cầm chèo, người thì cầm giáo. Ban đêm trông ngỡ là người thật, quân Tích-Nhưỡng thấy thế đem súng nổ ra bắn, đến khi đạn tên đã hết thời sáng rõ mới biết rằng mình bị phải cái lừa to. Bèn đậu thuyền lại xem quân Nguyễn Huệ đi lối nào. Ngờ đâu Nguyễn Huệ thấy những thuyền chiến-binh mới kéo đến, phát mấy tiếng súng vang cả khúc sông, những cây cổ-thụ bên sông đều bị đổ cả. Quân Tích-Nhưỡng kinh sợ chạy như đàn vịt, dẫm phải nhau mà chết, nằm dựa bãi sông, không biết bao nhiêu mà kể. Tích Nhưỡng may chạy được thoát, cũng là hú vía. Quan Trấn-thủ Sơn-nam là Đỗ Thế-Dạng bỏ trấn mà chạy lấy mình,còn quân Tự-Cường đóng ở Kim-động (thuộc Hưng-yên) nghe tin Sơn-nam thất-thủ cũng bỏ chạy nốt. Lúc ấy Nguyễn Huệ thừa-thắng tiến quân vào Thăng-long. Trong thành các quan văn-võ đều sợ mất vía, không một người nào dám đem binh ra chống cự. Trịnh Tùng nghe tin cáo-cấp cùng với Trần Công-Sán vào phủ hỏi mưu chống giặc như thế nào. Sán thưa rằng: « Giặc đã đem quân kéo vào chỗ trung-địa, binh-gia lấy làm tối-kỵ, ta nên dụ giặc vào chỗ nội-địa, rồi đem quân vây bốn mặt thời giặc thoát đàng nào. Vả đất Thăng-long là căn bản của Triều-đình, không nên vội bỏ, vạn-nhất có nguy-biến thế nào, cũng nên trở lưng vào thành quyết đánh một phen để phân thắng-phụ mới phải ». Chúa Trịnh nghe nói lấy làm phân-vân, lại vời quan Trấn-thủ Sơn-tây là Hoàng Phùng-Cơ đến vấn-kế. Cơ thưa rằng : « Nay nhà vua ngộ-biến như thế này, cha con tôi chín người nguyện thiên-địa lấy một cái chết để báo nước, thề không cùng với giặc Tây-sơn cùng sống ». Trịnh Tùng khen người có nghĩa-khái, cấp cho bạc năm mươi lạng để đi việc quân, rồi sai Phùng-Cơ bày trận ở sông Thủy-ái. Thốt-nhiên quân Nguyễn Huệ vào chém tứ-tung, Phùng-Cơ cùng với con tám người ra sức chống đánh với Nguyễn Huệ. Sáu

con bị chết trận, duy Phùng-Cơ cùng với hai người con chạy được thoát nạn, còn những quân-ngũ chạy đâm xuống hồ Vạn-xuân, chết nổi như rác. Không bao lâu Nguyễn Huệ kéo binh đến Tây-luông (thuộc Hà-nội), chúa Trịnh bày trận ở trước lầu Ngũ-long. Nguyễn Huệ sai quân đốt hỏa-hồ ném vào trong lầu, quân chúa Trịnh sợ chạy. Chúa Trịnh thấy thế cỡi voi trở về phủ thời đã thấy cờ Tây-sơn kéo ở ngoài cửa, lấy làm ngạc-nhiên, bèn suất tướng-sĩ hơn trăm người lên cửa An-hoa chạy ra Sơn-tây. Huệ tiến quân vào thành, tận-thu châu-báu vóc nhiễu của phủ chúa Trịnh, ban thưởng cho quân-sĩ, rồi hạ lệnh cho các dân-sự đâu đấy yên nghiệp làm ăn, không được náo-động.

Trịnh Tùng lúc ấy chạy đến huyện Yên-lãng, thổ-hào ở đất Hạ-lôi là Nguyễn Trang bắt giải về kinh-sư, địa-phương tiến-sĩ là Lý Trần-Quán, nghe tin chúa Trịnh bị bắt, tìm đến tận nơi, lấy nghĩa quân-sư cật-trách Nguyễn Trang. Trang đáp rằng: « Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu vua không bằng yêu mình, tôi không dại như ông. » Quân giận quá muốn cứu chúa Trịnh, nhưng không biết làm thế nào, hai hàng nước mắt hướng chúa Trịnh mà khóc rằng: « Than ôi, trời ơi, chúa tôi sao đến nỗi cực như thế này? Trời ơi! » Nhân nói với Trang cho chúa vào trong quán nghỉ chân uống nước. Chúa mượn được con dao con nhà hàng đâm cổ chết. Nguyễn Trang đưa xác về kinh nộp Nguyễn Huệ. Huệ sai quân-sĩ sắm sửa quan-quách rất là cẩn-thận, đãi như lễ vương-giả, rồi đem chôn ở bên mộ Trịnh Căn. Rồi phong cho Nguyễn Trang làm Trang-liệt-hầu, lại gia cho chức trấn-thủ Sơn-tây. Trần Quán lưu lại nhà trọ trong lòng phẫn-uất, bảo với quân-chủ rằng; « Nay chúa Trịnh chết, nếu tôi không chết thời tôi không bạch được cái tấm lòng tôi đối cùng trời đất. Nhờ ngươi sắm cho tôi một cái quan gỗ, đào cái huyệt ở sau vườn, để quan xuống đó. » Rồi mặc mũ áo hướng về mặt nam, lạy hai lạy rồi trút mũ ra, lấy vải trắng làm khăn, lưng thắt một cái đai lớn nhảy vào trong săng nằm, miệng đọc câu rằng: « *Tam niên chi hiếu dĩ hoàn thập phân chi trung vị tận* 三年之孝已完十分之忠未盡. », nghĩa là đạo hiếu ba năm đã toàn, lòng trung mười phần chưa hết. Đọc xong sai quân-chủ đậy săng lại lấp đất lên. Trần-Quán cũng là một người có tiết-khái ở đời Hậu-Lê vậy.

Đoạn rồi, Nguyễn Huệ vào yết-kiến vua Lê ở đền Kính-thiên và sai Cống Chỉnh dẫn những bộ-tướng vào chầu, rồi lại đem dâng cả bạ-tịch đình-điền. Vua Lê khoản-đãi Nguyễn Huệ rất hậu, phong cho Nguyễn Huệ chức Nguyên-súy Uy-quốc-công.

Huệ nhân tờ phong bảo với Chỉnh rằng: « Nay thiên-hạ một tấc đất một người dân đều ở tay ta, nếu ta xưng đế xưng vương tưởng cũng không khó; phương-chi cái chức Nguyên-súy ta có cần chi. Nay Bắc-hà triều-đình lại muốn đem cái hư-danh mà lung-lạc ta hay sao? Đừng có bảo ta là rợ man-mạch, được cái tiếng Nguyên-súy đã làm vinh-dự đâu! » — Nguyễn Chỉnh nghe nói biết Huệ có ý miệt-thị vua Lê bèn tâu với vua Lê đem công-chúa gả cho Huệ. Vua theo lời bèn đem công-chúa là nàng Ngọc-Hân gả cho để đẹp lòng Nguyễn Huệ.

Nguyễn Nhạc ở Nam nghe tin Nguyễn Huệ đã lấy được Kinh sư, sinh lòng nghi-kỵ, liền suất năm trăm quân bội-đạo kéo ra ngoài Bắc. Khi mới đến kinh, vua Lê suất bách-quan ra rước ở ngoài cửa Nam-giao. Nhạc sai người tâu với vua Lê về cung xin đợi ngày khác sẽ vào yết-kiến. Nhạc biết rằng

nhân-tâm ở Bắc-hà vẫn còn ái-đới nhà Lê, bèn định ngày vào yết-kiến tâu với vua Lê rằng: « Tôi lâu nay vẫn giận bọn cường-thần ức-chế, nên tôi đem binh ra đây có ý tôn-phù chính-thống, còn như tôn-xã nhà Lê, tôi không dám xâm-phạm chi cả.» Vua Lê lấy làm tin lòng, lưu Nhạc ở lại để giúp chính, Nhạc giả - cách vâng lời, sai Nguyễn Chỉnh chọn ngày nào tốt sắm lễ vào yết Thái-miếu nhà Lê. Cống Chỉnh tưởng là thật, thốt-nhiên đêm hôm ấy vừa trống canh ba trong phủ yên lặng như tờ, Cống Chỉnh mật đi trinh-thám, thời thấy Nguyễn Nhạc cùng với Huệ đem các tướng-sĩ lục-tục bọn thì đi thủy, bọn thì đi bộ, kéo vào trong Nam, còn những đồ-tịch châu-báu ở trong thành cùng là voi ngựa khí-giới thu lấy hết sạch. Nguyễn Chỉnh hoảng sợ, không biết tình-ý ra làm sao, liền vội-vàng thuê thuyền để đuổi theo Nguyễn Nhạc. Người ở kinh-thành ai cũng ghét Chỉnh, khuân những gạch đá ném như hoa mưa. Chỉnh may được thủ-hạ hai người hết sức che chống mới được thoát nạn.

Bấy giờ Nguyễn Chỉnh theo Nguyễn Nhạc không kịp, bèn đến cửa bể Hội-thống, chiêu-dụ hào-mục, thu nhặt quân-sĩ, mượn tiếng phù Lê diệt Trịnh, để khởi-binh. Trong một tháng được quân hai vạn, vua Lê nghe tin mật viết thư vời Cống Chỉnh đem binh vào trong cấm-vệ để phòng-bị quân Tích-Nhưỡng. Nhân lúc ấy Tích-Nhưỡng có ý lăng-tiếm và đối với sĩ dân nhiều sự tàn-ngược. Vua Lê ghét Nhưỡng, nên mới có chiếu đòi Chỉnh về kinh để giúp chính. Khi Chỉnh mới đem quân về kinh, Trịnh Phùng cử Đốc-đồng là Phan Huy-Ích mộ quân tỉnh Thanh tỉnh Nghệ cùng các thổ-hào để đánh Chỉnh ở Ngọc-sơn, Huy-Ích bị Chỉnh bắt được, Chỉnh đã được trận, thanh-thế nhức cả trong ngoài. Trịnh Phùng kinh sợ bèn sai Dương Trọng-Tế đem binh chống đánh, quân Nguyễn Chỉnh kéo đến sông Thanh-quyết, Dương Trọng-Tế đem quân lùi về Kinh-bắc, quân Chỉnh tiến đến kinh-thành, Trịnh Phùng kinh-sợ đêm trốn sang Kinh-bắc.

Vua Lê sai bách-quan ra ngoài cõi rước Cống Chỉnh, Chỉnh vào triều, phong cho Bằng-quốc-công, gia chức Bình-chương quân-quốc trọng-sự. Tự đấy Nguyễn Chỉnh đắc-chí kiêu căng, uy-quyền tiếm-lộng, viện-dẫn đảng-thuộc cho làm quan khắp cả trong triều ngoài quận, phàm chính-sự quân-quyền một tay mình xếp đặt, lại mở phủ riêng ở bên đông cấm-thành, khiến con là Nguyễn Hữu-Du lưu ở trong phủ, theo như thế-tử chúa Trịnh khi trước. Vua Lê biết Cống Chỉnh có ý lăng-bức, sinh lòng chán ghét, mật mưu với lũ Ngô Vi-Qui vời Chỉnh vào trong điện bàn việc rồi đánh thuốc độc cho chết. Một hôm Vũ Chính vào chầu, vua Lê đem cái mưu ấy mật bảo với Vũ Chính, Chính can rằng: « Nay vũ-dực của Cống Chỉnh dầy khắp trong triều mà binh-quyền thống-thuộc ở tay họ, vạn-nhất mưu ấy tiết-lộ thời tôn-xã làm thế nào ? » — Mưu ấy bèn thôi.

Nhắc lại từ khi Nguyễn Huệ để Cống Chỉnh lưu ở Nghệ-an, sau nghe Cống Chỉnh lại ra Bắc-hà giúp vua Lê mà giữ cả quyền-chính. Lại xui Nguyễn Duệ giữ lấy xứ Nghệ để chực làm phản Tây-sơn. Võ Văn-Nhâm dò biết tin ấy báo về cho Nguyễn Huệ biết. Huệ liền sai Văn Nhâm đem quân ra Nghệ-an bắt Duệ, và đưa thư ra Thăng-long trách Chỉnh và đòi phải về trong Nam. Chỉnh mật đưa thư nói với Văn-Nhâm rằng:

— Tôi trước bỏ nước về trong Nam, nhờ ơn cho ở chốn mạc-phủ, theo cầm cung roi đã bốn năm năm. Mùa thu năm ngoái, chúa công về mà không bảo tôi, vẫn biết chúa-công thử

tôi xem chí tôi theo hay bỏ. Bấy giờ người ngoài Bắc cố lưu tôi, mà tôi quyết-chí bỏ về với chúa-công, tưởng chúa-công cũng đã biết bụng tôi rồi. Khi tôi vào hầu ở Vinh-doanh, chúa-công lại bảo tôi rằng: « Quận Thạc, quận Nhưỡng làm loạn, anh phải ở lại mà dẹp.» Tôi vâng lệnh không dám tiếc mình, xông-pha mũi tên hòn đạn, đánh dẹp bọn ấy. Tôi chỉ mong dẹp yên hai người ấy, thì lập-tức cưỡi ngựa về trong Nam. Bữa trước đánh ở Sơn-tây, mới bắt được quận Nhạc; còn quận Nhưỡng vùng-vẫy ở xứ Hải-dương, còn phải đánh dẹp, bởi thế tôi chưa về triều được. Người ta không biết bụng tôi, thấy tôi ở ngoài Bắc-hà, đặt lời gièm-pha. Sao không xét cho tôi tự khi chúa-công về rồi, tôi ở Nghệ-an chỉ hơn mười ngày, lúc nào rồi mà bàn với Nguyễn Huệ? Tình đầu như thế, không nói cũng rõ. Nhờ tướng-quân nói với chúa-công, thì tôi được nhờ ơn nhiều lắm!

Văn-Nhâm được thư, biết rằng Cống Chỉnh có ý sợ-hãi, mới nói thoái-thác ra thế. Bèn lấy lời đáp lại tử-tế, cho Chỉnh yên lòng, để mình sắp-đặt việc Nghệ-an cho xong đã sẽ hay. Chỉnh vẫn ngờ rằng mình đã nói lừa được Văn-Nhâm, việc trong Nam không cần phải lo nữa.

Bấy giờ người Bắc-hà nghe tin Văn-Nhâm dương kén lấy lính Nghệ-an, dồn rầm lên rằng quân Tây-sơn không bao lâu tất lại ra Thăng-long, chốn kinh-thành sắp làm chỗ chiến-trường; nhân-tình xôn-xao, cùng rủ nhau đi tránh loạn.

Quả-nhiên, Văn-Nhâm dẹp yên Nghệ-an rồi, thừa-thắng liền kéo quân ra Bắc. Chỉnh nghe tin báo, sai con là Hữu-Du đem quân đi đón đánh bị thua. Chỉnh liền đưa vua Lê chạy sang Kinh-bắc, quân-sĩ đều tán-lạc bỏ chạy hết cả, còn hơn 400 người, Chỉnh bèn dẫn quân đến núi Tam-tầng, đắp lũy ken rào để chống giữ. Khi ấy Văn-Nhâm sai bộ-tướng là Nguyễn Văn-Hòa đuổi theo kịp, vua Lê phải chạy lên huyện Yên-dũng, bà Thái-hậu cùng bọn Lê Quýnh thì chạy lên Cao-bình rồi trốn sang Tàu. Quân Tây-sơn đuổi kịp Chỉnh đến núi Tam-tầng, con Chỉnh là Hữu-Du bị tử-trận, Chỉnh thì bị bắt đem về Thăng-long nộp Văn-Nhâm.

Văn-Nhâm sai kể tội Chỉnh rằng:

— Nhà ngươi vốn là tôi họ Trịnh, sau lại làm phản mà trốn về theo chúa-công ta, để mưu diệt Trịnh; rồi lại phản chúa-công ta mà ra ngoài Bắc, lừa dối vua Lê để làm quan lớn, hách-dịch chuyên quyền, toan mưu chiếm nước, để cùng với chúa-công ta tranh-đánh, xét cái đời ngươi đều là theo thói loạn-tặc, nên phanh thây mổ ruột ngươi ra để người Bắc-hà coi đó làm răn!

Liền sai phanh thây giết Cống Chỉnh.

Trước kia Nguyễn Huệ đã có câu thơ đưa nhắn Chỉnh rằng:

Ai ra ngoài Bắc nhắn chim (1) *cùng,*
Lông cánh bao nhiêu dám vẫy-vùng;
Lồng-lộng trời trời sao thoát đặng,
Rồi xem ta bắt bỏ vô lồng.

PHỤC-BA

(1) Người thời ấy gọi Chỉnh là chim Bằng ở bể, vì Chỉnh được phong là Bằng-quận-công.

TRUYỆN QUAN TRẠNG KHIẾU (1)

II

III. - Học mãi rồi phá ngu

Vả nói Bé-con con ông lão đốp, từ khi bẩm ngôi đất Đường-Cồng phát-tích sinh ra, lúc còn trẻ con, chỉ chơi-bời lêu lổng, tính-nghịch không chịu học, song khí-phách cũng đã khác người thường, đến năm 15 tuổi, ông thầy địa-lý tàu họ Quách lại sang, đi qua phúc lại ngôi đất, hỏi ra biết trời cho nhà ông lão đốp, đã phát ứng sinh con trai rồi. Ông thầy Tàu gật đầu mà rằng: « Đất đã phát-sinh, mà thời-kỳ chưa đến, nên ngọc-nữ chưa tị-kiên, thần-đồng chưa phụ-nhĩ, đất này hồ-bão long-sa, chỗ kết huyệt đột-khởi hai con kim-tinh, cồng to hơn lệnh, khi phát-phúc thế nào cũng phải ỷ-thế lập-nghiệp mới thành-tài. »

Năm ấy kỳ làng vào đám, Bé-con vào biếu phần, ngờ đâu con gái thứ ba quan Thượng Lê trong làng là Hồng-Ngọc tiểu-thư bỗng trông thấy mà động lòng thương mến, nổi bệnh tương-tư, rồi thành ra hẹn bề thề non, xe tơ kết tóc, quyết chí đưa chồng đi nơi xa, tìm thầy bạn cho học, thế là đất ngọc-nữ tị-kiên đã ứng hiện.

Vợ chồng ông lão đốp cũng sẵn lòng thương con, ưng cho Bé-con đi với tiểu-thư để tìm nơi tập học.

Tiểu-thư thu vén tư-trang được năm bảy trăm, đưa chồng đi vào Thanh-hoa, nhân ở đó có một ông hưu-quan là bạn cũ với cụ Thượng Lê, xưa đỗ Hoàng-giáp, làm đến Quốc-tử-giám tư-nghiệp kiêm Học-bộ thượng-thư, ngoại 60 tuổi về hưu-trí, dạy học ở nhà quê, những học trò đến tập đông như kiến, cũng nhiều người thi đỗ đại-khoa, đó là trường quan Thượng Học họ Phùng, ai nấy đều cũng khen là nhà văn-chương đại-bút; khi đó tiểu-thư đưa chồng vào, nhận là em, con trai út quan Thượng Lê, nhưng vì học dốt và lười biếng, cha ghét đánh đuổi đi, chị xót thương vì em, phải kiếm vốn đưa em đi xa, buôn bán nuôi cho em học, đợi khi em thành-danh sẽ đưa về.

Khuyên chàng nữu sử sôi kinh,
Xa tìm thầy bạn nhận tình chị em.

Cụ Thượng Học nghe nói là con quan Thượng Lê, cha giận con hư, chị khuyên em học, thì tiểu-thư đáng con nhà khuê-các, có giáo-dục, nên cụ cũng sẵn lòng khuyên dạy cho, vì con bạn cũng như con mình. Cụ liền bảo tiểu-thư ở đó với quan bà; sửa cho một buồng riêng, để khuya sớm vào ra khép mở, mà buôn bán nuôi cho em học, cậu em cũng cho trọ nhà ngoài với các cậu công-tử con quan mà học, cho tiện nơi sách đèn.

Nhưng chỉ khốn vì Bé-con từ khi mười-lăm tuổi về trước, chỉ quen chơi lêu-lổng với con nhà xường trâu bẫ mía, trái tim đã lấp đầy cỏ rác, bây giờ mới vỡ lòng, thì dẫu quan thầy có bắt xơi đầu cá chép, uống nước sa giữa dòng, cũng khó lòng mà học được, nên từ khi bắt đầu vào học, thấm-thoắt nửa tháng trời, chỉ kêu được hai câu: « Trời cho thông-thốc; thánh phò công cốc. »

Cụ Thượng Học lắc đầu mà rằng: « Cô em nói thế nào chứ cậu em con cụ lớn dâu có đến nỗi dốt quá thế như thế! thầy chịu không dạy được! Thôi cô em nên hãy đưa em

(1) Xem tiếp Nam-Phong số 157.

về nói với cụ lớn tìm thầy khác cho em học, họa có thánh trạng nào dạy nổi chăng? chứ thầy đây thì chịu!»

Các học trò nghe nói, đều bưng miệng cười thầm, bảo nhỏ nhau rằng: « Quái sao hắn lại học « thông-thốc công-cốc », hay là con nhà mõ, chứ con cụ Thượng đâu lại có cha hồ-mang đẻ con liu-điu thế! »

Tiểu-thư nghĩ ngán quá, bèn cáo-từ đưa chồng về. Về đến đò Non-nước tỉnh Ninh-bình, trời tối không sang được đò, vào chùa hang xem, nhân ngủ trọ lại ở đó, đêm tiểu-thư bỗng nằm chiêm-bao thấy thần-linh gọi bảo: « Á Ngọc-nữ kia, chồng của nàng chính là Trạng tân-khoa khoa sau đó, song chỉ vì tự bé sa hèn, chơi lêu-lổng không chịu học, nên thần-đồng chưa phụ-nhĩ, là cốt để mở lòng cho, biết gắng công chịu khó, sau mới có thể học được. Sớm mai nàng nên làm lễ chiêu thần-đồng, tự-khắc ngài mở lòng cho, lần thấy nước chảy đá mòn, mà nức lòng muốn học, thì nàng lại nên đưa lại nhà thầy trước mà học, học một hay mười, chỉ ba năm là quyết khoa được »

Tiểu-thư đương thần-hồn phảng-phất, bỗng trận gió thổi vào chùa hang, vội giật tỉnh dậy, sớm mai sửa lễ, cậy nhà sư chiêu thần-đồng, rồi vợ chồng đưa nhau lên núi Non-nước chơi, ngồi trông xuống nghẽn sông đá thắt cổ bồng, nước xô tầng sóng, Bé-con thấy nước chảy đá mòn, sực động lòng muốn học.

Ngẩm vầng Non-nước mà xem,
Đá mòn nước chảy là điềm khuyến ta.

Bé-con mới cất tiếng bảo tiểu-thư rằng: « Này nàng ơi, hãy xem kia nước chảy như thác, đá vậng phải mòn, người ta gắng công dùi mài, học mãi rồi cũng phải phá ngu. Giờ tôi trông thấy núi sông hiện ra điềm như kia, như xui lòng tôi lại muốn học, hay là nàng lại rầu lòng mà đưa tôi lại để tôi gắng sức mà học, họa may có phá ngu, kẻo hoài phí mất công-lênh của nàng dắt-díu tôi từ bấy đến giờ, nếu nàng không chịu đưa tôi lại mà cho tôi học nữa, thì tôi cũng đành nhảy xuống sông mà thác, hóa làm hòn đá kia, để mượn làn nước chảy mà mài giũa khúc lòng đen tối chớ không còn mặt mũi nào dám về nhà mà trông thấy cha mẹ nữa. »

Trót lòng dan díu vì hoa,
Đá mòn nước chảy chi mà quản công.

Tiểu-thư nghe biết là thần-đồng đã mở dạ cho chồng, bèn bắt lấy tay mà rằng: « Ơi chàng ơi, cùng nhau trót đã nặng lời thề, thiếp quản chi lên thác xuống ghềnh. Vả bây giờ thiếp đã trót đưa chàng đi, nếu chàng không được nên danh, thì thiếp cũng toan mượn làn nước biếc mà rửa thẹn má hồng, chớ thiếp còn mặt nào về trông thấy cha mẹ và chị em, cho làng nước bà con mai-mỉa, vậy bây giờ thiếp đành cũng rầu lòng xin đưa chàng lại, chàng phải biết sự học cốt ở mình, phải chịu thương chịu khó, ngồi nghĩ tinh-thần, người một mình trăm, người mười mình nghìn, họa may trời có mở lòng cho, thầy mới có nên mà dạy được, hễ có công mài sắt, ắt có ngày nên kim, nếu chuyến này trở lại, chàng học lại chẳng ra gì, thì phận-mệnh liễu-bồ của thiếp, gồng-ghính giang-sơn không nổi, chẳng thà thác xuống suối vàng cho xong quách, chứ còn mặt nào mà về nữa hử chàng? »

Phận bồ gồng quảy non sông,
Không nên chẳng thẹn má hồng lắm ư!

Vợ chồng bàn-soạn xong, lại quyết đưa nhau lại.

Cụ Thượng Học coi thấy lấy làm lạ, hỏi: « Sao cô em lại còn đưa cậu em lại làm gì, người ấy không có thể học được, thiên-tư kém quá, không phải là bác tiếc công không dạy đâu,

dù thành trạng nào cũng không dạy nổi. »

Tiểu-thư lặng nghe, khép tràng-áo mà thưa rằng : « Bẩm cụ lớn, cửa ông thợ mài không từ hòn ngọc vết, cửa ông thợ chạm không chê cây gỗ oeo, em con dù có thiên-tư kém, xin cụ lớn dạy dẫn, họa may được nhờ bút-trạch của cụ lớn, trời mở dạ cho, thì cha mẹ con và chúng con đều được đội ơn ; đạo thánh là đạo rộng, xin cụ lớn dủ lòng thương cho.»

Cụ Thượng Học nghe nói, nghĩ cảm tình bạn cũ, xót nỗi con nói, không lẽ cố từ chối mãi, bèn lại bảo sửa lễ, mua cá chép tươi, múc nước sa giữa dòng sông cái, khấn thánh và chiêu thần-đồng, vỡ lòng lại cho Bé-con học.

Đêm hôm ấy cụ Thượng Học nằm chiêm-bao, thấy thần-linh cho bốn chữ. « *Hữu giáo vô loại* 有教無類 », nghĩa là có phép dạy không kể loài. Sớm mai cụ trở dậy nghĩ bốn chữ chiêm-bao, lấy làm lạ, song chưa tán ra làm sao, chỉ đoán rằng : « Có lẽ Bé-con không phải là con trai cụ Thượng Lê, chứng con nhà hèn-hạ thế nào, mà Tiểu-thư Hồng-Ngọc vương mắc tơ tình, nên quan Thượng đuổi vợ chồng đi chăng? Nhưng sự đó cũng chưa hiểu rõ. »

Quái lạ thay ! từ đó Bé-con học một hay mười, hình như đã phá ngu, mà lại có thần-đồng phụ-nhĩ, phàm kinh, truyện, sử, tử, và trích-quái truyền kỳ, các sách vở nội ngoại, chỉ qua mắt một lượt là thuộc lâu, và văn-chương thơ-phú, cục cách rất ly-kỳ, tinh-thần rất hoạt-động, thành ra học ba năm, văn-chương quán-tràng, các học-trò ai cũng không sánh bằng theo kịp,

Thần đồng khi học phá ngu,
Bén công đèn sách ba thu gấp mười.

Bé-con ở học hơn hai năm, kỳ tập-văn nhật-khắc nào, cũng giật giải quán-quân, bài nào thầy cũng phê toàn ưu với bình, không bao giờ xuống hạng thứ, vì thế quan thầy yêu mến, bè bạn ngày đông, văn-chương lại càng sôi-nổi, mà quyển đề vẫn chỉ hai chữ « Bé-con », chứ chưa đề tên tuổi gì cả, mà danh tiếng đã lừng khắp Thanh-hoa, lại lan ra cả miền Nam đất Bắc.

Học đến đầu năm thứ ba, một hôm cụ Thượng Học gọi tiểu-thư mà bảo rằng : « Này có em, thầy xem như sức cậu em học, chắc khoa này là đỗ đầu thiên-hạ, vậy có em nên về kêu với cụ lớn loại-khai cho cậu em đi hạch để đến kỳ vào thi, kẻo không kịp hạn đó.»

Tiểu-thư lặng nghe, nghĩ ngần-ngừ một lát rồi thưa rằng : « Dạ thưa thầy, giờ con xin thú thật cửa thầy. Bé-con chính là chồng của con, chứ không phải là em, bởi sự nhà cha mẹ sa-hèn, trước xuất-thân ra làm mõ, con vì nỗi ái-tình, thương người tài-mạo, mà giấn thân xin quyết lấy, cha mẹ con ghét bỏ, chị em con giữa-mía, mà vợ chồng phải đưa nhau lánh đi nơi xa, tìm thầy cho học, may nhờ bút-trạch thầy rửa ruột cho, trời mở trí-khôn cho, chồng con lại học được, nhưng còn chưa đỗ-đạt gì, chưa thành danh-mệnh, thì con chưa dám về, và nếu về có nói, thì cha con cũng chẳng có tin nghe mà cho tên loại-khai đi hạch nào, vậy con xin thầy cho chồng con nhập-tịch ở đây, nhờ thầy nói với dân làng cho loại-khai, may ra chồng con thi đỗ rồi sẽ xin cải-chính về làng cũ cũng được. »

Cụ Thượng Học nói : « Như thế cũng được, nhưng sau thêm khó ra, chi bằng để thầy thảo bức thư, mời cụ lớn vào chơi, thầy nói chuyện thì cụ lớn chắc cũng nghe mà loại-khai cho cậu bé. Vả từ ngày về hưu-trí, sáu bảy năm trời nay, anh em không gặp nhau, thầy cũng nhớ lắm, nay nhân tiệc thọ tháng giêng, thầy viết thơ mời, thì thế nào cụ-lớn cũng vào chơi. »

Nói xong gọi gia-đồng cầm nghiên bút thảo thư gửi trạm.

Đức tài hồ dễ nên tài,
Bạn-bè xa cách phương trời nhẩn-nhe.

Một hôm cụ Thượng Lê nhân kỳ đầu tháng giêng vừa tết xong rồi, khi trời hòa ấm, ngồi ngắm cảnh vườn Lê, bỗng thấy đóa hoa đào đua nở, nét hồng ngấn trắng, vẻ tía mầu xanh, sực nhớ đến nét mặt tiểu-thư Hồng-Ngọc, từ năm 16 tuổi, bỏ thân bồ-liễu, giãn bước đi theo chồng, bấy lâu nay vắng mặt, bỗng nhác thấy cánh hoa đào cười gió, cha già cũng sực động lòng thương. Chợt có tên phu trạm đến gửi phong thư. Cụ ngỡ là phong-thư của Hồng-Ngọc, vội cầm lấy trở vào thư-viện, ngồi mở xem. Thư rằng :

« Thưa quan anh,

« Từ khi kinh-thành chia rẽ, hai ngả về hưu, non nước cách ngăn, tháng ngày thấm thoắt, chốc đã là bao năm, em vẫn thường mộng hồn mơ-tưởng như lúc tuổi trẻ ta hái hoa vườn quỳnh ; không biết thanh-thú chốn vườn Lê, quan anh những mảng vui bạn cũ cúc tùng, có còn nhớ bạn trúc mai xa lắc chăng ? Nhân nay ngày 18 tháng giêng, em có tiệc thọ, yến-lão hội Kỳ-anh, xin đón mời quan anh xa rời gót ngọc qua nơi làng của em, để em được họp mặt tiếp chuyện thì vui lắm.

« À lại con tiểu-thư Hồng-Ngọc con gái quan anh, đào-tạo cho Tiểu-tài-lang, thật là trong thiên-hạ có một, tiểu-thư đưa chồng vào học, em dạy cho dường đã hai ba năm, sự học-hành nghe như có thần-đồng phụ-nhĩ, nét văn-chương chưa dễ thiên-hạ có mấy người theo kịp, em tưởng khoa này quan Hữu-tư có mất, không phải thần áo-đỏ chấm đầu, cũng phải lấy tiểu-lang đỗ tam-khôi nhất-giáp, mà sao quan anh lại nỡ nên tài, dưỡi đi không cho nhập-tịch để loại-khai đi thi là sao ? Kia : « Con con bò-lang, đỏ vả nó có sừng, người dù muốn không dùng, quỉ-thần nào bỏ đâu ? » Trời kia dựng nên, che người hiền thì có lỗi, xin quan anh mau mau vào chơi, cho em nói câu chuyện đó, thơ không nói hết.

« Nguyên Học-bộ Thượng-thư
«Phùng thủ-bút»

Cụ Thượng Lê xem thư rồi, sực động lòng thương con xót rể, gọi cụ bà mà bảo rằng : « À ra con Hồng-Ngọc nhà này tinh-quái thật ! ra từ đó nó đưa chồng vào học cụ Thượng Phùng, giờ cụ viết thư ra cho mình, bảo nó học giỏi lắm, mời mình vào chơi, để bàn chuyện loại-khai cho nó đi thi, thế mình mới lại khó nghĩ chứ ! »

Cụ Thượng bà bảo : « Thì ông hãy vào xem nào, xem nó học-hành ra làm sao, nếu nó học giỏi thật, thì ông cấm được nó thì đỗ làm quan chăng, trời đã mở cửa cho người ta, tôi tưởng không ai giữ nổi, chẳng thà mình cấp-dẫn cho, lại được tiếng thành nhân chi mĩ đó ông. »

Sinh tài trời cũng éo-le,
Dễ ai cấm được mõ tre vang trời.

Sớm mai cụ Thượng Lê sắm sửa đi Thanh-hoa, chỉ một tên tiểu-đồng đi theo hầu với hai tên phu cáng, ngày 18 đến tỉnh Thanh, tới nhà cụ Thượng Phùng, cùng các quan cùng dự tiệc mừng lão.

Đến chiều tối khách vãn, cụ Thượng Phùng mời lên buồng khách nghỉ, nhân giở tập văn của Bé-con từ năm ngoái đưa cho cụ Thượng Lê điểm-duyệt lại và nói rằng : « Đó quan anh hãy thử xem, kẻo lại bảo thầy thiên-vị học-trò. »

Cụ Thượng Lê giở xem suốt mấy trăm bài, đều chịu là văn-chương khôi-giáp, nhưng lại ngờ hay thầy có hợp-thái hoặc tô-điểm vào chăng, chỉ bằng

sáng sớm mai cho gọi Bé-con vào, sẽ mệnh-đề cho một bài thơ, xem có thể ứng-khẩu làm được không.

Sớm mai cụ Thượng Học lện hỏi: « Sao ? Đêm qua anh xem văn-chương của Bé-con thế nào ? »

Cụ Thượng Lê nói: « Kể văn-chương thì cũng hay thật, nhưng tài nào khỏi tay quan thầy tô-điểm thêm ra đó chứ gì. Bách-văn bất như nhất-kiến, đa-hư bất như thiểu-thật, xin để quan anh cho gọi Bé-con vào, tôi mệnh - đề cho làm, xem có thể tài cao thất bộ chăng ? »

Cụ Thượng Phủng bảo : « Được ! » Sai người gọi Bé-con lên chào.

Cụ Thượng Lê coi Bé-con rầy người thêm xuất-sắc dị-dạng, vì xưa vốn là người thanh-kỳ tuấn-nhã, lại đầm-thấm đức-trạch văn-chương trong rừng nho bể thánh, vẻ tinh-hoa hiện ra nét mặt áng mây, nhác coi cũng biết là phúc-tướng. Cụ truyền lấy chiếu giải cho ngồi, sắp nghiên mực giấy bút, cụ mệnh-đề cho làm bài thơ vịnh chiếc mõ.

Bé-con vâng lời ngồi khua nghiên mài mực, cất bút dầm ngòi, đề lên tờ giấy bạch tám câu thơ rằng :

Vì thiên-hạ điếc đã lâu ngày,
Trời mới sinh ra chiếc mõ thầy ;
Phép nước vang-lừng ran cửa miệng,
Lệnh làng thét-lẹt khét trong tay ;
Việc quan thúc-bách ba dùi đốp,
Lộc thánh gia-ban mấy hộc đầy ;
Lốc-cốc tre già măng lại mọc,
Đầu đình chót vót bồng tầng mây.

Viết xong đưa lên trình, cụ Thượng Lê vỗ đùi mà rằng : « Rõ ra khẩu-khí con ông lão đốp mà văn-chương trạng-nguyên. Thôi thì bởi ngôi đất Đường-Công ngày trước tôi cho lão, mà giờ ra phát-phúc hẳn rồi. Song ngặt vì hắn lại lấy con bé Hồng-Ngọc nhà tôi, không có lẽ con rể lại cùng họ với bố vợ. Vậy hắn là con ông lão đốp, thì tôi cho họ tên hắn là họ Khiếu mà tên là Hữu-Thanh, để tôi về nhập-tịch và bắt lý-trưởng loại-khai cho hắn về đi hạch đi thi, chứ sao cha có nên tài con hử ?»

Cụ liền gọi Hồng-Ngọc tiểu-thư ra bảo.

Buồng khuê một bước, nàng những ngập-ngừng, bước ra ngồi sụp lạy cha, vẫn hãy còn e sợ.

Cụ Thượng Lê cất tiếng mà nhủ rằng : « Ơi con ơi ! Nếu cha không sinh được một con có mắt tinh đời, thì hoài mất một kẻ anh-hùng tài-tử, chôn vùi vào trong cõi trần-ai, ai còn dắt cho tới cõi rừng nho bể thánh, thế mà cha vẫn hoài con mãi, thôi cha đành chịu cái lỗi không biết người mà từ-tạ với con, con hãy cứ ở đây nhờ thầy mà nuôi cho chồng học, để cha về bắt lý-trưởng loại-khai cho chồng con đi hạch đi thi, hễ bao giờ chồng con đỗ lên sẽ vinh - qui và vu - qui một thể, thì lại càng rạng tỏ môn-mi lắm đó con. »

Tiểu-thư nghe khấu-đầu cảm tạ ơn cha, và xin tha-thứ lỗi lâu ngày xa cách dưới màn, không được khuya sớm hầu hạ cha mẹ.

Sớm mai cụ Thượng Lê từ về.

Về nhà gọi lý-trưởng loại-khai cho Khiếu Hữu-Thanh đi hạch. Khoa ấy về trường Nam thi hương, giật giải-nguyên.

Khi nên trời đóng cửa ai,
Trạng-văn một bước ngỏ tài khôi-
[nguyên.

Kỳ xướng-danh ban yến, cụ Thượng Lê nghe tiếng, viết thư khuyên dỗ cho con về vinh-qui. Song quan thủ-khoa phúc-thư lại từ-tạ chưa chịu về. Lại tới luôn Thanh-hoa tạ ơn bái-môn thầy, rồi ở luôn đó học, để đợi sang năm thi hội và thi đình.

Tiểu-thư thấy chồng đỗ mà quyết chí không về, ngờ là có giận bực điều gì, đêm thanh khuyên nhủ, có ý muốn cho chồng về bái-tổ và thăm mừng

cha mẹ đôi bên. Nhưng chồng bảo : « Sự đó thì tiểu-thư không nên vội, ba năm còn được nữa là một năm, bởi vì tôi vốn con nhà sa-hèn, tiểu-thư đã giấn mình cứu vớt, nay nhờ trời đất, ơn thầy dạy, mình mới thử vẫy bút một trận, đã giật giải-nguyên, kể là vinh-hạnh lắm, và cũng bõ công tiểu-thư một chút ; song so-sánh với bậc đại-khoa thì mình chưa bén-bảng, và thi hội thi đình sang năm đã đến nơi sầm-sập, chi bằng mình gắng học một năm nữa, may mà chiếm được bảng rồng, vào vườn quỳnh hái hoa, khi đó sẽ vu-qui và vinh-qui một thể ; về làm lễ tạ cả hai bên cha mẹ, chẳng nở-nang mày mặt lắm ư ? »

Tiểu-thư nghe nói, biết chí chồng còn to, không học đến đỗ đầu thiên-hạ còn chưa chịu, nên nàng cũng chiều lòng đành ở lại nuôi cho chồng học một năm nữa.

Làm trai có chí thì nên,
Lục-bào hoa-hốt là duyên phận mình.

IV.— Thi rõ đến đỗ trạng

Vả nói từ khi Bé-con là ông Khiếu Hữu-Thanh thi đỗ thủ-khoa, viết thư về thăm cha mẹ, rồi lại vào luôn Thanh-hoa ở học, vợ chồng ông lão đốp được tin, vội ra làng từ ngôi làm mõ, quan - viên làng cắt người khác ra thay mặt giữ việc dân, nhưng từ đó cả làng không ai dám nói đụng chạm gì đến tiếng « mõ », « sãi », « đốp », « chốt » chi cả, chỉ gọi người thay mặt nối gót về sau là « bố mới », thành ra tiếng « mõ », tiếng « đốp » là những tiếng trọng-húy của cả làng.

Tiểu-thư Hồng-Ngọc theo chồng, lại ở lại Thanh-hoa một năm nữa, nuôi cho chồng học, én anh riu-rít, nhạn cá đổi thay, phút chốc đã qua năm, tới kỳ xuân-thí. Chàng vào thi hội, luôn bốn kỳ thông ưu đỗ Hội-nguyên. Khi vào đình đối, vua Lê sắc tứ : « Đệ-nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ đệ-nhất danh. » Truyền lô ban yến, cưỡi ngựa xem hoa, khi vào dâng tạ-biểu, về vinh-qui, vua Lê lại muốn gả cho nàng Quỳnh-Hoa công-chúa, song trạng-nguyên từ tạ đã chót có Lê Hồng-Ngọc tiểu-thư nuôi cho ăn học từ thuở bé, nghĩa tao-khang không nỡ để dưới nhà. Vua khen là trạng-nguyên có nghĩa, bèn biền vàng cho bốn chữ : « Ân - tứ vinh qui ». Trạng - nguyên nhân bày tỏ về Thanh-hoa tạ ơn thầy, rồi sẽ rước Hồng-Ngọc tiểu-thư về vu-qui một thể. Vua lại gia ban ba chữ : « Ngự tứ hôn ».

Khen cho chàng nặng vì tình,
Dù nàng công - chúa vườn quỳnh chẳng say.

Từ khi trạng-nguyên về Thanh-hoa tạ ơn thầy, rồi đón Hồng-Ngọc tiểu-thư về vu-qui cùng với buổi vinh qui một thể. Hàng tỉnh nghe giấy sức đi đón rước tự thành Nam trở về, cờ lọng rợp trời, trống chiêng rậy đất, ngựa chàng ruổi trước, võng nàng đi sau ; quan Thượng Lê kết lầu hoa ra đón con và rể ; các chị em ngày xưa giễu mỉa đều ghé nón không dám trông.

Khi trạng-nguyên về đến nhà yết thần bái tổ, lễ cha mẹ đôi bên. Vợ chồng ông lão đốp mặc áo gấm ra đình đón con, ngồi trên đệm mã-nhục, ăn yến vua ban, các viên đàn anh đều chắp tay cúi đầu ở trước sân.

Quan Thượng Lê lại đón về nhà mở tiệc mừng. Khi tiệc rượu dở say, cụ lại ngồi ngợi khen tiểu-thư Hồng Ngọc là người có con mắt tinh đời, nếu không có tiểu-thư, thì mình bỏ phí hoài mất một quan Trạng, chứ ai biết đâu mà vật-sắc anh-hùng trong chốn trần-ai.

Khen con phận đẹp duyên may,
Trần-ai ai dễ dắt tay anh-hùng.

Khi đó quan Thượng Hà cùng đến dự tiệc mừng, nhân nói chuyện ngôi đất xứ Đường-cồng ngày trước hai ông tranh giành nhau, mà thành ra trời nẫm phần dành phúc cho cụ cố sinh ra quan Trạng. Cụ Thượng Hà bảo : « Ông nhường ngôi đất cho cụ-cố quan Trạng tôi cũng nhường ngôi đất cho cụ cố quan Trạng, mà giờ ông lại có Hồng-Ngọc tiểu-thư lấy quan trạng, thì ra ông dù chẳng được hưởng phúc phần về con trai, ông cũng hưởng phúc-phần về con gái, chứ như tôi giữ mồ đắp nấm kể mấy năm, mà giờ nào được ăn thua gì ! »

Cụ Thượng Lê bảo : « Ông lại tị với tôi thế nữa, vậy ông có còn có con gái nào ông cũng đem gả cho quan Trạng để mà hưởng cái phúc-phần có được không ? »

Cụ Thượng Hà nói : « Thật đấy ! Của chưa ai thấy mà chẳng thèm, tôi còn có con bé thứ tư, năm nay 18 tuổi, tôi mệnh-danh là Bích-Châu tiểu-thư. Tuy nó không được tinh-khôn như Hồng-Ngọc, nhưng cũng có vẻ thanh-tú, đáng làm bậc ái-cơ cho quan Trạng, nếu cụ-cố ông cụ-cố bà và quan Trạng có lòng yêu đến, thì tôi cũng xin gả ngay. »

Quan Trạng nghe cười mà rằng : « Sự đó thì tùy ở mợ nó có bằng lòng cho tôi lấy vợ lẽ thì tôi mới lấy, chứ đến như Quỳnh-Hoa công-chúa sang đẹp biết là ngần nào, nhà vua muốn gả, mà tôi cũng xin từ rằng có kẻ tao-khang nữa là...

Hồng-Ngọc tiểu-thư nghe mỉm cười mà rằng : « Quỳnh Hoa công-chúa vì sang đẹp hơn tôi, mà cậu không chịu lấy, chứ Bích-Châu tiểu-thư con cụ lớn, thì tài-sắc cũng xuýt-xoát với tôi, và là chỗ chị em bạn gái trong làng, tôi thiết-tưởng cậu cũng nên lấy, để về đỡ việc tôi mà cùng tôi cùng gánh giang-sơn cho cậu, thì lại càng hay lắm chứ sao ? »

Quan Trạng nói : « Thế cụ-lớn đã có lòng thương, tôi cũng xin vâng. »

Ông bà cụ-cố nghe cũng ưng lời.

Quan Thượng Hà lấy làm mừng quá về bảo với quan bà, lập-tức ngày hôm ấy sửa tiệc mời họ hàng làng nước gả Bích-Châu tiểu-thư làm vợ thứ quan Trạng.

Trạng-nguyên chơi-chói bằng rồng,
Gái khôn chia nửa quả hồng cũng cam.

Vả nói tiểu-thư Hồng-Ngọc từ khi đón tiểu-thư Bích-Châu về với quan Trạng, chị em khuya sớm, gồng gánh việc giang-sơn, không hề có một lời ghen-ghét, ra yêu vào mến, trên kính dưới nhường, làng nước ai cũng khen là một nhà có khuôn phép.

Từ đó quan Trạng đi làm quan, kẻ đi theo chồng, người ở nhà phụng-dưỡng cha mẹ, đi về thay đổi, trong ấm ngoài êm, không ai chút tranh lòng hiềm-tị, yêu nhau như chị em gái, rái nhau như chị em dâu, hai gái lấy một chồng, xử được như thế, thực thiên-hạ hiếm có.

Vả ngôi đất Đường-cồng vốn từ trước hai bên có thần-đồng phụ-nhĩ, lại có hai ngọc-nữ tị-kiên, bấy giờ quan Trạng là thần-đồng thác sinh, lấy được hai tiểu-thư là hai ngọc-nữ sánh vai, người ta bảo ngôi đất phát-hiện ra càng rõ lắm.

Quan Trạng làm quan, trải mấy năm đã lên đến Thượng-thư, ông bà cụ-cố đã lên bậc thượng-thọ, đều được chiếu rồng sinh-phong, từ đó cứ năm năm đầu xuân tháng giêng, làng nước đem cờ trống võng lọng vào rước ra đình yến lão, sung-sướng bằng hai ngôi thần-phật sống ở làng.

Xưa chiềng giáp Bắc giáp Nam,
Nay làm thần sống chia cam giữa đình.

Sau quan Trạng làm đến Sứ-tướng, ra làm tướng võ, vào làm tướng văn, ngoài biên-thành, trong lang-miếu, ngoài 40 năm, sự-nghiệp công-hầu, rất là hiển-hách. Khi ngoài 60 tuổi, thoái lão về nơi giang-hồ, đi dạo chơi sơn-thủy, vua cấp cho tư-đệ, dân-xã lập sinh-từ, nay đền quan Trạng Khiếu tức là chỗ nhà thờ họ Khiếu ngày xưa, hãy còn thơm cỏ đỏ nhang, ở nơi làng Đồng-thanh quê cũ. Sau con cháu họ Khiếu ngày càng đông-đúc, kể có mấy trăm người, nhưng đất thường tản-cư khắp mọi nơi, dòng-dõi họ Khiếu, thi đỗ tiến-sĩ phó-bảng và cử-nhân, đại-khoa trung-khoa, không đời nào không có người hiền-đạt, như quan Khiếu Hữu-Sử, quan Khiếu Năng-Tĩnh và ông cử Khiếu Hữu-Đại, đều là dòng-dõi họ Khiếu cả. Người sau có thơ rằng :

Họ Khiếu vang trời tiếng mõ kêu,
Tre già măng mọc ngất cao nêu ;
Trời dành phúc tổ phần con cháu,
Bao hốt trâm-anh trải mấy triều.

NGUYỄN TRÚC-KHIÊM

KHẢO VỀ HIẾN-PHÁP VẠN-QUỐC (1)

IV

Những tòa-án thuộc về sự-nghiệp công-thương, phải theo pháp-luật mà đặt ở những nơi rất thích-hợp. — Những quyền-hạn, cách tổ-chức, cách thẩm-phán cùng những nhiệm-mệnh, quyền-lợi, nghĩa-vụ và nhiệm-kỳ của những quan tòa-án này, đều lấy pháp-luật mà qui-định ra cả, (điều 91). Trong nước Phổ-lỗ-sĩ chỉ có một tòa Đại-thẩm-viện (điều 92). Không cứ việc dân-sự hoặc việc hình-sự, phàm khi tòa-án mở phiên thẩm-phán là phải công-khai cả. Duy việc nào có ngại sẽ làm đồi-bại cho phong-hóa thì bất-tất phải công-khai, nhưng phải có công-đồng nghị-quyết đã mới được (điều 93).

Kẻ bị trọng-tội mà phải thẩm-phán thì trước phải qua tay viên Bồi-thẩm xét đã, nhưng khi nào có pháp-luật của Nghị-viện định riêng thì không phải theo lệ này. — Qui-chế bồi-thẩm thế nào phải lấy pháp-luật mà định rõ ràng ra (điều 94).

Những trọng-tội đại-nghịch bất-đạo cùng làm hại cuộc trị-an của nước thì phải theo về pháp-luật của Nghị-viện đã công-bố và đặt tòa-án riêng để thẩm-phán (điều 95). Lấy pháp-luật định quyền-hạn của Pháp-quan với Hành-chính-bộ ; những quyền-hạn gì mà Hành-chính nha-môn với Pháp-viện sinh ra tranh-nghị với nhau thì do một tòa-án thuộc pháp-luật đã định cho được thẩm-phán (điều 96). Các quan văn-võ làm trái chức-việc mà phải đòi ra tòa-án thì đã có pháp-luật định ra qui-chế, chứ bất-tất phải hỏi đến Trưởng-quan của kẻ bị-can ấy có ưng không (điều 97).

Những đặc-quyền của các quan tòa-án cùng các viên Kiểm-sự đã có pháp-

(1) Xem tiếp đoạn Tư-pháp điều 90 nước Phổ, N.-P. số 157.

luật định rõ. Như có lỗi chuyên-hoành thì Chính-phủ phải xử-trí (điều 98).

Nước Ý. — Phàm việc thẩm-phán phải do quan Án mà Quốc-vương đã bổ-dụng và lấy tên Quốc-vương mà tuyên-cáo (điều 68).

Ngoài tòa-án các quận ra, phàm những quan Án mà Quốc-vương đã bổ-dụng được ba năm thì không phải thuyên-chuyển và cách-chức nữa (điều 69).

Bất-luận tòa-án về Thượng-đẳng hoặc Hạ-đẳng nào cũng không được phế-cải nữa ; những cách biên-chế của các toà án phi có pháp-luật thì không được biến-canh (điều 70). Quan án không được bỏ những án-kiện của mình cai-quản mà can-thiệp đến việc của toà án khác. Cho nên không được đặt ra những tòa án đặc-biệt và quan Án chuyên-vụ (điều 71).

Bất-luận về dân-sự hình-sự, phiên tòa nào của tòa án cũng công-khai cả (điều 72). Vì cớ cả toàn-thể quốc-dân mà nói cho cái chủ-ý của pháp-luật được rõ-ràng ra là thuộc về quyền Lập-pháp (điều 73).

Nước Pháp. — (Không).

Nước Mĩ. — Quyền Tư-pháp của nước Hợp-chúng ủy cho các tòa án cao-đẳng cùng các tòa án phổ-thông mà nghị-hội đặt ra. Các quan Án cao-đẳng cùng các quan toà án phổ-thông đều là chung-thân-quan cả, đều được hưởng bổng-cấp, bổng-cấp ấy không được giảm đi. (tiết 1 điều 3).

Những việc thuộc về quyền Tư-pháp nước Hợp-chúng cai-quản như sau này :

1º — Những sự-kiện về luật tập-quán, về luật cân đo lường và những sự-kiện về điều-ước đã ký-kết hoặc chửa mà thuộc vào hiến-pháp này ;

2º — Những sự-kiện về ngoại-quốc Sứ-thần ;

3º — Việc tài-phán trên mặt bể ;

4º — Việc của Chính-phủ nước Hợp-chúng với người khác kiện nhau ;

5º — Việc của châu nọ với châu kia kiện nhau ;

6º — Việc của một châu nọ với nhân-dân một châu kia kiện nhau ;

7º — Việc của nhân-dân hai châu kiện nhau ;

8º — Việc của nhân-dân trong một châu kiện nhau mà quan-hệ đến điền-thổ của châu khác và việc của một châu nào với ngoại-quốc, nhân-dân một châu nào với nhân-dân ngoại-quốc kiện nhau.

Phàm những sự-kiện của Công-sứ, Lãnh-sự cùng việc tố-tụng của một châu thì tòa án cao-đẳng có quyền thủy-thẩm còn các việc khác thì tòa án cao-đẳng chỉ được thẩm-phán về sự-thực về pháp-luật mà thôi.

Trừ những sự-kiện bị đàn-hặc ra thì phàm xét hỏi tội-phạm gì đều dùng quan Bồi-thẩm cả. Nơi xét hỏi ấy phải đặt ra ở cái châu của kẻ phạm, khi nào kẻ phạm không ở vào châu nào thì nơi xét hỏi ấy do Nghị-hội lấy pháp-luật mà chỉ-định (tiết thứ 2 điều trên).

Có hai tội bạn-nghịch : Một là khiêu-chiến với cuộc trị-an của nước ; hai là giúp cho kẻ thù-địch của nước Hợp-chúng. Phàm tội bạn-nghịch phi có hai người làm chứng, phi người ấy tự cung-chiêu ra trước tòa án thì không định tội được.

Những hình-phạt về tội bạn-nghịch, do Quốc-hội tuyên-cáo ra. Hình-phạt ấy không được liên-lụy đến gia-tộc, không được tịch-ký lấy gia-sản của người ta (tiết 3 điều trên).

Quyền tư-pháp của nước Hợp-chúng không xét về luật tập-quán, luật cân đo lường và những việc của nhân dân một châu với châu khác kiện nhau. Lại việc quốc-dân ngoại-quốc với một

châu trong nước Hợp-chúng kiện nhau cũng không xét (điều 11).

Nước Đức. — Đối với tội về giữ yên thổ-địa của Đế-quốc, tội về hiến-pháp, tội lấy văn-chương, ngôn-ngữ mà phỉ-báng Đế-quốc nghị-viện, Liên-bang nghị-viện; phỉ-báng Nghị-viện của Đế-quốc nghị-viện, Nghị-viện của Liên-bang nghị-viện, đều do các nước Liên-bang thẩm-phán cả. Các nước cứ tự y theo những pháp-luật đã đặt rồi hoặc chưa đặt mà xử-trí (điều 74).

Những tội đối với Đế-quốc như điều trên đã nói và những tội mưu đại-nghịch với các nước liên-bang thì do tòa án Cộng-đồng cao-đẳng ở Lý-bá-khắc được sơ-thẩm cùng thứ-thẩm.

Những quyền-hạn của tòa án Cao-đẳng ấy cùng những phương-pháp thẩm-phán, lấy pháp-luật của Đế-quốc định ra. Trước khi những pháp-luật ấy chưa công-bố thì dùng những quyền-hạn, những phương-pháp của các Liên-bang đã định rồi (điều 75).

Những việc các Liên-bang kiện nhau, nếu khi nào không thuộc về tư-(私) pháp thì những tòa-án thông-thường không được thẩm-phán. Phải do một nước ra tố-cáo ở Liên-bang Nghị-viện, nhân đó Liên-bang Nghị-viện mới thẩm-phán.

Những việc kiện nhau về hiến-pháp, nếu nước ấy chưa đặt ra tòa-án để thẩm-phán về việc kiện cáo ấy thì cũng phải do một nước ra tố-cáo với Liên-bang Nghị-viện để Liên-bang Nghị-viện thẩm-phán (điều 76).

Khi gặp việc mà các Liên-bang không chịu thẩm-phán và vì những pháp-luật tầm-thường không có thể xét nổi, bấy giờ Liên-bang Nghị-viện xem vào hiến-pháp với pháp-luật có thể thẩm-phán được thì nhận lấy mà khiến cho nước khác thẩm-phán (điều 77).

QUYỀN-HẠN CUA VUA

Quyền-hạn về Hành-chính đã nói trên kia, thì Quốc-vương nước Quân-chủ lập-hiến với Đại-Thống-lĩnh nước Dân-chủ lập-hiến, tuy địa-vị, vinh-điển có khác nhau mà cái quyền làm quốc-chủ, quyền làm đại-biểu cũng là một. Vậy quyền-hạn ấy là quyền-hạn chung, chưa phải là quyền-hạn riêng của vua được hưởng. Từ khi thuyết dân-quyền thịnh lên, vua nhường bớt lại quyền-chính cho dân, cùng dân điều-đình mà lập ra chính-thể Quân-chủ lập-hiến, thì cái quyền đặc-hưởng của vua, hạn-định lại chỉ còn có một ít mà thôi. Mới thực là quyền-hạn riêng của vua. Nay đem những quyền-hạn riêng của vua các nước lập-hiến liệt ra sau này.

Nước Anh. — Khi nào thu-khoản bổ-trợ phải có quốc-hội nghị-quyết. Nhưng vì thu để bồi-bổ cho thân trẫm (vua bị tù ở ngoại-quốc mới về) cùng lúc Thái-tử làm lễ gia-quan, Công-chúa xuất-giá thì không kể vào hạn này. Song cũng chỉ thu một khoản vừa phải mà thôi. (điều 12 Đại-hiến-chương).

Muốn cho những quyền-lợi đã định ở trên được có xác-thực, vậy hứa cho qui-tộc, giáo-sĩ và nhân-dân được cử người Đại-nghị sĩ vào nhà Nghị-viện « Việt-ti-thoát-mẫn-ti-đạt » mà nghị-q yết những quyền về các việc sau này:

Khi hai Hoàng-đế mất rồi thì truyền đế-vị cho con của Hoàng-hậu thân-sinh ra. — Nếu bà Vương-phi là Nhược-an không có con thì truyền đế-vị cho con cháu vua A-lâm-ky. — Bấy giờ qui-tộc với nhân-dân liền đem điều hiến-pháp này xin với vua A-lâm-ky cùng bà phi để hai ngài ưng cho.

Từ nay về sau qui-tộc với nhân-dân quyết không được đặt người về giòng La-mã, người Đi-lại của Giáo-

hoàng La-mã và người đâu-gia với người giòng La-mã lên nối ngôi Hoàng-đế này. Nếu khi nào có người về giòng La-mã lên ngôi Hoàng-đế thì nhân-dân phải cùng người ấy tuyệt ngay cái phận vua tôi đi mà tôn một vị Hoàng-tôn thuận thứ lên, (điều 8. Quyền-lợi pháp-điển).

Phàm các quan đại-thần cùng con cháu phải tuân theo pháp-luật này để phụ-tá cho Hoàng-đế (điều 5. Quyền-lợi pháp-điển).

Nước Phổ. — Không được xâm-phạm đến thân-thể của Quốc-vương (điều 43).

Ngôi vua cứ theo điển-phạm của Vương-thất lấy người con trai chính-hệ về hàng đích-trưởng mà lập lên (điều 53).

Quốc-vương đến 18 tuổi mới là thành-niên (điều 54).

Quốc-vương chưa đến tuổi thành-niên không cầm quyền-chính được thì phải cử một người đã thành-niên trong bàng-hệ rất gần làm vị Nhiếp-chính-vương. Bấy giờ Nhiếp-chính-vương phải triệu-tập ngay hai viện lại mà hiểu cho biết rằng vị Nhiếp-chính không đặt không được (điều 56).

Nếu không có người nào về bàng-hệ thân đã thành-niên mà pháp-luật cũng chửa dự-định cho người thế nào ưng làm Nhiếp-chính thì bộ Quốc-vụ-Khanh triệu-tập hai viện để kén lấy Nhiếp-chính. — Trước khi Nhiếp-chính chửa lên ngôi thì Quốc-vụ-khanh phải đại-lý việc quốc-chính.

Nhiếp-chính lấy tên Quốc-vương mà thi-hành đại-quyền.

Những đất quan-địa, rừng quan-lâm mà pháp-luật ngày 17 tháng riêng năm 1820 đã định thuộc về nhà vua thì những khoản thu-nhập ấy đều nộp vào nội-khố của nhà vua cả (điều 57, 58, 59).

Nước Ý. — Nước Ý-đại-lị lấy chính-thể lập-hiến mà thống-trị. Ngôi vua phải theo ở phép «Sái-lập-khắc» không được truyền ngôi vua cho con gái để cho ngôi vua bị ám-di đi (điều 2).

Thân-thể của Quốc-vương như thần-thánh không được xâm-phạm đến (điều 4).

Quốc-vương lấy đủ 18 tuổi là thành-niên (điều 11).

Khi Quốc-vương chưa thành-niên, thì theo thuận-hàng những người được kế-tự ngôi vua, lấy người rất gần trong họ vua mà đủ 21 tuổi làm Nhiếp-chính (điều 12).

Trong họ rất gần nhà vua không có người thành-niên thì lấy người họ vua ngoài hạng ấy làm Nhiếp-chính (điều 13).

Khi họ vua không có người con trai nào thì lấy Mẫu-hậu làm Nhiếp-chính (điều 14).

Khi không có Mẫu-hậu thì nội 10 ngày sau khi vua chết, các Đại-thần phải triệu-tập hai viện để kén lấy Nhiếp-chính (điều 15).

Khi mà vị Quốc-vương tuy đã thành-niên rồi mà không thân-chính được thì cũng dùng được những điều đã kể trên này. Nếu vị Quốc-vương ấy đã có Thái-tử đủ 18 tuổi thì lấy vị Thái-tử ấy làm Nhiếp-chính (điều 16).

Quốc-vương chưa đến bảy tuổi thì Mẫu-hậu phải làm chức phụ-cô. Đến bảy tuổi thì sẽ lập Nhiếp-chính.

Lấy số bình-quân trong khoảng 10 năm về trước để định cái ngạch kinh-phí cho nhà vua. Phàm những cung-điện, ly-cung, đình-viên và động-sản thuộc về Quốc-vương thì Quốc-vương tự có quyền xử-dụng. Quan đại-thần coi về việc ấy phải yết ra làm bản mục-lục. Còn như khoản kinh-phí của nhà vua sau này, đến khi Thái-tử nối ngôi, hai viện sẽ hội-họp để định ra số-ngạch (điều 17, 19).

Những vật sở-đắc do tên của Quốc-vương đều là sản-nghiệp của Quốc-vương cả. Những vật sở-đắc của Quốc-vương từ khi tại-vị, bất-luận đã đến giá rồi hay là không, cũng đều là vật sản-nghiệp cả.— Những tài-sản riêng của vua, bất-tất phải theo về dân-pháp đã qui-định, vua cứ tùy ý tặng cho ai thì tặng, hoặc di-chúc lại tặng cho ai cũng được. Còn các tài-sản khác đều phải theo về pháp-luật phổ-thông đã qui-định cả (điều 20).

Dụng-phí của Thái-tử về trước khi thành-niên cùng về lễ kết-hôn, dụng-phí của họ nhà vua kết-hôn, tuế-phí của Mẫu-hậu, trang-kim của Công-chúa, hằng năm theo pháp-luật lấy ở khoản quốc-phí trong sổ dự-toán mà chi-cấp (điều 21).

Những vàng bội-tinh đang hiện dụng phải bảo-tồn lấy, phi theo phép hội-tắc (會 則) thì không được dùng phí. Quốc-vương có quyền đặt ra « Qui-thân hiệp-bội » để định phép hội-tắc ấy (điều 78).

Tước-vị của qui-tộc đều bảo-tồn lấy. Quốc-vương có quyền ban tước-vị cho qui-tộc (điều 79).

Phàm quốc-dân phi được Quốc-vương ưng cho thì không được nhận huân - thưởng cùng tôn - xưng, tiền dưỡng-lão, v. v., của ngoại-quốc (điều 80).

QUYỀN-HẠN CỦA THẦN-DÂN

Nước đã lập-hiến phân ra ba quyền, lớn nhất và quan-hệ nhất là quyền lập-pháp, quyền ấy thuộc về dân, thì tức là quyền-hạn của dân ở đó rồi. Tuy-nhiên, đó là quyền thuộc về công-cộng đoàn-thể của cả quốc-dân, đến như khi làm đến thân-phận riêng của cá-nhân từng kẻ thần-dân một mà không có luật-điều qui-định ra rõ-ràng thì kẻ hành-chính bất-miễn sinh ra lạm-quyền mà kẻ đương-sự không biết chấp-viện vào đâu được. Cho nên hiến-pháp nào đã gọi là hoàn-thiện đều có chú-ý về mục này cả. Nay lược đem những quyền-hạn của thần-dân mà các nước đã qui-định rõ ràng liệt ra sau này.

Nước Anh. — Thánh-hội nước Anh có quyền-lợi tự-do, quyết không làm tổn-hại được, là vì trẫm có lòng kính-trọng Thánh hội. Từ trước khi trẫm chửa sinh khích với các Hầu Bá thì đã thuận cho giáo-sĩ có quyền tuyển-cử rồi, tức là cái quyền bất-khả-khuyết của Thánh-hội đó, vả lại được Pháp-vương La mã là Nhân-la-tân đã thuận cho. Vậy nay định làm hiến-chương để trẫm cùng con cháu trẫm tuân giữ đời đời.

Trẫm cũng lại hứa cho nhân-dân các ngươi được có những quyền-lợi sau này; từ khi trẫm còn tại-vị đến khi con cháu trẫm tại-vị, không bao giờ bỏ đi được. Vậy chúng thứ các ngươi nên nhớ lấy. Phàm từ Hầu Bá trở xuống đến bọn sĩ-tộc mà đã có nghĩa-vụ về binh-dịch, nếu khi chết đi mà người con nối đã đến tuổi thành-đinh, có nộp được tiền « kế tự » thì chiếu lệ nộp tiền « kế tự » mà làm gia-đốc ngay. Về hạng Hầu-Bá thì nộp tiền một trăm «bàng», về hạng sĩ-tộc có lương to thì nộp một trăm «tức-linh», còn dưới nữa thì cứ chiếu số ăn lương nhiều ít mà nộp tiền kế-tự (điều 1, 2).

Phàm đàn bà góa sau khi chồng chết thì được hưởng cái di-sản ấy và có quyền được đi tái-giá.

Lại đàn bà góa khi chồng chết rồi phải ở nhà chồng trong 40 ngày. Nhưng cái gia-sản ấy phải thừa-nhận ở nội kỳ hạn ấy (điều 7). Người đàn bà góa nào không muốn đi tái-giá thì cho tự-tiện, không được lấy ép. Nếu xin đi tái giá thì phải có lời trẫm hoặc lời lĩnh-chủ thuận cho (điều 8). Trẫm với lĩnh-chủ nghĩa là vợ Hầu-Bá thì xin phép Hoàng-đế mà vợ kẻ bồi-thần thì xin phép Hầu

Bá. Trên này là lược cử mấy điều thuộc về cổ-tục đời phong-kiến).

Phàm kẻ có tên trong sĩ-tịch 士籍 (như sĩ-tộc cùng người tự-do địa-chủ), trừ những việc phải làm hết bổn-phận đối với bổng-lộc của lĩnh-địa ra, không được ép phải chịu thuế-má phục-dịch khác nữa (điều 16).

Kẻ thường-nhân (phi giáo-dân mà có lĩnh-địa), nếu mắc nợ của trẫm mà chết đi, khi địa-phương-quan tiếp được tờ « sắc đòi nợ » thì lấy cái ý-kiến của người chính-đáng, giữ lấy sản-nghiệp đủ vào số nợ để dậy vào. Trước khi chưa trang-trải xong thì không ai được động dụng vào cái sản-nghiệp ấy. Nhưng trả nợ trẫm mà còn thừa thì đem cấp cho người nào mà kẻ chết đã dặn lại và cứ theo di-mệnh của người chết mà xử-lý. Nếu người chết ấy không mắc nợ trẫm thì cái di-sản ấy trừ số ưng dấc của người vợ góa ra, trừ số cần phải để nuôi con trai con gái của người chết ấy ra, còn bao nhiêu cứ theo ý người chết xử-lý muốn cấp cho ai thì cấp cho (điều 26).

Khi kẻ lương-dân chết đi mà không có lời di-chúc lại thì đem di-sản ấy trả nợ hộ còn thừa thì chia cho họ-hàng rất gần và bạn-hữu của người ấy. Song cách chia thế nào thì theo ý-kiến của Quốc-hội (điều 27).

Các quan Cảnh-bảo của địa-phương và quan địa-phương không được cưỡng chiếm sản-nghiệp thóc lúa của ai, nếu muốn có thì phải trả lại cái giá vừa phải và phải có chủ-nhân ưng-thuận mới được (điều 28).

Trưởng-quan ở địa-phương và các quan địa-phương khác, nếu không có chủ nhân ưng-thuận thì không được dùng xe ngựa của kẻ lương-dân (điều 30).

Trẫm cùng thầu-liêu của trẫm không được vì xây thành thiếu đồ-vật hoặc vì cớ khác mà chặt lấy gỗ của kẻ lương-dân, nếu muốn chặt thì phải có chủ-nhân ưng cho mới được (điều 31).

Những thổ-địa tịch-ký của kẻ tội-nhân, mỗi năm trẫm bảo-thủ lấy trong một ngày, quá hạn lại giao-phó cho người ấy (điều 32).

Từ đây về sau không được phát cái trát gọi là « bổ-liệt-ti-bị » để bắt kẻ lương-dân mà làm tội-tình oan-khổ (điều 33).

Phép đong rượu vang, phép đong rượu bia, phép đong thóc gạo và thước đo quần áo vải lụa, suốt nước Anh đều nhất-luật, phép cân cũng thế (điều 35).

Có kẻ bị thương mà phải quan khám nghiệm, chức quan ấy không được đòi phí-tổn, không được vì không có tiền phí-tổn mà không nhận lời thỉnh-cầu (điều 36).

Từ nay về sau, các quan địa-phương tra-vấn kẻ có tội, không được lấy ý-kiến một người mà khép người ta xuống dưới pháp-luật riêng của mình. (Thời ấy ở nước Anh nếu có tình-nghi là phạm tội thì bắt ngay ấn vào nước lửa hoặc bắt đâm chém lẫn nhau để nghiệm xem có tội không, còn nhiều thói tàn-ác nữa). Nếu có tội thì phải có người đáng tín-dụng làm chứng mới được (điều 38).

Kẻ lương-dân phi bị tòa án đồng-liệt (陪列) thẩm-phán và cứ trong pháp-luật của xứ-sở thì không được bắt người ta, cũng không được giam vào ngục, không được tịch-ký lấy lĩnh-địa của người ta, không được xử vào tội mất quyền được bảo-hộ, không được lưu-phóng, không được xử vào tử hình. Về phần trẫm, trẫm cũng không ưng cho làm những việc đó (điều 39).

Phàm thương khách các nước đến buôn-bán ở nước Anh đều được tự-do xuất-nhập, lưu-cư và thông-hành, dưới thủy trên bộ cùng không dị-nghị

gì. Lại trừ những thuế-má theo cổ-lệ ra không được đánh thêm thuế gì. Nhưng khi quốc-gia chiến-tranh thì đối với nhân-dân nước địch-quốc không kể vào hạn này. Phàm những người ngoại-quốc đến ở nước Anh từ trước khi chiến-tranh, đến lúc giao-chiến phải thám-thính trước xem nước địch-quốc đãi thương-nhân nước ta thế nào, nếu họ bảo-hộ cho thương-nhân của ta, an-toàn không can gì thì ta cũng bảo hộ cho thương-nhân của họ (điều 40).

Trừ khi chiến-đấu nhiễu-loạn cùng người phạm tội, người địch-quốc ra, phàm kẻ giữ trung-tín với vương quốc ta, không cứ người nào đều cho được tự-do theo hai đường thủy-bộ đi lại nước vương-quốc ta (điều 41).

Trẫm quyết không bán quyền-lợi của ai cùng chính-lý của pháp-luật (điều 42).

Những vòng sơn-lâm mà trẫm khuyên-nhận lấy trong khi tại-vị thì cải ra làm thổ-địa... (điều 47). Những vòng sơn-lâm mà về đời Tiên-đế Hiền-lý, Tiên-huynh Lý-tra-đức đã khuyên nhận lấy thì nay phế cả đi... (điều 53). Những khoản thuế vi-lệ và những tiền phạt vi-lệ mà trẫm đã ra lệnh thì từ nay về sau hoặc phế cả đi, hoặc do các Hầu Bá sẽ kể sau này cùng Đại-giáo-sư.. (mỗ) xét bàn lại... (điều 55 trở lên về bản Đại-Hiến-chương.

Phàm nhân-dân đối với đế-vương có quyền được đến tố-cáo, minh-nguyện (tiết 5 điều 1 trở xuống về bản quyền-lợi pháp-điển).

Khi kẻ có tội bị giam được tha mà theo đòi số tiền to không có phép-luật nào thì kết cho tội vi-pháp. Ép đòi tiền « bảo-thích được tha » và dùng bậy những thứ hình-phạt tàn-bạo đều là tội vi-pháp rất nặng (tiết 10, 11 điều 1).

Nước Phổ. — Tư-cách của quốc-dân Phổ lỗ-sĩ và quyền làm quốc-dân còn hay là mất, cùng thi-hành những yếu-kiện ấy đều có hiến-pháp cùng pháp-luật định ra (điều 3)

Phàm thần-dân Phổ-lỗ-sĩ đối với pháp-luật đều bình-đẳng như nhau. Phàm thần-dân Phổ-lỗ-sĩ đối với những điều cốt-yếu của pháp-luật hợp-cách cả thì đều được công-nhiên làm chức-vụ (điều 4).

Hứa cho người ta được tự-chủ lấy thân mình. Nếu muốn hạn-chế đi hoặc bắt giữ lại thì những điều-kiện thế nào mới hạn-chế bắt giữ được và những cách-thức thế nào mới hạn-chế bắt giữ được đều có pháp-luật định ra cả (điều 5)

Không được xâm-phạm đến chỗ trụ-cư của nhân-dân. Phàm những việc cường-nhập vào gia-trạch của người ta, tìm-tòi trong nhà người ta và khám xét thư-tín sách vở của người ta, đều có pháp-luật định rõ, không được ra ngoài phạm-vi của pháp-luật đã định, không được làm trái cách-thức của pháp-luật đã định (điều 6).

Không cứ là người nào, không có cái việc bị đoạt mất quyền được quan tòa án thẩm-phán. Không được đặt ra sở tài-phán ngoại-lệ. Không được phái viên tài-phán phi-thường (điều 7).

Phi theo pháp-luật không được dùng hình-phạt, không được trị kẻ có tội (điều 8).

Không được xâm-phạm đến quyền sở hữu. Nếu vì cờ công-ích phải thu lấy quyền sở-hữu của người ta để làm công-dụng, hoặc chế-hạn quyền tự-do cũng phải theo pháp-luật cấp cho cái giá tương-đương. Ngay như khi khẩn-cấp cũng phải cấp cho như thế (điều 9).

Không được dùng những hình-pháp « chuẩn tử 准死 » và thu tịch gia-sản (điều 10).

Sự tự-do thiên-cư ra ngoại-quốc, trừ khi binh-dịch ra, chính-phủ không được chế-hạn. Phàm kẻ thiên cư như

thế, không được theo mà đòi thuế khứ-quốc (điều 11).

Sự tín-giáo, sự lập-giáo-hội và những sự cử-hành lễ-bái, tế-tự ở các nơi công-tư miếu-vũ, hiến-pháp đều ưng cho cả.—Những công-quyền tư-quyền sở-hữu với sự theo tôn-giáo không có quan-hệ gì với nhau. Nhưng không được nhân làm sự tín-ngưỡng tự-do mà có trở-ngại đến nghĩa-vụ của công-pháp hoặc về công-pháp (điều 12)

Những Giáo-hội, Giáo-đường không có đoàn-thể mà không căn-cứ vào điều luật đặc-biệt nào của pháp-luật thì không được lập (điều 13).

Quốc-chế đối với giáo-vụ thì lấy đạo Cơ-đốc làm cơ-sở, nhưng không được trở-ngại đến (điều 12 đã nói về tín-ngưỡng tự-do ở trên điều 14).

Quyền quản-hạt giáo-hội của Chính-phủ và những việc cốt-yếu về bãi lập đã có phép-luật định riêng (điều 17).

Luật kết-hôn cùng sổ ký-lục dân-tịch, có phép-luật định riêng (điều 19).

Học-vấn, giáo-dục đều có quyền tự-do (điều 20).

Trường học công phải gia ý về sự giáo-dục cho kẻ thiếu-niên. — Cha mẹ đối với con, người đại-lý đối với kẻ vị-thành-nhân, không được để cho khuyết mất sự giáo-dục của trường tiểu-học công lập đã định (điều 21).

Bất-luận người nào đều có quyền lập trường học mà quản-lý và giáo-thụ lấy, nhưng phải có quan-lại của văn-bộ xét xem học-lực đã (điều 22).

Phàm các trường học công-tư cùng những sở có quan-hệ đến sự giáo-dục, đều phải theo về quan-lại của Chính-phủ đã chỉ định để giám-đốc. — Các Giáo-viên ở trường công trường tư, đều có quyền-lợi nghĩa-vụ như quan-lại (điều 23).

Phàm lập ra trường học công phải chú-ý đến sự quan-hệ về tín-giáo.— Sự giáo-dục về tôn-giáo ở trường tiểu-học do Giáo-hội quản-lý. Còn các sự giáo-dục khác thì do quan địa-phương quản-lý. Hạng Giáo-quan ấy do Chính-phủ chiếu pháp-luật kén người hợp cách sung vào (điều 24).

Những khoản kiến trúc phí, duy-trì phí, khoáng-trương phí về trường tiểu-học công-lập đều do địa-phương cung-ứng. Nếu khi nào không đủ thì làm chứng-thư xin Chính-phủ trích quốc-khố trợ-cấp cho. — Cũng có thể theo điều đặc qui mà bổ cho nhân-dân chịu. — Giáo-quan thì coi vào tư-lực của địa-phương mà định số bổng-cấp, chính-phủ đứng bảo-lĩnh cho. — Trường tiểu-học công-lập thì không lấy học-phí (điều 25).

Phàm thần-dân Phổ-lỗ-sĩ được có quyền lấy ngôn-luận, trước-tác, điêu-khắc, đồ-họa để phát-biểu cái ý-chí của mình. — Không được đặt ra phép kiểm-duyệt. — Phàm khi có đặt cách để chế-hạn sự xuất-bản tự-do thì phải theo pháp-luật mà đặt (điều 27).

Kẻ vì ngôn-luận, trước-tác, san-khắc, đồ-họa mà bị tội thì cứ trong hình-luật mà xử-đoán (điều 28).

Phàm là thần-dân Phổ-lỗ-sĩ, không mang đồ hung-khí mà tụ-hội ở nơi công-sở, không lạm vào chỗ công-chúng đi lại thì đều được tự-do, bất-tất phải xin phép quan. Nhưng tụ-hội vào chỗ của công-chúng đi lại mà pháp-luật đã qui-định rồi thì không về lệ này (điều 29).

Phàm là thần-dân Phổ-lỗ-sĩ, nếu mục-đích mình không trái với hình-luật thì được kết xã. — Vì cớ giữ-gìn hòa-bình nên lấy pháp-luật định ra qui-tắc thi-hành những quyền-lợi đã hứa ở điều này cùng điều 20 trên. — Hội-xã nào có quan-hệ đến chính-trị thì phải do nghị-viện quyết-nghị để chế-hạn đi và cấm-chỉ đi (điều 30).

Quyền đoàn-thể có nên cho hay là không, phải lấy pháp-luật định những điều cốt-yếu (điều 31).

Thần-dân Phổ-lỗ-sĩ đều có quyền minh-nguyện. Trừ quan-sanh và công-hội ra, không cho được liên-danh ký-kết để minh-nguyện (điều 31).

Không được xâm-phạm đến quyền bí-mật về thư-tín ; nếu vì cớ phạm tội phải kiểm-tra, hoặc đương khi chiến-tranh bất-đắc-dĩ mà không can-thiệp đến không được thì phải lấy pháp-luật định riêng ra (điều 33).

Lấy pháp-luật định phạm-vi cùng môn-loại việc phục-dịch binh-vụ của thần-dân Phổ-lỗ-sĩ (điều 34).

Binh là gồm cả các bộ về thường-bị, hậu-bị — Khi chiến-tranh Quốc-vương được theo pháp-luật mà mộ-tập dân-quân (điều 35).

Nước Ý. — Đối với pháp-luật, quốc-dân đều bình-đẳng cả. Phàm là quốc-dân trừ những đặc-điều của pháp-luật đã định ra đều được hưởng chính-quyền cả, lại được làm quan văn quan võ cả (điều 24).

Phàm là quốc-dân đều phải theo cái số tỉ-lệ của tài-sản mình mà nộp thuế để cung cho nước dùng (điều 25).

Bảo-hộ sự tự-do của quốc-dân, phi gặp cái thời-kỳ mà pháp-luật đã kể cùng những qui-tắc mà pháp-luật đã định, thì không cứ là ai, không được nã bắt, không được đòi người ta đến sở tài-phán (điều 26).

Không được xâm-phạm chỗ trụ-cư, phi tuân định-qui của pháp-luật đã nói cùng pháp-thức của pháp-luật đã định, không được xét tìm trong gia-trạch (điều 27).

Xuất-bản có quyền tự-do, nhưng phải do một pháp-luật để phòng-chế những ác-tệ. Những sách cựu-ước, tân-ước, sách giáo-pháp, sách vấn-đáp, sách lễ-bái-thức, không có Phó Đốc-giáo cho phép thì không được xuất-bản (điều 28).

Phàm tài-sản không được xâm-phạm đến, nhưng vì cớ công-ích của pháp-luật đã yết và tuân theo pháp-luật lấy chính-giá bồi-thường lại thì được làm tổn-hại đi (điều 29).

Phải bảo-nhiệm lấy quốc-trái, trái-ước của Chính-phủ với của dân gian không được xâm-phạm đến (điều 31).

Quốc-dân mà không mang đồ nhung-khí thì có quyền được bình hòa tập-hội. Nhưng làm quyền ấy phải theo pháp-luật về công-ích định ra. — Pháp-tắc ấy không dùng ra với sự tụ-hội ở công-tràng. Phàm sự tụ-hội ở công-tràng thuộc về qui-tắc cảnh-sát (điều 32).

Quốc-dân đã thành-niên có quyền đệ nguyện-tư vào Nghị-viện. Nghị-viện cử Ủy-viên điều-tra xem việc nói ở trong thư rồi trình lại với Nghị-viện có nên nhận thư ấy thì Nghị-viện đưa sang cho quan chủ-nhiệm đại-thần. Hoặc đưa cho chức Ủy-viên đã đặt ra để điều-tra những sự-kiện khẩn-yếu.

Một bọn dân không được đệ nguyện-thư vào Nghị-viện. Chỉ có quan-sanh với hội-xã là được lấy tên chung để trình tờ nguyện-thư (điều 58).

Phàm quốc-dân phi có Quốc-vương ưng cho không được chịu những huân-chương, tôn-xưng và tiền dưỡng-lão của ngoại-quốc.

(*Còn nữa*)

Đ.-N. *biên-dịch.*

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

IX

Cho nên phải tập cho quen cách ăn ở cho thanh khiết và cho nghiêm-nhặt. — Những lời PYTHAGORE khuyên dạy về cách ăn uống, không phải chỉ bảo ăn uống cho điều-độ mà thôi, vì tuy ăn uống thái-quá hay bất-cập là sự không nên, rất cần phải giữ-gìn, nhưng ăn uống điều-độ không cũng chưa đủ giữ cho sức khỏe và giúp được tinh-tiến ; đó mới là về phần « lượng », còn về phần « phẩm » cũng quan-hệ lắm, đồ ăn đồ uống phải cho tinh-khiết, điều đó rất cần để giữ cho thân-thể cùng tinh-thần được kiện-toàn.

Cách ăn uống của PYTHAGORE là kiêng-kỵ cả các đồ ăn thuộc về động-vật, nghĩa là các thứ thịt, cá, cua, ốc. Chỉ dùng thuần những rau quả, ngũ-cốc, cùng mấy thứ sản ở động-vật ra, như trứng, sữa, mật. Tức như lối ăn chay ngày nay, gọi là « cấm nhục chủ-nghĩa » nay là « thái-thực dưỡng sinh » (*régime végétarien*).

Trong cách ăn-uống ấy, PYTHAGORE còn dặn nhiều điều đặc-biệt nữa, chắc là ông suy ở lẽ y-học mà ra, vì ngày nay nhiều nhà vệ-sinh sáng-suốt cũng thấy chủ-trương như thế. Thí dụ như các thứ đậu, không nên thường ăn luôn, và thịt những giống vật già cùng những giống ăn thịt các giống khác, ăn rất hại (2). PYTHAGORE khuyên nên kiêng như vậy, là bởi nhiều lẽ thuộc về tâm-lý, thuộc về y-lý, thuộc về đạo-đức, các lẽ đó ông tường cả, điều ấy không lấy gì làm lạ, vì sự tri-thức của ông thật là phổ-cập hết thảy.

Đối với công chúng chưa đủ tri hiểu, muốn lấy một cớ cao-thượng để bắt buộc cho phải kiêng kỵ những đồ ăn không bổ đó, ông bèn dùng cái thuyết luân-hồi là một cái thuyết căn-bản trong đạo ông. Ông khiến cho chúng tin rằng linh-hồn của người ta, linh-hồn những kẻ thân-thuộc của ta, theo lẽ báo-ứng về những tội-lỗi kiếp trước, đến kiếp sau có thể thác-sinh làm các giống vật, như vậy thì giết hại súc-sinh, có khi là giết-hại kẻ thân-thuộc mình.

Cách giải cái thuyết luân-hồi như thế không phải là cách chính-truyền của ông, xem như lời đệ-tử ông là TIMÉE nói thì đủ biết. Cách giải nghĩa đó chỉ có phảng phất ám-hợp với cái thuyết « thoái-bộ luân-hồi » (*transmigration rétrograde*) của ông mà thôi, thuyết này là phàm trong các giống, giống nào cũng có thể thoái-bộ được, nhưng chỉ trong giống mình mà thôi, chứ không đã làm người rồi lại trở về làm vật nữa ; song người ta mà phạm tội-lỗi thì kiếp sau dẫu cứ làm người mà phải chịu nhiều cách báo-ứng cũng cực-khổ lắm để chuộc lại cái nghiệp cũ mà tạo lấy

(1) Tiếp theo *Nam-Phong* số 157.

(2) Ngày nay khoa-học xét nghiệm ra những điều kiêng-kỵ đó là phải lắm, vì các thứ đậu có nhiều chất *purine* không lợi cho sự bổ-dưỡng ; lại nghiệm ra các thịt sắc trắng không độc như các thịt sắc đỏ và sắc đen ; còn như thịt các giống ăn thịt giống khác, thì chất bổ lại kém nữa, vì cái nguyên-tố các chất bổ là ở khí nóng thái-dương mà ra, mà khí nóng ấy là kết-tinh lại ở các giống thực-vật trước, rồi mới truyền cho các giống động-vật sau ; nay những giống vật không ăn cỏ cây mà ăn thịt giống khác thì không được trực-tiếp cái khí thái-dương ấy. Người lại ăn thịt lại các giống ấy thì còn bổ gì nữa? — (Lời chú của tác-giả).

cái nghiệp mới cho hay hơn. PYTHAGORE khuyên người ta không nên sát-sinh là có một cái thâm-ý như sau này, không thể cắt nghĩa cho kẻ dung-phàm hiểu được, là : Phàm các giống động-vật là những giống có tri-tuệ, có cảm-tình cả, đương tiến-hóa cho tới cõi Thượng-đế ; những giống ấy là những trạng-thái khác nhau trên đường sinh-hoạt, chúng ta xưa kia đã từng trải qua cả rồi mới tới cái trình-độ làm người, cho nên đối với giống nào ta cũng phải có lòng nhân-từ bác-ái cả.

Cái cách sinh-hoạt của PYTHAGORE đó, đối với những kẻ mê-muội, thì cố-nhiên là không thể thi-hành được rồi. Cách sinh-hoạt ấy, các dân-tộc văn-minh ngày nay cho làm lạ-lùng, vậy mà hiện nay trong thế-giới vẫn có hàng triệu con người sống theo cách đó, hoặc vì lẽ tự-nhiên bắt-buộc, hoặc vì lòng tôn-giáo tín-ngưỡng (như hạng dân quê ở các nước, như những người theo về đạo Phật, những người tin đạo « thông-thần » (*théosophes*), các nhà khổ-hạnh tu kín (*trappistes*), vân-vân.) Nhưng hạng người đó thường được thân-thể tinh-thần tráng-kiện hơn là những kẻ ở nơi thành-thị hay ăn thịt cá nhiều. Lối thái-thực-dưỡng-sinh lại là lối dưỡng-sinh của các dân-tộc chuyên về nghề nông đời xưa, là những dân-tộc đã sáng-tạo ra các văn-minh lớn. Như người dân quê nước Pháp đời xưa, mạnh-mẽ biết bao nhiêu, cũng chỉ thỉnh-thoảng mới ăn thịt mà thôi. Người đời nay ốm yếu, là bởi ăn thịt uống rượu nhiều, và đã quên mất cả những phép dưỡng-sinh đó.

Vẫn biết rằng ngày nay số người ăn thịt nhiều, nhưng lẽ phải không phải tất-nhiên là ở số nhiều. Những kẻ vô đạo-đức, vô liêm-sỉ, ngày nay cũng nhiều lắm ; không vì số nhiều đó mà lấy cách ăn-ở của họ làm mẫu-mực được, tức cũng như không lấy cớ rằng có nhiều kẻ ăn uống không lành mà cho cách ăn uống đó là hợp với lẽ tự-nhiên vậy.

Vả lại cứ sự kinh-nghiệm của khoa-học đời nay thì chứng rõ rằng phép dưỡng-sinh của phái PYTHAGORE là phải. Khoa giải-phẫu-học (*anatomie*) so-sánh các giống sinh-vật, đã đặt giống người vào hạng những giống ăn quả (*fructivores*), về vật-lý, về sinh-lý, về bản-năng của giống người, đều có tính-cách là giống ăn quả cả. Lại khoa y-học cũng chứng-nghiệm rằng ăn thịt có hại nhiều lắm. Thịt kích-thích thân-thể, truyền độc cho thân-thể hơn là bổ-dưỡng cho thân-thể. Ăn thịt thường sinh ra các bệnh đau ruột, là những bệnh ngày nay phổ-thông lắm. Ăn thịt làm cho các phủ-tạng hư đi, làm cho cái sức đề-kháng tự-nhiên của người ta tiêu mòn đi, mà sinh ra các bệnh truyền-nhiễm, hoặc tiềm-tàng, hoặc kích-phát. Nhiều khi bệnh phát ra rồi, hễ cấm ăn thịt thì thấy bệnh lui ngay. Thịt kích-thích sự tiêu-hóa mạnh quá, làm cho người ta ăn uống quá-độ. Lại kích-thích bộ thần-kinh mạnh quá, chuyển-động cả phần nhục-dục trong người và dễ nhóm cái dục-tình lên mạnh ; làm cho con trẻ thành nết hư cùng tính ác, làm cho người lớn thành nô-lệ cho những cái vật-dục hèn-hạ thô-bỉ.

Thân-thể đã ô-uế thì tinh-thần khó mà kiện-toàn được. Thịt là một thứ đồ ăn ô-uế cho thân-thể, hư-hại cho tinh-thần. Bởi thế nên những bậc hiền-nhân thánh-triết cùng những nhà sáng-lập ra các tôn-giáo đều cấm ăn thịt.

Cứ trông một miếng thịt, tưởng-tượng bao nhiêu sự xấu-xa chung-đúc vào đấy, thì mới hiểu rõ cái thâm-ý của các nhà cấm thịt là thế nào. Vì phàm một khối vật-chất, chẳng qua là cái hiện-thể của sức mạnh đã tạo-thành ra nó, của tinh-thần đã chi-

phối cho nó, và cả cái sức ngầm chỉ chực sẵn hễ nó thoát ra ngoài sự chủ-trương đó là can-thiệp vào mà phá-hoại. Vậy thì trong một miếng thịt hình như in cái khổ-thống của con vật trước khi bị giết đã phải đau-đớn, khổ-sở, chịu đói chịu khát là dường nào ; rồi đến khi đem vào lò sát-sinh, trông thấy tên đồ-tể hung-hăng, trông thấy cái lưỡi dao đầy máu, trông thấy những con vật khác đã phanh thây nằm đó, mùi máu tanh, mùi phân thối, thảm biết dường nào ! Đến khi đã giết rồi, thịt xương tề-tác ra, tay bẩn mó-máy vào, bản thịt nhơ-nhớp, dầy những đầu dao cạnh thớt hôi-tanh. Thịt tề-tác ra lại chửa ăn ngay, để ít lâu cho nó bắt đầu hủ-lạn ra đã, lại càng độc nữa. Vậy thì người ta mà dùng một cái chất hủ-bại như thế để dưỡng-sinh, thì thật là khốn-nạn thay, có khác gì như đem những cái ảnh-hưởng xấu-xa ô-uế đó mà tiêu mà nuốt vào trong mình không?

Trời đất sinh ra thì giống vật không phải là đồ ăn cho người. Không những xét cơ-thể người ta mà biết, cứ xét cái thiên-tính tự-nhiên cũng đủ rõ rồi. Người ta không khi nào trông thấy một con vật sống mà muốn ăn thịt nó bao giờ. Lại không khi nào trông thấy một cái xác con vật chưa tề-tác ra mà muốn ăn bao giờ. Trông thấy một con thịt còn máu-me nhễ-nhại, hay một tấm thịt đã tề-tác ra rồi mà chưa nấu-nướng gì, không ai muốn để vào miệng mà cắn bao giờ. Nhưng những chất như rau quả, ngũ-cốc, trứng, sữa, thì để lên miệng mà nhai mà nuốt lấy làm khoái ngay. Xem như con trẻ nó không lầm bao giờ. Nó cứ theo cái bản-tính tự-nhiên của nó mà lúc chơi nghịch lấy trộm đồ ăn, thì vào trong vườn cây ngắt trộm quả, chứ không bao giờ lén đến sau phản thịt mà ăn trộm một miếng thịt. Xét cái bản-tính tự-nhiên đó thì thấy không những nó không hứng mà nó lại lấy làm nhờm nữa. Cái gì là cái xác chết của giống vật thì làm cho các giác-quan ta đều phải hãi-hùng : thị-giác, khứu-giác, xúc-giác, vị-giác, đều lấy làm ghê sợ cả. Đó là cái luật thiên-nhiên ghi ở trong ý-thức người ta vậy.

Hồi cổ-sơ, người ta bắt đầu ăn thịt là phải nhân vì những cơ-hội đặc-biệt, như gặp lúc cơ-cận và sau khi mới tìm ra lửa. Như gặp phải lúc tuyệt lương-thực thì bạ cái gì mà chẳng ăn. Khi ấy thì người ta cùng đến ăn thịt lẫn nhau cũng có. Cái tục ăn thịt người của nhiều dân rợ mọi, cũng là phát-nguyên từ đó. Nhưng nhân-trí càng khai thông thì cái tục dã-man ấy càng mất dần đi, vậy thì cái thói ăn thịt súc-sinh hễ trình-độ đạo-đức càng tấn-tới thì cũng phải bớt dần vậy.

Trong cách dưỡng sinh bằng thịt giống vật, PYTHAGORE lấy điều sau này là tệ hơn cả, là phạm vào tội sát-sinh, là một điều nghiêm-cấm trong luật đạo-đức, luật này bắt-buộc người ta ngoài giống ác-vật, không nên làm khổ, không nên giết hại một giống sinh-vật nào. Những giống độc-trùng ác-thú, mang những tính-cách tiêu-cực, làm trở-ngại cho cuộc hóa-sinh của trời đất, thì phải nên tuyệt-diệt đi, nhưng phàm giống sinh-vật thuận theo lẽ sinh-hoạt bình-thường, thì phải nên tôn-trọng cả. Bởi thế nên PYTHAGORE lại có lệnh cấm không được đánh đập, không được làm đau-đớn một con vật nào, cho đến một cái cây trồng-trọt trong vườn-tược cũng vậy.

Luật bác-ái đó, thật có in trong tâm-lý người ta. Người ta lại còn một cái bản-năng nữa nó tỏ cho biết rằng vốn tính không phải là một giống phá-hoại, một giống ăn hại giống khác. Một người bình-thường trông thấy giết một con vật ở cạnh mình, không thể không cau mày nhăn mặt, thấy rùng mình, thấy chuyển-động trong tâm-trí như sởn-rợn

cả tinh-thần vậy. Nếu phải giết lấy mà ăn thịt thì biết bao nhiêu kẻ đành chịu thôi không ăn nữa! Còn những kẻ giết tróc giống vật mà trong lòng không cảm-động, không hối-hận gì, thì là những quái-vật trong loài người vậy. Kẻ ấy có thể giết người cũng dửng-dưng như vậy.

Vậy thì cái chức-vụ người ta đứng đầu trong vạn-vật, không nên ăn ở như ngày nay, nghĩa là làm một giống tối-độc-ác trên mặt đất, tàn nhân hại vật không giống nào bằng. Trên mặt đất vẫn có các giống ăn thịt các giống khác, nhưng người ta không thể lấy cớ đó mà tự hạ mình xuống bậc những giống ấy, đến bắt-chước lấy cái tính hung-bạo tàn-ác của những giống ấy vậy.

Người ta hơn các giống khác không phải chỉ có quyền-lợi mà thôi. Lại có nhiều cái nghĩa-vụ cần-cấp nữa, mà điều quan-trọng nhất là phải có bụng hiếu-sinh, phải mở lòng nhân-từ, phải đem lòng đó mà thi ra đối với cả các giống ở quanh mình. Thượng-đế cho người ta được sáng-suốt khôn ngoan hơn cả vạn-vật, tức là ủy cho cái chức-trách làm thần hộ-mệnh cho cả các giống sinh-linh vậy. Thượng-đế đã cho cái trí suy-xét, cho cái sức khảo-nghiệm mà hiểu rằng trên cõi hóa-sinh của tạo-vật, các giống động-vật không phải là một loại riêng, bản-thể bản-chất không khác gì loài người, chỉ khác ở cái trình độ tiến-hóa mà thôi.

Giống vật không phải là thuần vật-chất, chỉ biết phản-động mà thôi. Chính là những giống cũng có cảm-giác, cũng có hiểu biết, cũng nhớ việc cũ, cũng biết yêu-mến, cũng biết đau khổ, nói tóm lại là cũng biết học-tập cho hay hơn lên. Chúng cũng biết vui là gì, khổ là gì, cầu-nguyện là gì thưởng-phạt là gì. Chính khoa-học duy-vật cũng phải công-nhận rằng trên cái trật-tự các hình-thể sinh-hoạt, thì các giống vật là đứng vào những trình-độ dưới, chính người ta xưa kia đã phải từng qua rồi mới tới bậc làm người. Vật tức là người đương ở thời-kỳ dự-bị. Vậy thì làm hại giống vật, tức là hại những giống đồng-thể với mình ngày xưa và cũng tương-tự với mình bây giờ vậy. Giết hại những giống ấy, không phải là chỉ giết hại những cái cơ-thể vô-ý-thức, như người ta tưởng thế đâu, chính là phạm tội với cái lương-tâm của vũ-trụ, phạm tội với cái phần-tử Thiên-lý đương bắt đầu manh-nha ra ở giống vật. Nói tóm lại là tự mình gián-tiếp hại mình, tất phải chịu sự báo-ứng đau-đớn đến mình, vì phạm ăn ở sai với luật nhân-từ chính-nghĩa của Thượng-đế đều có hình-phạt đến mình cả. Lại là làm mờ-ám mất cái trí sáng suốt của mình, làm cứng rắn mất cái lòng từ-ái của mình, rồi dần tập lấy cái thói giết hại đến loài người, giết hại về cá-nhân là tội sát-nhân, giết hại về công-chúng là vạ tranh-chiến vậy.

Vì cái thói sát-lục là nuôi những cái tính xấu-xa độc-ác của loài người. Còn sự ăn-thịt các giống vật cũng làm cho tính nóng-nảy hung-tợn ra. Nghiệm ở giống vật cũng thế, mà xét ở người ta cũng vậy

Người ta đối với các giống vật về trình-độ kém mình, còn cứ thi-hành những cách phá-hoại tàn-ác như thế, thì không bao giờ được sức khỏe, không bao giờ được bình-yên. Hễ người ta còn giết hại giống vật thì còn giết hại lẫn nhau mãi. Kẻ nào tự gieo ra sự sát-lục, sự khổ-thống, thì không thể thu-hoạch lấy hạnh-phúc cùng ái-tình được. Thói sát-sinh cùng sự ăn thịt là trái với cái hi-vọng thế-giới hòa-bình cùng nhân-sinh hạnh-phúc vậy.

Trái lại thì phép dưỡng-sinh của phái PYTHAGORE thật là một cái động-lực mạnh để giúp cho sự tiến-hóa của loài người, vì khiến cho các sức tinh-

thần, sinh hoạt cùng vật-chất được điều-hòa phát-đạt vậy. Đối với tinh-thần thì khiến cho được thuần-túy, thoát ra khỏi vòng vật-chất và tránh được những sự kích-thích thô-bỉ. Trí-tuệ có thể phát-đạt ra mạnh hơn, vì cách dưỡng-sinh đó quyết là giúp cho trí-não hành-động được điều-hòa. Những người bỏ không ăn thịt thì lấy làm lạ thấy trí mình sáng-suốt hơn, tỏ-tường hơn và cái mục-đích mình theo đuổi cũng cao-thượng hơn. Lại tính-nết cũng thay đổi dần dần thấy ôn-hòa, vui-vẻ, biết hưởng cái khoái-lạc nhân-sinh, biết đem con mắt lạc-quan mà đối với mọi sự, lại biết đem tấm lòng quả-cảm mà hành-sự. Thấy người mình như nâng cao lên một cái thế-giới khác, vì trí-não đã thoát được ra ngoài những cái ảnh-hưởng xấu, tâm-địa được vững-vàng, tư-tưởng được rộng-rãi, chí-nguyện đã tập-luyện, mà giá-trị cũng tăng cao vậy.

Còn cái sức sinh-hoạt thì thấy thay đổi đi hẳn. Được mạnh-mẽ hơn, vì được thuần-túy hơn và khoái-hoạt hơn vậy. Vì trong thần-kinh không có lưu-thông những chất sinh-hoạt đã hủ-bại ô-uế rồi, mà toàn là những chất tinh-tân hấp-thụ được ở trong khí thái-dương ra cả, thành ra cái tinh-lực của người ta được dồi-dào, và nghị-lực ở trong cùng cái sức ảnh-hưởng ra ngoài cũng đều tăng-tiến cả. Các luồng điện thần-kinh lên đến trình-độ rất cao rất mạnh, có thể chung-đúc cái sức thần-kinh lại mà lợi-dụng một cách mạnh-mẽ vô-cùng.

Lối thái-thực dưỡng-sinh lại giữ cho cơ-thể được điều-hòa, khí-huyết được lưu-thông. Khiến cho cân-cốt được nhẫn-nại, có sức linh-hoạt uyển-chuyển rất mạnh. Sau nữa khiến cho sức khoẻ được đều-đặn.

Nói tóm lại cách dưỡng-sinh đó là rất hợp với đạo-lý, khiến cho người ta được mạnh-mẽ mà tiến-hóa, được hưởng toàn cái sức vật-chất, sức sinh-hoạt cùng sức tinh-thần của mình. Bấy giờ thì tránh được những sự khổ-thống lớn về tinh-thần cùng những sự đau-đớn to về thân-thể. Chắc được sống lâu, cho đến ngày hết cái sức mạnh riêng của mình ; đến tuổi già cũng vẫn được xanh-tươi sáng-suốt, và lúc lâm-chung được bình-thường êm-ái, không khổ-não, không đằng-cay, vì đã làm hết cái phận-sự cốt-yếu ở đời thì khi từ-giã cuộc đời cũng dung-dị như cái quả chín trên cây rơi xuống, lại trở về cái đất đã sinh-sản ra mình vậy.

Nhưng cứ thực thì cái chương-trình sinh-hoạt về vật-chất tinh thần tốt đẹp như vậy, không thể tức-khắc thi-hành một cách dễ-dàng như thế được. Đối với những người có tính cố-võ nhiệt-thành, lại nên khuyên phải cẩn-thận khoan-dung trong cách thi-hành nữa.

Vì đường đạo-lý là một con đường lâu dài khó-khăn, lại là con đường cao có từng đợt, phải lần lượt mà bước lên mới được. Như muốn tới cõi chân-lý tối-cao, hưởng sự hạnh-phúc tuyệt-phẩm, thì phải nhập-điệu dần dần, phải nghiền-ngẫm cho lâu, phải từng trải khó-nhọc mới đến được, vậy thì về đường vật-chất cũng vậy, phải tập-luyện lâu mới khiến cho thân-thể bỏ những thói quen cũ mà tập lấy cách dưỡng-sinh mới vậy.

Vả lại người ta không phải là bết thảy cùng đứng một trình-độ như nhau, vì trên đường tiến-hóa có kẻ mau người chậm. Người nào hăng-hái mà mở-mang trí-tuệ thì người ấy bước được mau hơn, người nào lười biếng hoặc ít tư-cách lĩnh-lược lấy chân-lý thì chậm-chạp ở đàng sau. Bởi thế nên con đường tinh-tiến tới cõi chân-lý, không phải là dung-dị cho mọi người, có người thì phép tập-luyện khó-khăn

thế nào cũng có thể làm được mà hưởng lợi ngay, cũng có người thì phải đi lần từng bước mà tới dần mới được.

Có một đoạn sách của ARCHYTAS là đệ-tử PYTHAGORE đã giải rõ cái nghĩa đó như sau : « Có nhiều kẻ không đủ tư-cách lĩnh-lược điều cốt-yếu là điều chí-thiện, chỉ có thể thi-hành được cái điều thiện tương-đương với sức mình mà thôi; ấy kẻ đau ốm phải điều-trị như vậy. » Vậy thì trước khi bước lên con đường giốc khó-khăn đưa tới cõi đạo-lý, phải cân lượng sức mình, sức quả quyết, sức kiên-nhẫn, sức tinh-luyện, sức thích-hợp, cân nhắc thế nào cho tiến hành được thỏa-đáng. Như vậy thì khỏi khi bắt đầu đã thử ngay những cách tập luyện khó-khăn quá làm cho kẻ không đủ sức kiên gan hay kẻ chưa tới trình-độ, tự-phụ sức mình quá, đến phải ngã lòng nản chí.

Những người gặp lắm sự khó khăn trong đường tinh-tiến là những người lúc trước đã ăn-ở sai lẽ thiên-nhiên vậy. Những người ấy là những người đau ốm về thân-thể và tinh-thần, như lời ARCHYTAS đã thuật trên đó. Vì phàm kẻ nào đã nặng cái nghiệp xấu, thì phải đeo - đẳng cái nghiệp ấy mãi, để cho trong lòng chán-ngán điều ác mà khao-khát lẽ thực. Đi xuống giốc càng xa, thì đến lúc trèo lên càng lâu. Tập thói xấu đã nhiều thì làm nô-lệ cho thói xấu, và trở về đường thiện lại càng thêm khó-khăn.

Đó là những điều thuộc về lẽ thông-thường ; nay đối với cách vệ-sinh cũng vậy. Những người đã tập thói quen, ăn những chất không lành, như ăn thịt cá nhiều cùng những đồ ăn chế-tạo theo phép công-nghệ, thì mất hẳn cái tư-cách dưỡng-sinh tự-nhiên, khiến cho nếu nhất-đán mà trở lại theo phép đó hẳn thì không khỏi có dao-động đến sức khỏe.

Các nhà vệ-sinh-học có trí sáng-suốt, đời nào cũng kinh-nghiệm như thế, nên đối với những thói ăn uống không lành, chỉ khuyên nên từ-từ mà bỏ, vì thói quen là cái thiên-tính thứ nhì, và phép dưỡng-sinh không tốt, có khi không hại bằng phép dưỡng-sinh tốt mà theo dùng một cách mạnh-bạo cấp-tốc quá. Vì đời người là một cuộc tiệm-tiến, chứ không phải là một cuộc sậu-biến. Cho nên cứ bình-thường, nếu không cần phải đổi cách ăn uống ngay, thì nên dần dần bớt những thứ đồ ăn không lành đi, theo một cách dưỡng-sinh nửa rau nửa thịt, rồi điều-hòa mà tiến lên, chứ đừng vội-vàng mà thi-hành cái phép của PYTHAGORE ngay. Nếu biết cẩn-thận như thế, hàng tuần hàng tháng, tùy cái tạng của mỗi người, thì có thể dần dần theo lối thái-thực-dưỡng-sinh được, không vội-vàng mà có ích-lợi, dù người nhu-nhược không quả-quyết cũng có thể theo được.

Vả lại chính PYTHAGORE lúc bắt đầu theo cái lối dưỡng-sinh thuần-túy và nghiêm-nhặt đó, cũng theo một cách quảng-đại khoan-dung như vậy. Ông cứ lần lần mà tiến lên, lúc đầu vẫn để cho dùng những thứ thịt không độc mấy, cùng những thứ rượu thường thường, mà dùng có điều-độ. Đó là cái kế-hoạch tạm-thời để cho tập dần lấy cách dưỡng-sinh hoàn-toàn là cách dưỡng-sinh của những kẻ muốn theo về đường đạo-lý chân-chính cao-thượng.

Vậy thì lối thái-thực-dưỡng-sinh, không những nên chủ-trương cho tuần-tự, mà lại nên thẩm-xét cho kỹ-càng, vì có nhiều điều phải lẽ chính, dù về phương-diện vật-chất cũng vậy, không nên truyền-thụ cho những kẻ chưa hiểu được cái lý-do thâm-trầm ra thế nào, cùng chưa đủ tư-cách thi-hành được những công-đức bao-hàm

ở đó. Bởi vậy nên nói tóm lại, về lối thái-thực-dưỡng-sinh, muốn theo một cách hoàn-toàn tuyệt-đối, thì ở các xã-hội văn-minh ngày nay cũng khó lòng được, vì cách sinh-hoạt ở nhà trường, ở trại lính, ở hàng cơm, ở các nơi khoản-tán yến-tiệc, ở các chỗ tửu-quán trà-lâu, v.v., toàn là những dịp bắt-buộc người ta phải ăn-uống theo một cách dưỡng-sinh sai-lầm vô-lý.

Cho nên lối dưỡng-sinh theo phép PYTHAGORE đó nên coi là một lối dưỡng-sinh cao-thượng của một số ít người đạt-nhân quân-tử, cùng đại-để những người đau ốm mà có cái chí tu-tỉnh, biết tự tìm-tòi quan-sát để cho hiểu rõ các lẽ mà đặt tâm-trí mình lên trên cõi vật-chất. Vì đối với kẻ đạt-nhân quân-tử muốn sống một cách yên-lành trong-sạch, đủ làm gương cho đời, cùng đối với những kẻ ốm yếu muốn cho khỏi tật-bệnh, thì cần phải kiêng thịt.

Còn như số nhiều những kẻ bình-thường thì nếu khuyên cho được dừng uống rượu, ít ăn thịt, cho gần được cách dưỡng-sinh hoàn-toàn đó, cũng là hay lắm rồi. Công-chúng mà biết sinh-hoạt một cách giản-dị, theo phép vệ-sinh tự-nhiên, ăn những đồ ăn quê-mùa thì những cái dục-tình xấu cũng dẹp đi được mà lại vừa được tăng thêm sức khỏe, cùng mở rộng lòng nhân ra nữa.

(*Còn nữa*)

T.-C. *dịch*

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

VIII

4 — Tồn-dưỡng

— Nay tuy nói phải chủ-tĩnh, nhưng không phải là bỏ hết cả các công việc để cầu tĩnh đâu. Đã là người thì phải phụng-sự đấng quân-thân, giao chơi với bè bạn, xử với vợ con, đãi kẻ đồng-bộc; không thể bỏ hết đi được mà chỉ đóng cửa ngồi yên, hễ gặp sự-vật gì lại thì bảo rằng hãy để cho ta ngồi yên để tồn-dưỡng đã thì không được. Lại không nên chỉ mơ-màng tùy mọi sự-vật mà theo đuổi. Phải nên có thương-lượng phán-đoán mới được. Tuy có lúc động mà vẫn tĩnh, chỉ thuận theo chân-lý mà ứng-phó, thế thì dẫu động mà vẫn là tĩnh. Vậy nên bảo rằng đã biết ở về điều chí-thiện rồi thì mới hay định, đã định rồi mới hay tĩnh. Nếu khi sự-vật nó lại mà chẳng biết thuận theo lẽ để ứng-phó, thì dẫu cứ ù-lỳ chẳng chịu giao-tiếp với mọi sự-vật để cầu cho tĩnh, nhưng cái tâm cũng chẳng hay tĩnh được. Duy lúc động mà hay thuận theo lẽ, thì lúc vô-sự mới hay tĩnh; lúc tĩnh hay giữ được cái tâm, thì lúc động mới hay đắc-lực; thế thì lúc động lúc tĩnh đều phải cố gắng công-phu; khiến cho cái công-phu tồn-dưỡng không lúc nào gián-đoạn mới được. (Chu Hối-ông)

Xét: *Đây là nói lúc tĩnh mà vẫn hay ứng-dụng, có thể hay chèn bớt được cái miệng những kẻ hay bài-bác đạo-học.*

Lại xét: *Thuyết tồn-dưỡng của phái chủ-quan như những nhà đạo-gia đời cổ nước Tàu đã bàn nói rất nhiều. Lão-tử bảo rằng thường vô-dục để xem xét*

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu. Xem *Nam-Phong* từ số 150.

lúc vi-diệu, hữu-dục để xem xét lúc cử-động. Lại rằng: Cực kỳ thanh-hư, rất là tĩnh-mịch, mà vạn-vật vẫn động-tác, ta sẽ xem lúc nó trở lại. Xem như lời nói của Trang-tử Lão-tử thì rất là liên-miên kỳ-quái, không biết đâu mà lường được, rút lại chỉ là nghĩa quan-sát cả, không phải đợi đến phái Thiên-đài giáo-tôn mới có cái thuyết chỉ-định và quan-sát. Đến như nhà nho thì chưa từng xướng cái nghĩa ấy để làm đích cho kẻ học-giả. Nhưng sách Đại-học *đã nói về tâm-thể rộng lớn; thầy Mạnh cũng bảo rằng lẽ vạn-vật đều đủ cả ở tâm ta, trở lại xét mình mà thành-thực thì vui gì bằng! Đó đều lấy quan-sát mà hay thu-dụng được cả. Các nho-giả đời Tống đời Minh nói về nghĩa quan-sát cũng rất nhiều, nhưng chưa để-xướng lên làm tôn-chỉ mà thôi. Như thầy Châu-tử bảo rằng xem xét cái khí-tượng của trời đất sinh-vật; học trò hai thầy Trình cũng thường nói xem xét cái khí-tượng những lúc mừng giận thương vui nó chưa phát-lộ ra; đều là cái ý quan-sát cả, nhưng phạm vi hãy còn hẹp. Nam-hải tiên-sinh có tặng ta (Khải-Siêu) bài thơ rằng:* «登臺惟見日。*Đăng đài duy kiến nhật,* 握髮似非人。*ác phát tự phi nhân;* 高立金輪頂。*Cao lập kim luân đỉnh,* 飛行銀漢濱。*phi hành ngân-hán tân;* 午時伏龍虎。*Ngọ thời phục long hổ,* 永夜視星辰。*vĩnh dạ thị tinh thần;* 碧海如鵝淺。*Bích-hải như vãn thiển,* 乘槎欲問津。*thừa sà dục vấn tân».* *Nghĩa là:* Lên chơi ngắm bóng mặt trời, hỏi ta ta phải là người hay không? Kim-luân cao ngất nghìn trùng, bay qua Ngân-hán mấy vòng xa khơi; ban ngày long hổ bặt hơi, tinh-thần ngắm lúc đêm dài thử coi; hỏi thăm bích-hải dầy vơi, thả bè muốn những qua vời tới nơi. *Ban ngày long-hổ bặt hơi, là lúc chỉ-định; ban đêm ngắm xét tinh-thần, là lúc quan-sát; học-thức của Nam-hải tiên-sinh đắc-lực về quan-sát phần nhiều, nên cũng thường đem để dạy bảo học-trò. Bạn đồng-học ta là Địch Bình-tử cũng có câu rằng:* «Sao như hạt đậu người như kiến, 繁星如豆人如蟻。 đứng tựa lầu cao ngắm bóng trăng. 獨倚危樓望月明。» *Lương Bá-Tuấn cũng có câu rằng:* «Mỗi tình trường, lên lầu cao trăm thước ngắm xem người đi đường. 甚情緒。向百尺高樓觀看行人路。» *Ta trước cũng có câu rằng:* Thế giới vô cùng nguyện vô-tận, 世界無窮願無盡。 Mênh-mông trời bể ngóng trông xa. 海天寥廓立多時。» *Đó đều là tả cái cõi tâm của mình. Lúc quan-sát; một là để mở cái cõi tâm ra cho nó rộng-rãi; hai là khai cái trí-tuệ ra cho nó tinh-tế; dụng ra thường có công-hiệu lạ thường. Nhưng không tĩnh thì không thể quan-sát được, vậy cho nên phải tĩnh trước rồi sau mới hay quan-sát. Sau này sẽ trích-lục những cái thuyết của tiên-nho nói về quan-sát.*

— Trời là cha, đất là mẹ, cái thân ta nhỏ-mọn hồn-nhiên ở giữa. Trời đất đúc cho ta cái thân, lại phú cho ta cái tính, nhân-dân là đồng-bào với ta mà vạn-vật là đồng-loại với ta cả. Ông vua là con trưởng của cha mẹ ta, các quan đại-thần là kẻ gia-tường của con trưởng. Tôn bậc cao-niên là để kính người già nua, yêu kẻ cô-nhược là vì thương nó trẻ-thơ, hợp đức với bậc thánh, chung-tú với bậc hiền. Phàm thiên-hạ những kẻ yếu đau tàn-tật quan quả quỳnh-độc đều là anh em với ta mà bị phải điên-liên không biết kêu vào đâu vậy. Biết giữ-gìn cái thân là người con kính, hay làm vui lòng cha mẹ là người con hiếu, trái ngược là đứa bội-đức, tàn-tặc là kẻ hại-nhân, giúp làm điều ác là kẻ bất-tài, nếu hay giữ hoàn-toàn được thiên-tính mới là người hiền, và lại hay khéo nối được việc, khéo nối được chí người trước, tồn-tâm dưỡng-tính đứng để thẹn lúc một mình, hiểu như ông Thuấn lúc

nào cũng mến cha mẹ, cung-kính như Thân-sinh không trái mệnh cha, toàn hiếu như ông Tăng Sâm, thuận-lệnh như ông Bá-Kỳ, gặp được phú-qui phúc-lộc là trời hậu cho đời ta, gặp phải bần-tiện ưu-thích là trời tác-thành cho ta, khi ta còn ta cứ thuận theo lẽ phải, mất đi rồi là ta yên. (Bài Tây-minh của ông Trương Hoành-cừ).

— Kẻ học-giả phải trước biết chữ *nhân* 仁, nhân là hồn-nhiên đồng-thể với mọi vật, lẽ nghĩa trí tín đều là nhân cả, biết được lẽ ấy thì phải thành-kính mà giữ lấy bụng nhân; không phải phòng-kiềm, không phải cùng xét. Nếu tâm mình có trễ-biếng mới phải phòng, tâm không trễ-biếng thì cần gì phải phòng; chưa biết được chân-lý mới phải cần suy-xét, nếu đã hay giữ lâu mà hiểu biết cả rồi thì cần gì phải cùng xét. Đạo-lý ấy tuyệt vô-đối, công-dụng trong trời đất là công-dụng của ta cả; thầy Mạnh bảo rằng lẽ vạn-vật đều đủ ở thân ta, xét lại thân ta mà thành-thực thì còn vui gì bằng; nếu xét mình mà không thành-thực, thì vẫn còn là hai vật tương-đối, lấy mình mà cố-hợp với cái vật kia thì không thể sao hay vui được. Nguyên cái tâm-thể của mình vẫn cùng với đạo-nghĩa làm một, cứ chăm-chỉ mà làm, chớ mong vội mà cũng chớ quên, chớ có vội nống nó lên, không cần phải dùng sức một tí gì cả, chỉ cốt giữ lấy cái bản-tâm, nếu hay tồn-tâm được thì tức là hữu-sở-đắc. Trong tâm mình nguyên vẫn có lương-tri lương-năng, duy bị phải vật-dục nó mờ đi, nên phải trừ cái dục-tâm đi mà giữ lấy tâm-thể cho trong-sạch, thì tự-nhiên là hay vui-vẻ hoàn-toàn nhân-đạo vậy. (Thiên *Thức-nhân* của Trình Minh-đạo)

— Đương lúc cực-tĩnh mới hoảng-nhiên biết cái tâm ta trung-hư không có vật gì cả mà bàng-thông vô-cùng; trong-trẻo như trên không, khí mây lưu-hành không biết đâu là cực-chỉ. Lại mông-mênh như bể lớn, ngư long biến-hóa, không có gián-cách lúc nào, không biết chỗ nào là trong là ngoài, không phân lúc nào là động là tĩnh, thượng hạ tứ-phương, vãng-cổ lai-kim, hồn-nhiên là một phiến cả, không ở chỗ nào mà không chỗ nào không ở, một cái thân ta là cái khiếu nó phát ra đó, vốn không phải là hình-chất hay hạn-định được; ta phóng con mắt ta xem, trời đất cũng có thể xem khắp được; ta nghiêng lỗ tai ta nghe, trời đất cũng có thể nghe thấu được; ta lặng cái tâm ta nghĩ, trời đất cũng không thể trốn khỏi được cái vòng ta nghĩ được; cái tinh-thần của cổ-nhân đâu cũng thấu-khắp hết cả, thì cái tinh-thần của ta cũng đi tới đó; không thế thì sao nghe việc làm của cổ-nhân lại hay cảnh-tỉnh hay phát phẫn được? Bốn bể dẫu xa, nhưng sự đau-đớn vẫn quan-hệ với nhau, tức là sự đau-đớn của ta cũng không khác thế vậy, không thế thì thấy những sự hoạn-nạn của người sao lại hay trắc-ẩn thương-đau vậy? Thế cho nên cảm về tình thân mới nên thân, ta cũng không khác gì người thân vậy, nếu ta với người thân phân ra khác nhau, thì không khi nào thân được. Cảm về tình dân mới động lòng nhân, ta cũng không khác gì nhân-dân vậy, nếu ta với người dân phân ra khác nhau, thì không khi nào động lòng nhân được. Cảm về loài vật mới nên yêu, ta với loài vật cũng không khác gì nhau vậy, nếu ta với loài vật phân ra khác nhau, thì không khi nào yêu được. Đó là sở-đắc về phần lẽ trời nó vẫn như thế, nên mới hay phối-hợp với trời được. Vậy cho nên nói rằng nhân-giả hồn-nhiên đồng-thể với mọi vật; đồng-thể nghĩa là ở ta cũng tức như ở mọi vật, hợp ta với vật mà cùng làm nhất-thể, đó tức là hư-tịch mà hay quán-thông, hỗn-hợp

cả thượng-hạ tứ-phương vãng-cổ lai-kim nội ngoại động tĩnh mà làm một vậy. (La Niệm-am)

Xét : *Bài Tây-minh của Trương-tử, thiên Thức-nhân của Trình-tử, đều là những lời nói rất tinh-túy rất rộng-rãi của bậc hiền-giả đời Tống, mà dụng-lực cốt ở về quan-sát ; vậy nên thầy Trình lấy chữ « Thức-nhân » đặt tên thiên, thầy Trương thì nói về nhân-thể, cũng là bảo người lấy cái tuệ-quan mà xem xét cho biết vậy. Lời nói ông Niệm-am tức là giải-thích hai thiên trên, nếu hay thường quan-niệm về điều nhân, thì đem cái thân mình gánh vác việc trong trời đất, thực là bất-kỳ mà thành ra thế vậy. Bàm Lưu-dương có nói về nhân-học, cũng là phát-huy về cái nghĩa ấy.*

— Trang-sinh nói rằng : « Tham xét được đến vạn-tuế mà thành thuần-nhất như một cả. » Nói vạn-tuế thì thực là hoang-đường quá, dẫu đến bậc thánh-nhân cũng không thể biết được, sao lại hay tham-xét được. Song trong và nghìn năm kiến-văn còn có thể xét biết được, nào là sự biến theo vận trời, lẽ bất-tề của vật-lý, cái số-vận những lúc thăng giáng long-ô trị-loạn, và cái thói tập-thượng văn-chất khác nhau, cứ tham xét lúc biến rồi suy ra biết lúc thường, rồi lập-thành ra một cuộc thuần-nhất, mà châm-chước cái cách tự-xử, từng trải vô-cùng hiểm-trở, mà đều không mất cái sở-thủ của mình, không bị phải thói đời điên-đảo, khá hay tự-lập được. Thử nghĩ xem, nếu ta sinh về đời Tam-đại thì thế nào? Nếu ta sinh về đời thịnh-trị Hán, Đường, Tống thì thế nào? Ta sinh về đời Tần, Tùy, thì thế nào? Ta sinh về đời Nam-bắc-triều Ngũ-đại thì thế nào? Nếu ta sinh về đời Khiết-đan, Kim, Nguyên thì thế nào? Nay ta sinh về đời nay thì phải thế nào? Há lại chịu nay đây mai đó, hễ chìm thì cũng chìm, nổi thì cũng nổi hay sao? Như thế mà tham-xét lại cho thuần-nhất thực là rõ vậy. Suốt một đời ta trong và mười năm, nếu ta mà làm đến vương-hầu khanh-tướng thì thế nào? Nếu ta mà không khỏi đói rét thì làm thế nào? Nếu ta mà phải bước vào chỗ vạc dầu dao chém thì thế nào? Nếu ta mà làm nên tiếng lừng thiên-hạ công nhất cả đời thì thế nào? Nếu ta mà yếu-ớt già-nua lận-đận chết ở trong chốn nhà giang vách sậy thì thế nào? Nếu ta chẳng vinh mà cũng chẳng nhục hưởng trọn tuổi trời ở chốn đồng áng thôn quê thì thế nào? Há lại gặp như thế ấy bị như thế kia, mà có lúc lại kiêu-căng xa-xỉ, có lúc lại chịu khuất-nhục hay sao? Như thế mà tham xét lại cho thuần-nhất lại càng rõ vậy. (Vương Thuyền-sơn)

Xét : *Cái thuyết trên này cũng là một cách quan-sát, thuyết ấy tuy hơi thô, nhưng dụng ra rất có công hiệu. Nam-hải tiên sinh trước kia dạy học-trò vẫn thường nhắc đến cái thuyết ấy.*

— Trong lúc tĩnh thử nghĩ kỹ xem cổ kim ức vạn niên vô hữu cùng kỳ, mà khoảng đời người ta sinh ra trong vài-mươi năm, chỉ là vụt chốc mà thôi. Đất rộng và trăm vạn dặm không biết đâu là cùng, người ta sinh ra ở trên mặt đất, ăn ở nghỉ-ngơi, ban ngày chỉ một cái nhà, ban đêm chỉ một cái giường mà thôi. Sách vở của người đời xưa và những văn-chương trước-thuật của người đời nay mông-mênh như bể; thế mà lấy cái nhãn-quang đời người ta mà xem xét, chẳng qua chỉ là một cái lông trong chín con trâu mà thôi. Sự biến vạn-đoan, đường danh trăm vẻ, tài-lực đời người ta hay làm nổi được, chẳng qua chỉ bằng một hột gạo trong kho Thái-thương mà thôi. Nếu hay biết trời là dài mà đời mình từng trải là ngắn, thì dẫu gặp ưu-hoạn hoạnh-nghịch nó lại, ta phải nên kiên-nhẫn để đợi cho nó yên-định. Biết đất

là lớn mà chỗ mình cử-xử là nhỏ, thì dầu gặp cái cảnh vinh-lợi tranh cướp nhau, ta cũng nên lui nhường mà giữ phần kém. Biết rằng sách vở còn nhiều mà ta kiến-văn còn hẹp, thì dầu biết được một chút ta cũng không dám tự khoe, phải nên kén chọn lấy điều hay mà giữ lấy. Biết rằng sự-biến còn nhiều mà mình gánh vác làm được mới có một ít, thì cũng không nên lấy công-danh tự-đắc, phải nên cử lấy người hiền để cùng lo liệu; nghĩ như thế thì cái ý-kiến tự-tư tự-mãn mới trừ bỏ dần dần đi được. (Tăng Địch-sinh)

Xét: *Trên này cũng là nói về một cách quan-sát, xem đó thì biết Tăng Văn-chính học-lực sở-đắc cũng đã thâm vậy.*

Lại xét: *Ta xem những sách của các tiên-nho nói về cách quan-sát cũng không được mấy, phần nhiều là thuyết triết-học về cựu-phái chỉ nói về lý-khí âm-dương, không thích-dụng với đời nay, ta vẫn lấy làm đi-hám. Nam-hải tiên-sinh thường nói rằng: « Việc làm thì vẫn phải theo cái địa-vị mình, còn như tư-tưởng dầu vượt ra ngoài cái địa-vị mình cũng bất-phương. » Nghĩa chữ « xuất vị 出位 » là đem cái tư-tưởng của mình vượt ra ngoài cái vòng địa-vị của mình đứng. Phẩm-cách người ta sở-dĩ trụy-lạc, cái nguyên-nhân chỉ tại cái vật ngoài nó giao-tiếp với cái vật tai mắt mình rồi nó dẫn-dụ cái tâm đi mất, mà cái nhãn-quang mình chỉ quanh-quẩn ở cái cảnh-giới hiện-tại thân mình rất là ngắn-ngủi hẹp-hòi và rất là bẩn-thỉu, suốt ngày rắc-rối bó-buộc không thể tiến lên được cao-minh. Phái chủ-quan thì thường đem cái tâm-hồn mình thoát-ly ra ngoài cái cảnh-giới hiện-tại mà ưu-du một cảnh-giới khác. Cảnh-giới khác thì Hằng-hà sa-số không thể kể hết được, ta cứ tùy từng lúc mà chơi một cảnh cho nó thỏa-thích mà thôi, phải nên tùy lúc tĩnh mà ưu-du tự-thích, cái công-hiệu nó hơn những kẻ tu-hành chỉ nín hơi ngồi ngây ra vậy. Vì rằng dụng-tâm về một cảnh gì thì cái tâm nó có chỗ ký-thác, không đến như con hầu lìa mất cành cây, không biết bấu-víu vào đâu, là một điều hay. Lại không đến như gió tàn gỗ mục, hoài tâm-tư vào chỗ vô-dụng, là hai điều hay. Những điều nhân-tư vọng-niệm nó đã có cái ngăn-trở đi rồi không thể tạp-khởi lên được, là ba điều hay. Lý-tưởng càng ngày càng cao xa, trí-tuệ càng ngày càng tấn-bộ, là bốn điều hay. Nên ta bảo rằng dữ-kỳ lúc tĩnh mà đoạn hết niệm-lự không bằng là lúc tĩnh mà khéo quan-sát; nhưng quan-sát cốt phải thu-phóng tự mình, thì mới là chân quan-sát.*

— Người ta có cái tính-chất thiên quá đến chết cũng không thể biến đổi đi được, lại hay phát ra cái chứng-bệnh không hay tự-do được; cốt tại mình phải có cái chí răn chừa, nghiệm cái công kiểm-sát, không gì bằng chầm-tiềm hàm-dưỡng, ít lâu rồi bệnh-căn tự tiêu-ma đi hết. Nhưng trong lúc hàm-dưỡng có một điều phải nên phòng, là phần nhiều có cái ý liễm-chấp chán-nản quá, mà ít có cái ý phấn-phát tự-cường, coi việc thiên-hạ không có một việc gì đáng làm, không một điều ác nào đáng ghét, đức-lượng thì cũng có khoan-hồng thật, nhưng mà khí-tiết thì có phần tồi-chiết; không có cái tệ ấy thì mới là cách hàm-dưỡng của bậc thánh-hiền; nếu mắc phải cái tệ ấy thì là cách hàm-dưỡng của phái Đạo Thích... (Lã Tâm-Ngô).

Xét: *Trên này là nói tồn-dưỡng có lúc lưu-tệ, đó là bọn giả đạo-học như là Hứa Hành, Lý Quang-Địa, Thang Bân, thì vẫn thường như thế. Song những bọn ấy vì cái công-phu lúc mới biến tâm-thuật cũng đã sai rồi, gốc đã lay chuyển thì cành-lá còn phụ-bám vào*

đâu nữa, không phải là cái lỗi tại hàm-dưỡng. Nếu bảo rằng tại hàm-dưỡng quá, nhân mình liêm-chấp mãi mà đến sinh ra chán-nản, thì những bậc hiền-giả đời Tống đời Minh giản-hoặc cũng có, chớ như đời nay là sau khi học-tuyệt đạo-tàng rồi, không cần phải lo-ngại gì về cái lưu-tệ có bậc hiền-giả quá-đáng ấy nữa.

5. Tỉnh-khắc

Tồn-dưỡng là cách học-vấn tích-cực; khắc-trị là cách học-vấn tiêu-cực. Khắc-trị với tỉnh-sát đều phải theo nhau, không tỉnh-sát thì không biết đường nào mà khắc-trị, không khắc-trị thì còn cần gì mà phải tỉnh-sát. Vậy nên đã tồn-dưỡng để giữ lấy cái tâm, còn những điều chi-tiết thì phải tùy-thời điềm-kiềm mà sửa đổi luôn cho nó tấn tới lên bậc cao-minh, vậy nên sau này thuật về cái công-phu tỉnh-khắc.

— Người quân-tử theo cái đạo quẻ *Tổn* phải nên răn lòng phẫn triệt bụng dục.

— Người quân-tử theo cái đạo quẻ *Ích* phải nên thấy điều thiện thì dời theo, có điều lỗi thì đổi đi. (*Dịch*)

— Không nên trách-bị người quá, mà phải xét mình luôn, hình như không kịp. (*Thư*)

— Thầy Tăng rằng: « Ta hằng ngày lấy ba điều xét mình ta: Vì người mưu mà chẳng hết lòng chăng? Chơi với bè bạn mà không tin-thực chăng? Thầy truyền cho mà không học-tập kỹ chăng? »

— Thầy Nhan-Uyên hỏi điều nhân? Đức Khổng-tử bảo rằng: « Trị bỏ bụng tư-dục đi, mà đem lấy thiên-lý lại, là điều nhân. Nếu hay một ngày trị bỏ tư-dục, đem lại thiên-lý, thì thiên-hạ ai cũng khen là nhân. »

— Xét trong mình không xấu-hổ, thì trong lòng mới khỏi thẹn.

— Trông thấy người hơn mình thì nghĩ sao cho bằng; thấy người có điều dở thì mình cũng tự xét lại mình xem.

— Có lỗi thì đổi ngay đi chớ đừng nản sợ.

— Có lỗi mà không đổi ngay đi thì thành ra lỗi thật.

— Kẻ tiểu-nhân mà có lỗi thì hay văn-sức để che đậy.

— Ta chưa thấy người nào hay biết được lỗi mình mà hay tự trách ngầm trong bụng vậy.

— Hay chế bỏ được những điều hiếu-thắng, khoe-khoang, oán-giận, tham-dục không để nó sinh ra cũng là khó lắm vậy. (*Luận-ngữ*)

— Tự xét lại mình mà không thẳng, thì dẫu kẻ hèn mặc áo vải lùng-thùng, ta cũng phải sợ; nếu tự xét lại mình mà thẳng, thì dẫu nghìn muôn người, ta cũng dám đi mà đối-địch.

— Mình yêu người mà người lại chẳng thân với mình, thì mình phải xét lại điều nhân; mình cai-trị người mà người ta chẳng chịu, thì mình phải xét lại điều trí của mình; mình lấy lễ xử với người mà người chẳng đáp lại mình, thì mình phải xét lại điều kính của mình; hễ làm điều gì mà không hay đạt được, thì đều phải trở lại mà xét mình.

— Có kẻ kia nó lấy điều hoạnh-nghịch đối-đãi với mình, người quân-tử tất trở lại xét mình, xem mình hẳn có điều bất-nhân chăng? Hay là có điều vô-lễ chăng? Cớ sao cái điều trái-ngược kia nó lại đến vậy? Mình xét lại mình vẫn có lòng nhân, mà vẫn là có lễ, thế mà nó vẫn hoạnh-nghịch đối với mình, người quân-tử tất lại xét mình xem, hay là mình bất-trung chăng? Xét lại mà mình vẫn trung-thành, mà nó vẫn cứ hoạnh-nghịch với mình, người quân-tử cho nó là đứa càn mà thôi, như thế thì có khác gì loài cầm-thú, đối với loài cầm-thú lại còn trách gì nữa.

— Người quân-tử đời xưa có lỗi thì đổi ngay, người quân-tử đời nay có lỗi thì làm ngơ đi cho xong chuyện.

Người quân-tử đời xưa có lỗi thì phô ngay ra như mặt trời mặt trăng bị xâm, ai cũng trông thấy; đến lúc đổi lỗi đi ai cũng ngóng trông. Người quân-tử đời nay có lỗi không những là dua-thuận cho xong chuyện, lại còn biện bác cãi lấy cho được. (*Mạnh-tử*)

— Cái tâm có điều tức-giận quá thì không được chính, có điều sợ-hãi quá thì tâm cũng không được chính, có điều ưu-hoạn quá thì tâm cũng chẳng được chính, có điều ham vui quá thì tâm cũng chẳng được chính.

— Kẻ tiểu-nhân lúc ở dưng hay làm điều bất-thiện, vô-sở bất-chí, đến lúc gặp người quân-tử thì sinh lòng bẽn-lẽn, che giấu điều bất-thiện mà phô ra điều thiện. Nhưng người ta coi mình đã trông thấy cả gan phổi rồi, thì có ích gì. (*Đại-học*)

Xét: *Trên này là trích-lục một đôi câu trong* Lục-kinh Tứ-thư *nói về cái công-phu tỉnh-sát khắc-trị mà thôi.*

— Tính người ta ác, thiện là ngụy đó mà thôi. Người ta lúc mới sinh ra đã có tính ham lợi rồi, nếu cứ thuận theo tính ấy thì sinh ra tranh cướp nhau mà mất cả nhũn-nhường; lúc mới sinh ra đã có tính ghen-ghét, nếu cứ thuận theo tính ấy thì sinh ra tàn-hại nhau mà mất cả trung-tín; lúc sinh ra tai mắt đã ham muốn thanh-sắc, nếu cứ thuận theo tính ấy thì sinh ra dâm-loạn mà mất cả lễ-nghĩa văn-lý, xem thế thì theo tính người, thuận tình người, tất đến sinh ra tranh cướp, loạn cả danh-phận luân-lý, mà theo về đường bạo-ngược. — Vậy cho nên cây gỗ kia tất phải đợi uốn nắn rồi sau mới thẳng, cục sắt kia tất phải đợi mài-rũa rồi sau mới sắc; tính người ta vốn ác tất phải học-hành theo vào khuôn-phép rồi sau mới chính, có theo vào lễ-nghĩa rồi sau mới trị được. (Tuân-tử)

Cần xét: *Thầy Mạnh-tử nói tính thiện, cho nên công-phu cốt phải khuếch-sung; khuếch-sung là phải dụng-công hàm-dưỡng, thuộc về tích-cực. Tuân-tử nói tính ác, cho nên công-phu cốt phải kiểu-chính; kiểu-chính là phải dụng công khắc-trị, thuộc về tiêu-cực. Học-thuyết hai người căn-cứ đã khác nhau, cho nên chi-diệp về sau cũng khác, mà đều phải cả. Ông Khổng-tử bảo rằng: « Tính người ta vốn gần giống nhau, chỉ vì tập-nhiễm mỗi người một khác, cho nên xa cách nhau. » Nay lấy nghĩa nhà Phật mà giải-thích thì tính người ta vốn có hai cái nguyên-chất: một là « chân-như 眞如 »; hai là « vô-minh 無明 ». Từ khi mới sơ-sinh, hai cái nguyên-chất ấy vốn có sẵn, cái thể-chất chân-như cũng khả-dĩ hun-đúc được cái chất vô-minh, cái thể-chất vô-minh cũng khả-dĩ hun-đúc được cái chất chân-như. Thầy Mạnh chuyên nhận cái thể chân-như cho là bản-tính, vậy mới bảo rằng tính thiện. Tuân-tử chuyên nhận cái thể vô-minh cho là bản-tính, cho nên bảo rằng tính ác. Tuân-tử không biết có cái thể chân-như, thực là hủ-lậu vậy. Nhưng thầy Mạnh thấy người ta có cái tính bất-thiện, thì lại bảo rằng không phải tại trời giáng-sinh cho cái tài người ta khác nhau đâu, chỉ vì tại người làm chìm-đắm mất cái tâm, cho nên mới thế vậy. Thế là cho tính người ta ác là bởi hậu-thiên gây nên, chứ không phải đã có từ lúc tiên-thiên. Vẫn biết rằng cái tính ác là bởi tại mình gây nên, nhưng gây nên không phải tự một mình, mà cũng không phải tự một lúc, cứ như Phật-thuyết cho nhất-thiết chúng-tính, từ lúc nguyên-thủy đã trải qua vô-số nhân-duyên rồi mới gây thành ra một cái thế-gian. Cái cõi thế-gian ấy thực là cái thể vô-minh kia nó tập-hợp lại mà thành ra, người ta sinh ra trong khoảng thế-gian không kể hạng người nào, không ai là hoàn-toàn có cả cái bản-tính chân-như mà không có một tý gì hỗn-tạp vào. Nay không kể chi cõi thế-gian rộng-rãi, hãy*

nói về đời người ta sinh ra ai cũng phải gửi thân về một quốc-gia, cứ theo cái thuyết của các bậc Tây-triết nói về dân tộc tâm-lý-học, thì dân-tộc nào cũng phải có một cái đặc-tính của dân-tộc ấy, nó tích-lũy đến và trăm nghìn năm, dầu các bậc hiền-trí cũng không thể thoát được cái đặc-tính ấy, ấy cái ác-nhân từ đó không phải tự một mình gây ra. Không những một dân-tộc là như thế, cứ theo cái thuyết sinh-vật-học của phái Đạt-nhĩ-văn phát minh ra, thì phàm nhất-thiết chúng-sinh, ngoài sự thừa thụ cái tính di-truyền của công-cộng xã-hội, lại còn phải thừa thụ cái tính di-truyền đặc-biệt của ông cha nữa, đó là chịu từ lúc mới kết-thai, chứ không phải lúc đã sinh ra rồi, đó đều là cái thói quen nó di-truyền lại mà gần như là tính vậy. Một là thói quen của thế gian, hai là thói quen của toàn-thể dân-tộc, ba là thói quen của huyết-thống di-truyền ; ba thói quen ấy đều tập-quán từ lúc mới thụ-thai mà thành ra bản-tính vậy. Còn đến sau khi đã thai-sinh ra rồi lại có tập-quán trong gia-đình, tập-quán của xã-hội, đều là các phần tập-quán nhỏ. Thầy Mạnh bảo rằng người ta chỉ vì những tập quán ấy mà làm chìm-đắm mất cái tâm là trỏ những điều ấy vậy. Nhưng đã biết có những cái thói tập-quán thâm-cố ấy, nó đã thành ra một cái thiên-tính thứ hai, mà lại bảo rằng trời giáng-sinh ra tài người ta không khác nhau, thì không thể được. Các nhà nho đời Tống đời Minh đều là kẻ trung-bộc của thầy Mạnh, nên mới bịa thêm ra cái thuyết bảo rằng người ta có cái tính nghĩa-lý tức là chân-như, lại có cái tính khí-chất tức là vô-minh, chỉ biện-bác về những cái danh-hiệu nhỏ-nhặt mà thôi. Nay ta biện-luận như trên này không phải là thêm ra một cái nghi-án về sử triết-học đâu. Vì rằng họ Mạnh, họ Tuân đã bảo cho kẻ học-giả về đường đạo-học, đều phân-biện về tính người, mỗi đằng một khác, theo thuyết thầy Mạnh thì phải dung-công khuếch-sung. Theo thuyết họ Tuân thì phải dụng-công kiều-chính ; theo thuyết thầy Mạnh thì thuận, thuận cho nên dễ ; theo thuyết họ Tuân thì nghịch, nghịch cho nên khó. Tuy nhiên, cứ theo như tiến-hóa công-lệ từ xưa đến nay, thì người ta phải tự-trị để chống nhau với thiên-hành, nếu cứ bỏ liều mà bảo rằng hay giữ được bản-tính thì không có thể bao giờ. Lũ chúng ta sinh ra ở xã-hội này, cũng có người hữu-trí muốn hết sức giúp xã-hội ; nhưng thành-tựu cũng không hay được thỏa lòng, là bởi tại khí-chất mình có điều khuyết-điểm, vì những điều khuyết-điểm ấy, cho nên mới thất-bại. Bậc tiên-triết có nói rằng khéo nuôi ngựa cho sinh-sản ra được nhiều thì phải trừ bỏ cái giống hại ngựa đi. Nếu không cố công khắc-trị, thì sao hay thành được cái nhân-cách vĩ-đại. Song nói thì dễ mà làm rất khó, vì rằng bị phải những thói quen nó làm chìm-đắm cái tâm, và nó thâm-căn cố-đế đã lâu, nào là khí-tập về toàn-thể thế-gian, khí-tập về toàn-thể dân-tộc, lại còn khí-tập về huyết-thống di-truyền, nó bản-kết cả vào mình ta đã lâu, đến lúc sinh ra lại bị phải cái cảm-hóa về những thói bất-lương của xã-hội nó hun-đúc, khiến cho mình không tự-lực chống-chế được, bởi thế cho nên khó, tuy rằng khó mà mình cũng phải cố-gắng tự-lập, chứ không chịu thôi. Đức Khổng-tử nói rằng : « Phải nên cố gắng mà học-hành ». Đổng-tử nói rằng : « Cố gắng học-vấn, thì kiến văn rộng mà biết càng rõ ; cố gắng hành-đạo, thì đức ngày tiến mà rất là có công. » Lưu Chấp-Sơn cũng nói rằng : « Tâm qui cho vui vẻ mà nết làm thì phải chịu khó. » Xưa nay các bậc thánh-hiền hào-kiệt cũng phải chịu khó mới thành công, việc học chỉ cốt tại chịu khó cố gắng mà thôi.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

MỘT CÁI CHƯƠNG-TRÌNH XỬ-THẾ (1)

Giữa lúc đương có cái phong-trào mới nó dao-động cả nhân-tâm, có mấy điều lẽ phải giữa đời, tưởng nên nói qua cho ai nấy đều biết quan-trọng là đường nào. Mấy điều đó có thể coi là luật xử-thế đời nay, vì là tiêu-biểu cho sự sống ở đời. Dù kẻ ngu-si ích-kỷ, không biết nghĩ xa, cũng phải ngầm theo các phép-tắc đó mà không biết vậy.

Gồm lại thành một cái chương-trình xử-thế, phàm người có chí thành-thực đều có thể vui lòng mà tuân theo được. Trong cuộc thảo-luận phân-vân, mấy cái phép-tắc cốt-yếu đó chính là những phương-pháp rất mầu để thử cho biết lòng người thật là tiến-bộ hay là thoái-bộ.

Điều thứ nhất là đối với con trẻ sơ-sinh phải phòng-bị dưỡng-dục thế nào cho thân-thể cùng trí-não nó được hoàn-toàn phát-đạt. Nếu xã-hội không biết phòng xa mà để cho đứa con đỏ ra đời mang cái mầm những tật-bệnh xấu, nhất là những bệnh có thể phòng-ngừ được trước khi sinh-hạ, như bệnh dương-mai vậy, thì xã-hội phải giúp-đỡ cho kẻ làm cha mẹ hoặc nghèo-khổ quá, hoặc ngu-dốt quá, lại có khi phải thế chân cha mẹ mà chăm nom cho đứa con nít vô-cô đó.

Bác-sĩ GRANCHER *xướng-lập ra cuộc cứu-tế những con trẻ các nhà mắc bệnh lao, bắt rời xa cha mẹ để nuôi riêng ra ngoài, cho khỏi lây phải cái bệnh ác-hại đó, thật là một công-cuộc rất đáng khen. Nhưng bệnh lao nguy-hiểm cho con trẻ sơ-sinh đã đành, mà bệnh nghèo bệnh dốt, cũng hại chẳng kém gì.*

Muốn cho làm trọn cái nghĩa-vụ cứu-tế đó thì xã-hội không được chỉ chăm về phần « lượng », mà không xét đến phần « phẩm ».

Bởi lẽ đó nên sự học lại cần phải ban-bố cho khắp, tùy cái tư-chất thông-minh của con trẻ. Đó là một cái nghĩa-vụ thứ nhất của xã-hội, bấy lâu nay thiên-hạ viện những lẽ nọ cớ kia mà trù-trừ không làm được trọn; nay phải yêu-cầu làm sao cho nghĩa-vụ đó thi-hành được hoàn-toàn.

Thuộc về vấn-đề giáo-dục này, chức-trách của xã-hội có hai phần: Thứ nhất là phàm kẻ nào có tư-chất thông-minh, có tư-cách tấn-tới, xã-hội phải chăm nom đến cả. Nếu cái óc thông-minh đó ở đứa con một kẻ vô-lại, thì cái óc đó là của xã-hội trước, rồi mới thuộc về cha mẹ sau. Xã-hội làm như thế không những là vì lẽ công-bằng, mà lại là để bảo-tồn lấy cái óc đó, cho nó khỏi hư-hoại đi mất.

Điều thứ nhì là đối với đứa trẻ con vô-tư-cách, thì xã-hội không cần phải cáng-đáng sự giáo-dục của nó làm gì. Vì nói rằng cha mẹ giàu thì con đần-độn cũng có thể lấy tiền mà mua cái học cho con được, là nói ngụy-biện. Sự học không phải ở đồng tiền mà ra, học là ở thầy giáo, ở nhà trường, ở sách-vở, toàn là cái công-nghiệp chung của xã-hội cả.

Nghĩ đến phần nhiều người có cái óc phải bỏ hoang, nghĩ đến như tên tùy-phái ở sở thí-nghiệm kia, phải bắt-buộc làm những công-việc nặng-nhọc bằng chân tay, mà cái óc nó có lẽ có tư-cách tự-nhiên thông-minh hơn cái

(1) Dịch một chương sách *L'art de vivre* của Dr. TOULOUSE.

óc ông bác-học làm chủ nó, chỉ vì không được khải-phát ra mà thôi, nghĩ đến thế mà xấu-hổ thay cho xã-hội. Rồi lại sực nhớ đến cái thân-thế rất cảm-kích của nhà vật-lý-học đại-tài là ông FARADAY. Ông xuất thân chỉ là một người thợ đóng sách, thường đi nghe giảng lớp học của ông giáo HUMPHRY-DAVY, rồi sau xin vào làm một chân phụ-biện ở phòng thí-nghiệm ông giáo, rồi đến làm đầy-tớ chân tay cho ông giáo, thế mà sau đến nổi danh lừng-lẫy, được vào hội Đế-quốc Bác-sĩ thành Luân-đôn, sánh vai với ông chủ cũ mình, thế đã vẻ-vang chưa?

Trong cuộc hành-sự ở đời, quyền chủ-trương phải ở người có tư-cách, không kể gì đến năm-tháng hay đến bằng-cấp nhiều hay ít. Muốn được như thế, thì cách tuyển-trạch nhân-tài phải thay đổi luôn cho thích-hợp với mục-đích. Nghĩa là các cách thi-cử ngày nay, chỉ dùng đến trí nhớ nhiều, cần phải canh-cải lại hẳn.

Phải làm thế nào cho phàm người có một cái tài gì hơn người có cách mà đem ra thi-hành để ích-lợi cho mình cùng ích-lợi cho xã-hội. Cấm những người xuất-thân ở trường sơ-học không được lên đại-học, những người không có bằng tiến-sĩ hay không có bằng giáo-thụ (agrégé) không được dạy học các trường trung-đẳng cao-đẳng, những người quân-nhân xuất-thân ở hàng-ngũ không được lên đến bậc tướng-súy, đó là ở cái thói phân-biệt đẳng-cấp của thời-đại chuyên-chế trước còn di-truyền lại.

Về phương-diện này thì nước Pháp có lẽ là nước còn giữ cái thói qui-tộc ấy hơn các nước khác đời nay. Các đặc-quyền của qui-phái ngày xưa, chẳng qua bây giờ lại chuyển sang cho những người có bằng cấp, có địa-vị, có tài-sản, thành một giai-cấp đặc-biệt trong xã-hội, được hưởng những quyền-lợi mà thực cái tài-năng của mình không có phần nào.

Ngay trong khoa-học-giới, vẫn còn có cái tinh-thần giai-cấp đó, làm cho lương-tâm đến mờ-ám đi, như trong đòng qui-phái ngày xưa vậy. Xem một việc sau này thì đủ biết: ở hội Y-học Hàn-lâm Paris thảo-luận về vấn đề xét xem người nào phát-minh ra cái máy chớp bóng; ông MAREY công-nhiên tuyên-bố rằng không phải mình, chính là ông LUMIÈRE đã có công to trong sự phát-minh đó, vậy mà hội Hàn-lâm vẫn không chịu. Là vì rằng ông MAREY là một nhà khoa-học thuần-túy, còn ông LUMIÈRE vốn là nhà công-nghệ, tay cũng vừa là tay bác-học nữa mà lại có chân hội-viên thông-tin của viện Hàn-lâm nữa, cũng không kể vào đâu.

Phàm cái gì là cái đặc-quyền cho một hạng người nào trong xã-hội cũng phải nhất-thiết bài-trừ cho hết, vì là trái với lẽ công-bằng, cũng như cái chế-độ thế-tập ngày xưa vậy. Quyền chủ-trương chỉ có thể trao cho người nào có tài-năng, có tư-cách mà thôi. Thí-dụ như bọn lao-động mà muốn đòi ra cầm quyền cai-trị trong xã-hội thì vô-lý lắm, chẳng khác gì con nhà qui-phái ngày xưa đòi ra cai-trị một châu một quận vậy. Người nghèo cũng như người giàu, chẳng ai là sinh ra mà tự-nhiên có quyền cả, lấy quyền ấy mà thay cho tài-năng được.

Ngày nay ở các nước văn minh, quyền công-dân, quyền chính-trị đã được bình-đẳng nhau cả, nhưng còn chưa được hoàn-toàn, phải cố mà yêu-cầu cho được hoàn-toàn. Đứng trước công-lý, thì kẻ yếu cũng phải được đủ đảm-bảo như kẻ mạnh. Chọn người sung các chức việc công, không nên lấy tiền-tài, gia-thế hay đảng-phái mà xét người. Vậy mà xét ra thì về khoản này, các nhà chính-trị thường can-thiệp vào, làm cho cái cân nhân-tài hay nghiêng về bên nọ hay bên kia, chứ không được

thăng-bằng. Bởi thế nên công-chúng thuộc về các chức-nghiệp đối với các chính-đảng thường có bụng nghi.

Đó là các lẽ bất-bình-đẳng phụ-thuộc ở bên ngoài, đến khi đã trừ-khử đi được hết, lại còn những lẽ bất-bình-đẳng tự-nhiên ở bên trong nữa, thuộc về sức khỏe, về sắc đẹp, về trí khôn, về tính-nết, về tuổi già trẻ, về sức hơn kém, bấy nhiêu mối chênh-lệch nhau lại càng nhiều lắm nữa.

Những sự bất-bình-đẳng tự-nhiên đó thì không sao chữa sửa được. Nhưng mà đối với xã-hội thì sự bất-bình-đẳng ấy cũng chỉ khiến cho kẻ có tư-cách mới được hưởng lợi-quyền mà thôi. Tỉ như một người con gái đẹp với một người con gái xấu, thì người đẹp chắc là dễ kiếm chồng hơn người xấu, đó là một sự bất-bình-đẳng tự-nhiên, nhưng thuộc về chức-nghiệp thì không thể lấy cái sắc đẹp mà đòi phần hơn người ta được.

Lại đàn-bà sánh với đàn ông, vẫn là bất-bình-đẳng lắm, cái đó cũng phải bài-trừ dần đi. Như ở nước Pháp đặt ra một bậc trung-đẳng giáo-dục riêng cho đàn bà mà kết-quả chẳng làm được việc gì cả, lấy cách giả-dối đó để hạn-chế sự tiến-hóa của đàn-bà con gái, thật là không công-bằng lắm. Con gái cũng như con trai, cần phải có đủ khí-giới để ra xông-pha với cái đời kinh-tế cạnh-tranh này.

Đàn bà đã phải sự sản-dục là một cái chức-vụ thiên-nhiên rất nặng-nề, lại còn bị tước hết cả các quyền-lợi của đàn ông được hưởng, thì thật là không công-bằng quá. Tạo-vật đã làm cho đàn ông đàn bà bất-bình-đẳng, xã-hội phải chữa lại sự bất-bình-đẳng đó cho cân. Những người phản-đối phong-trào phụ-nữ giải-phóng thường nói rằng đàn bà không có tư-cách làm các chức-nghiệp tự-do như đàn ông được. Nhưng từ xưa đến giờ, đời ấy sang đời khác, những đàn bà trong dân-gian, dù khi có thai-dựng cũng phải làm việc khó-nhọc, như thế thì họ cho là nên là đáng lắm.

Lại còn đồng tiền nữa, vào trong tay kẻ ích-kỷ thì thật là một cái sức mạnh ác-hại, khiến cho một số ít người lãng-phí mất cái công làm ăn khó-nhọc của số nhiều, lại làm cho người ta hư thân mất nết đi.

Nay có cách hạn-chế cái tài-sản riêng của người ta, không phải dùng đến những phương-pháp cách-mệnh, chỉ đặt ra thuế lợi-tức là có thể thi-hành được.

Đối với kẻ lao-động, muốn cho cái trình-độ sinh-hoạt được cao hơn bây giờ thì tăng lương lên cho vừa phải cũng chưa đủ. Hễ chưa có nhiều nhà-cửa sạch-sẽ, hợp vệ-sinh, thì dù xã-hội đến điên-đảo mà khiến cho kẻ giàu ở nhà gianh, mà người nghèo ở lâu-đài đi nữa, nhưng bao giờ trong xã-hội cũng vẫn có kẻ ăn ở chui-rúc trong những chỗ bẩn-thỉu tồi-tàn. Vả lại cứ lấy lẽ tuyệt-đối ra mà nói thì nhà-cửa mà làm của riêng của cá-nhân, tùy ý muốn sắp đặt thế nào mặc lòng, tưởng cũng là trái lẽ công bằng vậy.

Nói tóm lại thì cả cái máy kinh-tế trong xã-hội, là cái chế-độ sinh-sản cùng tiêu-dùng các tài-hóa, cần phải chấn-chỉnh lại cho hợp lẽ công-bằng hơn. Người ta không được quyền tự-do muốn sinh-sản hay muốn tiêu-dùng bao nhiêu tài-hóa cũng được. Như người làm ruộng không được tự-ý bỏ việc cày-cấy mà làm việc chăn-nuôi, cũng như người ăn uống thường không thể một mình mình hay một nhà mình ăn một bữa bằng mười bữa nhà người ta được.

Cái quyền kinh-tế tự-do phải dần dần hạn-chế lại, thứ nhất là hạn-chế những kẻ buôn rượu, bán phiện, bán sữa ôi để đầu-độc cho công-chúng, hay là những kẻ làm sách làm báo bậy để gieo cái ác-cảm hay nuôi sự ngu-dốt trong xã-hội.

Cứ tình-thế tự-nhiên, rồi tất đến ngày phải tưởng-tượng ra một xã-hội hoàn-toàn, phàm các cơ-quan sinh-sản tài-hóa phải là của chung của xã-hội cả. Đó là một cái lý-tưởng phải cố thực-hành cho được, cái tên nó thế nào mặc lòng, nhưng sự thực phải như thế mới nên.

HẠC-ĐÌNH *dịch*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

XLI

XXXII

焉。 聲 言 也。 博 守 者。 近 孟
而 也。 君 者。 約 善 而 子
道 不 子 善 而 言 指 曰。
存 下 之 道 施 也。 遠 言

Dịch-âm. - *Mạnh-tử viết : « Ngôn cận nhi chỉ viễn giả, thiện ngôn dã ; thủ ước nhi thi bác giả, thiện đạo dã. Quân-tử chi ngôn dã, bất hạ đái nhi đạo tồn yên.*

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Lời nói thiết-cận mà có ý-tứ xa-xôi, là lời thiện vậy ; tri-thủ giản-ước mà thi-dụng ra rộng khắp là đạo thiện vậy. Lời ngôn-luận của đấng quân-tử rõ ngay trước mắt không ở dưới dải lưng, mà vẫn có chí-lý ở đó vậy.

Chú-giải. — *Bất-hạ-đái* = Chẳng trông xuống dải lưng, là trên chỗ dải lưng, trỏ cái việc rất gần ở trước mắt thường trông thấy, Đây hai câu dưới là nói ngôn-luận của quân-tử gần ở trước mắt, mà vẫn có chí-lý, để giải-thích về cái nghĩa ngôn-cận chỉ-viễn.

∴

平。 天 身 修 之 君
下 而 其 守。 子

Dịch-âm.— *« Quân-tử chi thủ, tu kỷ thân nhi thiên-hạ bình.*

DỊCH-NGHĨA. — « Cái đạo tri-thủ của quân-tử, chỉ tu lấy cái thân mình mà thiên-hạ tự-nhiên trị-bình.

Chú-giải. — Đây là nói người quân-tử tri-thủ giản-ước chỉ tu cái thân mình mà thi ra việc thiên-hạ đều xong, để giải-thích về cái nghĩa thủ-ước thi-bác.

∴

者 以 重。 於 田。 芸 其 人
輕。 自 而 人 所 人 田。 病
任 所 者 求 而 舍

Dịch-âm.— *« Nhân bệnh xả kỳ điền, nhi vân-nhân chi điền, sở cầu ư nhân giả trọng, nhi sở-dĩ tự nhiệm giả khinh ».*

DỊCH-NGHĨA. — « Cái thông-bệnh người ta chỉ tại chẳng trị mình mà muốn trị người, cũng như người làm ruộng bỏ hoang ruộng mình mà vơ cỏ, ruộng người, phần trách mong ở người thì trọng, mà phần sở-dĩ sửa-sang lấy mình thì khinh ».

Chú-giải. — Đây là nói về cái thông-bệnh người ta chẳng biết thủ-ước mà chỉ mong thi-bác.

XXXIII

也。 反 湯 者 舜 曰。 孟
之 武 也。 性 堯 子

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : « Nghiêu Thuấn tính giả dã ; Thang Vũ phản chi dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Cái đức vua Nghiêu vua Thuấn, là vốn tính tự-nhiên của trời; cái đức vua Thang vua Vũ còn đợi phải tu-tỉnh, mới phục lại được cái tính trời vậy.

Chú-giải. — *Tính-giả* = Người vốn tính tự-nhiên hồn-toàn, là bậc thánh sinh-tri an-hành. *Phan-chi* = Đem lại bản-tính. Nghĩa là còn phải sửa-sang tu-tỉnh mới đem lại được bản-thể tính-thiện, vào bậc thánh học-tri miễn-hành.

∴

以 言 非 也。哀。至 禮 動
正 語 以 經 非 也。者。容
行 必 干 傷 爲 哭 盛 周
也。信。緣 不 生 死 繞 旋
非 也。悲。者 而 之 中

Dịch-âm. — « *Động dung chu toàn trung lễ giả, thịnh-đức chi chí dã; khốc tử nhi ai, phi vị sinh giả dã; kinh đức bất hối, phi dĩ can lộc dã; ngôn ngữ tất tín, phi dĩ chính hạnh dã.*

Dịch-nghĩa. — « Cử-chỉ dung-nghi thầy đều khúc-chiết hợp lễ, đó là tại chí-đức rất thịnh mà tự-nhiên thế vậy; khóc người chết mà thương là thương tự trong tâm-tính, chẳng phải có ý vì người sống vậy; đức thường cư-xử chẳng quanh-co là xuất tự bản-tính, chẳng phải có ý để cầu lộc vậy; nói năng tất là tin-thực là do tự bản-tâm, chẳng phải có ý để sửa nết vậy.

Chú-giải. — *Động* = Cử-động, cử-chỉ. *Dung* = Dáng, dung-mạo. *Động-dung* = Dáng bộ cử-chỉ. *Chu toàn* = Khúc-chiết, tinh-tế. *Kinh* = Thường. *Kinh đức* = Những đều luân-kỷ thường-hành. *Hối* = Cong, quanh-co.

Đây là nói về dung-mạo ngôn-hành của đấng thánh-nhân, vốn là đức-tính tự-nhiên cầu không phải có ý miễn-cưỡng vậy.

∴

已 命 以 行 君
矣。而 俟 法。子

Dịch-âm. — « *Quân-tử hành pháp, dĩ sĩ mệnh nhi dĩ hĩ* ».

Dịch-nghĩa. — « Đấng quân-tử cứ theo cái lẽ đương-nhiên mà làm, để đợi mệnh trời mà thôi vậy ».

Chú-giải. — *Pháp* = Cái phép đương-nhiên của lẽ trời. Người quân-tử cứ theo cái lẽ đương-nhiên ấy mà làm, chứ không kể gì cát, hung, họa, phúc, về phần số-mệnh đều phó mặc tự nhiên.

Đây là nói cái việc học để phục lại bản-tính, cứ theo lẽ đương-nhiên rồi cũng đến được cõi thánh tự-nhiên, để khuyên kẻ học-giả phải nên phản-thân tu-tỉnh mà học cho đến bậc thánh.

XXXIV

然。巍 視 之。則 大 曰。孟
巍 其 物 藐 人 說 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết*: « *Thuế đại-nhân tắc diểu chi, vật thị kỳ nguy-nguy nhiên.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng: « Nói chuyện với bậc đại-nhân thì coi thường họ đi, chớ coi họ là nguy-nga hiển-hách.

Chú-giải. — *Đại-nhân* = Bậc người tôn-qui hiển-thời. *Diểu* = Coi khinh-thường. *Nguy-nguy* = Cao sang hách-dịch lộng-lẫy.

Đây là nói nhà nho đã có đạo-học lại phải có chí-khí cao-thượng, con mắt coi thường những kẻ quyền-qui, khi đối với họ mà nói chuyện mới hay thư-thái mà nói hết lời.

∴

吾 在 彼 乘。酒。得 方 我 堂
何 我 者 我 驅 志 丈。得 高
畏 者。皆 得 騁 弗 侍 志 數
彼 皆 我 志 田 爲 妾 弗 仞。
哉。右 所 弗 獵。也。歡 爲 榛
之 不 爲 後 般 自 也。邇
制 爲 也。車 樂 人。食 數
也。也。任 千 飲 我 前 尺。

Dịch-âm. — « *Ngã tại bỉ nhân, thôi đề sở sích, ngã đắc chí phất vi dã; thực tiền phương trượng, thị-thiếp sở bách nhân, ngã đắc chí phất vi dã; bôn lạc ẩm tửu, khu xinh điền-liệp, hậu xa thiên thặng, ngã đắc chí phất*

vi dã ; tại bỉ giả giai ngã sở bất vi dã, tại ngã giả giai cổ chi chế dã, ngô hà úy bỉ tai ! »

Dịch-nghĩa — « Kẻ kia nhà cao mấy nhận, đầu dui mấy thước, ta nếu đắc-chí chẳng thèm làm vậy ; trước mâm ăn bày vuông một trượng, kẻ thiếp hầu vài trăm người, ta nếu đắc-chí chẳng thèm làm vậy ; kẻ kia say vui uống rượu, giong-ruổi săn bắn, xe theo sau nghìn cỗ, ta nếu đắc-chí chẳng thèm làm vậy ; những phần ở kẻ kia đều là những phần ta chẳng thèm làm ; về phần ở ta thì đều là cái phép-tắc của thánh-hiền đời xưa vậy, ta sợ gì kẻ kia vậy thay ! »

Chú-giải. — *Nhận* = Tám thước là một nhận. *Thôi* = Cái dui vuông. *Đề* = Đầu. *Bàn* = Bán-hoàn, mải-miết.

Tiết này là kể cách-bộ kẻ quyền-quí lấy làm cao sang vinh-diệu, nhà nho đều không thèm làm cả, thì cần gì mà phải sợ phải lụy gì ai.

XXXV

寡 雖 爲 焉 欲。其 莫 孟
矣。有 人 者 雖 爲 善 子
存 也 寡 有 人 於 曰。
焉 多 矣。不 也 寡 發
者 欲。其 存 寡 欲。心

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : « Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục, kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả quả hĩ ; kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn yên giả quả hĩ »*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng : « Nuôi cái tâm nghĩa-lý chẳng gì hay hơn ít lòng thị dục ; dã là cái người ít thị-dục, thì hay giữ được cái tâm nghĩa-lý ít khi mất đi vậy ; dã là người nhiều thị-dục thì ít khi giữ được cái tâm nghĩa-lý vậy ».

Chú-giải. — *Dục* = Trỏ những điều tham muốn của miệng, mũi, tai, mắt và chân tay. *Bất-tồn* = Chẳng giữ được, mất đi.

Chương này là bảo người ta mà đa-dục quá, thì nhân-dục thắng thiên-lý vong, cái tâm chỉ tri-trục về vật-dục ; phải nên quả-dục để dưỡng lấy cái tâm mới được.

XXXVI

棗。食 不 曾 棗。嗜 曾
羊 忍 子 而 羊 皆

Dịch-âm.— *Tăng Tích thị dương-tảo, nhi Tăng-tử bất nhẫn thực dương-tảo.*

Dịch-nghĩa. — Ông Tăng Tích bình-sinh hay ăn quả dương-tảo, sau khi dã chết mà người con là thầy Tăng-tử chẳng nỡ ăn quả dương-tảo, vì ăn thì động nhớ đến cha.

Chú giải. — *Dương-tảo* = Loài táo quả nhỏ mà tròn.

∴

名 不 羊 棗。食 曰。曰。與 公
所 諱 棗 曰。膾 然 膾 羊 孫
獨 姓。所 膾 炙。則 炙 棗 丑
也。姓 獨 炙 而 曾 哉。孰 問
所 也。所 不 子 公 美。曰。
同 諱 同 食 何 孫 孟 膾
也。名 也。羊 爲 丑 子 炙

Dịch-âm.— *Công-Tôn Sửu vấn viết : « Khoái chá dữ dương-tảo thực mĩ ? » Mạnh-tử viết : « Khoái chá tại ! » Công-Tôn Sửu viết : « Nhiên tắc Tăng-tử hà vi thực khoái chá, nhi bất thực dương-tảo ? » Viết : « Khoái chá sở đồng dã, dương-tảo sở độc dã ; húy danh bất húy tính, tính sở đồng dã, danh sở độc dã ».*

Dịch-nghĩa — Công-Tôn Sửu hỏi rằng : « Vị nem chả so với quả dương-tảo đàng nào ngon hơn ? » Thầy Mạnh đáp rằng : « Nem chả ngon lắm chứ ! » Công-Tôn Sửu nói rằng : « Thế thì ông Tăng Tích tất cũng có ăn nem chả, sao thầy Tăng-tử cũng vẫn ăn nem chả mà chẳng ăn quả dương-tảo ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Vì rằng vị nem chả người ta cùng thích ăn cả, quả dương-tảo chỉ một thầy Tăng Tích thích ăn mà thôi. Cũng như kiêng

tên cha chứ chẳng kiêng họ, vì rằng thì họ cả nhà cùng một họ, mà tên thì chỉ riêng một người cha vậy».

Chú-giải. — Tính riêng của cha thích ăn một thứ quả, nếu sau khi cha mất rồi mà người con lại ăn đến thứ quả ấy, hay động lòng thương nhớ cha, nên người hiếu-tử không nỡ. Xem đó đủ biết thầy Tăng là hay đốc lòng hiếu-tư vậy.

XXXVII

之陳。初。取士來。曰。孔萬
狂何孔不狂吾盍子章
士。思子忘簡。黨歸在間
魯在其進之乎陳曰。

Dịch-âm.— *Vạn Chương vấn viết : « Khổng tử tại Trần, viết : « Hạp qui hồ lai, ngô đảng chi sĩ cuồng giản, tiến thủ bất vong kỳ sơ.» Khổng tử tại Trần, hà tư Lỗ chi cuồng sĩ ? »*

Dịch-nghĩa — Vạn Chương hỏi rằng : « Ông Khổng-tử khi ở nước Trần, có than rằng : « Sao chẳng về đi ; kẻ sĩ trong đảng ta cuồng-phóng giản-lược, có chí-khí tiến lên cao-xa, mà chẳng quên cái nết cuồng-phóng cũ. » Ông Khổng-tử ở nước Trần, cớ sao lại nhớ kẻ cuồng-sĩ nước Lỗ ? »

Chú-giải. — *Cuồng* = Ngông-nghênh, cuồng-phóng, chí-khí to lớn. *Giản* = Giản-lược, không để ý đến việc làm. *Tiến-thủ* = Tấn lên, mong lấy cao xa. *Sơ* = Xưa, cũ, trở về cái thói cũ.

∴

故哉。豈不取。猥與不孟
思不不爲猥乎。之。得子
其可欲也。奢狂必中曰。
次必中孔有者也道孔
也。得。道子所進狂而子

Dịch âm — *Mạnh tử viết : « Khổng-tử bất đắc trung đạo nhi dữ chi, tất dã cuồng quyến hồ, cuồng giả tiến thủ, quyến giả hữu sở bất vi dã. Khổng-tử khởi bất dục trung đạo tai, bất khả tất đắc, cố tư kỳ thứ dã ».*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Khổng-tử từng nói rằng : «Chẳng được người sĩ bậc trung-đạo mà cùng dạy-dỗ, thì phải cùng với bậc cuồng bậc quyến vậy chăng ; kẻ cuồng có chí-khí tiến-thủ cao-xa, kẻ quyến biết xấu-hổ có điều chẳng thèm làm vậy. » Ông Khổng há chẳng muốn được kẻ trung-đạo mà dạy, nhưng chẳng thể tất được, nên mới nhớ đến bậc thứ hai vậy. »

Chú-giải — *Trung-đạo* = Cái nết hợp với đạo trung, không có điều thái-quá hoặc bất-cập. *Quyến* = Quyến-giới, giữ-gìn chắc-chắn, có điều không thèm làm. *Thứ* = Bậc thứ hai, trở về kẻ cuồng.

Đây là dẫn lời ông Khổng nói vì không được kẻ trung-đạo để mà truyền-thụ đạo-thống, nên phải nhớ đến kẻ cuồng quyến để mà dạy bảo cho tiến lên bậc trung vậy.

∴

矣。所孔敢張。曰。謂如敢
闕子皮曾如狂斯問
狂之者。晳。琴矣。可何

Dịch-âm.— *« Cảm vấn hà như tư khả vị cuồng hĩ ? » Viết : « Như Cầm Trương, Tăng Tích, Mục Bì giả, Khổng tử chi sở vị cuồng hĩ ».*

Dịch-nghĩa.— Vạn Chương hỏi rằng : « Dám hỏi như thế nào thì khá gọi là kẻ cuồng ? » Thầy Mạnh đáp rằng : « Như thầy Cầm Trương, thầy Tăng Tích, thầy Mục Bì, những người ấy ông Khổng-tử gọi là người cuồng vậy ».

∴

狂謂何
也。之以

Dịch-âm.— *« Hà dĩ vị chi cuồng dã ? »*

Dịch-nghĩa.— Vạn Chương hỏi rằng : « Thế nào gọi là cái nết người cuồng vậy ? »

∴

者不其人。人曰。嚮曰。
也。掩行。夷古古響其
焉面。之之然志

Dịch-âm.— *Viết : « Kỳ chi giao giao nhiên viết : « Cổ chi nhân, cổ chi nhân.» Di khảo kỳ hạnh nhi bất yểm yên giả dã.*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh đáp rằng : « Cái chí - nguyện người ấy thường ngông mà nói khoác rằng : « Học người đời xưa, học người đời xưa. » Kịp xét kỹ cái hạnh người ấy thì chẳng hợp như lời nói vậy.

Chú-giải. — *Giao-giao* = Chí ngông mà nói khoác. *Di* = Phẳng, kỹ. *Di-khảo* = Xét kỹ. *Yểm* = Che kín, nghĩa là vừa kín hợp nhau.

Đây là kể cái nết người cuồng là người có chí lớn, khá dẫn lên bậc trung.

∴

也。又 狷 與 之 屑 欲 不 狂
其 也。之。士 不 得 可 者
次 是 是 而 潔 不 得。又

Dịch âm.— *« Cuồng giả hựu bất khả đắc, dục đắc bất tiết bất khiết chi sĩ nhi dữ chi, thị quyến dã, thị hựu kỳ thứ dã.*

Dịch-nghĩa.—«Người cuồng lại chẳng thể được, muốn được kẻ sĩ chẳng thèm làm điều chẳng sạch mà cùng đấy dạy-dỗ, ấy là người quyến vậy, người ấy lại là bậc thứ ba vậy ».

Chú-giải. — *Bất-tiết* = Chẳng thèm làm. Đây là kể ra cái nết người quyến là người có tháo-thủ liêm-khiết. Cuồng là bậc cao-sĩ cũng hiếm có, nên bất-đắc-dĩ lại phải nhớ đến người quyến để mà dạy bảo dẫn lên bậc trung vậy.

∴

原 斯 賊 乎。者。室。門 孔
矣。可 也。鄉 其 我 而 子
謂 曰。原 惟 不 不 曰。
之 何 德 鄉 慊 入 過
鄉 如 之 原 焉 我 我

Dịch âm.— *Khổng tử viết : « Quá ngã môn nhi bất nhập ngã thất, ngã bất hám yên giả, kỳ duy hương nguyện hồ, hương nguyện đức chi tặc dã. » Viết : « Hà như tư khả vị chi hương nguyện hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Vạn Chương lại hỏi: «Khi xưa Khổng-tử có nói rằng : «Cái kẻ qua cửa ta mà chẳng vào nhà ta, ta lấy làm may mà chẳng lấy làm giận, duy có kẻ hương nguyện đó thôi, vì kẻ hương nguyện là hạng người làm hại đức vậy. » Thế thì xin hỏi như thế nào khá gọi là cái nết kẻ hương nguyện? »

Chú-giải. — *Hương* = Làng xóm. *Nguyện* = Giả cách can-hậu, chẳng có kiến-thức gì mà chốn hương-lý khen lầm là người cẩn-hậu, cho nên gọi là kẻ *hương-nguyện*. *Đức chi-tặc* = Thằng giặc của đạo-đức, vì người ấy bề ngoài tựa như đạo-đức mà bề trong thực trái đạo-đức.

∴

者。闕 世 生 何 之 不 也。曰。
是 然 也。斯 爲 人 願 言 何
鄉 媚 善 世。踽 古 言。不 以
原 於 斯 也。踽 之 則 願 是
也。世 可 爲 涼 人。曰 行。嘐
也 矣。斯 涼。行 古 行 嘐

Dịch âm.— *Viết : « Hà dĩ thị giao giao dã; ngôn bất cố hạnh, hạnh bất cố ngôn, tắc viết cổ chi nhân cổ chi nhân. Hạnh hà vi vũ vũ lương lương. Sinh tư thế dã, vi tư thế dã, thiện tư khả hĩ; yểm nhiên mị tư thế dã giả, thị hương nguyện dã ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Kẻ hương - nguyện thường chê kẻ cuồng rằng sao lại cứ ngông-nghênh khoác-lác như vậy ; nói thì chẳng đoái đến cái nết, nết thì chẳng đoái đến lời nói, gặp sự gì thì chỉ nói học đòi người đời xưa, người đời xưa! Kẻ hương-nguyện lại chê kẻ quyến rằng cái nết làm sao lại cứ cô-độc lãnh-đạm chẳng thân với ai. Cái chí kẻ hương-nguyện thì nghĩ rằng đã sinh ra đời ấy, làm người đời ấy, khiến người đời khen mình là thiện thì đã khá lắm rồi, hà-tất mộ cổ như người cuồng, giữ mình

như người quyến. Cái chi kẻ hương-nguyện đã như vậy, cho nên chỉ giấu giếm che đậy mà mua chuộc đua nịnh với đời, ấy là cái nết kẻ hương-nguyện vậy ».

Chú-giải. — *Vũ vũ* = Lững-thững đi một mình, trỏ cái dáng cô-độc. *Lương-lương* = Ghẻ-lạnh, lãnh-đạm, chẳng thân với ai. *Yểm-nhiễn* = Rụt rè, giấu giếm.

Đây là nói cái nết kẻ hương-nguyện chỉ theo thời tuần-tục đua-nịnh với đời, khác với cái nết kẻ cuồng-quyến, nên ông Khổng-tử mới ghét là kẻ làm hại cho đạo-đức.

∴

萬章曰。一鄉皆稱原人焉。所到無不原人。孔子曰。鄉原德之賊也。何以爲德之賊。曰。非之無舉也。刺之無刺也。同乎流俗。合乎汙世。居之似忠信。行之似廉潔。衆皆悅之。自以爲是。而不可與入堯舜之道。故曰德之賊也。

Dịch âm — *Viết : « Phi chi, vô cử dã, thứ chi, vô thứ dã, đồng hồ lưu tục, hợp hồ ô thế, cư chi tự trung tín, hành chi tự liêm-khiết, chúng giai duyệt chi, tự dĩ vi đúng, nhi bất khả dữ nhập Nghiêu Thuấn chi đạo, cố viết : bức chi tặc dã.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ấy giấu giếm che đậy khéo lắm, muốn chê người ấy không trỏ vào điều gì mà chê được, muốn bác người ấy không bắt lấy điều gì mà bác được ; người ấy hòa-đồng với thói hạ-lưu, hỗn-hợp với đời ô-trọc ; vốn không trung-tín, mà cư-xử giống như người trung-tín ; vốn không liêm-khiết mà hành-vi giống như người liêm-khiết, mọi người đều đẹp lòng mà khen là cẩn-hậu ; người ấy tự lấy mình làm phải, mà chẳng thể nào cùng đưa vào cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn được, cho nên ông Khổng-tử rất ghét mà gọi là thằng giặc của đạo-đức vậy.

Chú-giải. — *Cử* = Vạch ra mà chê. *Thứ* = Kể ra mà bài-bác. *Lưu-tục* = Phong-tục đồi-tệ như nước xô xuống dòng hạ-lưu.

Đây là nói rõ cái nết hương-nguyện là kẻ giả đạo-đức.

∴

孔子曰。惡莠恐其亂苗也。惡鄭聲恐其亂樂也。惡紫恐其亂朱也。惡鄉原恐其亂德也。

Dịch âm — « *Khổng-tử viết : « Ô tự nhi phi giả, ố dữu khủng kỳ loạn miêu dã, ố nịnh khủng kỳ loạn nghĩa dã, ố lợi-khẩu khủng kỳ loạn tín dã, ố Trịnh-thanh khủng kỳ loạn nhạc dã, ố tử khủng kỳ loạn chu dã, ố hương-nguyện khủng kỳ loạn đức dã.*

Dịch-nghĩa. — « Ông Khổng có nói rằng : « Chỉ ghét những loài giống thế mà chẳng phải thế. Ghét cỏ dữu giống như lúa, là sợ nó làm loạn lúa vậy ; ghét kẻ nịnh giống như hợp nghĩa, là sợ nó làm loạn điều nghĩa vậy ; ghét kẻ nói lém giống như tín-thực là sợ nó làm loạn điều tín vậy ; ghét tiếng nước Trịnh giống như nhã-nhạc, là sợ nó làm loạn nhã-nhạc vậy ; ghét mầu tía giống như mầu đỏ, là sợ nó làm loạn mầu đỏ vậy ; ghét kẻ hương-

nguyên giả đạo-đức, là sợ nó làm loạn đạo-đức vậy.

Chú-giải. — *Dữu* = Thứ cỏ giống lúa như loài cỏ đông-mực. *Lợi-khẩu* = Liến miệng. *Trịnh-thanh* = Thứ nhạc dâm-thanh của nước Trịnh. *Nhạc* = Khúc nhã-nhạc hợp về tính-tình chính-đáng. *Tử* = Tía, mầu gián-sắc. *Chu* = Đỏ, mầu chính-sắc. *Loạn* = Rối loạn, huyền-hoặc: khó phân-biện.

Đây là dẫn lời ông Khổng nói sở-dĩ ghét kẻ hương-nguyện là vì ghét nó tự-thị nhi-phi làm loạn cả đạo-đức.

. . .

邪 彈 彈。則 矣。經 君
慝 斯 焦 焦 經 而 子
矣。無 民 民 正 已 反

Dịch âm.— « *Quân-tử phản kinh nhi dĩ hĩ, kinh chính tắc thứ dân hưng, thứ dân hưng tư vô tà thắc hĩ* ».

Dịch-nghĩa.— « Đấng quân-tử trở lại đạo thường mà thôi vậy, đạo thường đã chính thì kẻ thứ-dân hưng-khởi về điều thiện, kẻ thứ-dân đã hưng-khởi về điều thiện, thì thị-phi minh-bạch không có kẻ gian-dối vậy».

Chú-giải — *Kinh* = Thường, những điều luân-lý thông-thường chính-đáng, tức là cái thường-đạo muôn đời không thay đổi. *Tà-thắc* = Gian-tà dối-trá.

Đây là nói muốn duy-trì thế-đạo nhân-tâm, thì trước phải chính lại đạo thường-kinh, khiến cho giáo-hóa lưu-hành, nhân-tâm hưng-khởi về điều thiện, tuy có tà-thắc như kẻ hương-nguyện cũng phải tự-tuyệt vậy.

XXXVIII

知 湯 而 臯 餘 湯。堯 孟
之。則 知 陶。鬼。五 舜 子
聞 之。則 若 百 至 曰。
而 若 見 禹 有 於 由

Dịch âm.— *Mạnh-tử viết: « Do Nghiêu Thuấn chi ư Thang, ngũ bách hữu dư tuế; nhược Vũ, Cao-Dao tắc kiến nhi tri chi, nhược Thang tắc văn nhi tri chi.*

Dịch-nghĩa.— Thầy Mạnh nói rằng: «Đạo-thống truyền từ ông Nghiêu ông Thuấn đến ông Thang, hơn năm trăm năm; như ông Vũ ông Cao-Dao thì còn trông thấy mà biết được đạo ấy, đến như ông Thang thì là nghe mà biết được đạo ấy.

Chú-giải — *Kiến* = Thấy, sinh đồng-thời mắt còn được trông thấy. *Văn* = Nghe, sinh cách đời chỉ được tai nghe.

Đây là kể suốt cái dòng đạo-thống các thánh tương-truyền, có kẻ sinh đồng-thời là bậc thánh kiến-tri để khai ra trước, lại có kẻ sinh cách đời là bậc thánh văn-tri để nối sẽ sau.

. . .

之。則 之。則 伊 有 文 由
聞 若 見 尹 餘 王。湯
而 文 而 萊 歲。五 至
知 王 知 朱。若 百 於

Dịch âm.— « *Do Thang chi ư Văn-vương, ngũ bách hữu dư tuế; nhược Y-Doãn, Lai Chu, tắc kiến nhi tri chi, nhược Văn-vương tắc văn nhi tri chi.*

Dịch-nghĩa.— « Từ ông Thang đến ông Văn-vương, hơn năm trăm năm; như ông Y-Doãn, ông Lai-Chu thì còn trông thấy mà biết được đạo ấy, đến như ông Văn-vương thì là nghe mà biết được đạo ấy.

聞 若 見 散 若 百 於 由
而 孔 而 宜 太 育 孔 文
知 子 知 生。公 餘 子。王
之。則 之。則 望。歲。五 至

Dịch-âm.— « *Do Văn-vương chi ư Khổng-tử, ngũ bách hữu dư tuế; nhược Thái-công Vọng, Tản Nghi-Sinh tắc kiến nhi tri chi, nhược Khổng-tử tắc văn nhi tri chi.*

Dịch-nghĩa.— « Từ ông Văn-vương đến ông Khổng-tử hơn năm trăm năm;

như ông Thái-công Vọng, ông Tản Nghi-Sinh còn được trông thấy mà biết đạo ấy, đến như ông Khổng-tử thì là nghe mà biết đạo ấy.

. . .

有乎爾。 有乎爾。 其人也。 蜚之人。 此其之。 去其人。 於蜚之。 由今。 孔子。
則亦無。 然而無。 居此。 遠若。 之近。 有若。 而歲。 餘世。 來至。

Dịch-âm.— « *Do Khổng-tử nhi lai chi ư kim, bách hữu dư tuế, khứ thánh-nhân chi thế, nhược thử kỳ vị viễn dã, cận thánh-nhân chi cư, nhược thử kỳ thậm dã ; nhiên nhi vô hữu hồ nhĩ, tắc diệc vô hữu hồ nhĩ* ».

Dịch-nghĩa.— « Từ đời Khổng-tử về sau, đến ngày nay là hơn một trăm năm, cách đời đấng thánh-nhân chửa xa là mấy, mà từ nước Trâu sang nước Lỗ, gần chỗ ở đấng thánh-nhân lại rất gần như thế. Song, đạo ông Khổng-tử nếu ngày nay không có người được thấy mà biết, thì ngày sau e cũng không có người được nghe mà biết ».

Chú-giải. — *Nhĩ* = Ấy, là tiếng thay ngôi, trỏ về một hạng người. Chữ *nhĩ* trên trỏ về kẻ thấy mà biết đạo, chữ *nhĩ* dưới trỏ về kẻ nghe mà biết đạo. *Cận thánh-nhân chi cư* = Ông Khổng người nước Lỗ, ông Mạnh người nước Trâu, chỗ ở rất gần nhau.

Đây là thầy Mạnh lo đạo-thống thất-truyền, nói hiện nay mới cách thánh-nhân hơn trăm năm, nếu không có người kiến-tri, thì sau này cách đến năm trăm năm, còn lấy ai là người văn-tri nữa. Nhưng kỳ-thực tự-tin mình đã hay trông thấy mà biết được đạo, thì sau này tất cũng có kẻ nghe thấy mà truyền được đạo vậy.

HẾT

Đông-Châu và Tùng-Vân *dịch*

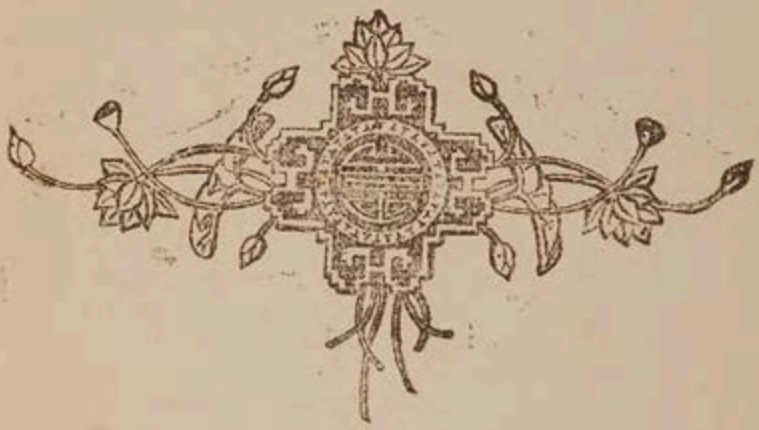

MỘT MÌNH GIỮA BỂ ĐẠI-TÂY

« Một mình giữa bể Đại-Tây » (*Seul à travers l'Atlantique*), đó là tên một quyển sách của ALAIN GERBAULT xuất-bản được ít lâu nay.

GERBAULT là người đã đi một mình chiếc thuyền buồm vượt qua bể Đại-Tây-dương năm nọ. Thuyền hiệu *Firecrest*, dài 11 thước, rộng 2 thước 6, khởi-hành tự *Gibraltar* ngày 7 *Juin*, tới *New-York*, ngày 15 *Septembre* năm 1923. Một chủ một thuyền, không có người nào khác nữa, trong một trăm một ngày lênh-đênh trên mặt biển khơi, không đáp vào bờ nào.

Cuộc đi chơi đó cũng là một cuộc kỳ, mà mạo-hiểm biết bao nhiêu! Trong thế giới ai cũng lấy làm cảm-phục. Nay khách hàng-hải li-kỳ đó lại xuất-bản một tập ký-sự về cuộc phiêm-du đó, lại cũng là một áng văn-chương li-kỳ nữa.

ALAIN GERBAELT thủa thiếu-niên sinh-trưởng ở đất *Saint-Malo*, là một nơi hải-cảng ở bể *Manche*, xưa kia đã từng sản được nhiều tay thủy-thủ rất tài, làm vẻ vang cho hải-quân nước Pháp tự hai thế kỷ trước. Hằng ngày trông thấy cái cảnh-tượng bể khơi, sóng gió tơi-bời, cảm mà sinh lòng yêu-mến. Cái mang-nhiên ở trước mắt, hình như nó muốn quyến-dũ lấy tâm-hồn. Tự-nguyện rằng: « Bao giờ tuổi lớn, quyết đi tìm cho được đất Bồng-lai ở ngoài bể rộng. » Vào học trường trung-học *Stanislas*, ăn ở nhà trường, lấy làm khổ lắm, chỉ mơ-màng những cuộc viễn-du, khao-khát được tự-do mạo-hiểm. Nhưng phải học để thi kỹ-sư. Chỉ mạo-hiểm bị hạn-chế như thế, sau này mới bồng-bột một cách li-kỳ. Công học-hành không phải vô-ích, vì có học mạo-hiểm mới thành-công. Chợt xảy việc chiến-tranh. Sung đội tầu bay, lĩnh chức « khu-trục phi-hành-gia » (*aviateur de chasse*). Sách nhật-ký nói: « Tôi đi tòng-chinh đánh giặc, đã đặt mình ra ngoài cõi đời văn-minh. Nay không còn mong trở lại làm gì nữa. » Có người anh em cùng đội phi-hành cho mượn quyển tiểu-thuyết « Sự-nghiệp của chiếc *Snark* » (*La carrière du Snark*) của JACK LONDON soạn. Đọc sách đó rồi khởi lên cái mưu lớn vượt bể từ đó.

Tự đó cho đến khi thực-hành cái mưu ấy, đọc sách nhật-ký tưởng như dễ-dàng quá, chẳng có chút gì khó cả, cơ-hội đã thuận-tiện, sửa soạn cũng như chơi. Đó là tác-giả tự-khiêm mà không nói cho ta biết những nỗi dự-bị khó-khăn thế nào, cho nên ta đọc sách vẫn có cái cảm-giác bí-mật. Nhưng đến khi bước chân vào cuộc mạo-hiểm, mà tác giả thành người chủ-động, thì cái cảm-giác ấy khác hẳn đi. Bấy giờ lời thuật của tác-giả vẫn khiêm-tốn mà có vẻ tự-nhiên, ta đọc mà ta lý-hội được cuộc mạo-hiểm, ta lý-hội được mà ta càng cảm-phục bội-phần.

GERBAULT vốn là một tay văn-học, thích đọc thơ, thơ hay rất biết thưởng-thức. Tưởng người ấy không thể làm tay hành-động được. Song cuộc mạo-hiểm kia há chẳng phải là một cuộc phiêm-du của nhà thi-sĩ, cưỡi chiếc thuyền thơ để đi tìm cõi Tiên-đảo dư? Theo lời thi-nhân BAUDELAIRE, tác-giả muốn quyết-biệt cái thế-giới này là « cái thế-giới mà sự hành-động với sự mộng-tưởng không để-huề nhau được » (*un monde où l'action n'est pas la sœur du rêve*), nhưng biệt với thế-giới là để ung-dung hoan-hỉ mà thực-hành cái nguyện li-kỳ của mình.

Một là chán cái đời văn-minh, hai là tiếc cái đời trước khi chiến-tranh, là hồi người ta không đến nỗi chật-vật về đường kinh-tế quá, còn được hưởng sự nhàn-hạ và biết cái thú tinh-thần, tác-giả trông thấy cái cuộc đời vô-thú-vị ngày nay, xem chừng chán-ngán quá, muốn thoát hẳn cõi đời cho xong. Trong nhật-ký có câu nguyện cái chết như sau này : « Ôi Thần Chết, ngươi là một tay thủy-thủ lão-luyện, nay đã đến giờ rồi, ta nên nhổ neo đi đi ! » Tuy vậy mà khi bước chân xuống thuyền, chỉ có một mình, không có thần chết đi cùng.

Tác-giả nói : « Có một kẻ giả tình-nguyện đi theo với tôi, tôi không cho đi, là kẻ tự-phụ mình là tay thủy-thủ đã thạo, muốn đi để làm bạn đưa đường cho tôi. Tôi không cho đi, vì kẻ đó chính là một kẻ đã chịu khổ lắm ở đời. »

GERBAULT một mình trên chiếc *Firecrest*, mà không biết cái cảnh cô-độc là gì. Nói : « Tôi yêu quí chiếc thuyền của tôi quá, tôi tưởng giá nó có dắm tôi cũng không muốn cho người cứu tôi nữa. » Vì cái cô độc ở trên mặt bể đó, nó khác cái cô-độc ở đời văn-minh, ở nơi thành-thị, cái cô-độc sau này mới thật là cô-độc, vì người ta ở đời tuy đụng-chạm nhau hàng ngày đó mà có thân-tình gì với nhau đâu, chỉ người nào biết người nấy mà thôi, đăm-đăm đâu-đâu ở giữa đám đông mà thật là một thân một mình vậy. ALAIN GERBAULT ở trong chiếc thuyền, không phải ngồi rồi một mình mà thần-trí ủ dột đi đâu, những khi phong-ba bão-táp, gió dật sóng dồn, phải hết nỗ-lực mà chống-chỏi lại, tinh-thần kích-thích, hoạt-bát thêm lên, không những không trở-ngại cho sự tư-tưởng, mà lại phấn-phát cho cả tâm-hồn vậy. Sự nỗ-lực đây không giống như sự nỗ-lực của kẻ ham thể-thao, chỉ biết dùng sức cân-cốt, mà không dùng đến tinh-thần, để cho trí-não đến lười biếng, sự nỗ-lực đây là làm cho nở-nang cả nhân-cách ra vậy. Ngồi thuyền vẫn đọc sách. Nhiều khi tay vừa lái miệng vừa ngâm, câu thơ có một cái thú-vị khác thường. Nhưng có bữa gặp trận bão to, trong thuyền có ít sách tiểu-thuyết của OSCAR WILDE, liền quăng ra ngoài bể. Thuyền bè đi sông bể thường chở dưới đáy những chất nặng gọi là « đồ dằn » (*lest*) cho được vững-vàng. Tác-giả đem sách đi làm « đồ dằn » kể cũng thú-vị thay. Gặp lúc nguy-hiểm, quăng sách ra bể, tuy là sự cử-động tự-nhiên mà cũng có cái ý-nghĩa thâm trầm. Không phải ghét chi sách mà vứt sách đi đâu, sách dùng làm « đồ dằn » vẫn có ích-lợi lắm ; nhưng người có tư-tưởng hoạt-động, nhiều khi cho cái bài học của đời lại còn ích-lợi hơn là cái bài học của sách.

GERBAULT bềnh-bồng trên mặt bể, thấy gì cũng là cảnh vui mắt mà khoái trí cả. Đem cái não tinh-túy người văn-minh, mà nuôi một cái cảm mới-mẻ mộc-mạc như người cổ-lỗ : như tình đường kinh-vĩ biết đến đâu gần có đất mà đến quả thấy có đất thật thời lấy làm lạ-lùng như một sự quái-dị vậy.

Đem cái não văn-minh ấy hòa với cái cảm mộc-mạc ấy, thành ra lời văn tả-cảnh có cái giọng xác-thực mà lại có cái vẻ nên thơ. Khi khởi-hành vượt bể, còn đương đi trong quãng từ *Cannes* đến *Gibraltar*, chợt trông thấy đảo *Minorque* xuất-hiện, đoạn văn ấy thật là một bức vẽ vừa tả-chân mà vừa diễm-lệ. Lại còn nhiều đoạn có đặc-sắc nữa, nên chú-ý : như những đoạn tả cảnh bão bể, không phải là những cảnh tưởng-tượng, thực là cảnh đã « sống qua », mà là cảnh đã « sống sót » vậy. Lại như câu văn sau này, tiếc cảnh đời xưa : « Tôi ước-ao muốn sống về đời tưởng NELSON ngày xưa, bấy giờ tàu chiến còn là những thuyền buồm trắng sóa, mà thuyền-viên là những tay thủy-thủ chân-chính, biết khiến con buồm ra tài thiện-nghệ vậy. » Đọc câu này

mà tưởng-tượng ra cái cảnh một đoàn thuyền, buồm đương phấp-phới, nhẹ-nhàng sáng-sủa biết bao!

Đây tập nhật-ký, thiếu gì những hình-ảnh xinh-tươi. Sách chỉ có mấy tấm ảnh kèm, mà thật là một tập họa vô-song. Đọc văn mà như trông thấy cá bay nhảy trên làn sóng, ngã vào sàn thuyền, thêm một món ăn tươi bổ cho khách cô-độc phiêu-lưu. Lại cá kìm lượn, lấp-lánh dưới mặt trời, như giục lòng khách muốn thả câu vậy. Khách đem câu móc ra đâm, đâm trượt ngồi thần-thờ trên mạn thuyền, bỏ thõng chân xuống nước, bất-giác cái chân làm mồi cho cá. Ba con cá kìm chạy lại, lấy câu sóc được một con, đem lên thấy dài tới một thước

Đó là những cảnh lúc biển lặng trời trong. Chứ đến lúc mây vần sóng vỗ, gió tập mưa sa, chiếc bách đảo-điên trên mặt bể, thì cái cảnh-tượng ghê-thảm biết dường nào! Một buổi có làn sóng vĩ-đại đánh qua mui thuyền, mấy tấn nước đổ vào trong thuyền chìm lỉm. GERBAULT ôm lấy cột buồm, đến khi thuyền nổi được lên trên mặt sóng, thấy trong thuyền hư-hỏng mất cả. Người bấy giờ đã mệt nhoài ra, lại phải cố ra sức mà chữa lại. Thừa được một lúc êm gió, vào trong khoang ngồi, thấy mấy cái hòa lò hỏng cả. Trong nhật-ký chép: « Bên đi nằm vậy, bụng đói cật rét, mà yếm-ứ những nước. Trong cái đời đi bể, bữa này là bữa buồn mà cực hơn cả. »

Thân đã thoát rồi, không còn cái nguy-hiểm cấp-bách nữa, bấy giờ mới thấy cực. Đảo *Bermudes* gần đó: cố ít nữa, có thể đáp gần lại được. Nhưng khi đi đã tự-nguyện rằng quyết-chí đi tự *Gibrallar* đến bờ châu Mĩ không đỗ vào đất nào. Nay sai cái nguyện ấy thì đau lòng biết là dường nào!

Tác-giả bấy giờ phân-vân lắm, ta đọc sách cũng thấy băn-khoăn như vậy. Tác-giả cảm thế nào, ta cũng cảm như vậy. Ta nghiễm-nhiên mà thấy đồng-điệu với tác-giả. Ta nhận kỹ cái nhịp đồng-điệu âm-thầm này, thời ta khoát-nhiên mà hiểu cái lý-do thâm-trầm của cuộc hàng-hải ký-khôi đó. Bấy giờ ta không dám cho khách chèo thuyền là một người ngông-cuồng nữa, mà phải phục là một kẻ anh-hùng vậy.

Sức đã kiệt, sốt nổi lên, vậy mà lời nguyện cũ vẫn cứ khăng-khăng một mực. Sách nhật-ký nói: « Tôi biết rằng tất phải đáp vào đảo *Bermudes* mới được, mà trong tư-tưởng tôi thì chỉ nghĩ đến *New-York* mà thôi. » Đương khi phân-vân đó thời hốt-nhiên tác-giả đứng phắt dậy, quyết phải thi-hành cho được lời nguyền trước, đi cho đến đất châu Mĩ mới nghe. Ta thấy tác-giả quả-quyết như vậy mà ta là người đọc sách cũng thấy chan-chứa hi-vọng trong lòng. Thế mới biết tập nhật-ký kỷ-thực đó lại còn hứng-thú hơn là lắm bộ tiểu-thuyết phiêu-lưu nọ. Vì độc-giả với tác-giả thật đã cùng nhau sống một cuộc đời thực mà mộng, mộng mà thực, và một mối đồng-cảm, một nhịp đồng-điệu khăng-khít với nhau khiến cho cùng nhau cùng sướng cùng khổ, cùng băn-khoăn lo-nghĩ, cùng phấn-phát vui lòng.

Tác-giả đã quả-quyết rồi thì dù cực-khổ mà cũng vui-vẻ. Ta cũng vậy, lòng áy-náy mà lại hoan-hân.

Quả-nhiên cái nghị-lực của tác-giả không phải là vô-ích; vượt bể vừa đầy một trăm một ngày, trong bảy-mươi-hai giờ liền không bỏ tay lái, không ngủ một giờ, đến ngày 15 tháng 9 năm 1923, thì vào bỏ neo trong vịnh Nữu-ước.

Cái thủ-đoạn li-kỳ đó không phải không có ảnh-hưởng. Được tin, khắp hạng thanh-niên trong thế-giới cổ-võ hoan-nghênh vô cùng.

Biết bao nhiêu người thiếu niên viết thơ cho tác-giả, hiểu rõ cái tâm-sự của tác-giả, thấu được cái bí-quyết của cuộc phiêu-lưu kỳ-dị này, vì cái tâm-sự, cuộc phiêu-lưu đó là tiêu-biểu cho cái tâm-lý của cả hạng thanh-niên đời nay, chán cái đời tầm-thường bần-tiện như bây giờ mà muốn khao-khát những kỳ-công vĩ-đại vậy.

HỒNG-NHÂN

VĂN-UYỂN

Khúc đêm xuân

Xuân ra đời, chúa xuân ra đời,
Đêm xuân mầu lầm chúa xuân ơi!
Thiều-quang chín chục bầu non nước,
Đi lại cùng ta lầm ngón chơi.
Ta chơi ai cũng bảo lười,
Nghĩ ta ta lại nực cười cho ta.
Thần-thơ đứng trước vườn hoa,
Hương trời sắc nước thướt-tha trên cành.
Khuyên nhau nhấp cạn chén quỳnh,
Một, hai, ba, bốn, năm canh chuyển vần.
Canh một bong-bong trống điểm dần,
Cùng đàn thê-tử với song-thân;
Tiệc đào say tỉnh dăm ba chén,
Mong tuổi trời cho tám chín tuần.
Dồi dào bể ái nguồn ân,
Một bầu cảnh sắc, mười phân thái-hòa.
Song-song quốc nước gia nhà,
Nhà là khang-thái, nước là văn-minh.
Buông đôi con mắt hữu-tình,
Cỏ-hoa hớn-hở ngày xanh còn dài.

Canh hai văng-vẳng tiếng tòm hai,
Đèn tỏ bên trong, đuốc tỏ ngoài;
Phay-phẩy đông-phong cùng đối-diện,
Hỏi chàng thanh-nhã đó là ai.
Gió đông quen lũa mặt người,
Hoa đào năm ngoái mỉm cười đêm nay.
Nghìn vàng một khắc một chầy,
Thú vui dài để rày rày mai mai.
Thần-thơ nào khách chương-đài,
Dăm ba câu cũ một vài người xưa.
Canh ba giờ tí cảnh giao-thừa,
Ngồi dã đau lưng, ngủ cũng vừa;
Ấy hồi Trang-sinh hay giáp-điệp,
Yêu hoa dường đã lọt vành chưa.
Phồn-hoa trong giấc say-sưa,
Phấn-son dạn mặt, mây mưa thỏa tình.
Trời sinh ra giống tài-danh,
Nước non vướng-vít ấy mình hay ta.
Trước mành trông bóng cung Nga,
Lòng son lẫn với trăng già soi chung.
Canh tư lơ-lửng xóm ngư-ông,
Kẻ gọi người thưa nháo-nhác cùng;
Phút-chốc thôn-dân dần tỉnh hết,
Pháo nêu dường đã giục nhau trông.
Trông trời trông cảnh non sông,
Cái xuân mơn-mởn như trong như ngoài.
Vin khóm trúc, bẻ cành mai,
Tặng người quân-tử một hai gọi là.
Từ-từ gió cuốn song sa,
Bóng hoa trước mắt, vẻ hoa ngang đầu;
Canh năm gà gáy tiếng đua nhau.
Tang-tảng trời dong bóng đỏ ngầu,
Dục bước tầm-phương cao lẫn thấp,
Con đường bay-nhảy những đâu đâu.
Thói đời kẻ trước người sau,
Chậm thua nhanh được biết đâu mà chờ.
Hỏi bây giờ là bao giờ,
Trẻ con quấy sáng, chuông chùa tiễn canh.
Nhởn-nhơ nào chốn thư-thành,
Hoa đào nét vẽ, tiếng oanh cung đàn,

Năm canh luồng gió thổi than-than,
Thay đổi bao nhiêu óc dã-man;
Nhắn hỏi Đông-hoàng xuân đã mấy,
Nhà nhà tô-chước chữ bình-an.
Tay tiên lựa thử phiếm đàn,
Lửng-lơ lưu-thủy cao san tính-tình.
Trời xanh có phụ chi mình,
Lạ chi cái thói phù-danh ở đời.
Muôn nghìn hồng-tử đua tươi,
Chúc xuân muôn tuổi nay rồi lại mai.

Xuân hoa tiểu vịnh
春花小詠

1. — Hoa hồng-nhung

Hương thơm vị ngọt sắc hồng,
Trăm hoa hoa lý hoa đồng vẫn thua.
Nhơn-nhơn có sẵn bốn mùa,
Nghìn vàng thực cũng nên mua lấy tài.

2. — Hoa mẫu đơn

Anh em đỏ chóe góc trời,
Tươi ngành xanh lá ở đời ai hơn.
Từ rầy mới biết hoa đơn,
Một nền phú-quý mông ơn dồi-dào.

3. — Hoa phù-dung

Phấn son say-tỉnh chút tình,
Trời đem những thói khuynh-thành trên người.
Qui-phi nào của mấy người,
Nước non mở mặt tươi cười bầu xuân.

4. — Hoa dâm

Phong-tình nào có như ai,
Chỉ nhân miệng thế truyền sai đó mà.
Tỏ mầu trong ngọc trắng ngà,
Kể hoa vốn cũng là hoa dâu mùa.

5. — Hoa chanh

Dùng mình vì tính em chua,
Song em cũng mở mặt đua với đời.
Xòe-xòe năm cánh tốt-tươi,
Cũng hương cũng nhị có người có ta.

6. — Hoa cam

Bức tranh ai vẽ nên hình,
Phau-phau mặt ngọc ấy tình hay không.
Chúa xuân quyết chẳng phụ lòng,
Mai sau kết quả đỏ hồng là cam.

7. — Hoa quất

Chơi hoa nay lại biết hoa,
Cũng xòe cánh trắng, cũng pha nhị vàng.
Hỏi quê? quê ở Thiên-tràng,
Phương-danh dường đã vẻ-vang sử Trần.

8. — Hoa mộc

Một bầu xuân-sắc mơn-mơn,
Tuyết ghen mầu trắng, xạ hờn nước hương.
Của này là của phi-thường,
Há như liễu ngõ hoa tường như ai.

9. — Hoa thủy-tiên

Non Bồng từ thủa biết nhau,
Thói nhà băng-tuyết đâu đâu cũng truyền.
Ở đây nào phải Đào nguyên,
Cái thân trong nước là tiên trên đời.

10. — Hoa sâm

Đem tình về với Đông-quân,
Cám ơn vũ-lộ thấm-nhuần bấy lâu.
Vẻ hồng gìn-giữ trước sau,
Còn ra củ để cứu đau cho đời.

11. — Hoa cúc

Biết nhau cũng giống da vàng,
Thu-dung kéo lại xuân-quang ngại gì.
Ẩn mình thôi nữa mà chi,
Tàn hoa, cờ là kém gì ai ai.

12. — Hoa đào

Đã nên quốc-sắc thiên-tài,
Gió đông khi mỉm miệng cười là duyên.
Vốn xưa nhà ở non tiên,
Gặp chàng Lưu, Nguyễn nên quen mặt trần.

13. — Hoa lý

Nhớ câu « thập bát tử thành, »
Chẳng xinh cũng thể cây quỳnh cành dao.

Đêm xuân tỏ mặt anh-hào,
Hỏi chàng Thi-bá (Thái-Bạch) đêm nào đêm nay.

Vi. — Hoa lan

Canh khuya giấc điệp tàng-tàng,
Thử đem truyện cũ hỏi chàng Mục-công.
Nói chi u-cốc lạ-lùng,
Ấy hoa vương-giả vốn dòng thiên-hương.

Tháng chạp

Năm tháng xoay-vần chóng thế a?
Cũ đưa hầu hết mới hầu ra;
Rêu phong ngõ trúc mầu xanh ngắt,
Tuyết điểm hiên mai nụ trắng xóa;
Thăm-thẳm ruộng-nương cày-cấy vội,
Chàng dàng tư tết ngợi ban qua;
Chúa xuân đính-ước cùng nhau gặp,
Phay-phẩy non sông trận gió hòa

Chào xuân

Đầu năm đầu tháng nửa đầu ngày;
Chào chú Dương-xuân ấy chú mày;
Năm sáu tuổi rồi anh rất sướng,
Mấy trăm năm mãi chú là may;
Thỏa tình dài vắn câu quen lạ,
Vui cảnh vơi đầy chén tỉnh say;
Vũ-lộ dồi-dào ơn trải khắp,
Nghìn hồng muôn tía sẵn từ nay.

Chùa Bà Đá

(Hà-nội

Cũng thú sơn-lâm cũng tỉnh-thành,
Một bầu cảnh-sắc tuyệt hồ xinh;
Sư thầy kệ ngọc hôm luôn khóa,
Tiểu chú chuông đồng sớm nhắc canh;
Xe ngựa đường quen đa úa đỏ,
Vắng mưa vườn dạn liễu gù xanh;
Chẳng hay Phật-tổ không hay sắc,
Dạ cứ trơ-trơ thế đã đành.

Đêm nghe ếch kêu

Trời tạnh đêm nhàn trống điểm thưa,
Ếch đâu giòng hát chốn ao dừa?
Năm canh dài-vắn êm-đềm lắng,
Một tiếng xa gần náo-nức đưa;
Như giận như mừng trăm bỗng lẫn,
Dường trong dường đục nhỏ to vừa;
Nước non ai kẻ tri-âm lắm,
Khúc nhạc nhà quê biết thú chưa?

Đêm xem bộ «Bạch-vân văn tập»

Thanh-nhàn ngồi tựa trước hiên mai,
Một ngọn đèn khuya sẵm một bài;
Bĩ-thái xoay vần cơ có lúc,
Văn-từ ghi lại bút không sai;
Cao-bằng vốn biết và đời nữa,
Hoành-lĩnh vui xem một giải dài;
Lý-học muôn thu rành đến thế,
Vì ai mà cũng mách cho ai.

Phú đắc thánh-nhân đãi khủ khờ

Thợ tạo vô-tâm đúc cái khờ,
Buông tầm con mắt tựa-hồ sơ;
Bề trên kia những ông to lớn,
Giá đắt thường ban chú ngẫn-ngờ;
Tranh-cạnh trò đời khôn với chết,
Phi-dương đường thế dại là nhờ;
Từ rầy theo quách sang non Sở,
Học thói anh Dư thói thẩn-thờ.

NHÂN-VÂN ĐÌNH

Bài phú Đông-hồ (1)

(Lấy vần: Đông-hồ một mảnh trăng thu)

Vần đông.—*Tính-hoài phong nhã; khí-cốt hào-hùng. Túi lưng hăng gió; bạn tát non sông. Lăng ngắm thế-đồ man-mác; ngảnh nhìn trần-hải mênh-mông. Chẳng lao thì cũng hư, nên đã nhiều phen lăn-lóc; Chẳng nhàn thì cũng tục, phải cho có lúc thong-dong; Cuộc nhàn hẳn đành nhiều thú; nghề chơi âu cũng*

(1)— Bài phú này trước đã có đăng rồi (N.-P. số 145). Mùa thu năm nay lại có cuộc chơi trăng; không bắt-chước được cổ-nhân làm bài « Hậu Đông-hồ phú ». Mới đem bài văn cũ ra cho các bạn văn-chương ngâm-bình điểm-duyệt. Sau khi cuộc điểm-duyệt ấy về, bài phú phải thêm-bớt sửa-đổi mấy chỗ. Nay xin lục đăng để « thủ-tiêu » bài đăng trước. — Tác giả

lắm công. Của đất đó, thủ vô-biên, non-xanh nước biếc ; của trời đó, kho vô-tận, gió mát trang trong. Cảnh chọn cảnh mà chơi, cảnh trời cảnh sẵn ; thu chọn thứ mà thưởng, thú trời thú chung. Năm nhâm-tuất qua nằm tháng bảy, thừa nọ ông Đông Pha Tô-tử cùng các bạn mang hồ rượu ra chơi trăng bến Xích ; Năm mậu-thìn giữa rằm tháng tám, hôm nay tôi Trác-chi Lâm-tử cùng các bạn chở thuyền thơ ra chơi trăng hồ Bồng.

Chính là lúc : *Sực-nức huệ-lan, khí văn-chương đang đậm ; đề-huề giao-tất, duyên bút-nghiễn đang nồng*

Vần hồ. — Kìa chẳng nghe : *có thơ « hành-lạc » ; có chuyện « dạ-du ». Có « Thiên-thai ký » ; có « Đào-nguyên đồ ».*

Lại chẳng nghe: *Có kẻ học đạo, tiêu-dao lên vườn Quỳnh-lĩnh ; có người chơi tiên, lênh-đênh qua cửa Thần-phù. Đó là những cuộc chơi siêu-dật ; lại còn những cuộc phong-lưu. Hoặc là « tùng ba đài kỹ » ; hoặc là « hồ thượng phiếm chu » Hoặc là còn nấn ná trong áng trần ai mà gửi tình cùng hoa thảo ; hoặc là đã mỏi-mê trên đường danh-lợi mà góp bạn với giang-hồ.*

Chứng cũng nghĩ : « *Hậu thiên-hạ chi lạc nhi lạc ; tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu* ».

Huống Đông-hồ nọ : *Nước trời một vẫng ; trăng gió bốn mùa. Hồ ở trong thành văn-vật, thành là thành Trúc* 竹 *城. hồ ở dưới núi linh-tú, núi là núi Tô* 蘇 *洲* 山. *Đâu đó đều trăng gió cũ ; chung quanh vẫn nước non nhà. Ta há chẳng nên chơi lắm vậy ; ta há chẳng nên chơi lắm ru ?*

Vần một. — *Kịp khi ấy : Trăng sáng một trời ; sóng êm muôn dặt. Khách rượu mười người ; thuyền thơ hai chiếc. Giây buông mái nhẹ, thi-tình vô-hạn bàng hoàng ; nước rộng mây xa, hứng-tứ vô-cùng hoan-hước. Năm dài trăm tuổi, ngày vui khôn dễ có nhiều ; tháng chẵn mười hai, buổi thích biết đâu chẳng một.*

Miệng ca tay múa « nhân-sinh đắc-ý tu tận hoan » ; chén cất bầu nghiêng « mạc sử kim-tôn không đối nguyệt ». Liên-ngâm dở cuộc, chấp nối văn thơ ; hiệp-vận 叶 韻 *lựa giấy, nhặt khoan ngón trúc. Mây bay gió thổi, từng không tiếng hát vang lừng ; dòng chảy thuyền xuôi, ngấn nước cung đàn thánh thót. Thơ chưa bàn tiên-tục, có thơ cứ ép nhau ngâm ; rượu chẳng luận thánh-hiền, có rượu cứ khuyên nhau rót (1).*

Vần mảnh. — *Mặt khách say ngả ; chiều trời quang tạnh Mây liễm bốn phương ; trăng cao một mảnh.*

Khách có kẻ : *Ngửa đầu trông nguyệt mà ra vẻ bồi-hồi ; cúi mặt nhìn sông mà ra chiều thanh-lãnh.*

Bỗng : *Vung chén cúc tàng-tàng ; cất tiếng ca lanh-lảnh. Tỏ lời thân-tích cho cựu-thi* 舊 詩 *; ra ý cảm-hoài vì vẫng cảnh* 往 景. *Như thỏa như vui ; như sầu như chạnh.*

Hỏi khách : *Vì đâu mà vui ; cớ sao mà chạnh ?*

Khách rằng : — *Xưa nay phàm lịch-sử ; các danh-lam thắng-cảnh. Hoặc có cái lịch-sử của tay cung-kiếm anh-hùng ; hoặc có cái lịch-sử của khách yên-hà ngâm-vịnh.*

Chứ như Đông-hồ này : *Vừa là cảnh chiến-địa u-sầu ; vừa là chốn tao-đàn quang-tĩnh. Bút gươm dưới nguyệt sâm-si, huyết mặc trên dòng so-sánh.*

(1) — Thơ tiên tục, rượu thánh hiền = trong làng chơi, thơ hay gọi là thơ tiên, thơ dở gọi là thơ tục, rượu trong gọi là rượu thánh, rượu đục gọi là rượu hiền.

Nay mắt ta trông ra: *Nếu là phong-quang nơi thi-xã thì chi xiết vui vầy; bằng là cảnh-sắc chốn chiến-trường thì vô-cùng hiu-quạnh. Nếu là bóng nguyệt của người hàn-mặc, thì bóng nguyệt đẹp mà trong; bằng là vẻ trăng của khách cung đao thì vẻ trăng buồn mà lạnh.*

Khiến khách tôi không biết: *Nên thỏa nay nên sầu; nên vui hay nên chạnh*

Vấn trăng.— *Này thử nhớ lại, mà biết đó rằng: Một các Chiêu-anh; một thành Trác-bằng. Đem huyết hãn mà vun-bồi cho non nước; lấy bút-nghiên mà tô-điểm cho gió trăng. Chiếc thân lang-miếu giữa giang-hồ, khâm hoài cao-khoáng; tấc dạ cô-thần mà đất-khách, phong cốt lăng-tằng. Mây gió Bắc chẳng hẹn duyên hồng-hộc; biển trời Nam riêng thỏa chí côn-bằng.*

Người chủ-nhân ông ấy: *Lẽ ta không nghe đó vậy; lẽ ta không biết đó chăng?*

Chừ: *Muốn nhận ra cái dấu vết tiền-triều thì vắng-vẻ nước non một sắc; muốn nhìn lại hình-dung cố-quốc thì mịt-mù mây khói mấy tầng. Ngọn gió thu-phong kia, cố-nhân đã từng dạn mặt; làn nước thu-thủy nọ, cố-nhân đã từng nhúng chân. Cố-nhân không được biết kim nguyệt; kim nguyệt đã từng soi cố-nhân. Tranh bích-lạc treo chung mấu kim cổ; bóng hoàng hôn chớp nhoáng cuộc trăm-thăng.*

Khiến: *Nghĩ những chuyện tang-thương mà than nước; trông những cơ hưng phế mà khóc trăng.*

Thì khách tôi: *Giữ sao được lòng thắc mắc; cầm sao được mối bâng khuâng*

Vấn thu.— Trước vấn biết khách: *Đa tư đa lự; đa cảm đa ưu. Không cười mà khóc; không vui mà sầu.* Bèn mời đặt chén cầm tay mà sẽ bảo: *Thế-sự nhược đại-mộng; nhân-sinh như phù-du. Cổ kim là chung trong vòng tiêu-trưởng; sắc tướng là cùng trong kiếp doanh-hư.*

Khách thử ngẫm xem: *Vầng trăng kia đối với người ngâm vịnh mà khoe mầu trăng từ bao thủa; làn nước nọ đối với cuộc tồn vong mà chau mặt, nước đã bao lâu.*

Nhưng: *Vũ-trụ tuy bất-biến bất-cùng, vẫn là vô-tri giác; nhân sinh tuy tối vi tối tiểu, vẫn là hữu-tâm-tư. Một con tâm ấy có thể quán thông suốt nghìn thủa; một tấm tình ấy có thể bao quát cả năm châu. Biết càn-khôn là rộng; biết tạo hóa là to.*

Còn trời đất nọ: *Muôn năm mãi mãi; một khối trơ-trơ. Gió cứ dìu-dặt; mây cứ phất-phơ.*

Thì đối với trời đất có gì: *Mà sầu mua thảm chác; mà thương hão khóc vờ!*

Huống chi, khách qua chơi đây: *Trước ta đã biết bao nhiêu người, ta không thể hỏi; sau ta còn biết bao nhiêu kẻ, ta không thể chờ. Ngày nay ta khóc cho người đời trước; sau này ai khóc cho ta bây giờ?*

Chi bằng những lúc: *Thắng-cảnh lương-thần phải buổi; thưởng tâm lạc-sự đang vừa. Nghiêng bầu hưởng với giang-san mà say rượu; mài mực đối với phong-nguyệt mà chuốc thơ. Một khối văn ấy, nghìn năm hãy còn phiêu-dương dưới vùng tinh-nhật; một vết mực ấy, muôn thủa hãy còn bâng-bạc trong cõi giang-hồ*

Đó mới là cái vận-sự hào-hoa, dữ kỳ lục-thủy thanh-san tranh-thọ; đó mới là cái công-trình tao-nhã, dữ kỳ thanh-phong minh-nguyệt tranh-lưu.

Chẳng hơn ngồi: *Mà thương mà khóc; mà cảm mà sầu suông đó ru!*

Lời xong: *Sau trước gõ mạn thuyền mà cổ-võ; chủ tân cất chén rượu mà hoan-hô.*

Cùng đồng-thanh hát rằng :
Nước sâu sâu hề non cao cao ;
Thuyền gió trăng hề chở nặng chèo.
Nhược thủy bồng hồ hề không lọ hỏi ;
Chẳng tiên lúc này hề tiên lúc nào ?
Đã tu thì tu hề cho trót ;
Đã chơi thì chơi hề cho hảo!
Mặt biển triều lên hề bát ngát ;
Ngàn cây sương tỏa hề mịt-mù.
Mầu khói hề thấp-thoáng liễu ;
Hơi may hề xan-xát lau.
Gà bên sông hề vàng-vẳng gáy ;
Cuốc trên bến hề ra rả gào.
Trông qua bóng núi hề đã ngang mặt ;
Ngẩng lên vầng trăng hề đã xế đầu.
Đêm dầu tàn hề hứng chưa tận ;
Thuyền quày lại hề gửi mấy câu:
Chỉ nước chỉ non hề căn dặn ;
Gọi trăng gọi gió hề hẹn hò.
Non Tô một dẫy hề cao dựng ;
Hồ Đông một vũng hề nông sờ.
Này nước này non ghi lấy cuộc hôm nay hề cuộc hành lạc ; hỡi trăng hỡi gió, nhớ lấy đêm hôm nay hề đêm thưởng thu !

(Đông-hồ *ngâm-thảo*)

Thơ tạp-vịnh

I

Vịnh trái giả-sơn.

Trọn được ngô-nghê đá mấy hòn,
Đem về xếp lại để làm non ;
Bày ra mặt đất chỗ bằng-phẳng,
Ganh với thợ trời hình khéo-khôn;
Đồ quế thua tài người Bắc-nhạc (1),
Nằm mây gửi thú khách Đông-sơn(2).
Khen cho tính đá trơ-trơ mãi,
Chẳng vị mưa cơn gió trận mòn.

II

Chợ Đồng-xuân mua cúc.

Bước chân ra tới chợ Đồng-xuân,
Chẳng hỏi quần-phương hỏi cố-nhân.
Hỏi giống đa vàng còn sắc nước,
Hỏi cành hương đạm chửa tay trần;
Hàn-Kỳ (3) đã vắng ai tri-kỷ,
Nguyên-Lượng (4) là đây khách đật-dân
Mua lấy về giồng bèu văn phố,
Phu công đi chợ ngắm xa gần.

III

Vịnh cái bút lông.

Kể khối tinh hoa đất Lạc-Hồng,
Bốn nghìn năm ấy kết bằng lông.
Hàn-Thuyên Sĩ-cố truyền ngòi thử(5),
Thị-Điểm Xuân - Hương rọi quản-đồng (6).
Ghi được Lỗ Châu kinh thánh-triết,
Tô nên Trần, Lý mặt anh-hùng.
Trúc-lan son-thủy ray nghề vẽ,
Thế-giới còn tôn nét Thái-đông.

IV

Nghề vẽ trong thế-giới.

Nghề vẽ là nghề mĩ thuật dân,
Nghìn năm biểu hiệu cái tinh thần.
Kẻ miêu xuồng xã cô thần nữ,
Người tả cao-nhân khách lão nhân.
Cảnh bể bên tường lồng bóng nhật,
Cảnh mai trên giấy điểm tinh xuân.
Ngày nay xin hỏi con nhà Việt,
Nào nét Hồng-phương kết tả chân.

Tùng-Vân

---

(1) Bắc-nhạc = Đời Lục-triều người Chung-Ngung ký-thủy vào ẩn ở núi Bắc-sơn, đỗ thông đỗ quế, rồi ra chen cuộc danh-lợi với đời.

(2) Đông-sơn = Ông Tạ-An đời Tấn, khi chưa ra giúp đời, từng nằm khểnh ở núi Đông 30 năm, lấy sách-vở sơn thủy làm vui.

(3) Hàn-Kỳ = Kẻ danh-nhân đời Tống, từng có thơ vịnh cúc rằng : « *Mạc-hiềm lão-phố, do hữu hoàng-hoa.* » v. v

(4) Nguyên-Lượng = Người xử-sĩ nhà Tấn, tức là ông Đào Tiềm tính yêu cúc.

(5) Ngòi thử = Bút thử-tu làm bằng râu chuột, là một thứ bút tốt nhất, ông Vương Hi-chi đời Tấn từng dùng thứ bút ấy viết bộ Lão-tử đạo-đức kinh.

(6) Quản-đồng = Quản bút đỗ là nói cái bút có văn-thái, chuyên trỏ về người đàn bà hay chữ.

CHUYỆN TRÊN XE-LỬA (1)

(Đoản-thiên tiểu-thuyết Tây)

1

Tự *Cannes* trong toa đã đầy người ; hành-khách chuyện-vãn, ai cũng biết nhau. Khi qua *Tarascon*, có người nói : « Đây là chỗ nó giết người đây.» Rồi nói chuyện cái tên cướp bí-mật, không sao bắt được, đã hai năm nay nó cứ thỉnh-thoảng lại giết một người hành-khách qua đây. Mỗi người đoán một cách, mỗi người tỏ một ý, đàn-bà thì rùng mình mà nhìn ra ngoài cửa kính, đêm tối mờ-mịt, nơm-nớp sợ vụt trông thấy cái đầu người nó lò ra trước cửa chăng. Rồi nhân đó kể những chuyện tình-cờ gặp-gỡ ghê-sợ, nào người thì ngồi cùng trong xe lửa với một người điên, nào người thì trong mấy giờ đồng hồ đối diện với một con người khả nghi.

Ai cũng có câu chuyện nói cả, mà chuyện nào cũng là danh-giá cho mình cả, người nào cũng đã có dịp gặp những trường-hợp lạ-lùng, chính mình ra oai đoạt được kẻ cường-bạo, trói nó lại như không, mạo-hiểm vô-cùng, mạnh-bạo vô-cùng. Có một ông thầy thuốc, năm nào mùa đông cũng về ở phương Nam, ông cũng có câu chuyện muốn nói cho bà con nghe.

Ông nói :—Tôi thì tôi không từng bao giờ có dịp được mạo-hiểm như vậy ; nhưng tôi được biết một người đàn bà, là khách chữa thuốc của tôi, nay đã chết rồi, mà hồi ấy có xảy ra một chuyện lạ-lùng nhất ở đời, chuyện rất bí-mật mà rất cảm-động.

Bà là người Nga, tên là bá tước MARIE BARANOW, thật là một vị phu-nhân sang-trọng mà sắc đẹp tuyệt-trần. Các ông các bà cũng biết người đàn bà Nga họ đẹp lạ, cái mũi xinh-xinh, cái miệng chúm chím, con mắt gần gần mà sắc mắt thì không thể nào tả được, xanh mà sâm, cả người như có một cái vẻ lãnh-diễm, hơi nghiêm-khắc một chút ! Cái phong-thái của họ nó vừa hiềm mà vừa thú, vừa như uyển-chuyển mà lại cao-kỳ, khắc-khổ mà lại mềm-mại, người Pháp mình cho thế là tuyệt-phẩm. Nói cho cùng, có lẽ tôi xét họ phiền-phức như vậy, chẳng qua chỉ bởi là giống họ với giống mình khác nhau mà thôi.

Thầy thuốc riêng của bà đã mấy năm xét bà có cơ mắc bệnh phổi, cố khuyên bà về nghỉ ở phía nam nước Pháp ; nhưng nhất-định bà không chịu dời *Pétenbourg*. Mãi đến mùa thu năm ngoái, thấy bệnh đã nguy, thầy thuốc bảo cho chồng bà biết, ông chồng liền bắt bà phải đi *Menton* ngay.

Bà đi xe lửa, ngồi một mình một toa, còn đầy-tớ thì ngồi một gian khác. Bà ngồi áp vào cửa, có vẻ buồn-buồn, nhìn những đồng điền làng xóm, nghĩ thân cô độc, một mình vòi-vọi ở đời, con-cái không có, thân-thích cũng hầu không, chồng thì cái ái-tình đã nguội lạnh rồi, nay thả cho đi tận nơi góc bể chân trời mà không đi cùng, khác nào như cho đem đứa người nhà ốm đi nằm nhà thương vậy.

(1) Dịch trong thuyết-bộ của GUYDE MAUPASSANT.

Đến mỗi chỗ đỗ, tên đầy-tớ *Ivan* lại hỏi xem bà chủ có cần gì không. Tên này là một tên lão-bộc, một dạ trung-thành, chủ truyền cho gì cũng sẵn lòng làm ngay.

Trời sập tối, xe lửa chạy hết sức mau. Bà ngủ không được, thần-kinh kích-động quá. Chợt nghĩ đem ra đếm lại mấy tiền của chồng đưa cho lúc sắp đi, bằng tiền vàng nước Pháp. Bèn mở cái bao nhỏ cầm tay ra, giốc những tiền vàng lên trên gối, trông sáng quắc.

Nhưng thốt-nhiên thấy có luồng gió lạnh đập vào mặt. Ngạc-nhiên bà ngửng đầu lên. Thấy cửa mới mở. Bà hốt-hoảng, liền lấy cái « san » đậy lên đống tiền để đầy trên vặt áo, rồi đợi xem thế nào. Qua mấy giây đồng-hồ, rồi thấy một người bước vào, đầu để trần, tay bị thương, hất-hơ hất-hải, mà quần áo thì là lối lễ-phục buổi tối. Người ấy đóng cửa lại, ngồi xuống, con mắt lóng-lánh, nhìn bà hành khách ngồi cạnh, rồi lấy cái khăn mũi bọc lấy cổ tay máu đương chảy.

Bà sợ rụng-rời cả người. Người này chắc là đã trông thấy bà đếm tiền, lại để cướp tiền và giết bà đây.

Người kia vẫn cứ nhìn vào bà trông-trọc, thở hồn-hển, mặt biến sắc, dường như muốn nhảy xổ vào bà chăng.

Đột-nhiên nói :

— Xin bà đừng sợ !

Bà không trả lời gì, không thể sao mở miệng ra được, nghe thấy quả tim đập mạnh, mà tai thì ù-ù.

Người kia lại nói :

— Thưa bà, tôi không phải là kẻ bất-lương.

Bà vẫn không nói gì, nhưng vùng một cái thời hai đầu gối rập lại, tiền vàng rơi xuống dưới chiếu, rông-rồng như nước trong máng chảy ra.

Người kia ngạc-nhiên, nhìn cái suối vàng đó chảy, rồi liền cúi xuống để nhặt.

Bà thất-kinh đứng dậy, ném cả tiền ra sân xe, rồi chạy ra cửa để nhảy xuống dưới đường. Người kia hiểu ý bà, nhảy ra nắm lấy cánh tay, bắt ép ngồi xuống, rồi nắm cổ tay mà nói : « Xin bà hãy khoan nghe tôi, tôi không phải là quân bất-lương, bà xem đây, tôi nhặt tiền tôi lại trả bà. Nhưng tôi là người đương gặp bước cùng, bà không giúp cho tôi ra khỏi đường địa-giới thì tôi chết mất. Nay tôi không thể nói được tường hơn nữa. Trong một giờ nữa, thì đến nhà ga cuối cùng của nước Nga ; một giờ hai-mươi phút nữa thì ra khỏi địa-giới Đế-quốc. Bà không cứu tôi thì tôi nguy mất. Vậy mà tôi không phải là thằng ăn trộm, giết người, tôi không làm điều gì trái với danh-dự. Cái đó tôi xin thề với bà. Nay tôi không thể nói tường hơn nữa. »

Rồi quì xuống, nhặt những đồng tiền vàng rơi tận dưới gầm ghế, còn đồng nào lăn ra ngoài xa cũng tìm cho hết. Nhặt xong để đầy vào trong cái bao tay nhỏ bằng da, rồi đưa cho bà, không nói một lời nào nữa, ra ngồi ở góc toa bên kia.

Hai người đều không động-đậy. Bà thì ngồi yên nín lặng, vẫn còn sợ ngất người đi, nhưng đã hơi hoàn-hồn đâu. Còn người kia không hề nhất-cử nhất-động ; cứ ngồi thẳng, hai mắt đăm-đăm nhìn trước mặt, da tái hẳn như người đã chết rồi. Thỉnh-thoảng bà liếc mắt nhìn, rồi lại ngoảnh đi ngay. Nhìn ra người chừng ba-mươi tuổi, tuấn-tú lắm, ra dáng con nhà quí-phái.

Xe lửa vẫn chạy trong đêm tối, còi thổi như tiếng kêu ai-oán, lúc thì chừng-chừng chạy chậm, rồi lại bon-bon tiến lên. Nhưng chợt thấy đi từ-từ, thổi còi mấy lần, rồi dừng hẳn lại.

Lão-bộc hé cửa vào xem bà chủ có sai gì không.

Bà-tước phu-nhân, run không nói lên được, nhìn người bạn lạ-lùng ngồi đó, rồi phất một tiếng bảo lão-bộc rằng:

— Thôi, *Ivan*, cho mi về với quan ông, ta không cần đến mi nữa.

Lão-bộc sửng-sốt, dương hai mắt ra, lắp-bắp nói :

— Bẩm, . . . Bẩm phu-nhân . .

Bà nói liền :

— Thôi, mi không phải theo ta nữa, ta đã đổi ý rồi. Ta muốn để mi ở lại nước Nga. Này, cầm lấy tiền mà đi về. Còn để lại cái mũ với cái áo tơi đây cho ta.

Tên lão-bộc ngơ-ngác, cất mũ ra, rồi cầm cái áo đưa, theo thói thường cứ vâng lời không nói lại chi, vì đã quen cái tính thất-thường của chủ, ý-kiến hay thay đổi, mỗi lúc một khác. Đoạn rồi đi ra, mắt rơm-rớm khóc.

Bấy giờ bá-tước mới bảo người ngồi cạnh đó rằng :

— Áo này với mũ này là của ông. Từ nay ông là đầy-tớ của tôi, tên gọi *Ivan*. Tôi làm việc này chỉ bắt buộc một điều : là xin đừng bao giờ nói với tôi một câu gì cả, nói cám ơn hay nói việc gì cũng vậy.

Người khách lạ-lùng kia cúi đầu xuống, không nói một lời.

Một lát thời xe lại dừng, thấy những viên-chức mặc quan-phục lên trên xe khám. Bá-tước phu-nhân trình giấy-má, rồi chỉ vào người ngồi trong góc toa nói :

— Đây là đầy-tớ tôi, tên *Ivan*, giấy thông-hành đây.

Xe lửa lại chạy.

Suốt đêm hôm ấy, hai người đối-diện nhau, không nói một lời.

Sáng đến, khi xe đương đỗ ở một nhà ga nước Đức, người kia xuống ; rồi đứng ở cửa nói :

— Tôi sai lời ước, xin bà thứ cho. Nhưng vì tôi mà bà mất tên đầy tớ chân tay, đáng tôi thay chân mới phải. Bà có phải cần gì không ?

Phu-nhân trả lời một cách lạnh-nhạt :

— Đi gọi tên thị-tì cho tôi.

Người ấy đi gọi. Rồi biến đâu mất.

II

Ông thầy thuốc thuật chuyện đến đấy, ngừng một giây đồng-hồ, rồi nói nốt :

— Một ngày kia, tôi đương tiếp khách trong phòng khám bệnh, thì thấy một người thiếu-niên cao lớn vào nói :

— Đốc-tờ, tôi đến hỏi thăm ngài bệnh-tình bà bá tước Marie Baranow. Bà không biết tôi, nhưng tôi là bạn với chồng bà.

Tôi trả lời :

— Bà ấy nguy mất. Không thể trở về nước Nga được đâu.

Nghe nói vậy, người ấy thốt-nhiên khóc dưng-dức, rồi đứng dậy đi choang-vạng như người say rượu.

Ngay chiều hôm ấy tôi bảo cho bá-tước phu nhân biết có người lạ mặt đến hỏi thăm như vậy. Bà xem ra cảm-động, rồi kể cho nghe câu chuyện tôi vừa thuật lại với các ông các bà đó. Bà lại nói thêm rằng :

— Cái người đó tôi không biết là ai, nay cứ theo tôi chầm-chập, như cái bóng theo sau vậy. Mỗi lần tôi bước chân ra là cũng gặp liền ; nhìn tôi một cách lạ-lùng, nhưng không hề nói bao giờ.

Bà ngẫm-nghĩ, rồi nói luôn :

— Này, tôi dám quyết bây giờ đương đứng ở dưới cửa sổ kia.

Bà bỏ cái ghế dài đứng dậy, ra vén màn lên, rồi chỉ cho tôi một người quả-nhiên là người đến hỏi thăm buổi sáng, dương ngồi ở cái ghế ngoài đường, mắt nhìn vào nơi bà nằm. Người ấy trông thấy chúng tôi, đứng dậy rồi lẳng đi, không quay đầu lại nữa.

Bấy giờ tôi thật đã mục-kích một cái cảnh-tượng lạ-lùng đau-đớn, là cái cảnh-tượng hai người không quen biết nhau mà có cái ái-tình thầm với nhau vậy.

Người kia yêu bà một cách trung-thành, như đối với người ân-nhân đã cứu cho khỏi nạn, mà đội ơn cho đến chết. Mỗi ngày đến hỏi thăm tôi : « Phu-nhân hôm nay thế nào? », biết rằng tôi đã hiểu ý. Mỗi lần trông thấy bà đi qua, ra dáng yếu-ớt xanh-xao hơn hôm trước, thì lại khóc rũ-rượi.

Bà thì bà nói với tôi rằng :

— Người lạ-lùng này, tôi mới nói với có một lần, mà hình như tôi đã biết hai-mươi năm nay rồi.

Rồi hễ hai người gặp nhau, người kia chào thì bà đáp lại bằng một cái cười nụ nghiêm-trang mà phong-thú. Tôi biết rằng trong bụng bà bấy giờ khoan-khoái, thấy mình cô-độc chẳng ai nhìn, lại biết bệnh nguy không thể cứu, mà có người thương yêu như vậy, thương-yêu một cách kính-cẩn kiên-nhẫn, có cái thi-vị thanh-cao như vậy, sẵn lòng hi-sinh hỉ-xả như vậy, thật lấy làm khoái-lạc. Vậy mà cứ khăng-khăng giữ lời phát nguyện, nhất-định không chịu tiếp người ấy, không chịu biết tên, không chịu nói chuyện. Bà nói : « Không, không, cái giao-tình nó lạ quá, không nên làm mất thú-vị đi. Người ấy với tôi, đối với nhau nên cứ làm một đôi khách lạ thì hơn. »

Còn như người kia, thời chắc cũng là một tay võ-sĩ trọng danh-dự như chàng *Don Quichotte* khi xưa, vì không hề tìm cách để được lại gần người yêu. Cứ muốn giữ cho đến cùng cái lời ước ngông đã nguyện ở trong toa xe lửa vậy.

Bà yếu quá, cả ngày nằm trên ghế dài, thường khi đứng dậy hé màn cửa, nhìn xem người kia có đứng dưới cửa sổ không. Hễ đã trông thấy ngồi yên ở dưới ghế nọ, thời lại đi nằm, nét mặt tươi cười.

Một buổi sáng bà mất vào khoảng mười giờ. Tôi ở trong nhà ra, người kia chạy lại tôi, mặt biến sắc, thì ra đã biết tin rồi. Nói rằng :

— Tôi muốn được thăm bà trước mặt ngài.

Tôi cầm lấy cánh tay người ấy, rồi đi vào trong nhà.

Khi đến trước giường phu-nhân đã chết, người ấy cầm lấy bàn tay phu-nhân, hôn một cái thật dài, rồi chạy như người điên.

Ông thầy thuốc nói đến đấy, lại ngừng, rồi nói nốt :

— Câu chuyện xe lửa đó, thật là một câu chuyện lạ-lùng nhất mà tôi được biết. Kể người ta cũng là một giống dở hơi thật.

Có người đàn bà ngồi đấy lầm-bầm nói :

—Hai người ấy không phải là người dở hơi đâu, ông ạ. Họ là . . . họ là . . .

Nhưng không nói được hết lời, khóc nức-nở lên. Rồi trong toa nói ra chuyện khác để cho yên-ủi, thành ra cũng không biết người đàn bà ấy định nói gì.

THƯỢNG-CHI *dịch*

QUÍ-PHI DIỄM-SỬ
貴妃艷史
Tiểu-thuyết

IV

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

Quí-phi đi chạy nạn

An Lộc-Sơn làm phản ở đất Hà-bắc, tự xưng là Đại-yên hoàng-đế, quân trong bộ-thuộc có 15 vạn, thẳng trỏ phương tây tiến-phát. An Lộc-Sơn khi mới làm phản, triều-đình nghe tin, ai nấy còn cho là cái bệnh chốc-ghẻ ở ngoài da, chẳng để ý gì cho lắm. Nhất là Dương Quốc-Trung lại càng dương-dương đắc-ý nói rằng: « Trước kia ta vẫn nói Lộc-Sơn tất làm phản, ngày nay thử xem lời ta có quả-nghiệm không? Đứa Hồ-nhi kia lại ghê-gớm thế ư? Người nhà cứ thổi cơm, sớm nay ta hãng đi dánh tan giặc ấy, rồi sẽ về ăn vậy. » Chỉ một mình vua Minh-hoàng trong tâm biết rằng Lộc-Sơn chẳng làm phản thì thôi, nếu làm phản, thì tất là cái vạ lớn, vì sự vũ-bị chốn trung-quốc trễ-nải đã lâu, mà bộ-thuộc Lộc-Sơn đều là hùng-binh mãnh-tướng, cả trong nước không quân nào địch nổi.

Vua Minh-hoàng vì thế ngày đêm bàng-hoàng, nằm chẳng yên gối, đã toan khiến Thái-tử ở nhà giám-quốc, tự mình đốc-suất đại-binh đi thân-chinh Lộc-Sơn, đợi sau khi sự đã yên-định, tức-khắc truyền ngôi cho Thái-tử.

Dương Quốc-Trung nghe Minh-hoàng có ý ấy, cả lấy làm sợ, vì Thái-tử với họ Dương vốn có hiềm-oán, nhất-đán Thái-tử quyền lớn ở tay, tất-nhiên báo lại thù cũ, thì họ Dương chắc không còn nòi giống sót nữa. Quốc-Trung mới miệng thì ngậm hòn hoàng-thổ, đầu thì dề sõa tóc, vào cung thỉnh-mệnh với vua Minh-hoàng, can vua Minh hoàng không nên đi thân-chinh Lộc-Sơn và truyền ngôi cho Thái-tử. Rồi sự ấy mới nguội lạnh đi chẳng thi-hành nữa.

Khi ấy uy-thế Lộc-Sơn càng thấy thịnh lớn, hiện đã kéo quân vào Lạc-dương phá vỡ đông-đô. Quí-phi làm bức thư riêng đưa cho Lộc-Sơn trách Lộc-Sơn cớ gì cất quân làm phản, phụ-bạc cái ân của ta xử-đãi ngày trước. Nếu ngày nay có thể cởi áo giáp lại về triều, ta sẽ vì nhà ngươi hết sức bảo-hộ, muốn phong ấp gì hay là tước gì, thì tùy nhà ngươi sở dục.

Lộc-Sơn cũng phúc thư trả lời rằng: « Ta làm phản, là bởi Dương Quốc-Trung kích-thích mà thành. Nhưng ngày nay đã thành ra cái thế cưỡi trên lưng hổ, muốn thôi cũng chẳng được. Đợi ngày ta phá vỡ được Tây-kinh, sẽ giết Quốc-Trung để hả giận. Còn như cái ân-ái của Quí-phi, thì ta cũng chẳng dám quên, sau này cái ngôi hoàng-hậu trong cung ta, xin dành lại để đãi Quí-phi. Đến như ta đối với chúa-thượng, cũng xin như cái lệ vua Vũ-đế nhà Tấn đối với ngươi Lưu Thiện nước Thục, mà phong cho chức An-lạc-công vậy. »

Quí-phi được thư của Lộc-Sơn, khôn xiết hãi-hùng, phải giấu đi mà chẳng dám phát-lộ.

Năm Thiên-bảo thứ 15, mùa hạ tháng sáu, viên phó-nguyên-súy là Kha Thư-Hàn đốc-quân chống giữ Lộc-

Sơn, đánh nhau ở đất Linh-bảo, quan-quân đại bại, Kha Thư-Hàn đầu hàng với Lộc-Sơn. Lộc-Sơn liền tiến quân vào Đồng quan, thừa thắng thẳng nẻo xâm-phạm kinh-thành Tràng-an.

Vua Minh-hoàng tụ-họp tể-tướng và các quan mưu-nghị. Dương Quốc-Trung xướng lên cái kế chạy vào Ba-thục. Vua Minh-hoàng rất lấy làm phải, liền sai viên Long-vũ đại-tướng-quân là Trần Huyền-Lễ tập-hợp sáu quân để phù-hộ thánh-giá. Tang-tảng sáng đi ra, vua Minh-hoàng cùng với chị em Quí-phi và hoàng tử hoàng tôn chư vương công chúa lẫn các quan nữa, do nẻo Diên thu môn chạy ra ngoài thành. Bọn phi tần hoàng tộc và bách quan, người nào không kịp đi theo thánh-giá thì đều hãm cả ở trong thành. Những tiếng đau đớn kêu khóc vang cả trong ngoài.

Quí-phi lúc ấy hàng châu lã chã, thê thảm vạn trạng. Than ôi ! cái phú-quí lại có thể thường giữ được sao ?

Chương thứ mười-chín

Sự kết-quả của Quí-phi

Trời đất gió bụi, xa giá gập-ghềnh, đi một hồi lâu, cách Tây-kinh đã được khá xa-xa, đến huyện Kim-thành, ven đường chỗ nào chỗ ấy giặc cướp dấy lên như ong. Những phẩm-vật quí-trọng của Quí-phi và lũ các quan mang đi, bị loạn-dân cướp bóc hết sạch sành-sanh. Vua Minh-hoàng cùng Quí-phi trong hai ngày chỉ được ăn có hai bữa cơm gạo chiêm, vì bên đường có người dân đem giả cơm chiêm lên hiến. Tuy rằng thô-giáp chẳng thể nuốt được, nhưng trong bụng đói mệt đã quá, vua với Quí-phi phải miễn-cưỡng ăn vài miếng mà thôi, rồi trông nhau mà khóc, vô-hạn bi thương.

Ngày hôm ấy tạm nghỉ ở trạm Mã-ngôi, tướng-sĩ đói mệt đã quá, chẳng ai là chẳng trỏ tội họ Dương mà tỏ ý oán giận. Trần Huyền-Lễ cho rằng cái vạ này là do Dương Quốc-Trung trong ý-thế Quí-phi, ngoài khích-biến Lộc-Sơn mà gây nên, muốn giết Quốc-Trung để tạ lòng tướng-sĩ. Huyền-Lễ nhân nhờ Lý Phụ-Quốc để bảo với Thái-tử, Thái-tử còn do-dự chưa quyết. Gặp có hơn hai mươi kẻ sứ-giả của rợ Thổ phồn, ngăn đón ngựa Quốc-Trung để cầu lương ăn, ngựa Quốc-Trung không tiến đi được. Quân-sĩ chẳng đợi mệnh lệnh, cả reo lên rằng Dương Quốc-Trung mưu làm phản, tức-khắc cùng nhau đánh giết Quốc-Trung, lấy ngọn giáo bêu đầu Quốc-Trung ở ngoài cửa dịch-môn, và giết cả Hàn-quốc và Tần quốc, hai vị phu-nhân họ Dương nữa. Vợ con Quốc-Trung với Quắc-quốc phu-nhân tránh nạn chạy ra đất Trần-thương. Viên huyện-lệnh đất ấy là Tiết Cảnh-Tiên ra cứu, hỏi ra thì là vợ con Quốc-Trung với em gái Quí-phi. Cảnh-Tiên rằng : « Họ Dương lấy nhan sắc làm vạ thiên-hạ, nay chết cũng có thừa tội, nhân giết cả đi, thế là một của họ Dương chu-di hồ hết.

Vua Minh-hoàng nghe tiếng kẻ binh-sĩ ồn-ào mới đi ra ngoài cửa trạm yên-ủi, khiến thu-xếp đội-ngũ để khởi hành. Bọn binh-sĩ chẳng chịu vâng theo thánh-chỉ. Vua Minh-hoàng sai Cao Lực-Sĩ ra hỏi binh-sĩ ý muốn điều gì. Binh-sĩ đồng-thanh cả hô lên rằng : « Chẳng giết ả Quí-phi đi, thì chết cũng chẳng bảo-hộ thánh-giá.» Tướng-quân là Trần Huyền-Lễ vào tâu rằng : « Quốc-Trung mưu phản hiện đã chu-di, Quí-phi là thân-thích với Quốc-Trung không nên hầu-hạ thánh-giá, xin bệ-hạ cắt đường ân ái, chính đường hình-pháp. »

Vua Minh-hoàng nghe lời nói ấy như tiếng sét ngang đầu, cả lấy làm kinh-ngạc, vừa khóc vừa nói rằng : « Để trẫm tự-khắc có đường phân-xử. » Vua Minh-hoàng đi vào trong cửa, chống cái gậy cúi đầu xuống mà đứng một

hồi lâu, mà ở ngoài cửa thì tiếng reo-hò của binh-sĩ vang-động trời đất. Viên ngự-sử là Vi-Ngạc tiến nói rằng : « Nay cái phẫn-nộ của kẻ chúng khó sức-phạm được, yên hay là nguy liền ở trong khoảnh-khắc này, xin bệ-hạ mau chóng quyết định. » Vi Ngạc nhân rập đầu chảy máu để cố xin. Vua Minh-hoàng nói rằng : « Quí-phi ở bên tả-hữu trẫm, vốn chẳng dự nghe việc ngoài, sự Quốc-Trung mưu-phản, cùng với Quí-phi có can-thiệp gì » Cao Lực-Sĩ nói rằng: « Quí-phi thực là vô-tội, song-le tướng-sĩ đã giết Quốc-Trung, mà Quí-phi hãy còn, họ hả chịu yên-tâm, xin bệ-hạ nghĩ kĩ, hễ tướng-sĩ yên-tâm thì bễ-hạ yên vậy. » Vua Minh-hoàng vẫn không tỏ ý ra bề nào.

Lúc ấy Quí-phi đứng ở đàng sau vua Minh-hoàng, thấy tình-hình kẻ chúng như vậy, tự biết mình rằng trong muôn lẽ không một lẽ nào còn sống được nữa, mới lại trước mặt vua khấu đầu thỉnh rằng : « Xin bệ-hạ cắt đường ân-ái, mau chóng cho thiếp chết, khiến cho thánh-giá được an toàn đến đất Thục, thiếp tôi dẫu chết ở dưới chín suối, cũng xin nhắm mắt. Nếu lại trì-hoãn phút nào nữa, thì ngọc với đá đều cháy ra gio, càng thêm tội lỗi cho thiếp. » Cao Lực-Sĩ nhân nói rằng : « Lời nói Quí-phi thâm-minh đại-nghĩa, xin thánh-thượng nghe theo lời Quí-phi là phải. » Vua Minh-hoàng lúc ấy trong tâm rối-loạn như mờ bông-bong, muốn khóc không có nước mắt mà khóc, mà cái tiếng binh-sĩ ồn-ào ở ngoài cửa trạm, một khắc lại khẩn-bức một khắc. Vua Minh-hoàng mới sai Cao Lực-Sĩ giúp việc cho Quí-phi tự-tận, tự mình thì ngậm nước mắt đứng dậy, lấy ống tay áo ngự-bào che mặt lại mà ngảnh đi, không nỡ trông ngay. Rồi Quí-phi tức-khắc tự mình thắt cổ ở dưới gốc cây lê, trước chỗ phật-đường.

Than ôi ! Tuyệt thế mĩ-nhân chung-qui hoàng-thổ là thế. Song-le Quí-phi vì cớ kiêu-xa phóng-túng mà chết một cách thảm-đạm thê-lương, chỉ khiến cho người đời sau viếng thăm khôn xiết, cảm-thân khôn cùng, thực là khá thương mà chẳng đủ tiếc vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI-MƯƠI

Minh-hoàng trao ngôi cho Thái-tử.

Quí-phi là một người đàn-bà khuynh thành khuynh-quốc, Quí-phi dẫu chết, nhưng cái làn sóng của Quí-phi gây nên đó đã dẹp đâu. Vì cái người quan-hệ với lịch-sử Quí-phi có ba người là vua Minh-hoàng và An Lộc-Sơn với Lý Lâm-Phủ, phải xem ba người ấy bị cái làn sóng ấy cuốn đi mà kết-quả ra sao, thì lịch-sử Quí-phi mới có thể kết liễu mà xét định được.

Quí-phi đã chết, vua Minh-hoàng chạy vào Ba-thục. Thương ôi ! Đường Thục thì hiểm-trở, nước Thục thì biếc, non Thục thì xanh, đấng thánh-chúa sớm sớm chiều chiều, biết bao nhiêu tình vậy.

Khi vua Minh-hoàng bắt đầu đi ra chạy nạn, đến đất Hàm-dương, chốn dân-gian có một kẻ phụ-lão đón xe vua tiến nói rằng Quí-phi là con rồng con rắn ở chốn núi sâu chầm lớn, không phải là cái vật thường. Mà Lộc-Sơn nó bao-tàng cái dã-tâm cũng không phải một ngày. Khi ấy cũng có kẻ đến tận cửa bảo với vua, thì nhà vua thường thường giết đi mà chẳng nghe, khiến cho trong thì kẻ khuynh-quốc, ngoài thì đứa Hồ-nhi được cùng nhau rắp cái mưu gian, để đến nỗi nhà vua phải xông-pha cơn gió bụi. Cho nên đấng tiên-vương ngày xưa cốt đón hỏi kẻ trung-trực, để rộng đường thông-minh, là vì thế vậy. Tôi còn nhớ khi người Tống Cảnh làm tể-tướng, thường tiến lời thẳng, nhà vua không bị thanh-sắc mê-hoặc gì, thiên-hạ nhờ được thái-

bình. Khoảng ngoại mười năm đến giờ, trong thì thanh-sắc làm mê-hoặc, ngoài thì kẻ quần-thần dua-nịnh, lấy nói thẳng làm kiêng, cho nên tự cửa khuyết trở ra ngoài, nhà vua đều chẳng được biết gì cả. Kẻ bề-tôi ở chốn thảo dã này, biết rằng có cái vạ ngày nay đã lâu, chỉ vì chốn cửu-trùng nghiêm-thẳm, cái lòng nhỏ mọn này không đường nào đạt lên được.» Vua Minh-hoàng sa nước mắt nói rằng: « Sự này thực là cái tội trẫm bất minh, hối lại không kịp nữa. »

Vua Minh-hoàng sai Thái-tử (tức sau này là vua Túc-tôn) đi ra yên-ủi phụ-lão. Phút chốc bọn phụ-lão tụ-họp đến vài nghìn người, cố khuyên Thái-tử ở lại, đừng bỏ dân mà chạy vào Thục. Thái-tử chẳng nghe nói rằng: « Đấng chí-tôn xa-xôi vào chốn hiểm-trở, ta há nỡ sớm chiều lìa cách bên tả bên hữu. » Thái-tử ruổi ngựa muốn sang phía tây. Tước Kiến-ninh-vương và tước Quảng bình-vương là hai con của Thái-tử cầm lấy cương ngựa của Thái-tử mà can rằng: « Quân nghịch Hồ phạm của khuyết, bốn bề lở tan; chẳng thuận nhân-tình, sao hưng-phục được. Nay điện-hạ thu-nhặt những quân thủ-biên ở phía tây-bắc, và triệu Quách Tử-Nghi với Lý Quang-Bật ở Sóc-phương Hà-bắc về, cùng nhau gồm sức, chuyển sang phía đông đánh giặc, khôi-phục hai kinh, dẹp yên bốn bể, để đón đấng chí-tôn về, há chẳng phải là điều hiếu lớn, hà-tất đau-đau những sự ngọt bùi ấm lạnh nhỏ-mọn, làm cái thói kẻ đàn bà trẻ con thế ư? » Khi ấy kẻ phụ-lão cùng nhau ôm lấy ngựa Thái-tử, ngựa Thái-tử chẳng đi lên được.

Vua Minh-hoàng mới chia quân hậu-quân hai nghìn người ở lại theo Thái-tử, lại tuyên chỉ-dụ muốn truyền ngôi cho Thái-tử, Thái-tử từ chối chẳng nhận. Thái-tử khi ấy làm chức thiên-hạ binh-mã đại-nguyên-súy. Quách Tử-Nghi làm chức phó-nguyên-súy, luyện quân ở đất Linh-vũ (nay tỉnh Cam-túc) chuyển đánh sang phía đông.

Thái-tử đi đến Linh-vũ, chư-tướng năm lần dâng lời lên Thái-tử, xin theo cái mệnh ở trạm Mã-ngôi lên ngôi hoàng-đế. Thái-tử vẫn chẳng nghe, chức Lưu-hậu đại-sứ ở Sóc-phương là Đỗ Hồng-Tiệm và Bùi Miện nói rằng; « Tướng-sĩ đều là người đất Quan-trung, ngày đêm mong về, sở-dĩ kỳ-khu theo điện-hạ ra chốn xa-mạc đó, là mong có chút công đấy thôi, nếu nhất-đán lìa tan, không thể tập-hợp được nữa. Xin điện-hạ gắng theo nhân tâm, làm kế lớn cho xã-tắc. » Thái-tử mới nghe, lên ngôi hoàng-đế ở đất Linh-vũ, tôn vua Minh-hoàng là Thái-thượng-hoàng, cho tước Quảng Bình-vương (tức sau này là vua Đại-tôn) và Quách Tử-Nghi cùng làm đại-nguyên-súy, Lý Quang-Bật làm phó-nguyên-súy. Quách Tử-Nghi đem binh năm vạn đến Linh-vũ, quân-uy ở Linh-vũ mới thịnh, người ta mới có cái hi-vọng hưng-phục

Trước kia vua Minh-hoàng đương lúc sủng-ái Qui-phi, mỗi khi yến tiệc, bắt đầu trước khiến bọn lê-viên tử-đệ tấu nhạc, rồi bày những khúc hồ-nhạc ở giáo phường, những trò tạp-hí ở châu-huyện, lại dùng xe núi thuyền cạn vận trở nhạc-khí đi lại, lại đem cung-nữ ra múa khúc *Nghê-thường vũ-y*, lại dạy ngựa biết múa hơn 100 con, miệng ngựa ngậm chén rượu chúc thọ; lại dẫn loài tê loài tượng vào trường múa, loài tê-tượng hoặc múa hoặc bái, vua với Qui-phi cùng lấy làm vui. Lộc-Sơn từng được trông thấy mà lấy làm hâm-hở vui thích, khi đã phá được Trường-an, liền sai đi tìm bắt những kẻ nhạc-công, vận-trở những đồ vũ-y nhạc-khí, rong-ruổi những loài tê loài tượng, loài múa đến đất Lạc-dương là nơi sào-huyệt. Lộc-Sơn thiết yến kẻ quần-thần ở ao Ngưng-bích, khắp

tâu mọi nhạc, tự lấy làm chẳng kém gì vua Minh-hoàng, duy thiếu một người tình cũ là Quí-phi mà thôi.

Khi ấy có một con tượng của vua Minh-hoàng bị Lộc-sơn nuôi ra sân múa bắt quí-bái, con tượng ấy không chịu bái, tỏ ra ý thương mến vua cũ. Than ôi! Một người mà chứa hai tình như Quí-phi, e sao bằng con tượng kia một vật mà mến một chủ vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI-MƯƠI-MỐT

Nhà Đường khôi-phục lưỡng-kinh.

Năm Chí-đức thứ hai, người con Lộc-Sơn là An-Khánh tự giết bố đi mà tranh ngôi Đại-yên hoàng đế. Lộc-Sơn là một đứa Hồ-nhi, chịu ơn nặng của vua Minh-hoàng, lại là một đứa lấy trộm hương hải đường ở trong cung, đối với vua Minh-hoàng là kẻ vong-ân bội-nghĩa, mà đối với Quí-phi không khỏi kẻ bạc tình. Lộc-Sơn không đợi bị người khác giết chết, mà bị ngay con giết chết, ôi đạo trời cũng gần thay!

Khi ấy nhà Đường lạo-thảo lập triều-đình ở Linh-vũ, nghe tin Lộc-Sơn mới chết, ai nấy đều cả mừng, quyết nghị tiến-quân. Kẻ Bạch-y sơn-nhân là Lý Bật hiến kế rằng: « Đất Ngư-dương là căn-bản của giặc, nay tinh-binh của giặc đều ở chốn lưỡng-kinh, đất Ngư-dương không-hư, xin tiến quân đi lấy Ngư-dương trước, thì giặc ấy chóng tan.» Vua Túc-tôn không nghe nói rằng: « Ta vì đấng thượng-hoàng xa-xôi ở nơi hiểm-trở, thiết về sự quyến-luyến buổi thần-hôn lắm, mong sớm sửa khắc phục lưỡng-kinh, để đón thượng hoàng về, không thể chờ đợi đi lấy Ngư-dương trước được.» Mới sai Quách Tử-Nghi và Quảng Lĩnh-vương thống-lĩnh đại-quân và mượn thêm quân Tây-vực nữa, tiến đánh tây-kinh. Quân giặc thua vỡ, lại chạy về đông-kinh. Quách Tử-Nghi thừa-thắng chia ba đạo tiến đánh Lạc-dương, liền khắc phục được đông-kinh. An Khánh-Tự chạy về đất Hà-bắc, lấy đất Ngư-dương làm sào-huyệt, chẳng bao lâu An Khánh-Tự lại bị kẻ bộ tướng là Sử Tư-Minh giết chết. Tư-Minh lại là thằng giặc tối-kiệt-hiệt, từ đấy phía bắc sông Hoàng-hà đều thuộc về đất giặc, rồi giặc ấy dai-dẳng mãi khó dẹp yên, quả như lời Lý Bật nói.

Vua Túc-tôn đã khôi-phục được lưỡng-kinh, lấy lời yên-ủi Quách Tử-Nghi rằng: « Quốc-gia nhà ta, là bởi công nhà ngươi tái-tạo.» Khi ấy Triều-đình có nhiều kẻ nói rằng: « Cái công tái-tạo của nhà Đường của Quách Tử-Nghi đã đành, còn cái tội phá-hoại nhà Đường là ai? Là Lý Lâm-Phủ vậy. Lâm-Phủ làm tể-tướng mười chín năm, bề trong tiến-dẫn Dương Quí-phi, để che tai mắt đấng thượng-hoàng, bề ngoài lợi-dụng An Lộc-Sơn, để vững bền cái quyền-lợi của mình. Cái vạ lớn ngày nay, toàn là do Lâm-Phủ gây nên cả. Đấng thượng-hoàng là một bậc đế-vương thông-minh, nếu không Lâm-Phủ, thì Quí-phi chung-quí là một gái Thục-kỹ đi ôm đàn, Lộc-Sơn chung-qui là một đứa Hồ-nhi đi chăn ngựa, ai che tai che mắt mà gây nên cái vạ kinh-thiên động-địa ấy. Cái ác của Lâm-Phủ, trời cũng chẳng thứ, người cũng chẳng dung, ngày nay nên chính tội Lâm-Phủ.»

Khi đó Lý Lâm-Phủ đã chết, nhưng người người ai nấy đều cắn răng oán giận Lý Lâm Phủ. Triều-đình mới sai đào mả lên, bổ săng ra lấy roi đánh vào xác, để chính tội Lâm-Phủ.

Than ôi! Người chết thì hết chuyện, như Lý Lâm-Phủ, người đã chết, mà chuyện đã hết đâu. Kẻ tham cái phú-qui của mình mà phá-loạn thiên-hạ, cũng biết răn thay!

CHƯƠNG THỨ HAI-MƯƠI-HAI

Sứ-giả nhà Đường tiếp mặt Quí-phi

Vua Túc-tôn đã khắc-phục được lưỡng-kinh, sai bách-quan đi vào Ba-thục đón thượng-hoàng về. Đường về lại đi qua trạm Mã-ngôi, xe thượng-hoàng đi đến đấy, chú-trừ chẳng thể đi lên được, trông ra vùng đất bùn ở dưới chỗ sơn-pha, thì chẳng thấy mặt ngọc kẻ giai-nhân mà chỉ thấy chỗ kẻ giai-nhân chết; vua với tôi trông nhau, hết thảy đều nước mắt thấm áo, rồi trở sang phía đông chỗ đô-môn mà ruổi ngựa về.

Khi thượng-hoàng về đến tây-kinh, ở cung Cam-lộ, tức là chỗ Nam-nội, trông ra cảnh vườn cảnh ao đều như cũ cả, nào là cây phù dung ở ao Thái-dịch, nào là cây liễu ở cung V.-ương, hoa phù-dung chẳng khác gì nét mặt kẻ giai-nhân ngày nọ, lá liễu chẳng khác gì lông mày kẻ giai-nhân năm xưa, thượng-hoàng đối cảnh ấy, thường-thường khôn cầm được nước mắt. Gia-dĩ những cảnh hoa đào lý nở về đêm gió xuân, lá ngô đồng rụng về lúc mùa thu, vườn Nam-uyển ở Tây-cung lại nhiều cỏ rậm, lá cỏ rơi đỏ ối đầy thềm, bấy lâu không có người quét. Hỏi đến bọn tử-đệ chốn lê-viên, thì tóc trắng đã quá nửa vời, hỏi đến cung nữ ở nơi tiêu-phòng, thì mày xanh đã toan cảnh lão. Cứ đến chiều tối ở trong điện trông ra, thấy những đom-đóm bay lập-loè, tình-tứ lại càng buồn-bã. Thượng-hoàng ngồi một mình với một ngọn đèn, khêu đã hết dầu mà chửa đi ngủ. Cũng có khi ngồi mãi đến tang-tảng sáng, trông lên trên trời, về sông Ngân đã nhàn nhạt, lớp ngói uyên-ương, giọt sương gieo nặng, bức chăn phi-thúy, bên gối lạnh-lùng. Tưởng đến Quí-phi thì tử-sinh đôi ngả, dằng-dặc cách-biệt đã trải hàng năm, mà hồn-phách chẳng từng có khi nào chiêm-bao thấy. Có một người đạo-sĩ ở đất Lâm-cùng, vốn là người khách hồng-đồ, có thể dùng tinh-thần đem cái hồn-phách đến được. Thấy thượng-hoàng tơ-tưởng Quí-phi quá lắm cũng đem lòng cảm-động, mới vào yết-kiến thượng-hoàng, xin sai kẻ phương-sĩ đi tìm hỏi Quí-phi nay ở nơi nào. Kẻ đạo-sĩ dùng hết phương-pháp, sai người làm kẻ sứ-giả nhà Đường đi tìm Quí-phi, trên thì cùng nơi trời biếc, dưới thì cực chốn suối vàng, hai chốn mơ-màng đều chẳng tìm thấy.

Chợt nghe trên bể Bồng-hải có bầu núi tiên, núi ở về khoảng hư-vô phiếu-diểu, lầu gác linh-lung, năm sắc mây rực-rỡ, trong chốn đó thấp-thoáng có nhiều tiên-tử. Trong bọn tiên-tử có một người tên chữ là Ngọc-chân, nhớ ra thì chính là tiểu-tự Quí-phi, mà mặt hoa da tuyết, trông ra cũng phảng-phất bóng dáng Quí-phi thuở nọ. Kẻ phương-sĩ mới đánh bạo đến cửa kim-khuyết chỗ Tây-sương, lấy tay gõ then cửa ngọc, liền thấy một vị nữ-tiên là Tiểu-ngọc ra chào đón. Tiểu-ngọc mới vào báo tin cho một vị nữ-tiên khác là Song-Thành, Song-Thành mới vào báo tin cho Quí-phi hay.

Lúc ấy là lúc cảnh trời mới sáng, Quí-phi, chợt nghe có sứ-giả của nhà Đường đến, đương ở trong trướng cửu-hoa mơ-màng sực tỉnh dậy, phần thì sốc áo, phần thì đẩy gối, ngồi dậy tỏ ý bồi-hồi, rồi thì rèm châu bình bạc thứ-đệ cuốn mở ra. Vì mới ngủ dậy, tóc mây chửa kịp vén, mũ hoa chưa kịp đội, tự trên nhà bước xuống thềm ngay. Lúc ấy ống tay áo tiên, bị gió thổi lay động, còn tựa như là thuở bình-sinh múa nhạc *Nghê-thường vũ-y* vậy.

Quí-phi khi xuống tiếp sứ-giả, thì nét ngọc lặng-lẽ, hàng lệ chứa-chan, chẳng khác gì cành hoa lê đầm-đìa hạt mưa xuân. Rồi Quí-phi ngậm tình ngừng mắt, ngỏ lời với sứ-giả giã-tạ

đấng quân vương, nói rằng: «Thiếp với quân-vương tự phen nhất-biệt đến giờ, từ dung-mạo cho đến thanh-âm, đôi bên cùng mù-mịt cả. Song-le thiếp tôi đối với đường ân-ái ở trong điện Chiêu-dương kia đã đoạn-tuyệt rồi, đối với cảnh nhật-nguyệt ở trong cung Bồng-lai này còn lâu-dài mãi. Thiếp tôi nay ngảnh đầu trông xuống cõi nhân-gian, chẳng thấy đất Tràng-an đâu, chỉ thấy những sương mù với gió bụi. Thôi thì xin đem cái vật cũ để biểu chút tình sâu, này hộp ngọc với thoa vàng đây, gửi sứ-giả mang xuống, thoa thì lưu lại nửa chiếc, hộp thì lưu lại một mảnh, chỉ khiến cái tâm đấng quân-vương cũng bền như chiếc thoa vàng mảnh hộp ngọc này, thì thiên-thượng với nhân-gian dù cách-biệt thế nào mặc dầu, sẽ có ngày lại gặp thấy nhau.»

Khi sứ-giả từ-biệt ra về, Qui-phi lại ân-cần trịnh-trọng gửi lời rằng: «Thiếp tôi với quân-vương cùng nhau có lời thề-nguyện ở trước điện Tràng-sinh, dưới sao Ngưu sao Nữ về tối mồng bảy tháng bảy, đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng. Lời thề-nguyện ấy nửa đêm cùng nhau nói riêng, chỉ thiếp tôi với quân-vương tâm-tri mà thôi, xin nhờ sứ-giả về nhắc lại đấng quân-vương, có còn nhớ hay không? Nếu còn nhớ được, thì dù ở trên trời, cũng nguyện làm con chim bay đôi, dù ở dưới đất, cũng nguyện làm cành cây liền thớ, Trời đất còn có lúc hết, chứ tấm tình chưa biết bao cùng.» Rồi sứ-giả trở ra về.

Khi kẻ phương-sĩ trở về tâu với thượng-hoàng, thượng-hoàng bắt đầu còn nửa tin nửa ngờ. Kịp nghe thuật đến lời ước-nguyện tối mồng 7 tháng 7, thượng-hoàng mới cả lấy làm tin. Vì lời ước-nguyện ấy chỉ thượng hoàng với Qui-phi biết với nhau mà thôi, thượng-hoàng bình-nhật chưa từng nói ra với ai. Thế thì cái lời kẻ phương-sĩ về tâu đó, há dám cho là một sự huyền-ảo thay!

(Hết)

TÙNG-VÂN *dịch*.

... *Literary Politician*... C'est un homme qui a le génie des affaires et qui a eu l'intelligence de ne pas s'en mêler; un homme qui, en raison de certaines qualités d'esprit, d'intuition et d'imagination, lit dans la politique comme dans un livre ouvert, mais qui a eu la sagesse de lire les pages aux autres plutôt que d'y glisser son propre caractère.

En un mot, c'est un homme qui connaît la politique et ne la pratique pas.

Le Président WILSON

Nhà văn-học chính-trị, là người có cái tài am-hiểu việc nước, mà có trí khôn-ngoan không muốn can-thiệp vào; là người có tư-cách thông hiểu biến-bảo, tỏ-tường việc chính-trị như đọc quyển sách bày trước mắt, nhưng biết thận-trọng chỉ đọc cho người nghe chứ không muốn tự mình điểm-suyết vào.

Nói tóm lại là người biết chính-trị mà không làm chính-trị vậy.

Lời quan cố Giám-quốc

WILSON *nước Mĩ*

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(từ mồng 1 đến 30 tháng 12 năm 1930)

Ngày mồng một tháng 12. — *Hội đồng thành phố* Paris *quyết-định dựng một cái tượng kỷ-niệm quan cố thủ-tướng* CLEMENCEAU *ở đường* Champs-Élysées.

— *Ở* Washington *nước Mĩ, Thượng Hạ Nghị-viện khai-nghị*

Ngày mồng 2 — *Ở Pháp, ban điều-tra của Nghị-viện vẫn xét về việc nhà băng* Oustric.

— *Ở Anh Nội-các* MAC-DONALD *bị Quốc-tộc-viện quyết-nghị khiển-trách về hội-nghị các thuộc địa tự-trị*

— *Ở Hội Vạn-quốc, ban ủy-viên xét về việc tài-giảm quân-bị không ưng lời bàn của đại-biểu nước Đức định vào ngày 5 tháng 11 năm 1931 họp tổng hội nghị tài-binh. Ủy-ban định yêu-cầu với hội-nghị Hội Vạn quốc kỳ hội-đồng sau này sẽ định rõ ngày họp ấy*

Ngày mồng 3. — *Ở* Paris *họp Thượng hội-nghị thuộc-địa, do quan Thuộc-địa tổng-trưởng* PIÉTRI *chủ-tịch*

— *Ở Áo, lập Nội-các mới, ông* ENDER *làm tổng-lý.*

— *Ở Ba-lan lập Nội-các mới, ông* SLAWEK *làm tổng-lý.*

— *Ở Anh, quan ngoại-vụ* HENDERSON *trình cho chúng-nghị-viện biết rằng đã truyền cho đại-sứ Anh ở Nga phải kháng-nghị với chính phủ Sô-viết về việc người Nga truyền hịch cách-mệnh bằng vô-tuyến-điện-thoại cho các thợ nước Anh.*

Ngày mồng 4 — *Ở Pháp, Nội-các* TARDIEU *đổ. Nguyên Thượng-nghị-viện thảo-luận về chính sách của Nội-các, thủ tướng diễn-thuyết biện-bạch lại, sau bỏ phiếu tín nhiệm thì Nội các được có 139 phiếu tán-thành đối với 147 phiếu phản-đối. Nội-các liền từ-chức.*

— *Nội-các nước Áo đã nhận chức. Ông* ELDERSOH *thuộc đảng xã-hội dân-chủ, được bầu làm nghị-trưởng quốc-hội Áo.*

— *Trong Nội-các mới nước Ba-lan, ông* ZALESKI *vẫn giữ chức ngoại-vụ tổng trưởng.*

— *Ở Anh, bọn thợ mỏ có một phần muốn quyết-định tổng-bãi-công, nhưng đại-đa-số không bằng lòng.*

Ngày mồng 5. — *Nhân Nội-các từ-chức, quan Giám-quốc Pháp thương-thuyết với Nghị-trưởng hai viện cùng các yếu nhân chính trị để lập Nội-các mới.*

— *Bọn thợ mỏ nước Anh định hoãn lệnh bãi-công 3 tháng vậy nay đi làm việc*

Ngày mồng 6. — *Quan Giám quốc Pháp có vời ông* POINCARÉ *để lập Nội-các mới, nhưng ông cáo bệnh không nhận; lại vời ông* BARTHOU *thì ông xin nhận, nhưng còn để thương-thuyết với các chính-hữu*

— *Ở Nghị-viện Đức, đảng quốc-gia tỏ ý không tín-nhiệm Nội-các* BRÜNING, *nhưng khi đầu-phiếu thì Nội-các được 291 phiếu tán-thành đối với 256 phiếu phản-đối.*

Ngày mồng 7. — *Ở Pháp, ông* BARTHOU *nhận lập Nội các, nhưng thương-thuyết*

với đảng cấp-tiến xã-hội không xong, đảng này nhất-định không ưng cho người của đảng LOUIS MARIN *vào Nội-các, nên việc lập-các không xong.* — *Bọn thợ dệt ở miền bắc nước Pháp lại đục-dịch bãi-công.*

— *Ở Ai-cập, chính-phủ định lập một Lao-động-cục.*

— *Ở Nga, cái án « đảng công-nghệ » đã liễu-kết, năm người phải xử-tử, ba người phải 10 năm tù*

Ngày mồng 8.— *Ở Pháp quan Giám-quốc cử ông* PIERRE LAVAL *lập Nội-các mới. Nhưng đảng cấp-tiến xã-hội vẫn phản đối không cho người của đảng* LOUIS MARIN *vào Các, mà đảng này thì cũng nhất-định yêu-cầu có người trong Nội-các mới nghe, như vậy thì xem ra cũng khó lòng xong được.*

— *Ở Nga, ban trung-ương chính-phủ Sô-viết thẩm lại cái án « đảng công-nghệ » định gia-ơn đổi tội tử-hình của mấy người làm tội 10 năm tù.*

Ngày mồng 9.— *Ông* PIERRE LAVAL *vẫn thương-thuyết để lập Nội-các. Đảng cấp-tiến xã-hội vẫn nhất-định khăng-khăng không chịu cho người của « cộng-hòa dân-chủ liên đảng » (U. R. D.) vào Các, mà đến cả ông nguyên-thủ-tướng* TARDIEU *cũng không ưng cho vào Nội-các mới nữa.*— *Phần thưởng văn-học* Goncourt, *ban cho văn-sĩ* HENRI FAUCONNIER *để thưởng bộ sách của ông đề là « Đất Mã-lai »* (Malaisie)

— *Ở tiểu Vạn-quốc, ban dự-bị hội-nghị tài-binh đã họp kỳ hội-đồng cuối cùng.*

— *Ở Anh vẫn họp « hội-nghị bàn tròn »* conférence de la Table Ronde) *để xét về việc lập-hiến cho Ấn-độ. Hội-nghị xin với chính-phủ nên phân lìa đất Diến-điện với đất Ấn-độ.*

Ngày mồng 10.— *Vì đảng cấp-tiến xã-hội không chịu nhượng-bộ, nên ông* PIERRE LAVAL *không thể lập Nội-các mới được, phải chịu thôi.*

— *Ở Lỗ-mã-ni, tìm thấy một đảng bí-mật cộng-sản, khi-giới đạn-dược nhiều lắm.*

Ngày 11 — *Quan Giám-quốc với ông* STEEG *là thượng-nghị-viên về đảng cấp-tiến xã-hội, để lập Nội-các mới. Nội-các này nếu thành thì sẽ thiên hẳn về bên tả, không có một người nào thuộc liên-đảng cộng hòa dân-chủ và sẽ được đảng xã-hội ám trợ.*

Bộ tiểu-thuyết đề là « Ở mặt tây không có gì lạ » (A l'Ouest rien de nouveau), *của văn-sĩ Đức tên là* REMARQUE, *tả thực cái thảm-trạng chiến-tranh, được cả thế-giới hoan-nghênh, nay đặt thành phim chớp bóng, bị chính-phủ Đức có lệnh cấm.*

— *Ở Thụy-sĩ, ông* HAEBERLIN *được bầu làm Tổng-thống liên-bang.*

Ngày 12.— *Ở Pháp, Nội-các* STEEG *đã thành-lập.*

Ngày 13. — *Nội-các* STEEG *đã tổ chức xong hẳn, định ngày mai thì nhận chức. Trong Nội-các có hai chức thứ-trưởng, trước đã nhận, sau lại thôi, nay định không thay người mới nữa. Lời tuyên-bố chính-kiến của Nội-các sẽ đọc ở hai viện ngày thứ năm 18 này. Rồi liền mở cuộc thảo-luận về chính-trị chung. Các đảng ôn-hòa ở Nghị-viện đã bắt đầu tỏ ý bất-bình với Nội-các.*

— *Ở đảo Hải-nam nước Tàu, có loạn cộng-sản.*

— *Ở Mĩ Giám-quốc* HOOVER *trong lời thông cáo cho nghị-viện, có trách một phần Thượng-nghị-viện là muốn theo cái chính-sách mị-chúng, nên ở Thượng-nghị-viện có ý bất-bình lắm.*

Ngày 14. — *Ở Tây-ban nha có việc biến trong quân-đội. Quân đóng ở thành*

Yaca *nổi loạn. Hiện hai người tướng đã bị xử quyết và 4 người quân-quan phải tội chung-thân cấm-cố.*

— *Nước Ý-đại-lợi và nước* Yougoslavie (*nước Tấc*), *đã ký hiệp-ước định địa-giới.*

— *Chính-phủ Ai-cập định tăng thuế nhập-cảng các đường của ngoại-quốc và định từ nay chỉ nhà nước là được độc-quyền bán đường mà thôi.*

— *Chính-phủ* Brésil *cấm không cho người ngoại-quốc đến thực-dân trong hạn một năm.*

Ngày 15. — *Quan nguyên Thủ-tướng* Poincaré *đau nặng, bị bệnh bán-thân bất-toại* (hémiplégie).

—*Ở Tây-ban-nha, mấy nơi nổi loạn cách-mệnh, ở ngay kinh-đô cũng có.*

— *Ngoại-tướng Anh diễn-thuyết ở Hạ-nghị-viện tỏ ý bất-bình chính-phủ Sô-viết Nga về cái thái-độ bất-thân-thiện đối với nước Anh. Chính-phủ Anh định không cử quân-sự phái-viên sang Nga nữa.*

Ngày 16.— *Bệnh-tình quan nguyên Thủ-tướng* Poincaré *không đến nỗi nguy lắm.— Các đảng ở Nghị-viện đương thương-thuyết để định cái thái-độ đối với Nội-các* Steeg. *Xem ra nhiều đảng muốn phản-đối lắm.*

— *Việc chính-biến ở Tây-ban-nha xem chừng đã êm.*

— *Chung-nghị-viện Mĩ quyết-nghị cấm di-dân ngoại-quốc vào nước Mĩ trong hạn hai năm.*

Ngày 17.— *Bệnh-tình quan nguyên Thủ-tướng* Poincaré *đã bớt khá hơn trước.*

— *Ở* Guatemala (*Trung-Mĩ*) *có nổi cách-mệnh, Giám-quốc* Baudello-Palma *bị đổ. Tướng* Manuel Orellana *làm lâm-thời Giám-quốc.*

Ngày 18.— *Nội-các* Steeg *ra trình-diện với Thượng-Hạ-nghị-viện, đọc lời tuyên-bố chính-kiến cho Nghị-viện nghe. Trước khi ra nghị-viện, thì ba ông* Thoumyre, Coty *và* Cautru *là tổng-trưởng và thứ-trưởng xin từ chức. Hạ-nghị-viện liền thảo-luận luôn các đơn chất-vấn về chính-trị chung của Nội-các mới. Cuộc thảo-luận lâu, có những ông* Franklin-Bouillon, Herriot, Louis Marin *và* Vincent Auriol *diễn-thuyết, xong rồi thủ-tướng* Steeg *ra đối-đáp lại, đến khi đầu-phiếu thì Nội-các được 291 phiếu tán-thành đối với 274 phiếu phản-đối.*

—*Bệnh-tình quan nguyên Thủ-tướng* Poincaré *càng ngày càng khá, cả Thượng-hạ nghị-viện đều tỏ tình luyến-ái, chúc cho được chóng khỏi. Chính đức Giáo-hoàng phái chức Đại-tư giáo thành* Paris *đến hỏi thăm và an-ủi.*

Ngày 19 — *Chính-phủ Pháp tuyên sắc-lệnh bế-mạc kỳ hội-đồng thường-niên của Nghị-viện. Nhân đó ở Hạ-nghị-viện có biểu-tình ồn-ào. Sắc-lệnh định đến ngày 13 Janvier 1931 Nghị-viện lại khai mạc.*

— *Thủ-tướng Anh* Mac-Donald *đệ trình chung-nghị-viện một bản dự án cải-cách về luật bầu-cử.*

— *Ở Hi-lạp các quan Thượng-thư đều từ chức để cho thủ-tướng* Venizelos *tổ-chức lại Nội-các.*

Ngày 20 — *Đại-biểu các chính-phủ Đức, Tỉ, Anh, Pháp và Ba-lan họp nhau để trao đổi ý-kiến về vấn đề hạn giờ làm việc ở các mỏ.*

—*Tướng* Berenguer *là lâm-thời Thủ-tướng Tây-ban-nha, trả lời cho nhà thông-tin của báo lớn nước Mĩ* New York Herald *đến phỏng-vấn, có nói rằng trong hạn 3 tháng sẽ lại khôi-phục cái chế-độ đại-nghị ở Tây-ban-nha, và khi ấy thì tướng-quân sẽ từ chức.*

Ngày 21.— *Ở thành* Lyon (*Pháp*), *người Pháp và người Tỉ cùng làm lễ kỷ-niệm bách-chu-niên độc-lập nước Tỉ,*

lễ long-trọng lắm — Ở Nancy (*Pháp*) *làm lễ mừng ông nghị-viên* LOUIS MARIN *là một tay lĩnh-tụ có thế-lực ở Nghị-viện, đã tòng-sự về chính-trị vừa được 50 năm.*

— *Ở Đức, vì phái* HITLER *thuộc đảng quốc-gia hay biến-tình bạo động, nên chính-phủ hạ lệnh cấm người thường không được mặc quần áo có dấu hiệu, lại đặt các kế-hoạch cảnh-sát để phòng-bị.*

Ngày 22. — *Nguyên Thủ-tướng Pháp* HERRIOT *diễn-thuyết* TRÉVOUS, *kể rõ tình-đầu Nội-các* TARDIEU *bị đổ, và nói duyên-cớ làm sao đảng ông là đảng cấp-tiến xã-hội lại phải công-nhiên phản-đối Nội-các ấy.*

— *Ở Ý-đại-lợi lập tòa án đặc-biệt để xử những người phản-đối đảng Phasi, kết án hai người 15 năm khổ-sai và một người 3 năm tù.*

— *Ở Nga* RYKOF *là một yếu-nhân trong đảng cộng-sản, trước đã phải cách chức chủ-tịch ban «Quốc-dân thư-ký»* (Secrétaires du Peuple), *nay lại phải trục-xuất ra ngoài «viện chính-trị»* (politburo) *nữa.*

— *Ở Lỗ-mã-ni ông* VENTILA BRATIANO *là lĩnh-tụ đảng tự-do tạ-thế.*

Ngày 23. — *Nội-các* STEEG *khuyết mất mấy chân, nay cử ông* DORMANU *làm tổng trưởng bộ coi lương trợ-cấp cho các cựu-chiến-binh, ông* BRÉANT *làm thứ-trưởng bộ Nội-vụ, ông* CHARLOT *thứ-trưởng bộ nông-vụ, ông* JACQUES STERN *thứ-trưởng bộ hải-quân. Ông* THOMÉ, *quân-trưởng quân* Gironde, *cử làm cảnh-sát sảnh-trưởng thay ông* ROQUÈRE.

— *Ở Hi-lạp, Thủ-tướng* VENIZELOS *đã tổ chức xong Nội-các mới.*

Ngày 24 — *Ban tài-chính ở nghị-viện Pháp đã xét xong sổ dự-toán, sẽ đệ trình nghị-viện thảo-luận trong kỳ hội-đồng sau này.*

— *Ở Tỉ-lợi-thì, đảng* Flamingants *là đảng chủ-trương lấy tiếng* flamand *làm quốc-ngữ, phản-đối với đảng* Wallons *lấy tiếng Pháp, biến-tình ở thành* Gand *sinh ra nhiều việc bạo-động.*

Ngày 25. — *Bệnh-tình quan nguyên-thủ-tướng* POINCARÉ *đã khá lắm, các thầy thuốc tuyên-bố chẳng bao lâu sẽ bình-phục.*

— *Ở Nga, hội-nghị các ủy-viên của chính-phủ Sô-viết tổ-chức lại hội-nghị lao-động cùng quốc-phòng, do* MOLOTOY *làm chủ-tịch.*

Ngày 26. — *Chính-phủ Tỉ gửi cho tổng-thư-ký Hội Vạn-quốc một bản chương-trình dự định về cách làm việc của ban nghiên-cứu về vấn-đề liên-Âu.*

— *Quốc-vương đất* Monaco *giải-tán hội-nghị lập-pháp cùng hội-nghị thị-tỉnh Tham-chính-viện cùng một hội-đồng quan-lại tạm quản-lý các công-việc trong hạt.*

— *Ở Nhật-bản khai-mạc quốc-hội. Nhưng đến ngày 22 Janvier quốc-hội mới thật bắt đầu làm việc.*

Ngày 27. — *Thống-chế* JOFFRE, *phải cắt mất một ống chân, bệnh-tình nguy-kịch lắm.* — *Giáo-sư* RAILLET, *có chân viện hàn-lâm y-học, viện hàn-lâm nông-học và viện hàn-lâm thú-y-học, trong hơn 40 năm dạy ở trường thú-y-học* Alfort, *tạ thế.*

— LORD MENCHETT, *là nguyên thượng-thư nước Anh và là một tay chủ-động rất nhiệt-thành về chủ-nghĩa khôi-phục nước Do-thái* (Sionisme), *tạ-thế.*

Ngày 28. — *Bệnh-tình Thống-chế* JOFFRE *lại càng nguy lắm, xem chừng không thể cứu được.*

— *Ở Thổ-nhĩ-kỳ có tin đồn* MOUSTAPHA KÉMAL *muốn thôi chức Giám-quốc.*

— *Ở Lỗ-mã-ni ông* DUCA *được bầu làm lĩnh-tụ đảng quốc-gia tự-do.*

— *Ở Nga,* STALINE, *vẫn giữ chức tổng thư ký Đệ-tam Quốc-tế, nay lại được cử vào hội-nghị lao-động và quốc-phòng.*

Ngày 29.— *Tòa trị-sự « viện thuộc-địa »* (Institut colonial) *đến yết-kiến quan thủ-tướng* STEEG, *trình bày các lời thỉnh-cầu cần-cấp của đồng-viện.*

— *Tin đồn* MOUSTAPHA KÉMAL *sắp từ chức Giám-quốc là tin sai, chính phủ Thổ công-nhiên phản-đối tin ấy.*

Ngày 30.— *Bệnh-tình của thống-chế* JOFFRE *hơi khá được một chút, rồi lại nguy. Giáo hoàng có phái người đến an-ủi và làm phép cầu-phúc cho thống-chế.*

— *Ở Anh, bọn thợ mỏ đất* Pays de Galles, *điều-đình với chủ không xong, xem chừng muốn vận-động bãi-công.*

— *Chính-phủ Úc-châu đình cấm di-dân ngoại-quốc.*

Ngày 31.— *Bệnh-tình thống-chế* JOFFRE *vẫn nguy, nhưng không nặng hơn mấy hôm trước.*

— *Thợ mỏ ở nước Anh bắt đầu bãi-công.*

—*Quốc-hội nước* Guatémala (*trung-bộ châu Mĩ*) *bầu ông* REINA ANDRANO *làm Giám-quốc thay ông* ORELLANA *từ chức.*

— *Chính-phủ nước Mĩ cử một hội-đồng điều-tra về các án « tư-hình »* (lynchages) *gần đây thấy tăng hơn trước. Tục tư-hình là một tục thi hành ở nước Mĩ đã lâu, theo tục này thì người tư-nhân thấy kẻ có tội có thể đem ra trước công chúng hành-hình ngay, không phải đệ lên tòa án nữa. Tục này là ngày xưa người Mĩ vẫn thi-hành đối với các hắc-nô ở nước ấy, tục dã-man, trái với luật-pháp văn-minh, lưu-tệ nhiều lắm, chính-phủ hết sức cấm mà vẫn không tiệt được.)*

Thời-cục nước Tàu. — Trong hơn tháng nay trên trường chính-trị nước Tàu đã hầu được yên-ổn, không thấy xảy ra việc gì quan-hệ cho lắm. Trương Học-Lương đã hạ-lệnh cho các cơ-quan ở Bắc-bình nói rằng vâng lệnh Tưởng chủ-tịch phái những quân-đội ở tám tỉnh Liêu-ninh, Cát-lâm, Hắc-long-giang, Nhiệt-hà, Hà-bắc, Sơn tây, Sáp-cáp-nhĩ, Tuy-viễn đều thuộc quyền Trương tiết-chế chỉ-huy.

Trương Học-Lương vẫn ở Thẩm-dương đợi sau khi kết-thúc hai vấn-đề quân-chính và tài-chính ở bốn tỉnh đông-bắc rồi sẽ vào Bắc-bình để nhận chức hải-lục không-quân tổng-tư-lệnh.

Trương Học-Lương định nay mai vào Bắc-bình đợi Tưởng Giới-Thạch, rồi cùng Tưởng ra miền đông-bắc đi tuần-duyệt. Tưởng vì muốn làm tan lòng nghi-hoặc của các người trong ngoài, quyết ý đi bắc-tuần, khiến người trong ngoài đều hiểu rõ các nhà đương-cục nam bắc Trung-quốc đồng lòng hợp-ý nhau. Việc ấy rất có ích cho việc ngoại-giao.

Chánh-phủ Nam-kinh mới hạ lệnh tịch-biên tài-sản của Diêm Tích-Sơn (tiền nhà máy và các mỏ). Đảng-bộ Sơn-tây đã bắt đầu điều-tra, ai cũng biết là ở hai công-ti mỏ Bảo-tấn, Tỉnh-hình và ba xưởng dệt sa Tấn-hoa, Ung-dụ, Đại-ích-thành, Diêm có cổ-phần chừng hai ngàn vạn đồng, còn ngoài ra chưa có phép gì điều-tra được. Nhân dân Sơn-tây đều mong tịch-thu hết số gia-sản của Diêm để chỉnh-đốn lại bạc giấy ở Sơn-tây. Còn việc khi Diêm ra đi lấy của chính-phủ hàng tỉnh tám trăm vạn đồng, hiện còn đang xét.

Diêm ở Đại-liên có điện về Thái-nguyên không nhận có lấy tiền công.

Diêm Tích-Sơn hiện ở Đại-liên ngày ngày đọc kinh *Dịch*, Triệu Đái-Văn ở bên cạnh để giảng-giải. Việc xuất-

dương lấy cớ chưa chuẩn-bị nên chưa định, chừng sơ-tuần tháng *Mars* này mới sang Nhật. Diêm Tích-Sơn hiện đặt tiền ở bốn nhà ngân-hàng ở *Londres*, đứng vào một địa-vị trong tám nhà giàu lớn nước Anh.

Có tin ở Thái-nguyên rằng Phùng Ngọc-Tường hiện ở núi Thiên-long cách phía tây Tấn-từ 80 dặm, hằng ngày chỉ uống rượu và viết chữ vẽ tranh, thái-độ an-nhàn, đôi khi lại vào núi đi săn.

Phùng Ngọc-Tường vẫn không có ý muốn xuất-dương. Chính-phủ Nam-kinh thấy Phùng cứ loanh-quanh mãi, e khó làm được việc, định phái một đại-viên lên miền bắc, giục mau mau xuất-dương, tiền hành-phí sẽ trả sau.

Tưởng Giới-Thạch lo quân Phùng và quân Sơn-tây lại nổi lên, cho nên hết sức kinh-doanh miền tây-bắc, đã phái Dương Hồ-Thành vào tọa-trấn Thiểm-tây, lại phái Cố Chúc-Đồng, Trần Kế-Thừa mang quân vào Thiểm-tây để cho thế-lực mạnh thêm, nếu có việc xảy ra, thì có thể đem đại-quân đến ngay Thái-nguyên, ngăn chặn quân Phùng và quân Sơn-tây không kéo sang phía đông được, cho dù ở trung-nguyên có chiến-tranh cũng không phải lo là quân Phùng và quân Sơn-tây lại làm rắc rối được. Cái kế kinh-doanh của Tưởng đó thực là lo sâu nghĩ xa, mục-đích không những chỉ lo phòng quân Phùng và quân Sơn-tây mà thôi, lại có ý đề phòng người Nga nữa, vì gần đây nước Nga coi như muốn đổi mục-đích là bỏ miền đông-bắc do miền tây-bắc mà lấn vào đất Trung-hoa.

Cứ xem như các tin trên này, từ sau khi Tưởng, Trương hợp-tác, đánh đuổi được Diêm Phùng đi rồi, thì chính-cục nước Tàu đã có cơ chắc-chắn. Ngờ đâu vừa rồi lại xảy ra một việc là Hồ Hán-Dân đường-đường một vị nguyên-lão trong đảng quốc-dân, hiện làm trưởng viện lập-pháp, vì phản-đối việc thảo định ước pháp ở trong cuộc quốc-dân hội-nghị mà phải từ chức và bị Tưởng Giới-Thạch giam giữ ở Thang-sơn. Ngay sau khi xảy ra việc này, dư-luận rất là náo-động, có người nói cái gốc sự mâu-thuẫn của Tưởng với Hồ, lĩnh-tụ hữu-phái trong quốc-dân-đảng, hình như là bởi từ khi Trần Hữu-Nhân trở về, thì tả-phái lại phấn-trấn lên, và Tưởng Giới-Thạch sắp hòa-hiếu với Uông Tinh-Vệ, là lãnh-tụ của tả-phái, và là cừu-địch của Hồ Hán-Dân. Hồ thấy thế sắp mất quyền giám-đốc việc nội-chính, nên Hồ quyết ra mặt phản-đối một phen, nhất hỏng nhì được. Có người cho việc Hồ bị truất như thế, là một phần trong cái chương-trình chính-trị của bọn Tưởng Giới-Thạch muốn khuynh-hướng về tả, và hòa-giải với đảng phản-đối trước, Chánh-phủ Nam-kinh có ý muốn nhờ phái quá-khích để điều-đình với đảng Cộng-sản, và thôi không khai chiến với quân Cộng-sản nữa.

Nhưng có tin Uông Tinh-Vệ ở Thiên-tân phát biểu một bài, đại-ý nói: Hồ Hán-Dân vài năm nay, tâng-bốc bọn võ-nhân chuyên-chính, nay kết-quả như thế, thực không đủ tiếc. Chỉ có Tưởng đối với viên viện-trưởng tư-pháp thất-chức, không để đảng-bộ trung-ương và chính-phủ quốc-dân đàn-hặc, mà lại dám ở trong cuộc yến-hội ở nhà riêng, đột-nhiên sai vệ-binh bắt giữ, thực không còn có pháp kỉ chút nào. Lấy là một người như thế, nói sao được việc đặt định ước pháp, quốc-dân và các bạn đồng-chí, đối với việc ấy không nên bỏ qua.

Cứ xem lời Uông phát-biểu như trên, thì có ý ghét cả Tưởng và Hồ mà nói khích quốc-dân, khi nào lại có hòa-hiếu với Tưởng được.

Có người nói nguyên vì Tưởng muốn theo đuổi cái ý-tưởng có từ năm 1930, Tưởng Giới-Thạch định đến mùa xuân này họp một quốc-gia hội-nghị để quyết-định việc thống-nhất. Tưởng tuyên-ngôn rằng cuộc hội-nghị này sẽ thảo một bản lập-hiến tạm-thời, bênh-vực quyền-lợi của cá nhân. Hồ Hán-Dân không biểu đồng-tình, phản-đối hết thảy các bản lập-hiến có chạm đến chủ-quyền của quốc-dân-đảng.

Hồ vốn trước kia là thư-ký của Tôn-Văn, sau đứng vào địa-vị thuyết giả của đảng quốc-dân, thế-lực chẳng kém gì Uông Tinh-Vệ. Thái độ Hồ ngày nay tỏ rõ Hồ không muốn thi-hành cái chính-sách dân-chủ mà cố giữ lấy cái chính-thể độc-đoán. Trái lại Tưởng Giới-Thạch biết tình-thế cần phải dời bỏ một ít quyền-chính mà cho dân được hưởng ít nhiều quyền-lợi tự-do.

Việc Hồ từ-chức sẽ là một cuộc thuyên-chuyển lớn trong hàng các chính-khách nước Tàu và là một bước của chính-phủ Tàu trên con đường dân-quốc chính-thể vậy.

Người ta lấy làm lo rằng dương lúc này lại mấy nơi có việc rối-loạn, như một số quân ở Sơn-tây khởi-nghịch; ở Tứ-xuyên có việc náo-động, các tướng không chịu giao giả các dụng-cụ hỏa xa; ở nội Mông, và ngoại-Mông, tình-thế lại gâng, chuyến này không khéo lại sinh ra việc chiến tranh.

Theo như tin báo Tàu thì Tưởng bãi chức Hồ và giam giữ Hồ chỉ là vấn-đề cá-nhân, chứ tuyệt-nhiên không có ý-kiến gì về đảng-phái cả. Số là: Hồ Hán-Dân xưa nay vẫn chủ-trương cái thuyết: « Bây giờ còn là thời-kỳ huấn-chính, tuy có quốc-dân hội-nghị cũng không phải là quốc-hội chính-thức, thì chưa thể định ra ước-pháp được. » Nay Tưởng Giới-Thạch ra ý thèm ngôi Tổng-thống, nên đã tuyên-ngôn rằng: « Cái nhiệm-vụ thứ nhất của Quốc-dân Hội-nghị kỳ này là phải định ngay một bản ước-pháp để cho toàn-thể quốc-dân cùng tuân giữ, và sau khi định xong ước-pháp thì sẽ chiếu theo kiến-quốc đại-cương của Tôn Tổng-lý mà bàn đến vấn-đề Tổng-thống. » Các yếu-nhân trong chính-phủ quốc-dân hầu hết đều chiều ý Tưởng mà tán-thành thuyết đó, duy có Hồ thì cứ khăng-khăng giữ cái thuyết cũ của mình, hết sức phản-đối vấn-đề ước-pháp, mà phản-đối ước-pháp tức là chực phá cái giấc mộng Tổng-thống của Tưởng, vì ước-pháp chưa định thì Tổng-thống cũng chưa bầu được. Tưởng căm lắm, liền buộc ngay cho Hồ vào tội « vượt quyền nói bậy, làm rối lòng dân, và ương gàn câu-nệ, không chịu theo ý-kiến của đại-đa-số », mà bãi chức Hồ; rồi ủy mười một người bọn Ngô Trĩ-Huy dự-thảo ước-pháp, mà hẹn rằng khi nào quốc-dân hội-nghị làm xong cái việc mà Hồ phản-đối — việc thảo ước-pháp và bầu Tổng-thống sẽ cho Hồ được tự-do.

Sau khi Hồ Hán-Dân từ chức, trung-ương đảng-bộ liền mở cuộc hội-nghị lâm-thời, đã cử Lâm Xâm thay làm viện-trưởng viện Lập-pháp, Thiệu Nguyên-Xung làm phó viện-trưởng. Hiện Lâm còn đi thị-sát ở nước ngoài chưa về, việc viện hãy do Thiệu tạm thay.

Tưởng Giới-Thạch nhân trong cuộc lễ kỷ-niệm chu-niên của chính-phủ quốc-dân, Tưởng có diễn-thuyết về vấn đề ấy, đại-ý nói chính-phủ quốc-dân vì theo như lời di-chúc của Tổng-lý, triệu-tập cuộc quốc-dân hội-nghị, cũng là cái then máy cho Trung-quốc có thể đạt tới cái mục-đích hòa-bình thống-nhất

và trừ tiệt được chiến-họa hay không, tất phải do cuộc quốc-dân hội-nghị chông định xong cái ước-pháp cả quốc-dân cùng giữ. Nay bạn đồng-chí Hồ Hán-Dân chỉ bằng ý riêng, một mình giữ lời dị-nghị, nhất-định không muốn trong thời-kỳ huấn-chính có ước-pháp. Lấy là một viên viện-trưởng lập-pháp chủ giữ phép lớn, khêu ra cái ngòi tự ý chế phép, dựng phép như thế, không những làm mất cái tinh-thần của Tổng-lý triệu-tập cuộc quốc-dân hội-nghị, lại sinh ra sự rắc-rối có ước-pháp, không ước-pháp về sau này, để cho đảng-quốc cái họa-loạn vô-cùng. Bạn đồng-chí Hồ chịu cái trọng-trách đảng-quốc, không nên riêng tự vượt quyền nói lẫn, làm lầm lẫn lòng người, nay đã chịu lỗi từ chức, chính-phủ Trung-ương nên nghĩ lại cái công-lao cũ, dẫu không nỡ ngồi trông thấy sự cô-tức, nhưng cũng không nỡ để cho hủy bỏ cái lịch-sử đã qua, phàm các bạn đồng-chí, cùng thể ý ấy.

Tưởng có tuyên-bố rằng Hồ từ chức quyết không vì cảm-tình của cá-nhân mà can-thiệp đến việc chính-trị.

Tưởng đã định cho đón Hồ Hán-Dân trở về nhà ở Nam-kinh, nhưng vẫn có người quản-thúc.

Nay theo như lời dư-luận các báo thì bảo rằng : nguyên trong đảng quốc-dân bấy lâu vẫn ngấm-ngầm chia làm ba phái : Một là phái quân-nhân (Tưởng Giới-Thạch) ; hai là phái thái-tử (Tôn-Khoa, Tống Tử-Vân), ba là phái nguyên-lão (Hồ Hán-Dân). Bấy lâu nay phái quân-nhân và phái thái-tử, vì lẽ quan-hệ về hôn-nhân và tiền-của, càng ngày càng thân, phái nguyên-lão coi chừng đã cô-thế. Hồ ở trong đảng-quốc dẫu có nhiều công-lao, các vị nguyên-lão đều một lòng tôn-đội ; nhưng chính cũng vì thế mà làm cho những tay có quyền-thế chú-ý, và Hồ vốn có tiếng là « túi khôn » rứt giỏi về cái thuật « dọc ngang mở đóng » cái kỳ-tài ấy, làm cho người yêu, cũng làm cho người sợ, vì yêu nên phải dùng, không dùng được tất phải trừ đi. Hiện thế nước Tầu ngày nay, phái Trương Học-Lương chiếm giữ phía bắc, phái Tưởng Giới-Thạch chiếm giữ miền Trường-giang, riêng còn miền nam là một nơi có thể gây nên một cái thế-lực, nên Hồ bấy lâu thường vẫn muốn tiến-cử Cồ Ứng-Phần (là người về phái nguyên-lão, hiện về nghỉ ở Quảng-đông) làm chủ-tịch Quảng-đông, mà Cồ cũng tự nói là xin đem các tướng ở Tam-giang (Đông-giang, Tây-giang, Bắc-giang thuộc tỉnh Quảng-đông) chịu quyền Hồ chỉ-huy, văn-võ đề-huề, sự-nghiệp có thể làm xong được. Có lẽ Tưởng đó biết ý ấy, nên không nghe lời Hồ tiến-cử, Cồ phải bỏ về Quảng-đông ngay, từ đó vẫn nằm khàn một nơi không ra mặt nữa, Tưởng vẫn có ý nghi Hồ, nay nhân dịp Hồ phản-đối ước-pháp mà trừ bỏ Hồ đi, chính là để phá cái thế-lực của phái Hồ vậy.

Quảng-tây. — Việc quân ở Quảng-tây từ sau khi đình-chỉ, việc hòa-bình giải-quyết sắp thành ra sự thực. Quân-đội của Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê Hoàng Húc-Sơ đều họp cả ở Ung-châu và Nam-ninh để chờ lệnh chính-phủ trung-ương biên-khiển. Bọn Lý, Bạch thì chờ sau khi nhận được tiền hành-phí xuất-dương thì sẽ giao lại quân-quyền, bộ-đội do chính-phủ trung-ương xử-trí. Số tiền cấp cho các tướng lĩnh xuất-dương, mỗi người là năm vạn đồng, chính phủ trung-ương giao cho Hoàng Thiệu-Hùng chuyển giao cho từng người.

Hoàng Thiệu-Hùng đã từ Nam-kinh trở về Quảng-tây. Hoàng theo như phương-pháp thiện-hậu của chính-phủ trung-ương đã định, bắt đầu chỉnh-lý quân-đội, tổ-chức lại chính-phủ hàng

tỉnh. Quân-đội Quảng-đông đóng ở Quảng-tây đợi sau khi Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi xuất-dương rồi sẽ về hết. Ai nấy đều chắc là cuộc hòa-bình ở Quảng-tây có thể thực-hiện được. Nhưng đến nay đạo quân thứ tám quân Quảng-đông vẫn chưa rút về, bọn Lý Tôn-Nhân Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê vì thấy thời cục còn xảy ra nhiều việc, nên còn trông ngóng chưa chịu bãi binh xuất-dương. Trong cuộc kỷ-niệm quân-sự ở Ung-châu vừa rồi, Lý Tôn-Nhân diễn-thuyết có nói những kẻ thù-địch ngày nay một là đảng cộng-sản, hai là Tưởng Giới-Thạch, ba là chủ-nghĩa đế-quốc. Thái-độ bọn Lý còn như thế thì cuộc hòa-bình khó tính xong được.

Tình-hình Vân-nam. — Có tin rằng vì các viên-chức trong hội-đồng ủy-viên phân rẽ nhau, thì có mấy viên-chức như Lư Hàn và Trương Phông-Thu khởi-nghịch chống nhau với Long-Vân. Một số lớn quân lính của chính-phủ theo vào các tướng ấy. Song trong tỉnh vẫn yên.

Tiễu-trừ cộng-sản. — Hà Ứng-Khâm là trưởng-bộ quân-chính phụng mệnh đi tiễu-trừ cộng-sản phía tây. Các tướng Hạ Quốc-Quang, Lưu Kiện-Quần, Lý Văn-Ngạn, Lâm Tri-Khải và một bộ-đội cảnh-vệ đi theo. Trong khi Hà Ứng-Khâm đi vắng, bộ quân-chính do Trần-Nghi tạm thay, bộ tổng-giám do Chu Á-Vệ tạm thay.

Chính-phủ Nam-kinh tuyên-bố rằng quân cộng-sản bị thất-bại ở Phúc-kiến và chính-phủ định cử đại-quân trừ quân cộng-sản. Nhưng người Nhật-bản báo tin rằng ở các tỉnh trung-ương và nhất là ở Hà-nam phía bắc Hán-khẩu, quân cộng-sản lại dữ-dội lắm. Ở các nơi ấy quân của chính-phủ không giữ được đường hỏa-xa, chính-phủ Nam-kinh lo rằng quân cộng-sản Hà-nam lại tiếp-ứng với quân ở phía nam Dương-tử-giang, nên đã hạ-lệnh cho Hán-khẩu trù tính phương-sách để đuổi quân cộng sản ở Hà-nam về phía bắc.

Trừ cái tệ quan tham lại nhũng. — Trong việc trừ các hủ-tục, hiện nay Chính-phủ Nam-kinh dương ra công trừ cái tệ hối-lộ. Cải cách trừ cũng giản-dị, là những tham-quan bị trừng-phạt (phạt giam hay phạt tiền) thì phải chịu tội gấp đôi các hình-phạt đã định trong luật.

Ngày hôm tuyên-bố lệ ấy liền thi-hành ngay với hai viên quan thẩm-phán ở Triết-giang lấy của đút mà tha tội cho một người. Hai ông thẩm-phán phải hoàn lại số tiền ấy và phải tội giam 15 năm.

Những viên-chức ăn của đút của nhà buôn thầu việc nhà nước cũng bị trọng-phạt như thế.

Số thiệt-hại về việc Trung-Nga xung-đột. — Về việc Trung Nga xung-đột hồi cuối năm dân-quốc 18, các nơi biên-cảnh hai tỉnh Cát-lâm, Hắc-long-giang thiệt-hại rất to, đến khi giảng-hòa do hội chính-trị ủy viên miền đông-bắc mở cuộc điều-tra, xem về phần quan và phần dân thiệt hại những gì và đáng bao nhiêu, để làm chứng-cớ đem ra giao-thiệp, vừa rồi đã điều-tra xong, số thiệt-hại tổng-cộng một vạn vạn đồng.

Tiền kinh-phí cho đoàn đại-biểu về cuộc giao-thiệp Trung-Nga là hơn 60 vạn đồng, bộ tài-chính mới giao 18 vạn, còn do Mạc Đức-Huệ vay tạm. Mạc đã dời Nam-kinh lên miền bắc để lại sang Nga.

Tình-hình ngoại-giao. — Vương Chính-Đình hôm mới rồi báo-cáo về

tình-hình ngoại-giao,có nói việc ngoại-giao rất trọng-yếu ngày nay là vấn-đề pháp-quyền hiện đang ra sức tiến hành việc giao-thiệp với các nước có quan-hệ về vấn-đề ấy. Việc giao-thiệp với nước Nga đã có cái thế tiến lên một bước. Mạc Đức-Huệ lại sang Nga, theo như kế-hoạch của chính-phủ mà làm.

Hoa-kỳ cho vay tiền.— Từ khi có tin rằng nguyên-lão nghị-viện Hoa-kỳ ưng-chuẩn cho Trung-hoa vay một nghìn triệu lạng bạc, và đã điều-đình với liệt-quốc về việc dùng tiền-tệ nhỏ bằng bạc, thì cái giá bạc đã cao lên.

Nhiều viên-chức Nam-kinh lấy làm mừng rằng chính-phủ Trung-hoa sẽ kịp trù-tính các phương sách để thực-hành việc ấy.

Vấn-đề triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán.— Đối với việc yêu-cầu triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán, hai viên công-sứ Hà-lan và Na-uy thái-độ rất tốt, đã tỏ ý với bộ ngoại-giao Nam-kinh, bằng lòng xin bỏ trước.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Janvier đến 15 Février 1931

Lễ qui-thuận.— Ngày mồng mười tháng chạp, quan Tổng-đốc Nghệ-an có làm lễ qui-thuận cho dân huyện Nghi-lộc. Ngày 12 Janvier lại làm lễ qui-thuận cho làng Xuân-liêu và Xuân-lô cùng các làng bấy nay có nhiều bọn cộng-sản. Ngày 13 làm lễ qui-thuận cho tổng Cát-ngan. Ngày 17 làm lễ qui-thuận cho làng Xã - nam và Thanh - thủy thuộc huyện Nam-đàn. Ngày 19 tại thành-phố Vinh có độ 4.000 người đến xin qui-thuận ở trước Kính-thiên và tòa Sứ. Sau tất cả nhân-dân trong mười hộ ở thành-phố Vinh. Bến-thủy đến làm lễ đầu-hàng tại nhà Kính-thiên, có quan Công-sứ và quan Tổng-đốc chứng-kiến.

Cuộc biểu-tình ở Quảng-ngãi.— Ngày 16, 17, 18 Janvier có biểu-tình ở Quảng-ngãi. Theo tin trong báo *Công-luận* đăng rằng:

« Đêm 16 rạng ngày 17 Janvier quan công-sứ Quảng-nghĩa được tin báo-cáo rằng ở huyện Sơn-tịnh sẽ có một cuộc biểu-tình của dân-chúng rất dữ-dội. Huyện Sơn-tịnh ở giữa con đường thuộc-địa số 1, cách phía Bắc Quảng-nghĩa năm cây số.

« Quan giám-binh Rouvière được lệnh bèn đem 20 tên lính đi, lúc ấy vào khoảng mười giờ tối. Cách huyện chừng 2 cây số ở tại làng Hà-nai lính gặp dân hội.

« Bên dân đông độ chừng 3000 người: ông Rouvière dọi đèn điện vào đám đông cho lính thấy rõ. Ban đầu còn bắn chỉ-thiên, nhưng cũng không thấy bọ nao-núng gì; ông Rouvière mới ra lệnh, nếu không nghe thì lính bắn chết phải chịu, ông bèn biểu dân biểu-tình ngồi xuống, rồi ông đi vào từng hàng, thấy bộ-dạng ai hung-hăng thì cho làm đầu mà bắt hết. Tính ra cả thảy được 35 người.

« Nếu như chừng ấy mà thôi, thì cũng không đến nỗi đổ máu đâu; thiệt còn phải giải-tán nữa.

« Đuổi dân không chịu đi, bắn chỉ-thiên dân không sợ; có một người trong đám biểu-tình đứng dậy la lớn

rằng: « Vài ba viên đạn, không đủ gì mà sợ! » Ông Rouvière liền đi ngay tới người ấy mà bắn một phát súng ở chân.

« Sau khi bắn người ấy rồi ông Rouvière bèn ra lệnh bắn chỉ-thiên một lần trót nữa.

« Tới khi đó dân mới chịu mạnh ai nấy chạy.

« Ông Rouvière và lính giải 35 người làm dấu về huyện Sơn-tịnh, nhưng giữa đường lại gặp chừng 4, 5 ngàn người khác ở đường thuộc-địa nữa.

« Đây lại có ông giám-binh khác là M. Saint Pérou lĩnh trách-nhiệm giải-tán. Thấy người hung-hăng quá, ông quan đồn này phải ra lệnh bắn.

« 6 người chết, 14 người bị thương, đúng theo tin *Arip* trước kia. Gần 30 người bị thương đều thoát đi được, nhờ có anh em bạn cõng trốn.

« Qua bữa chiều 18 rạng ngày 19 Janvier một toán dân biểu-tình tới huyện-nha, đem hai cái quan-tài mà nói rằng muốn chôn ở trong vườn quan huyện. Lính giải-tán được ngay, ông Rouvière coi tình-thế còn rộn-rịch lắm sợ e không khỏi có cuộc biểu-tình khác nữa chăng, nên liền đem 25 lính tập đi thị-oai với viên quan hai Vidal.

« Nhưng đêm ấy không nghe động tĩnh gì cả. »

Ngày 19 vừa rồi, lại có một cuộc biểu-tình nữa ở trong tỉnh hạt Quảng-ngãi.

Số người biểu-tình chừng hai ngàn. Lính khố xanh và lính vệ thuộc-địa đã giải-tán được.

Bắt cả thảy 35 người.

Đêm 24 lại có hai đám cộng-sản nữa biểu-tình tại Quảng-ngãi, nhưng lính khố xanh và lính Tây dẹp tan ngay, bọn biểu-tình bị 8 người chết và sáu người bị thương, nhiều người bị bắt. Đêm 29, một viên đội tây đem toán lính khố xanh đi tuần qua phủ Bình-sơn, gặp bọn cộng-sản ở ngả huyện Sơn tịnh kéo lên, toán lính dẹp tan ngay, bọn cộng-sản bị 8 người chết, 2 người bị thương và bốn người bị bắt. Ngày mồng 2 Février, một viên giám-binh đem toán lính khố xanh đi tuần tới làng Kỳ thọ thuộc phủ Từ-nghĩa, gặp bọn cộng-sản đang hội-họp nghe diễn-thuyết, lính bắn vào bọn đó thì 7 người bị thương; 13 người chết, trong số đó có cả người diễn-thuyết. Ngày mồng 8, toán lính khố xanh ở đồn Mĩ-động, phủ Bình-sơn đi tuần gặp bọn biểu-tình đó nghìn người, toán lính bắn vào bọn kia 4 người chết, 8 người bị thương và 17 người bị bắt.

Đám tang ông huyện Nghi-lộc. — Ông Tôn-thất Hoàn, tri huyện Nghi-lộc ngày 2 Janvier vì việc đi dẹp bọn cộng-sản mà bị chúng hại, đến ngày 12 đã đem linh-cữu ông về Huế, hai chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều đã làm lễ tống-táng ông một cách rất trọng-thể. San chính-phủ có sức cho dân Song-lộc lập đền thờ ông.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — Ngày 17 Janvier, quan Thống-sứ Tholance đi kinh-lý tỉnh Hà-đông. Ngày 24 ngài đi kinh-lý tỉnh Quảng-yên.

Cuộc chợ phiên để giúp dân Camau. — Hội Thể-dục Hà-nội có tổ-chức cuộc chợ phiên ngày 4 Janvier để giúp dân Camau, kết-quả như sau này:

Các khoản tiền thu được cộng là	3140 $ 92.
Tiền chi-tiêu đi hết là .	467, 49.
Tiền còn lại	2673 $ 43.

Số tiền ấy chia đôi thì một nửa gửi lên phủ Thống-sứ để giúp cho nạn-dân Camau là 1350$00

Hội-đồng Bảo hộ. — Hồi 9 giờ ngày 22 Janvier, hội-đồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ, do quan Thống-sứ TROLANCE chủ-tọa.

Biểu-tình về dịp ngày giỗ Lénine. — Tại Govap và Mocay (Nam-kỳ), những kẻ phiến-đồng nhân dịp ngày giỗ LÉNINE có họp biểu-tình, nhưng bị chức-dịch sở-tại và lính ra dẹp tan cả, bọn đó 11 người bị bắt.

Cuộc tập trận lớn ở Đông-dương. — Cuộc tập trận lớn của Đông dương về tháng Janvier năm nay chính-phủ Đông-dương có mời các binh-gia của các lân-quốc và các võ-tướng ngoại-quốc đến dự cuộc. Tên những tướng của các lân-quốc là :

Phi-luật-tân : Thống-tướng JOHN L. HINES, đại-úy JOHN ROLIN DAVIS, Trung-úy HINES, và ti-tướng Cleland.

Nhật-bản : Trung-tướng KABA, trung-úy KAMIYA và một viên hạ-sĩ-quan.

Hương-cảng : Đại-tá SAVILLE, quản-đốc các đội binh Anh ở Trung-hoa.

Ảo-môn : Thiếu-tá LELLO.

Nam-dương : Trung-tá BOERSTRA tòa Tham-mưu.

Singapour : Một viên thiếu-tá tòa Tham-mưu.

Xiêm : Trung-tướng PHYA ANOUBHAB TRAIBOL phó tòa Tham-mưu Xiêm, đại-tá PHYA RAM CHATOUBONG, quản-đốc đội thị-vệ và đại-úy LUANG SURA.

Vân-nam : Nguyên-soái CAO ANH-HOÀI và đại-tá CAO TÂN HỒNG và một viên thông-ngôn.

Những võ-tướng của ngoại quốc là :

Đại-biểu Hoa-kỳ : Tướng HINES, đại-úy CLELAND và trung-úy HINES.

Đại-biểu Trung-hoa : Tướng GASTON WONG KEUNG.

Đại-biểu Anh : Đại-tá SAVILE.

Đại-biểu Nhật : Tướng S. KABA và đại-úy ASAKAVVA.

Đại-biểu Bồ-đào-nha : Thiếu-tá PINTOLELLO.

Cuộc tập trận này khởi-sự từ 23 Janvier, chiến-lược định như sau này :

Một sư-đoàn « Xích-quân » gồm có 9 đội và 3 toán đại-bác trận, từ miền Tây, Nam kéo tràn lên phía sông Cà-lồ đi ngang với đường thuộc-địa số 2, về phía Đông tỉnh Phúc-yên, đánh thẳng về phía Đông-bắc, công-kích một đoàn « Thanh-binh ».

Đường giữa của trận-thế này là Sơn-tây Phúc-yên và Nhã-nam.

Đoàn « Thanh-binh » gồm có 5 đội bộ-binh và hai toán đại-bác, đóng ở phía Đông-bắc.

Quân Nam có hai cơ tàu bay, quân Bắc có một cơ.

Trong hai đoàn đều có đủ công-binh, kỵ-binh, xe súng, v.v..

Trận tập trong một vùng, khí-khu nhiều nơi có rừng rậm che lấp, đúng với địa-thế bản-xứ.

Đứng chỉ-huy cuộc tập trận lớn này là quan Thống-soái binh-vụ Đông-dương. Sư-đoàn Nam do nguyên-soái JANNOT quản-đốc sư-đoàn Trung Bắc-kỳ đứng đầu. Sư-đoàn Bắc do nguyên-soái BONNET quản-đốc lữ-đoàn chùa Thông đứng đầu. Nguyên-soái DEBAILLEUL đứng làm trọng-tài.

Các viên võ-tướng ngoại-quốc ngày ngày dự những đoạn chính cuộc tập trận, đã có các viên quan võ Pháp biết nói tiếng các xứ ấy cắt nghĩa từng việc.

Đến chiều ngày 27, có cuộc điểm-binh lớn tại đường Phố-mới. — Phủ Đa-phúc để kết-liễu cuộc tập trận, có quan Toàn-quyền ROBIN, quan phó Toàn-quyền GRAFFEUIL, quan Thống sứ THOLANCE, quan chánh sở Y-tế GAIDE cùng đông các quan-chức văn - võ và các quan võ ngoại-quốc đến xem.

Hội-đồng đề-hình. — Ngày 27 Janvier Hội - đồng đề-hình họp tại Kiến-an để xử việc quốc-sự-phạm, quan Giám-đốc POULLET OSIER chủ-tọa Pồi thẩm có đại-úy GUILLAUMIN, quan biện-lý tòa-án Hải-phòng DUFILHO, và quan Công-sứ tỉnh Kiến-an SAILLENFEST DE SOURDEVAL, luật-sư thì có ông CONESLAND, CHEVALIER, LAUBRÈS, MANDRETTE, BONA và DUNEZAT cãi cho các người bị - cáo Hội-đồng hỏi xét từ sáng 27 cho đến trưa 27 Janvier, sau khi nghe các luật-sư cãi xong thì tuyên-án như sau này :

4 người khổ-sai chung-thân ;
1 người 20 năm khổ-sai ;
1 người 10 năm khổ-sai ;
10 người 5 năm tù ;
4 người 3 năm tù ;
1 người 2 năm tù ;
1 người 5 năm tù án treo ;
2 người 10 năm cấm-cố ;
9 người 5 năm cấm-cố ;
1 người 10 năm giam ở nhà trừng giới ;
131 người bị phát-lưu chung-thân ;
17 người được tha ;
66 người được miễn-nghị.

Xử việc cộng-sản ở Nam-định. — Ngày 27 Janvier, tòa nam-án tỉnh Nam-định xử việc cộng-sản và việc súng lục xảy ra ở Nam-định từ tháng Octobre 1930, tất cả người bị-cáo là 54 tên. Tòa kết án là :

12 người khổ sai chung-thân ;
6 người 20 năm khổ-sai. ;
6 người 10 năm khổ-sai ;
1 người 4 năm tù ;
1 người 2 năm tù ;
28 người được trắng án.

Phân địa - giới Xiêm và Đông dương. — Chính-phủ Đông-dương và Xiêm đã họp Thượng-hội - nghị sông Cửu-long tại *Vientiane* từ ngày 17 đến 29 Janvier. Hội-nghị rất thỏa - thuận, đã giải - quyết được nhiều vấn-đề và lấy trung - tâm sông Cửu - long làm cương-giới.

Vỡ một việc mưu-sát ở Hongay. — Được tin báo có người ẩn ở bến đò chờ quan Thống-sứ đi kinh-lý qua đó sẽ hành-thích, lập-tức quan phó sứ CHAUVET đem lính tới chỗ ấy lùng nã, quả-nhiên bắt được 3 người trong mình có súng lục.

Nghị-viện Pháp đầu phiếu ưng chuẩn việc gia-hạn cho nhà Đông-dương ngân-hàng. — Buổi trưa hôm thứ hai 2 février, quan thuộc-địa tổng-trưởng M. REYNAUD trình nghị-viện biết đã phải bãi việc đặt một sở làm việc phát-hành ngang hàng với nhà Đông-dương ngân-hàng. Nếu lập một sở này, sẽ giảm phạm vi hành-động của nhà băng Đông-dương. Như thế tất nhà băng phải bãi ít nhiều chi-điểm mà chỉ giữ được các khách hàng hạng thượng-lưu thôi. Quan tổng-trưởng xin nghị-viện kịp đầu-phiếu ưng-chuẩn việc này vì thích-hợp với quyền - lợi của dân Đông-dương.

Ủy-viên ban tài - chính cũng đồng ý với M. ODIN, bản dự - thảo phản đối

của M. ARCHAIMBAUD bị nghị-viện bỏ 340 phiếu bác đi, và 250 phiếu thuận.

Về khoản thứ nhất điều-lệ, M. ALEXANDRE VARENNE đứng dậy biện-luận. Lời biện-thuyết này trong số báo hôm qua đã đăng rõ. Quan tổng-trưởng Thuộc-địa hứa sẽ lưu-tâm đến các ý-kiến rất hay của quan nguyên Toàn-quyền Đông-dương.

Ủy-viên ủy ban tài-chính nhắc lại rằng, trong lúc M. VARENNE can-thiệp thì chính ủy-ban đã yêu-cầu chính-phủ bảo nhà băng nên cố gắng sức về việc nông-phố ngân-hàng.

M. OUTREY công-nhận rằng, quỹ các nông-phố ngân-hàng rất có lợi cho dân bản-xứ, chính-phủ không thể không lưu-tâm được.

M. VARENNE thêm rằng mình xét vấn-đề này về hiện-thời chứ không phải về mai sau.

Nghị-viện ưng-chuẩn các khoản từ 1 đến 7. Muốn được lòng M. VARENNE về khoản thứ 8, viên ủy-viên bằng lòng sửa đổi lại chỗ nói về các quĩ của nông-phố ngân-hàng. Thế là các khoản từ 8 đến 10, nghị-viện lại ưng-chuẩn.

Về khoản 9, các ông VARENNE, CANDACE GOURDEAU và OUTREY đều đồng-ý ngỏ lời nên giao các chức của nhà băng mà xưa nay vẫn do quyền chính-phủ cử người, cho các viên-chức đang tại-chức hay đã hồi-hưu. Ủy-viên cố nài xin sửa-đổi quãng này. MM. VARENNE, MARGAINE xin thêm một đoạn vào khoản ấy, Nghị-viện đa-số giơ tay ưng-thuận.

Xét xem từng khoản xong, Nghị-viện đầu-phiếu ưng chuẩn toàn bản dự-thảo. Hồi 6 giờ Nghị-viện giải tán.

Một người giải truyền-đơn bị hành-hình. — Báo « *France-Indochine* » có đăng tin rằng :

Quan Tổng-đốc Nghệ-an Nguyễn Khoa-Kỳ đi kinh-lý hạt Phủ-diễn và Yên-thành, có chiêu-tập nhân-dân lại để diễn-thuyết và khuyên dân nên lo làm ăn theo trật-tự không nên theo những bọn phiến-động.

Trong khi quan Tổng-đốc đương diễn-thuyết, có một người lẫn vào trong chỗ đông người giải truyền-đơn xui nhân-dân phản-kháng.

Quan Tổng-đốc Nguyễn Khoa-Kỳ cho lính bổ vây và bắt được người phát truyền-đơn nói trên kia, lập-tức chiêu-tập các thân-hào trong hạt, lập ngay tòa án đặc-biệt để xử người cộng-sản ấy, kết-cục khép người ấy vào tội tử-hình, rồi đem bắn chết ngay ở Phủ-diễn.

Qui-khách An-Nam sang Ai-lao. — Ngày 2 Février, quan Thiếu HOÀNG TRỌNG-PHU và bản-chí chủ-nhân là ông PHẠM QUỲNH tới thăm quan Khâm-sứ Ai-lao M. BOSE, ở lại *Vientiane* từ 2 đến 6 Février. Trong những ngày ấy, người An-Nam lập-nghiệp ở Kinh-thành Ai-lao tiếp-đãi hai ngài một cách rất ân-cần nhiệt-thành lắm, vì rằng từ xưa đến nay chưa thấy một vị đại-quan nào như quan Thiếu tới *Vientiane*. Hôm mồng 5 Février, hội Ái-hữu An-Nam đặt tiệc trà, tại hội-quán để mời hai vị qui-khách, có mời cả quan Khâm-sứ BOSE và phu-nhân cùng mấy vị quan-chức Pháp cũng đến dự tiệc. Ông hội-trưởng hội Ái-hữu Trịnh Thời-Giáo có đọc bài diễn-văn làm bằng hai thứ tiếng (Pháp, Việt). Quan Thiếu Hoàng quan Khâm-sứ và ông Phạm Quỳnh đều lần lượt đáp lại ; đại-ý nói thấy các người An-Nam sang lập-nghiệp bên này có cái tình thân-ái liên-lạc nhau, lại có chí làm việc thì lấy làm mừng lắm. (Tin *Arip*)

Viên mật-thám LEGRAND *bị hại ở Sai-gòn.* — Chiều mồng 8 Février có bọn

biểu-tình họp-tập và diễn-thuyết ở bãi đá bóng phố *Lareynière*, viên mật-thám LEGRAND sấn vào bắt người diễn-thuyết thì bị một phát súng lục bắn vào giữa ngực, đem vào đến nhà thương thì tathế, đến sáng 10 Février đã làm lễ cất đám. Người diễn-thuyết và người bắn đã bị bắt

Một nhà báo Mĩ tới Huế. — Ông HERBERT ADAMS GIBBOUS nhà báo và nhà văn Mĩ ở Sài-gòn tới thăm Huế.

Xử việc biểu-tình ở huyện Tiền-hải. — Tòa-án Thái-bình đã xét xử việc biểu-tình ở Tiền-hải, kết án là :

2 người khổ-sai chung-thân ;
1 người 20 năm khổ-sai ;
2 người 15 năm khổ-sai ;
9 người 10 năm khổ-sai.

Còn 164 người thì bị tù từ 5 năm đến 6 tháng.

Lê Hữu-Cảnh bị hành-hình. — Trước hội-đồng Đề-hình đã xử Lê Hữu-Cảnh phải tội tử, sáng ngày 12 Février Lê Hữu-Cảnh đã bị đem hành-hình.

Lại 4 người bị hành-hình. — Ngày 13 Février tại tỉnh-lỵ Hải-dương đã đem hành-hình 4 người là : Trần Xuân-Riệu tức Trần Quang Riệu, Vũ Văn-Giao tức Lý Giao, Trần Nhật-Đông tức Cai-Đông và Nguyễn Khải tức Vệ-binh Phúc. 4 người này đều bị hội-đồng đề-hình Hải-dương phiên ngày 15 Novembre 1930 khép án xử-tử về tội âm-mưu khởi-loạn và ám-sát ông huyện Vĩnh-bảo Hoàng Gia-Mô.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào ; ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.

Mới xuất-bản :

9. — Lịch sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.

Sắp xuất-bản :
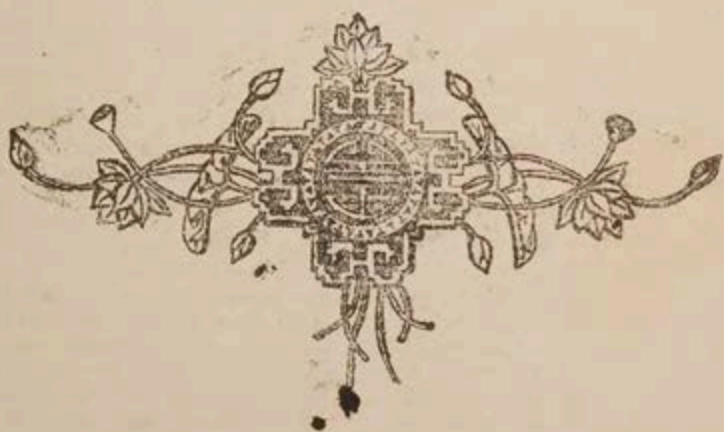
10. — Phật-giáo đại-quan. (in lần thứ hai).